N° 104 Avril 1926

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LỊCH-SỬ VÀ HỌC-THUYẾT CỦA ROUSSEAU (LƯ-THOA)

JEAN-JACQUES ROUSSEAU (Tàu dịch là Lư-thoa) sinh ở *Genève* ngày 28 tháng sáu năm 1712, mất ở *Ermenonville* ngày mồng 2 tháng 7 năm 1778. Tiên-tổ ông xưa là người Pháp ở đất *Montlhéry*, sang trú-ngụ ở thành *Genève* nước Thụy-sĩ, được nhập-tịch làm dân thành ấy năm 1555. Ông thân-sinh ra ông tên là ISAAC ROUSSEAU, làm nghề chữa đồng-hồ và dạy khiêu-vũ, là người chơi-bời phóng-túng, phẩm-hạnh không được đứng-đắn lắm; bà thân-sinh tên là SUZANNE BERNARD, là cháu gái một ông mục-sư Tân-giáo, tính-khí cũng nhẹ-nhàng lẳng-lơ, ở thành *Genève* là nơi phong-tục cần-nghiêm, nên cách ăn ở của bà đã thành tai-tiếng. Hai ông bà sinh được một người con trai cả, cũng lêu-lổng không ra gì, năm 1721 biến đi đâu mất. Sau ông ISAAC muốn đi du-lịch cho biết đó biết đây, bèn đến ở *Constantinople* là kinh-đô nước Thổ-nhĩ-kỳ từ năm 1705 đến năm 1711; năm 1712 về tỉnh nhà thời đẻ ra ông JEAN-JACQUES, khi sinh-hạ rồi bà mẹ bị bệnh chết. Ông JEAN-JACQUES phải cái không may, mới đẻ ra đã mồ-côi mẹ, lại gặp người cha không được đứng-đắn, dạy con chỉ dạy toàn bằng tiểu-thuyết cả: có khi hai cha con thức cả đêm mà đọc tiểu-thuyết. JEAN-JACQUES lại còn có một người cô tên là GONCERU, sau này ông vẫn còn nhớ những bài ca phong-tình của bà. Tháng 11 năm 1722, ISAAC ROUSSEAU nhân có sự cãi nhau với một người tên là GAUTIER, phải bỏ thành *Genève* trốn cho khỏi bị tội; thành ra bỏ cả con, từ đấy không trông nom gì đến nữa. JEAN-JACQUES cùng với người em họ BERNARD cho ở nhà ông linh-mục LAMBERCIER ở *Bossey*: một hôm phải đòn đau, mà phải oan, bấy giờ mới biết nghĩ đến lẽ phải lẽ trái ở đời. Năm 1724, về ở nhà cậu tên là BERNARD, ông cậu này cũng là người phóng-túng, mà bà vợ lại rất sùng đạo. Được ít lâu lại cho sang ở nhà ông lục-sự tên là MASSERON, ông này cho JEAN-JACQUES là một thằng bé ngu-độn, không làm được gì, cho nên cũng không ở được lâu; sau lại sang ở với một người thợ khắc tên là DUCOMMUN, người này thì quê-mùa cục-súc, JEAN-JACQUES ở đấy mới bắt đầu tập-nhiễm lấy những thói xấu. Gần đấy có một cửa hàng cho thuê sách, hiệu là *La Tribu*, hằng ngày đến đấy mượn sách đọc, sách hay sách dở quyển nào cũng đọc hết. Rồi mỗi ngày một sinh hư. Có khi ăn trộm khoai của chủ; lại thường khi đi giông-dài kẻ chợ nhà quê với những trẻ lêu-lổng khác. Đã nhiều lần bị chủ đánh đập. Tháng 3 năm 1728 đi giông ở ngoài thành, có một bữa về tối quá, thấy cửa thành đóng, định không về nhà nữa, bèn đi sang đất *Savoie*, vào ở với ông chánh đạo ở *Confignon* tên là DE PONTVERRIS, cụ đạo lại gửi sang cho một bà thiếu phụ người thành *Vaud* tên là WARENS phu-nhân. Bà này nhân việc chồng con trắc-trở, bỏ tỉnh nhà đi sang ở *Savoie*,

ăn lương của vua xứ *Sardaigne*, bỏ Tân-giáo theo về đạo Gia-tô và thường khuyến-dụ cho người ta cải-giáo ; bà có nhan-sắc, người thông-minh và nhân-từ, lại có tính vừa kiêu-hãnh vừa thật-thà, còn cái cách cư-xử riêng thì cũng có điều âm-muội. JEAN-JACQUES đến nhà bà ngày chủ-nhật lễ *Rameaux* năm 1728, ngày 24 tháng 3 năm ấy, bà cho đi *Turin*, đấy có một cái sở dạy những « con chiên » mới theo đạo, bà cho đến đấy để mà học đạo. Ngày 21 tháng 8 năm 1728 JEAN-JACQUES thề-nguyện bỏ Tân-giáo theo về đạo Gia-tô, ngày 23 chịu lễ rửa tội, rồi cho ra ngoài, được 20 quan tiền khuyên-giáo. Bấy giờ thấy mình được tự do, lấy làm khoái-chí lắm, tối trọ ở một cái hàng quán một xu một đêm, ban ngày thì đi lang-thang trong thành-phố và các nơi phụ-cận. Khi đã cạn túi thời dan-díu với một mụ bán hàng tên là BASILE. Sau vào làm lính lệ ở nhà bà hầu-tước VERCELLIS. Được ít lâu thì hầu-tước mất. Đây là đến cái đoạn trong sách « Sám-hối-lục » của ROUSSEAU thuật chuyện ăn cắp cái dải mũ, chính mình ăn cắp mà đổ tội cho con nhài tên là MARION, hai người cùng bị đuổi. Sau khi bị đuổi, được ông cụ đạo tên là GAIME, vốn người đất *Savoie*, sang dạy học tiếng Pháp ở thành *Turin*, thương tình đến, xin cho vào làm ở nhà ông hầu-tước GOUVON. Làm cũng nhanh-nhẩu được việc, vả lại có chút văn-tự, hầu-tước có bụng yêu, muốn cho học thêm tiếng Ý-đại-lợi và chữ La-tinh, có ý muốn cho làm một chân thư-ký riêng để khi nào được bổ đi công-sứ ở đâu thì đem theo. Đó là một cái cơ-hội tốt cho JEAN-JACQUES, nhưng JEAN-JACQUES có tính lãng-mạn, không chịu câu-thúc làm một việc gì nhất định. Nhân ở *Turin* có mấy tên vô-lại ở *Genève* vừa đến, cứ hằng ngày đánh bạn với lũ đó, rồi đến bị hầu-tước đuổi đi. Từ đấy đi lang-thang với lũ tầm-bậy kia, hết làng nọ đến xóm kia, chán-chê rồi mới quay về thành *Annecy ở Savoie*.

WARENS phu-nhân, bấy giờ bè-bạn đã thưa, bèn đem ông về nuôi. Phu-nhân trông nom chăm-chút cho rất tận-tâm. JEAN-JACQUES thường gọi phu-nhân là mẹ, mà phu-nhân gọi JEAN-JACQUES là con. Từ tháng tư cho đến tháng tám năm 1729, JEAN-JACQUES vào nhà đạo-viện giòng *Lazaristes* ; lại học chữ La-tinh và bắt đầu học âm-nhạc ; khi ở đạo-viện thì được biết ông cố GATIER, ông này cùng với cụ đạo GAIME, là người JEAN-JACQUES còn kỷ-niệm lâu, sau này có tả trong cuốn sách để là « Ông cụ đạo đất Savoie » (*Le vicaire Savoyard*). Tự tháng 10 năm 1729 đến tháng 4 năm 1730, lại đi lang-thang một độ, giao-du với một bọn cung-văn bỉ-ổi, theo bọn đó lên thành *Lyon*, sau lại trở về *Annecy*, thì WARENS phu-nhân đã đi lên kinh-đô *Paris* để mưu việc chính-trị rồi. ROUSSEAU bấy giờ ở trọ nhà một người tên là VENTURE, chung-chạ với một lũ đàn-bà hạ-tiện, một phường con nụ con nhài cả. Tuy vậy cũng được biết mấy bậc khuê-các như hai cô GALLEY và GRAFFENRIED, trong sách « Sám-hối-lục » có thuật một bữa đi chơi cùng hai cô cũng có vẻ phong-thú lắm. Bấy giờ lại giao-du với một ông phó thẩm-phán tên là SIMOND, và bắt đầu làm thơ từ đấy. Sau đi *Fribourg*, qua *Genève* rồi đến *Nyons* là chỗ ông thân-sinh đã đến ở đấy. Sau lại đến *Lausanne*, tự xưng là làm nghề dạy đàn, nhưng mà bị thiên-hạ ác-cảm không ở được lâu. Mùa đông năm 1730-1731, đến *Neuchâtel*, dạy học đàn kiếm ăn. Mùa xuân năm 1731, gặp ở nhà trọ một người giáo-sĩ Hi-lạp tên là ATHANASIUS PAULUS, xin làm thư-ký cho người ấy, rồi đi theo khắp hạt *Fribourg*, đến *Berne*, đến *Soleure*. Đến đấy thì gặp ông công-sứ Pháp tên là BONAC, nhờ ông mới biết người giáo-sĩ ấy là một tay giang-

hồ không thể tin được và khuyên nên dời bỏ ngay. Sau đấy rồi có người cho lên *Paris* vào làm một chân lính hầu cho người cháu ông quan-năm Thuy-sĩ tên là GODART; nhưng mà làm được ít lâu lại bất-bình với bọn chủ mới. Bấy giờ bơ-vơ ở *Paris* không có một đồng một chữ nào. Bèn đi tìm bà WARENS, thì bà đã đi tự ngày 24 tháng 7 năm 1730. Bấy giờ lại đi bộ về, qua *Lyon* để gặp bà ở *Annecy*, thì mùa hạ năm 1731 bà đã rời *Annecy* ra ở *Chambéry* rồi. Đến đấy bà cũng lại cho ở, cưu mang cho, lại xin cho một việc làm ở sở đạc-điền *Savoie*. Làm được độ 18 tháng hay hai năm thì đã thấy chán, đến năm 1733 hay 34 thì bỏ việc. Bà WARENS có tính thích âm-nhạc, hay mở cuộc hòa-nhạc ở nhà: ROUSSEAU bèn quay hẳn về mặt đó và quyết làm thầy dậy đàn, nhờ được bà WARENS giao-du với các nhà có đạo nhiều, nên cũng được đông học-trò đến học đàn, toàn là con gái các nhà danh-giá trong thành. Bấy giờ ROUSSEAU chừng 21 tuổi, mà bà WARENS cũng chửa già, hai người ăn ở với nhau như thế, tựu-trung cũng có điều ám-muội. Bà này dẫu theo đạo mà từ trước vẫn có tiếng là người không chính-đính, hồi bỏ quê nhà đi, vẫn có đem theo một tên đầy tớ trai tên là CLAUDE ANET, đi đâu cũng đi theo, đã mắc tai tiếng; đến hồi bấy giờ thì tên đầy tớ không biết vì cớ gì uống thuốc độc chết. ROUSSEAU ở với bà được ít lâu, rồi chừng vào khoảng năm 1735, nhân ông quan thầy bà là đức cha BERNEX chết, công-việc bà bối-rối, bèn đi sang ở *Besançon*; đến đấy có ý nghiên-cứu về âm-nhạc với một ông cố tên là BLANCHARD là người sành về nghề ấy và nguyên trước có làm thầy dạy âm-nhạc ở nhà giáo-đường tỉnh ấy. ROUSSEAU ở được ít lâu rồi lại đi, qua *Genève* và *Nyons* thăm ông cha ở đấy, rồi lại về *Chambéry* với bà WARENS. Việc đi *Besançon* và về *Chambéry* năm tháng không được rõ-ràng lắm. Trong khoảng hai ba năm này, các sách chép công việc ông không được tường. Chỉ biết rằng từ năm 1735 thì ông lại về ở với bà WARENS. Bấy giờ bắt đầu học-hành chăm-chỉ, và giao-du với những người tử-tế. Chơi với bọn văn-sĩ như GAUFFECOURT, DE CONZIÉ, nhờ những người ấy chỉ bảo cho các sách mà đọc, bấy giờ mới thấy nảy ra cái khiếu làm văn. Hồi ấy có đi mấy lần ra *Nyons* là chỗ cha ở và *Genève*. Một hôm không biết thí-nghiệm gì về cách-trí mà ngã từ trên gác xuống, tưởng chết ngay, trong ít lâu hai mắt không trông thấy gì nữa, ngày 27 tháng 6 năm 1727 đã làm một tờ di-chúc, lời-lẽ đứng-đắn theo như luân-lý đạo Gia-tô. May cũng vô-sự, vừa khỏi xong thì lại ra *Genève* để điều-đình về việc gia-tài của mẹ: về phần riêng ông được 6 nghìn 5 trăm quan. Đoạn này trong « Sám hối-lục » năm tháng cũng không được phân-minh lắm, chỉ biết rằng ngày 15 tháng 9 năm 1737 thì bà WARENS mua một cái trại ở *Charmettes*. ROUSSEAU thì tự khi ở *Genève* về với bà thấy có một người lạ ở đấy tên là WINTZENRIED bà mới dụ được về theo đạo Gia-tô. ROUSSEAU có ý bất-bình, đi ra ở *Montpellier* để dưỡng bệnh, ở đấy chừng được hai tháng. Đến đầu tháng ba năm 1738 lại thấy về *Chambéry* ở cùng với bà WARENS, không rõ việc bất-bình trước điều-đình ra làm sao. Tháng 7 năm 1738 bà WARENS thuê cho một cái nhà ở *Charmettes*, ROUSSEAU ở đấy từ năm 1738 đến năm 1740, còn bà thời vẫn ở *Chambéry*, thỉnh-thoảng mới đến thăm mà thôi. Hai năm ở trại *Charmettes* thật là một đoạn phong-thú nhất trong đời ông, sau vẫn còn kỷ-niệm mãi, và trong sách « Sám-hối-lục » có thuật lại một cách khoái-trá vô-cùng. Hai năm này là hồi tĩnh-dưỡng tinh-thần, nuôi lấy cái thiên-tài sắp xuất-lộ ra sau này, và xóa bỏ cả

cái lịch-sử lãng-man từ trước.

Ông gia sức nghiên-cứu suy-nghĩ, sự học lúc thiếu-thời còn khuyết-điểm nhiều, nay học thêm cho rộng ra. Chữ Hi-lạp thì không biết, nhưng chữ La-tinh cũng đủ thông xem được các sách-vở. Tiếng Ý-đại-lợi thì thông lắm và các thi-văn nước Ý ông thuộc cũng nhiều. Tiếng Anh thì cũng biết chút đỉnh, không đủ nói chuyện và không đủ xem sách được. Các sách văn-chương Pháp và thứ nhất là các tiểu-thuyết thì thủa nhỏ ở *Genève* và sau ở *Annecy* với bà WARENS đọc cũng đã nhiều, nhưng không có thứ-tự gì, gặp ai quen biết chỉ cho sách gì thì đọc sách ấy mà thôi. Khi ở *Charmettes* thì những sách gì chưa đọc bèn cố tìm mà đọc cho hết cả, không những sách văn-chương, cả sách triết-học, sách thiên-văn, sách số-học, sách cách-trí, sách bác-vật. Hồi bấy giờ ông ham học quá chừng; lúc đầu muốn khoa gì cũng thiệp-liệp cho khắp, rồi sau thấy bề học mênh-mông, không thể sao cho xiết được, bèn chuyên đọc các sách văn-chương và các sách triết-lý, chủ-ý mở-mang cho trí-tuệ và định phương-châm cho sự hành-vi. Muốn cho sự đọc sách của ông có thứ-tự, ông có nhờ ông cố LAMI chỉ bảo cho, ông cố này cũng là một tay bác-học đã có làm một quyển sách đề là « Đàm-thoại về cách-trí ». Tuy vậy cái tính lãng-man của ROUSSEAU cũng vẫn không nên đi được, cho nên sự học của ông vẫn không có qui-củ, không có trật-tự: Đọc sách rất nhiều, nhưng đọc vội-vàng, khác nào như cố thu thập và tích-lũy lấy một mớ tri-thức còn mơ-màng, chưa suy-nghĩ kỹ, chưa biến-hóa cho được thuần-túy, hãy còn như sống-sượng và còn khuyết-điểm nhiều. Bấy giờ cũng có tập làm văn. Sau ông nói rằng tự thủa nhỏ cho đến bốn-mươi tuổi không có biết chi gì về văn-chương, kỹ-thực thì trước khi xuất-bản quyển sách thứ nhất của ông, trong mười hay mười hai năm, ông đã làm thơ làm văn cũng nhiều. Ngày nay còn truyền lại mấy bài thơ, mấy bài văn và mấy đoạn kịch thuộc về ba năm 1737, 1738 và 1739. Về đường tôn-giáo thì hồi bấy giờ ông thực bụng theo đạo Gia-tô. Nhưng ông không can-thiệp vào những cuộc tranh-biện về giáo-lý của phái tân-giáo và cựu-giáo; ông chỉ biết thành-tâm tín-ngưỡng Thiên-chúa, thế mà thôi.

Sau khi ở trại *Charmettes* thời bà WARENS với ROUSSEAU có ý sơ nhau. ROUSSEAU bấy giờ vào dạy học ở nhà ông MABLY là quan chánh cảnh-sát xứ *Lyonnais*. Ông có người con trai lớn giao cho dạy học. Trong khi ở đấy ROUSSEAU mới có dịp kinh-nghiệm về sự giáo-dục, bộ tiểu-thuyết *Emile* bàn về giáo-dục sau này có lẽ là phôi-thai ra tự bấy giờ. Ở đấy được vừa trọn một năm, thì xin thôi. Trở về *Chambéry*, nhưng đối với bà WARENS đã có ý nhạt rồi, bèn định đi lên *Paris* để tìm đường tiến-thân. Nguyên có nghĩ được một cách viết điệu đàn bằng chữ số, cũng đem theo. Dừng ở *Lyon*, rồi đi thẳng lên *Paris* vào mùa thu năm 1741. Ở đấy cũng lại giở nghề dạy đàn. Ngày 22 tháng 8 năm 1742 được vào hội Khoa-học bác-sĩ trình bày cái cách biên điệu đàn bằng chữ số cho hội-đồng xét. Từ đấy là bắt đầu nổi danh trong làng văn và trong thượng-lưu xã-hội ở kinh-đô, được giao-tiếp với những bậc danh-sĩ và bậc khuê-các đời bấy giờ, như DIDEROT, FONTENELLE, BUFFON, VOLTAIRE, bà BEZENVAL, bà BROGLIE, bà DUPIN, v.v.. Nhờ có những người quen biết là chỗ thân-thế như thế giới-thiệu cho làm thư-ký ông sứ-thần Pháp ở *Venise*, là ông MONTAIGU. Ở *Venise* vừa được một năm, từ tháng 8 năm 1743 đến tháng 8 năm 1744, rồi có sự bất-bình với ông sứ-thần, hồi về *Paris*. Nhân việc đó thành ra bất-bình cả với những chỗ quen biết đã giới-thiệu cho ông sứ-thần. Nhân cái lịch-sử lãng-

mạn tự thuở thiếu-thời và những sự gặp-gỡ trắc-trở như thế, nên ROUSSEAU sinh ra cái lòng yêm-thế từ bấy giờ.

Về *Paris*, chuyên soạn vở đàn và làm thơ văn. Trong khoảng năm 1745-1748 có soạn mấy bài nhạc-kịch, hí-kịch, và thơ trường-thiên, lời thơ lời văn cũng đã bóng bẩy chải-chuốt lắm. Hồi bấy giờ có đi lại với một người đàn bà tên là THÉRÈSE LEVASSEUR, là một người tầm-thường tì-tiện, nhưng cũng có bụng tốt, sau lấy làm vợ. Năm 1747 thì ông cha là ISAAC chết. Tự bấy giờ chuyên về nghề văn, giao-du với các nhà văn-sĩ. Chơi thân nhất là với văn-sĩ nước Đức tên là GRIMM. Lại khuynh-hướng hẳn về phái triết-học đời bấy giờ, thường đàm-luận với hai ông DIDEROT và CONDILLAC, chịu ảnh-hưởng của hai ông nhiều. Cũng quen thân với ông DALEMBERT là người đứng chủ-trương bộ «Bách-khoa từ-điển» về thế-kỷ thứ 18 (*Encyclopédie*). ROUSSEAU cũng có dự phần vào việc biên-tập bộ sách đó, chuyên soạn những bài về âm-nhạc (vào khoảng đầu năm 1749.) Lại cũng quen biết những tay triết-học như D' HOLBACH, DUCLOS. Đó là cái hoàn-cảnh về tinh-thần của ROUSSEAU hồi bấy giờ. Ông vốn là một tay âm-nhạc, một nhà làm thơ kể cũng không có danh-giá gì, thế mà đặt mình ở trong cái hoàn-cảnh văn-học triết-học đó, nghiễm-nhiên hóa ra một tay văn-hào tuyệt luân và một nhà cải-cách xã-hội. Giao-tiếp toàn những tay triết-học tự-do cả. Cái lòng sùng đạo Gia-tô cũ cũng mỗi ngày một nhạt dần đi. Lòng tôn-giáo vẫn giữ được, vẫn thành-tâm tín-ngưỡng Thiên-chúa, nhưng mà không chú-ý đến những chuyện giáo lý và những chuyện lễ-bái bề ngoài. Đã chơi với bọn triết-học lại đọc những sách nghĩa-lý, rất có bổ-ích cho tâm-tư, nhất là sách của MONTESQUIEU Tàu dịch là Mạnh-đức tư cưu, và sách «Bác-vật-luận» (*Histoire naturelle*) của BUFFON mới xuất-bản năm 1749. Cũng vào khoảng năm ấy, ROUSSEAU có làm bài luận về triết-lý, đề là «Luận về cội rễ các thứ tiếng» (*Essai sur l'origine des langues*). Xem bài này thì biết cái tư-tưởng của ông bấy giờ đã đứng đắn lắm.

Trong khi ở *Paris* thời ăn ở với THÉRÈSE LEVASSEUR, tự năm 1747 đến năm 1750 đẻ được ba đứa con, hồi sau lại được hai đứa nữa, nhưng không nhận đứa nào cả, đều cho vào viện cứu-tế những trẻ con vô thừa-nhận. Điều đó hậu-thế thống-trách ông lắm, cho là một người biết nghĩa-lý mà ăn ở một cách bất-nhân bất-nghĩa như thế, thật là đê-tiện vô cùng; ấy cái tâm-lý lãng-mạn của ông nó làm cho ông mất cả liêm-sỉ đến thế. Nhưng ông nhà-sinh là một con người bông lông, thuở nhỏ lêu lổng không có giáo-dục, lớn lên cũng cứ lang-thang hết chỗ nọ đến chỗ kia, bạ-men với những phường tiểu-nhân, với những quân vô-lại, không hề biết gia-đình là gì, luân-lý là gì, cho nên không biết cái cách cư-xử của mình là hay hay là dở. Ông không phải là người vô-luân lý, chính là một người vì thất-giáo-dục mà không biết cái giá-trị luân-lý là thế nào. Đời sau có người phê-bình về cái lịch sử riêng của ông, cho ông là một con người mơ hồ cuồng-đại, tưởng cũng không phải là quá-đáng vậy. Một con người mơ hồ cuồng-đại như thế mà rồi sau này xướng ra những cái tư-tưởng làm biến-đổi cả nhân-tâm, đảo-điên cả xã-hội, gây ra những cuộc cách-mệnh gớm-ghê về tinh-thần về chính-trị, lại có cái thiên-tài văn-chương khiến cho người ta đọc đến thấm-thía đến ruột gan, cảm-kích đến hồn-tính, đó thật là một cái hiện-tượng kì-kỳ trong lịch sử loài người.

Năm 1749, bạn ông là nhà triết-học DIDEROT, vì nghị-luận kịch-liệt quá bị giam tù ở *Vincennes*, ông định đi đến thăm. Đi giữa đường thì xem thấy ông

một quyển tạp-chí *Mercure* có đăng một cái đầu bài thi của hội Hàn-lâm thành *Dijon*, đầu bài rằng: « Khoa-học và mĩ-thuật có giúp cho phong-tục trong xã-hội được thuần-túy ra không? » Ông liền định thảo một bài luận-văn để ứng-thi, quyết trả lời câu hỏi ấy rằng: *không*. Ngày 23 tháng 8 năm 1750 được hội Hàn-lâm ban thưởng. Cuối năm ấy thì bài luận-văn xuất-bản. Bài này lời-lẽ hùng-hồn, tuy có cái vẻ khoa đại một chút, nhưng có cái ý thành-thực cảm-động, làm náo-động cả trong làng văn hồi bấy giờ, kẻ thì tán dương cảm-phục, kẻ thời bài-kích phản-đối. Rousseau chủ-trương cái lý-thuyết rằng các khoa-học cùng mĩ-thuật đối với người ta toàn là những xa-xỉ-phẩm cả, không những không làm cho phong-tục được thuần-túy mà lại làm cho phong-tục đến bại hoại đi. Biết bao nhiêu người nổi lên phản-đối ông để bênh cho khoa-học mĩ-thuật và biểu-dương những cái vẻ phong-lưu cao-thượng của xã-hội: Nào là các ông hàn-lâm, nào là các tay bác-sĩ, đến cả các bậc vua chúa, như vua Frédéric nước Phổ, vua Stanislas nước Ba-lan. Đến cả Voltaire và Dalembert cũng tham-dự vào cuộc tranh-biện đó. Rousseau đều gia sức trả lời hết cả. — Năm 1753 Hội Hàn-lâm thành *Dijon* lại ra một cái đề nữa về « Nghĩa bất-bình-đẳng » (*L'inégalité*), ông lại soạn một bài luận-văn nữa để ứng-thi. Trong bài luận-văn thứ nhất thì lời văn hùng-hồn, cảm-tình chan chứa, những cách cấu-tứ, cách lập-luận chửa được đích-đáng lắm. Xét cho kỹ bài ấy thì chỉ rõ cái tâm-lý một người có ý băn-khoăn về sự đời, trông thấy cái hình-thức văn-minh rực-rỡ không lấy làm mãn-nguyện, trông thấy cái cách ăn ở trong xã-hội không lấy làm bằng lòng, cho sự phú-cường, sự học-thức chưa phải là cái tỉ-lệ của sự hạnh-phúc ở đời, nên đem những lời bi-phẫn mà bài-bác cái cuộc sinh-hoạt dả-giối đó. Bởi lòng bi-phẫn ấy cho nên lời văn có vẻ mạnh-mẽ, nhưng lý-luận còn chưa được chặt-chẽ lắm. Kỳ-thực Rousseau viết bài văn đó chưa có cái học-thuyết gì là nhất-định, mới chỉ có một lấm lòng căm-giận xã-hội mà thôi. Nhân cuộc tranh-luận với các bậc danh-sĩ đời bấy giờ, ông mới ngẫm-nghĩ suy-xét, mà cái học-thuyết của ông phôi-thai ra từ bấy giờ. Cho nên bài luận thứ nhì của ông, cách nghị-luận xem ra khúc-chiết hơn bài thứ nhất. Trong khi nghiên-cứu về những vấn-đề cao-thượng đó, ông mới đoái xét đến cái thân-thế tồi-tàn của ông, mà riêng lấy làm ngậm-ngùi xấu hổ. Tự đấy quyết-chí cải-quá và gây lấy một cuộc đời cho hợp với đạo-lý.

Tự mấy bài đại-luận ấy xuất-thế thời thanh-danh ông vang-lừng trong nước. Những nơi quyền-quí, những đám thượng-lưu thường muốn hoan-nghênh ông. Ông có soạn mấy bài kịch, được các rạp hát lớn trong nước xin để diễn. Bấy giờ ông vào cái cảnh phú có quí có, nhưng ông đã tu-tỉnh rồi, không thiết gì những cái vẻ phú-hoa của đời nữa. Ông quyết-chí làm một nhà ẩn-sĩ để sinh-hoạt theo cách tự-do mà khổ-hạnh. Kẻ mời người đón, ông khước hết cả, không muốn giao-du với những chỗ quyền-quí nữa. Thường đội cái mũ vải nhà nho, để cho râu mọc xồm-xoàm, mà cách ăn nói thời dùng những lời yếm-thế, những giọng cay đời. Ngay ngày chép sách và chép những bài đàn thuê cho người ta, mỗi ngày được bốn hào đủ ăn mà thôi. Cái cuộc đời trước kia thì đê-tiện như thế, mà cái cuộc đời mới này thì thanh-cao như thế, đó cũng là một sự kỳ trong cái lịch-sử và cái thân-thế của ông Rousseau. Tự đấy ông sinh-hoạt một cách tự-nhiên, theo cái thói giản-dị của kẻ bình-dân, thật là coi sự phú

qui ở đời như đám phù-vân, không thèm để tâm đến. Cái đời của ông từ nay trở đi mới thật là cái đời kẻ triết-nhân quân-tử. Thiên-hạ thấy ông đổi hẳn như thế, lấy làm lạ quá, có kẻ cho ông là người cuồng. Cái hồi năm 1752-1753 đó là hồi cái triết-học của ông mới bắt đầu gây dựng.

Bài luận-văn thứ nhì của ông làm từ tháng 11 năm 1753 đến tháng 3 năm 1754 mới xong, nhưng không được hội Hàn-lâm ban-thưởng. Bài ấy năm 1755 đem xuất-bản, cũng được nhiều người hoan-nghênh và bị nhiều kẻ công-kích. Nguyên cái vấn-đề của Hội Hàn-lâm thành *Dijon* ra như thế này : « Sự bất-bình-đẳng trong loài người bây giờ bởi đâu mà ra ? Sự bất-bình-đẳng ấy có hợp với lẽ thiên-nhiên không » ? Bài văn của ông Rousseau là khái-luận về cái lịch-sử tiến-hóa của loài người. Cách lập-luận của ông không phải là chủ-ý phô-diễn một cái lý-tưởng riêng, nhưng là chủ-ý tự-thuật và giải-thích những sự thực thuộc về lịch-sử. Cái thuyết của ông là người cổ-sơ tức là người tự-nhiên, là một giống sinh-vật có sức mạnh mà chửa có trí khôn, không có xum-họp với kẻ đồng-loại thành xã-hội, thời bấy giờ sống một cách vui-vẻ thong-dong, trong lòng chưa có cái mầm ác gì cả, thật là « nhân chi sơ, tính bản thiện » ; sau này ở với nhau thành xã-hội, sinh ra cái lòng ích-kỷ, cái tính chi-li, rồi lại gây ra tài-sản, chia ra của anh của tôi, tự bấy giờ thời cái mầm ác nó càng ngày càng lớn lên mà người ta thành ra mỗi ngày một khổ. Cái chế-độ xã-hội là ở tài-sản mà ra, nhân tài-sản sai-biệt mà có kẻ mạnh người yếu, kẻ giàu người nghèo, kẻ làm nô-lệ người làm chủ-nhân, bên nọ áp-chế bên kia. Cả bài luận-văn là một bài cáo-trạng rất kịch-liệt, kể tội xã-hội và làm án cái chế-độ tài-sản và cái chính-thể chuyên-chế. Người đời bấy giờ chưa ai biết rằng trong cái vấn-đề chính-trị có cái vấn-đề xã-hội ở đấy, ông Rousseau là người trước nhất phát-minh ra điều đó. Ông cho rằng cái tệ thứ nhất của xã-hội là ở sự người ta không bình-đẳng, mà người ta không bình-đẳng là ở sự tài-sản phân-phối không được công-bằng. Mới đọc bài luận của ông thời tưởng rằng ông chủ-ý muốn phá-hoại xã-hội để khiến cho người ta lại trở về cái cảnh thiên-nhiên đời cổ-sơ ; nhưng đọc kỹ thì biết rằng chủ-ý ông chỉ muốn phá-hoại cái chế-độ của xã-hội, đã để cho phần thiểu-số được quyền áp-ức và ăn hại phần đa-số. Bài này lý-luận tinh-vi, lời văn cảm-kích, lại có cái giọng thiết-tha cay-đắng, thật là ảnh-hưởng vô-cùng.

Khi bài ấy xuất-bản thành sách, thì trên đầu sách ông đề tặng cho người đồng-quận ông là người dân thành *Genève*, lời tặng ấy có khen cái dân-chính của thành *Genève* là gần hợp với cái tư-tưởng tự-do của ông. Tháng 6 năm 1754 ông trở về thăm tỉnh cũ, có ý muốn ở hẳn đấy, tự nghĩ rằng *Paris* là nơi phồn hoa đô-hội, không phải là nơi sinh-hoạt cho một kẻ đã quyết chí ẩn độn như ông. Nhưng sau có một bà bạn thuộc về qui-phái là bà D'Epinay tặng cho ông một cái nhà mát ở nhà quê, đặt tên là « Am Dật-sĩ » (*Ermitge*). Cái am dật-sĩ này thật là một cái cảnh lâm-toàn, ở cạnh ngay rừng *Montmorency*. Ông dọn đến ở đấy ngày mồng 9 tháng 4 năm 1756. Ở đấy thật là khoan-khoái tinh-thần, nhẹ-nhàng thân-thể, xa cách hẳn với cõi thế-tục, cả ngày chỉ nghe tiếng chim kêu vượn hót ở rừng bên cạnh. Suốt ngày hễ đi tản-bộ trong rừng thì thời về viết văn trong viện hịch. Định làm một quyển tự-điển về âm-nhạc, một bộ luận-thuyết về giáo-dục và luân-lý ; lại rắp khởi-thảo một bộ sách rất to-tát về các chế-độ chính-trị. Sách ấy đã phôi-thai ra trong bài « Kinh-

tế-học » của ông đã soạn từ năm 1755 để in vào bộ « Bách - khoa tự-điển ». Mấy bộ sách đó không bộ nào làm được hoàn - thành. Vả lại cái cố-tính lãng-mạn của ông vẫn chưa trừ được hết. Trong khi tơ tưởng mơ-màng, ông thường một mình kết-cấu ra lắm cuộc ái-tình đằm-thắm. Lại thêm thỉnh-thoảng có những bạn đàn-bà như bà D'Epinay, bà D'Houdetot, đến thăm viếng luôn, nên cái mộng tình-duyên lại càng nồng-nàn lắm nữa. Bèn thảo ra một bộ ái-tình tiểu-thuyết để là *Nouvelle Héloïse*. Nhưng mà ở cô-độc một mình như thế, lại thêm tấm lòng yếm-thế, nên thành-con người khó tính, dễ cảm-giác và hay-mau giận. Vì những chuyện nghi-ngờ chẳng vào đâu, thành ra đem lòng giận cả các bạn thân. Cái bệnh điên của ông sau này xem chừng ra bắt đầu từ bấy giờ.

Ngày 15 tháng 12 năm 1757, Rousseau bỏ am Dật-sĩ và đến ở *Montmorency*. Tuy tính khó-khăn, không hay giao-tiếp với ai, nhưng cũng được nhiều người thuộc về qui-phái phục cái tài của ông mà thường tới lui thăm-viếng, thứ nhất là hai vợ chồng thống-chế Luxembourg. Những người ấy đã biết tính ông, nên cũng khéo chiều đãi ân-cần. Ông được một hồi ấy tinh-thần cũng thư-thái, bèn theo đuổi các công việc trước-thuật như trước. Tháng 2 năm 1758, ông soạn trong ba tuần-lễ một tập sách nhỏ về nghề diễn-kịch, để là « Bức thư cho ông Dalembert về các trò diễn-kịch » (*Lettre sur les spectacles*). Nguyên ông Dalembert và ông Voltaire có làm sách tán-dương nghề diễn-kịch, cho diễn-kịch là có thể giúp cho sự giáo-dục công - chúng. Rousseau thì cố sức bài-bác cái lý-thuyết ấy, nói rằng nghề tuồng-hát chỉ làm bại-hoại phong-tục, làm cho người ta thêm hư ra mà thôi. Thuyết này chính là cái thuyết ông đã phô-diễn trong bài luận-văn thứ nhất của ông. Đời bấy giờ chính là đời thiên-hạ sinh diễn-kịch, nghe thấy lời công-kích diễn-kịch một cách kịch-liệt như thế, ai cũng lấy làm lạ. Nhiều người nổi lên phản-đối. Dalembert cũng trả lời. Lại nhân việc này mà Rousseau với Voltaire thành ra giận nhau : Năm 1760, Rousseau có viết cho Voltaire một cái thư rất cứng-cỏi, hai bên quyết-liệt nhau từ đấy.

Khi ở *Montmorency*, Rousseau làm nốt bộ tiểu-thuyết *Nouvelle Héloïse* và bộ tiểu-thuyết *Emile*, lại bắt đầu soạn một bộ sách thuyết-lý về chính-trị để là « Xã-ước » (*Contrat social*). Bộ tiểu-thuyết *Nouvelle Héloïse*, nhất-danh là « Thư-từ của hai người tình-nhân ở một nơi tỉnh nhỏ ở chân núi *Alpes* », xuất - bản năm 1760. Bộ tiểu-thuyết này hơi phảng-phất giống các tiểu-thuyết Anh-cát-lợi và Ý-đại-lợi ông đã từng đọc thủa nhỏ. Nhưng mà cái nguồn gốc truyện trong tiểu-thuyết là cái tấm lòng não-nùng tưởng-vọng của ông, là những sự cảm-giác trong đời ông, là những sự ký-ức thuộc về cái tuổi trẻ bồng-lông của ông. Phần thứ nhất và phần thứ nhì trong truyện là một cuộc ái-tình rất nồng-nàn, ấy là tiêu-biểu cái tâm-sự của ông trong khi ở cô-độc ở am Dật-sĩ, tuổi đã bốn mươi tư, nhưng thân tuy lão mà tâm chưa lão, vẫn còn mang cái tư-tưởng lãng-mạn, còn muốn mơ-màng những cuộc tình-duyên kiếp nọ. Mấy thiên đầu là toàn một lối văn-chương tả tình, mà tả một cách rất thiết-tha đằm-thắm; đến mấy thiên dưới thời đã có ý xen về triết-lý, muốn lấy câu chuyện tình-duyên ở trên làm một bài học răn dạy cho đời. Rousseau làm bộ sách ấy tức là mở mang cho lối tiểu-thuyết vừa rộng và vừa cao, cho bộ tiểu-thuyết là một tấm lịch-sử về tâm-hồn người ta, lại là một mối quan-niệm về nhân-sinh, về xã-hội. Chủ-ý của ông trong bộ tiểu-thuyết ấy là muốn chứng-giải rằng người ta ở trong xã-hội ngày

nay dẫu có phạm điều lầm-lỗi cũng có thể tự sửa mình được mà đạt tới cái mục-đích cao - thượng ở đời là sự đạo-đức và sự hạnh-phúc; lại chứng-giải rằng người ta ở trong xã-hội ngày nay, đối với kẻ đồng-loại mình có thể khôi-phục được cái mối quan-hệ thiên-nhiên, có thể giữ-gìn được cái tính-cách tự-do của mình và tôn-trọng cái tính - cách ấy ở kẻ khác, lại tuy cái địa-vị của người ta trong xã-hội bất-bình-đẳng mà cái thiên - tính vốn là bình-đẳng, thiên-tính ấy cũng có thể bảo - tồn được. Hai người chủ-động trong truyện tên là SAINT-PREUX và JULIE dan-díu với nhau trong một cuộc ái-tình rất thâm-trầm, rất mãnh-liệt, nhưng hai người đều có tấm lòng cao-thượng, dẫu mắc điều tình-ái mà khỏi điều tà-dâm, cho nên vẫn giữ được cái ái-tình trong-sạch. Còn một vai nữa trong truyện cũng quan-hệ, là vai WOLMAR, là một ông thầy dạy về cái thuật tề-gia trong xã-hội bấy giờ khuyên cho những kẻ phú-quí cùng kẻ bần-tiện cải cách nên ăn ở thế nào cho ích-lợi cho nhau mà không cần phải đảo-điên phá-hoại gì. Ấy cái tôn-chỉ trong bộ tiểu-thuyết của ROUSSEAU là ở hai mối tu-thân và tề-gia một cách hòa-bình êm-ái đó. Nhưng mà bộ tiểu-thuyết ấy không phải chỉ có thế mà thôi, bộ tiểu-thuyết ấy là cả tính-tình tâm-sự của ông giãi bày ra đấy, bao nhiêu cái tư-tưởng bình-sinh của ông là rải rắc cả trong truyện đó, từ cái ý-kiến của ông về âm-nhạc cho đến sự tín-ngưỡng của ông về tôn-giáo. Như vai JULIE là một người đàn bà theo đạo Tân-giáo, nhưng mà theo một cách rất rộng-rãi, lấy triết-lý làm gốc cho tôn-giáo, lại lấy tôn-giáo làm gốc cho luân-lý, ấy đó chính là cái lòng nguyện-vọng thâm-trầm của tác-giả. Trong bộ tiểu-thuyết có nhiều đoạn tả về tâm-tính người cũng có cái vẻ tinh-vi và hoạt-động lắm, nhưng sách hay không phải là về phần tâm-lý. Tuy vậy ROUSSEAU cũng có một cái tâm-lý-học đặc-biệt, không phải là lấy cái thuyết nhân-quả mà xét những sự hành-vi của người ta, khi sướng, khi khổ, khi vui, khi buồn, tùy cái cơ-hội thẳng-lai và trong lòng quyết-định; tâm-lý ấy là cái tâm-lý những trạng-thái thụ-động và cảm-động trong lòng người. Như trong cuộc ái-tình của SAINT-PREUX và JULIE, ROUSSEAU không những tả những sự hành - động của hai người ấy, mà lại chú - ý tả những nỗi khổ-thống của hai người vì thương yêu nhau mà phải cam chịu, khiến cho ta đọc đến phải cảm-động; như vậy thì bộ tiểu-thuyết *Nouvelle Héloïse* không thuộc về dòng cổ-kịch về thế-kỷ thứ 17 trước lấy sự hành-vi của người ta làm cái then máy trong bài truyện, nhưng là thuộc về lối thi-ca tân-thân về thế-kỷ thứ 16, và là triệu-trẫm của lối văn-chương lãng-mạn về thế-kỷ thứ 19 sau này. Trong cuộc ái-tình của SAINT PREUX và JULIE, không phải là thuật những việc xảy ra, mà là tả những mối cảm-tình, khi não-nùng tưởng nhớ, khi mê-mẩn ham nhau, khi biệt-ly thương-xót, khi xum-họp vui-vầy. Bộ tiểu-thuyết lại còn có một cái đặc-sắc nữa, là tâm-sự ở trong có quan-hệ với phong-cảnh ở ngoài; cảnh này là cái cảnh sơn thanh thủy-tú ở trên bờ hồ *Léman* nước Thụy-sĩ. Cảnh đẹp tình sâu, ấy cũng là một cái vẻ phong-thú trong áng văn-chương tân-kỳ đó. ROUSSEAU thật là một tay tả cảnh tuyệt-bút. Đời bấy giờ người ta chưa biết ham cái thú sơn-thủy; ông đem [illegible] bút hữu-tình mà tả cho người [illegible] trông thấy, gợi ra cái cảm-h[illegible] cảnh-vật thiên-nhiên. Có khi th[illegible] buồn mà cảnh cũng đeo sầu, có [illegible] cảnh vẫn tươi cười mà người [illegible] đột, khi thuận khi nghịch như [illegible] đều tả một cách rất thiết-th[illegible] động. Lại có khi thì tả những [illegible]

[illegible] 7
[illegible]
[illegible]ng
[illegible]ọn
[illegible]ích
[illegible]-dã
[illegible]hái

quê-mùa mộc-mạc hay là tả những cái thói kẻ chợ làm ăn, lời văn vẫn thực mà lại có một cái thi-vị thâm-trầm. Đại-để thì lối văn-chương trong truyện này cũng rườm-rà phồn-tạp như cách kết-cấu truyện ; có chỗ thì lý-luận hùng-hồn, có chỗ thì tả-thực tinh-tế, lại có chỗ thì chan-chứa những cảm-tình, ngậm-ngùi như than khóc ; văn vừa có tình vừa có lý, tình-lý dung-hòa tham-bác lẫn nhau. Lại có nhiều đoạn lời văn dịp-dàng, có âm-hưởng, có tiết-tấu như một bài ca trường-thiên, tư-tưởng rất văn-hoa diễm-lệ. Bộ *Nouvelle Héloïse* xuất-bản ra ảnh-hưởng sâu-xa vô-cùng. Trừ có VOLTAIRE làm một bài bình-phẩm cay-nghiệt, còn thiên-hạ lấy làm khoái-trá lắm. Bọn khuê-các đời bấy giờ thờ ROUSSEAU như một ông thần ái-tình; người nào có nỗi tâm-sự khó-khăn thường viết thơ tư-vấn ông, coi ông như một vị linh-mục trong chốn tình-trường. Ông thật đã có cái công mở mắt cho người đời biết trông cái cảnh-vật thiên-nhiên ở trước mắt và vỡ lòng cho người đời biết cảm cái mối tình thâm-thiết ở trong lòng. Ông thật đã đào-tạo ra một cái tấm hồn biết cảm-động thiết-tha, biết thương nhớ não-nùng, thật các đời trước thiên-trọng về lý-học chưa bao giờ có vậy.

Bộ tiểu-thuyết *Emile* làm xong năm 1760, sách này in chậm lắm, mãi đến tháng năm năm 1762 mới xuất-bản. Hai tháng trước thì bộ sách « Xã-ước » của ông đã xuất-bản ở Hòa-lan. Hồi ấy g ờ quyền xuất-bản ở nước Pháp [illegible] được tự-do ; những sách nào kị[illegible] đến chính-trị hay trái với tôn-s[illegible] người bị tịch-biên, bị thủ-tiêu, mà c[illegible] á lại phải tội nữa. Trong khi in r[illegible]uyền sách ấy thì ROUSSEAU đương P[illegible]ặng, vẫn nơm-nớp sợ không biết n[illegible] có xuất-bản được không, và có ở[illegible]ẩn được hoàn-toàn không. Quyển n[illegible] » in ở Hòa-lan thời may được trót-lọt. Bộ *Emile* in ở Pháp thì đã thấy trắc-trở lắm. Sau khi xuất-bản rồi, giữa ngày mồng 8 tháng 6 ông được mật-tin rằng có lệnh tống ngục. Liền chạy trốn về nhà một người bạn cũ ở *Yverdun*. Trong khi ấy thì có lệnh của nghị-hội bắt đốt quyển sách *Emile*, và có lệnh của Đại-tư-giáo thành *Paris* cấm các người tòng-giáo không được đọc sách ấy. Phái Cựu-giáo, phái Tân-giáo đều nổi lên công-kích sách ấy dữ quá.

Sách *Émile* là một bộ tiểu-thuyết có ngụ ý bàn về phép giáo-dục. Về phần lý-thuyết thì ROUSSEAU có chịu ảnh-hưởng của các nhà triết-học trước, như MONTAIGNE, LOCKE. Nhưng sách ông rất có đặc-sắc, và thật là một bộ sách lí-kỳ về vấn-đề giáo-dục. Thường các trước-tác của ông, dẫu đan-cử về một vấn-đề gì, nhưng bao giờ cũng bàng-bạc man-mác ra ngoài vấn-đề ấy, tựa-hồ như lúc cầm bút viết, trong tâm trong óc có cái tư-tưởng gì, cái cảm-tình gì cũng là đem khuynh-trút cả vào trong sách. Như trong sách *Emile*, không phải chỉ bàn về giáo-dục mà thôi, lại bàn về triết-lý, về tôn-giáo nữa. Về triết-lý thì ROUSSEAU cho tư-tưởng người ta là ở sự cảm-giác mà ra, cho tính người vốn lành, cho đàn ông đàn bà là bất-bình-đẳng, và thứ nhất là cho tình trọng hơn lý. Riêng về mục luân-lý thì cho rằng sự tình-dục của người ta là chánh-đáng và cái mục-đích ở đời là sự hạnh-phúc, nghĩa là các tình-dục được thỏa-mãn, nhưng kết-thúc lại, lại cho rằng người ta cũng phải biết khắc-kỷ chế-dục, biết nhẫn-nhục an phận thì mới thực được sung-sướng. Thuộc về tôn-giáo, thì trong truyện có riêng hẳn một thiên đề là « Ông linh-mục đất *Savoie* » (*Le vicaire savoyard*). Thiên này chia ra làm hai phần : phần thứ nhất chứng-giải rằng có một cái tôn-giáo thiên-nhiên, lại lấy sự lý-luận, sự cảm-tình mà quyết rằng trên hết vạn-

vật có một đấng tuyệt-đích gọi là Thiên-chúa, toàn-năng toàn-trí, đại-từ đại-bi; còn người ta thì ở dưới quyền Thiên-chúa cũng có cái linh-hồn sáng-sủa, cái tâm-tính tự-do, linh-hồn tâm-tính ấy lại vĩnh-viễn bất-diệt, nếu đời này biết lập-nghiệp tốt thì lai-sinh sẽ được hưởng hạnh-phúc hoàn-toàn. Phần thứ nhì thì chứng-giải rằng cái tôn-giáo thiên-nhiên đó là phần cốt-yếu của tất cả các tôn-giáo hiện-hành trong thiên-hạ, phần cốt-yếu ấy là tự trong lòng người ta tự suy tự cảm mà biết, chứ còn các tôn-giáo kia bày vẽ ra những phép-tắc, những lễ-nghi phiền-phức ở ngoài, chẳng qua chỉ thêm những điều tội-vạ cho người đời; còn đến các tôn-giáo hiện-hành, thì nào là đạo Do-thái, nào là đạo Hồi-hồi, nào là đạo Gia-tô, nào là đạo Lộ-đức, cũng khó lòng mà phân-biệt được đạo nào hay đạo nào dở, đến như những truyện thần-kỳ hiển-tích thì lại là quái-đản bất-kinh nữa: nói rút lại người ta sinh ra xứ nào cứ theo cái đạo-giáo ở xứ ấy, và chỉ nên tin ở cái phần cốt-yếu trong đạo ấy là phần tôn giáo thiên nhiên ở trong lòng; phần tôn-giáo thiên-nhiên ấy, thời dẫu trong đạo nước láng diềng kia, bề ngoài trái hẳn với đạo ta mặc lòng, bề trong vẫn có bao-hàm một cái mối đó; như thế thời người ta đối với các đạo-giáo sai-biệt trong thiên-hạ nên một lòng bao-dung cả mới phải.

Thuộc về giáo-dục, thì cái tư-tưởng của Rousseau mới coi ra cũng có điều lạ-lùng, nhưng xét kỹ thì không phải là không có lý. Trong bài luận-văn về sự bất-bình-đẳng ông đã nghiên-cứu về cái lẽ làm sao mà xã-hội đến bại-hoại; trong bộ tiểu-thuyết *Emile* này thì ông xét bởi lẽ làm sao mà người ta đến hư-hèn; nếu trời bẩm-sinh ra người tính tốt thì cái xấu ở đâu mà vào? Đó là cái vấn-đề ông định nghiên-cứu trong bộ tiểu-thuyết của ông. Ông lại muốn dạy cho người đời sinh-trưởng trong một cái xã-hội xấu-sa như cái xã-hội này thì phải làm thế nào mà khỏi-phục được cái thiên-lương của mình. Cái vấn-đề ông muốn giải-quyết trong sách *Emile* là cứ cái tình-trạng xã hội, cứ cái tình-trạng chính-trị ác-nghiệt như bây giờ thì người ta phải rằn dạy thế nào cho trở nên con người tinh-tuyền tự-do, nghĩa là sống ở đời cho được sung-sướng thảnh-thơi. Bởi thế nên ông trì-luận cái thuyết rằng nếu xã-hội tổ-chức được tốt thì sự công-cộng giáo-dục là hay, nhưng xã-hội đã không ra gì thì sự gia-đình giáo-dục là cần. Thiên thứ nhất và thiên thứ nhì, thì dạy về cách giáo-dục thuở ấu-trĩ, cốt là tập-luyện thân-thể và tập-luyện giác-quan, khiến cho đứa con trẻ biết cái vị-trí mình trong vũ-trụ là tùy-thuộc với vạn-vật ở chung quanh, và phải phục-tòng cái lẽ tất-nhiên của vạn-vật, không thể cưỡng trái được. Thiên thứ ba thì dạy trẻ từ 12 đến 15 tuổi, là dạy về trí khôn và dạy cho suy-nghĩ, tất phải để cho đứa trẻ trực-tiếp với sự vật, tự mình kinh-nghiệm chứ không cần phải sách-vở. Chủ-ý cách giáo-dục về thời-kỳ này là phải gây cho đứa trẻ có cái quan-niệm chánh-đáng về sự lợi-ích. Thiên thứ tư, là từ 15 tuổi trở đi thì phải giáo-dục cái tình-cảm, cốt gây lấy những cảm-tình cao-thượng về xã-hội. Hồi này mới nên dạy về tôn-giáo, là cái tôn-giáo thiên-nhiên như trên kia đã nói, khiến cho người ta biết cảm-phục và tôn-sùng Thượng-đế, mọi sự hành-động thời bấy giờ là phải phục-tòng mệnh-lệnh của thần lương-tâm. Thiên thứ năm thì cậu thiếu-niên, nhân đ[illegible]h, sách, nhân du-lịch, nhân giao-tiếp [illegible]n. người đời, lại nhân lấy vợ thành gia t[illegible] 7 mà dần-dần trở nên con người đ[illegible] dần. Người chủ-động trong truyện [illegible]n Emile, mà vợ tên là Sophie người vợ [illegible]ng không có học-thức gì cho lắm, nhưng [illegible]ọn mà biết điều phải chẳng, biết lẽ t[illegible] ích hơn, biết thờ trời, biết thương ng[illegible]-đã [illegible]phải

lại biết cái phận đàn bà phải phục-tòng kẻ phu-tướng. — Ấy đại- khái bộ tiểu-thuyết *Emile* là như thế. Trong đó cũng có nhiều chỗ khuyết-điểm, nhiều điều mơ-hồ phảng-phất, không được thiết-thực cho đời, các nhà giáo-dục xưa nay bài-bác cũng đã nhiều. Nhưng mà ngoại-giả biết bao nhiêu là những tư-tưởng mới-mẻ, mạnh-mẽ, có bổ-ích cho nhân-quần xã-hội ; dẫu những lời bàn kỳ-dị hay sai-lầm, mới đọc lấy làm trái ngược khó nghe, mà tự-trung cũng có cái mầm chân-lý thiết-thực. Rousseau là người trước nhất biểu-dương cái giá-trị của sự giáo-dục về thân-thể ; lại chứng-minh cái lẽ quan-hệ về trí-dục với đức-dục. Lối giáo-dục của ông là lối giáo-dục tiêu-cực (*éducation négative*), nghĩa là không muốn cưỡng với thiên-nhiên, cho rằng dạy một người không phải là chế một cái máy, nhưng là khải-phát cho một cái cơ-thể vốn đã có cái sức sinh-hoạt tự-nhiên. Lối giáo-dục của ông lại là lối giáo-dục tiệm-tiến (*éducation progressive*), nghĩa là sự học-tập phải tùy cái trình-tự phát-đạt về thân-thể về tinh-thần đứa trẻ con mà tăng-tiến dần-dần lên. Lối giáo-dục của ông lại là lối giáo-dục thực-nghiệm (*éducation expérimentale*), nghĩa là khiến cho đứa trẻ phải trực-tiếp với sự-vật, mắt thấy tai nghe, hằng ngày hằng giờ tập-luyện các năng lực về thân-trí để cho khuếch-trương cái vốn kinh-lịch của mình, chứ không phải chỉ học thuộc lòng cho nhớ nhiều chữ mà thôi. Ông yêu mến con trẻ, nên muốn tìm cách dạy [illegible] con trẻ được vui vẻ sung-sướng. [illegible]ông cho phần đức dục là trọng hơn [illegible]hần trí-dục : ông muốn cho đứa trẻ [illegible]on thành một « con người », một con [illegible]người hoàn-toàn, các năng lực được [illegible]ung-túc cả, đủ tư-cách ra xông pha [illegible]ời đời và sống làm người một cách [illegible]ứng đáng, bao giờ cũng biết theo lẽ [illegible]iải và theo lương-tâm của mình. Phàm những cái gì có thể giúp cho gây nên con người như thế, từ những phép vệ-sinh tầm-thường khiến cho thân-thể được cường-tráng cho đến những điều nghĩa-lý cao-thượng có thể khiến cho hồn-trí được tỉnh-tao, ông đều cái-quát hết cả. Ông bày ra một cái chương-trình giáo-dục phổ-thông và hợp lẽ, đủ gây cho người ta có cái nhân-cách hoàn-toàn, không cần phải ỷ-lại đến cái quyền-thế nào ở ngoài cả. Ông phản-đối cái lối giáo-dục chỉ biết lấy sách lấy chữ làm cốt, lại phản-đối cái lối giáo-dục chỉ biết theo lưu-tức của xã-hội, hễ tập được hết những cái phép-tắc phù-phiếm trong cuộc giao-tế hằng ngày, thế cho là đã đạt tới cái mục-đích. Ông lại hiểu rằng cái điều tín-ngưỡng tôn-giáo là một điều ai ai cũng phải nghĩ đến, không sớm thì trưa, thì điều đó phải dự-bị sẵn cho đến lúc quyết-định là tự quyền tự-do của mình thuận-nhận, chứ không phải bị cái sức ngoài hay cái tập-tục nó cưỡng-bách. Duy có mấy điều khuyết-hãm cũng đáng tiếc : là ông không hề bàn đến sự quốc-dân giáo-dục ; là ông quá tin ở cái sức thiên-nhiên, cho một cái sức ấy đủ làm được con người hoàn-toàn ; là ông không biết rằng cái lý-tính của đứa con trẻ không phải là tự-nhiên nhất-đán mà thành, mà là nhất-tầm nguyệt-tí, bởi tập dần những việc nho nhỏ hằng ngày mà lâu ngày tích-lũy lại mới dần dần thành ra ; là ông cho cái trình-tự của sự giáo dục là chia ra từng thời-kỳ cách-biệt nhau, chứ kỳ-thực thì là một cuộc tiến-hóa liên-tiếp nhau, cái tình-trạng ngày nay là kết-quả của tình-trạng trước mà là nguyên-nhân của tình-trạng sau. Lại đáng tiếc nữa là ông không biết rằng sự học tập cần-cù, có điều-độ, có phương-pháp là một sự cần vì có thể mới tập cho biết quả-quyết nỗ-lực ; lại không biết rằng trong phép giáo-dục, sách học và bài vở cũng là cần

lắm; sau nữa là ông chỉ hay nói về hạnh-phúc, ít nói về nghĩa-vụ, dẫu có dạy rằng người ta phải biết khắc-kỷ chế-dục, nhưng thế cũng hưa đủ. Sách *Emile* tuy có khuyết-điểm như thế, nhưng là một bộ sách phong-phú vô-cùng; không phải là một cái chương-trình đã định sẵn cho người ta theo, nhưng là một quyển sách để nghiền-ngẫm và suy-nghĩ. Những nhà giáo-dục trứ-danh về đời sau, như KANT, PESTALOZZI, FRŒBEL, bà NECKER DE SAUSSURE, đều có chịu ảnh-hưởng sách ấy nhiều lắm. Ở Pháp thì sách *Emile* truyền-bá ra rất rộng và cảm-hóa người rất sâu. Nhất là đàn-bà đọc lại lấy làm cảm lắm, biết cái nghĩa-vụ nuôi con là cái nghĩa-vụ quan-trọng; một hồi các bà khuê-các sinh con ra đều thi nhau mà nuôi lấy, không dùng đến vú sữa nữa. Lại nhờ sách ấy mà sự vệ-sinh cho con trẻ, phép thể-dục cùng những cách chơi để khiến cho thân-thể được nhanh-nhẩu mạnh-mẽ, các cách đó thinh-hành lắm. Về phương-diện trí-dục, thiên-hạ cũng nhờ đó mà biết trọng sự thực-nghiệm hơn là sự hư-thuyết. Lại nhân thấy người chủ-động trong truyện là EMILE từng học nghề thợ mộc, bao-nhiêu các công-tử công-tôn đều bắt-chước mà đua nhau tập các thủ-công. Tuy vậy, cái phẩu thâm-trầm uyên-áo trong sách ấy, thì người Pháp đời bấy giờ không chú-ý đến: duy có người ngoại-quốc là biết cái giá trị của bộ tiểu-thuyết ấy về đường giáo-dục.

Hai bộ tiểu-thuyết *Nouvelle Héloïse* và *Emile* là lấy con người ta ở trong cái phạm-vi của xã-hội Âu-châu đời bấy giờ mà chữa sửa lại cho trở nên cái nhân-cách xứng-đáng. Đến bộ «Xã-ước» thời là một bộ sách thuần thuyết-lý, đứng ra ngoài cái xã-hội hiện-thời mà kết-cấu ra một cái xã-hội lý-tưởng. Tự năm 1743-1744, ông ROUSSEAU định làm một bộ sách lớn về các chế-độ chính-trị; vào khoảng năm 1754 đã từng sắp đặt các cương-mục về sách ấy; năm 1756 khi ở «Am dật-sĩ» đã từng bắt đầu soạn. Nhưng sau thấy cái phạm-vi sách to-tát quá, bèn bỏ không làm nữa. Vào khoảng năm 1759-1761 thì ông soạn bộ «Xã-ước» này. Thiên thứ nhất là giải về cái gốc nguyên-lý của xã-hội, tức là cái ước ngầm của người ta cùng sinh-hoạt với nhau, tức gọi là xã-ước. Thiên thứ nhì nói về quyền chúa-tể trong xã hội; quyền chúa-tể này tức là cái đoàn-thể xã-hội, tức là cả bàn-dân trong xã-hội, mà phần việc cốt-yếu của quyền chúa-tể ấy là phải làm ra pháp-luật để tiêu biểu cái ý-nguyện chung. ROUSSEAU muốn cho cả bàn-dân được dự quyền chúa-tể, nghĩa là quyền lập-pháp đó, như thế thời xã-hội lý-tưởng của ông phải là một cái xã-hội khu-vực rất nhỏ hẹp, chứ không có thể là một nước đất rộng người nhiều được. Tuy vậy ông cũng dự-định có khi cần phải cử đại-biểu để đặt pháp-luật, duy sau phải có dân-chúng thừa-nhận thì pháp-luật ấy mới thi-hành được. Thiên thứ ba thì nói về chính-thể: chính thể thì hoặc là thuộc về dân-chủ, hoặc là thuộc về quí-phái, hoặc là thuộc về quân-chủ, hình-thể có khác mà nguyên-lý cũng một, vì rằng phàm đã gọi là một xã-hội thì hết thảy mọi người đều là công-dân cả, hết thảy mọi người đều là bình-đẳng cả, và quyền chúa-tể phải thuộc về cả bàn-dân; chức cầm quyền, dù gọi tên là ông vua nữa mặc lòng, hẳng qua là người chịu mệnh của dân mà thừa-hành mà thôi, nếu làm không hết phận-sự thì dân-chúng có quyền cách chức được. Vả lại, hình-thể về chính-trị, các chế-độ về xã-hội, cái nào cũng là chánh-đáng cả, địa-lý và lịch-sử của mỗi xứ mà thay đổi, miễn là trong khi thực-hành không được sai các nguyên-lý như trên là được. Thiên thứ tư thì xét về mấy cái chế-độ cổ của La-mã, bàn về cách bảo-dưỡng trì cho hiến-pháp và tổ-chức sự phái

phiếu trong dân-gian. Cuối cùng có một chương nói về tôn-giáo của công-dân, chương này các nhà phê-bình cho là kém nhất trong sách, vì bàn đặt ra một thứ tôn-giáo thờ Thượng-đế, mà cưỡng-bách người ta ai cũng phải theo, như thế thật là đặt ra cái quyền chuyên-chế về đường tín-ngưỡng.

Sách «Xã-ước» sau khi xuất-bản cũng bị nhiều người công-kích lắm, sách này là gồm những tư-tưởng của Rousseau về chính-trị. Tuy là thuyết-lý chung cho cả các xã-hội nhưng chắc là ông cũng chủ-ý nói riêng về thành *Genève* là nơi quê-hương của ông. Ông tưởng-tượng ra một cái xã-hội hoàn-toàn, nhưng ông không ra ngoài cái phạm-vi một nơi thành-thị nho-nhỏ như thành *Genève*. Có người nói rằng sách « Xã-ước » có ý phản trái với các sách khác của Rousseau; thực không phải thế. Ông cho cái « thực-thể » xã-hội là bản-dĩ xấu, làm cho hư-hại người ta. Nhưng ông lại cho cái « hiện-tượng » xã-hội là cần, không những cần mà lại hay nữa. Ông bèn tìm cách làm thế nào để trừ những cái tệ của xã-hội ngày nay và tìm cách sửa đổi xã-hội thế nào để có thể giúp cho người ta trở nên thuần-lương và cho được sung-sướng; lại tìm cách làm thế nào cho người công-dân vừa giữ được cái bản-năng đặc-biệt của mỗi người, mà lại vừa giữ được cái thiên-tính phổ-thông của người tự-nhiên, nghĩa là người trước khi làm dân một xã-hội, những thiên-tính ấy là sự bình-đẳng, sự tự-[illegible] sự hạnh-phúc. Sách ông làm là [illegible] chung cả loài người, nhưng mà [illegible] cũng cho rằng có xã-hội không thể [illegible] đổi được: như một nước quân-[illegible] chuyên-chế, thời sửa cái chế-độ [illegible]ng nước cũng không làm gì, phải [illegible] cái tâm-tính người ta bằng phép [illegible]-dục. Bởi thế nên bộ tiểu-thuyết [illegible]e thật là một khoa dự-bị cho sách [illegible]i-ước ». Cứ thực thì cái chủ-nghĩa của Rousseau không phải là chủ-nghĩa cách-mệnh hẳn. Đối với nước nào ông cũng khuyên cứ nên giữ chế-độ cũ trong nước; chủ-ý ông chỉ là muốn gây trong dân-gian một cái không-khí bình-đẳng tự-do, khiến cho người ta dần dần tiêm-nhiễm mà tự-nhiên cảm-hóa; sự cách-mệnh của ông là cách-mệnh trong lòng người, truyền-bá những tư-tưởng mới cho người, chứ không phải là phá-hoại các chế-độ cũ trong xã-hội. Tâm-tâm ông là thế, nhưng ông không từng nói rõ, nên người đời nhiều khi ngộ-nhận, thường cho ông là ông tổ cách-mệnh. Còn một điều nữa cũng nên xét, là thuộc về cái xã-hội-chủ-nghĩa của ông. Trừ bài luận-văn về sự bất-bình-đẳng còn sách « Xã-ước » và tất cả các sách khác nữa của Rousseau đều công-nhận cái tài-sản và cái quyền sở-hữu của cá-nhân. Như thế thì không phải là ông theo hẳn về chủ-nghĩa xã-hội. Nhưng thuộc về vấn-đề tài-sản ông có ý cho Nhà-nước được toàn-quyền tài-định, ông lại hay công-kích những cái tài-sản to quá và những nơi đô-hội lớn quá, muốn đặt pháp-luật, định thuế-ngạch để cho bớt sự bần-phú bất-quân, xem như thế thì cái tôn-chỉ của sách «Xã-ước» là khuynh-hướng hẳn về chủ-nghĩa xã-hội, và về hồi trung-diệp thế-kỷ thứ 18 đó, cái chủ-nghĩa xã-hội như thế kể cũng đã là bạo. Tuy vậy đối với ông Rousseau thì chủ-nghĩa xã-hội với chủ-nghĩa cá-nhân không phải là phản trái nhau; theo ý ông thì chủ-nghĩa xã-hội chỉ là một cái phương-tiện để giúp cho cá-nhân được phát-siển hoàn-toàn. Nói tóm lại thì sách «Xã-ước » tuy có nhiều chỗ khuyết-điểm, hoặc là nghị-luận mơ-hồ, hoặc là thuyết-lý không xác, hoặc là tưởng-tượng bông-lông, nhưng cứ đại-đề thời thật là một bộ sách có giá-trị to, phát-minh tiêu-biểu được lắm điều chính-lý công-nghĩa thuộc về cách tổ-chức các xã-hội loài người.

Sách *Emile* và sách « Xã-ước » đều bị các chính-phủ và các giáo-hội công-kích dữ lắm. Nhất là sách *Emile*, vì có một chương bàn về tôn-giáo hơi có ý tự-do, không hợp với đạo Tân-giáo, bị các quan thành *Genève* hạ lệnh cấm thiên-hạ đọc và bắt đốt hết, lại có lệnh cấm không cho ROUSSEAU về tỉnh nhà nữa, và xóa tên trong dân-tịch hàng tỉnh. ROUSSEAU bấy giờ ở *Yverdun* thuộc Thụy-sĩ, bị chính-phủ Thụy-sĩ trục-xuất ; phải chạy ra *Motiers-Travers* trong quận *Neuchatel*, thuộc quyền vua Phổ lỗ-sĩ. Ông bèn trả lời những bài thiên-hạ công-kích ông, soạn theo lối thư-trát đề là « Thư viết trên núi » (*Lettres écrites de la montagne*) và « Thơ viết ở nhà quê » (*Lettres écrites de la campagne*). Nhưng mà những bức thư trả lời ấy không những không làm cho bọn giáo-hội bớt ác-cảm, mà hình như lại tăng lòng ác-cảm của họ lên. Bọn giáo-sĩ xui dân-chúng thóa-mạ ông, thậm-chí kéo nhau đến chỗ ông ở mà ném đá vào nhà ông. Có người nói là trong sự thiên-hạ ác-cảm với ông đó, có cái mưu của VOLTAIRE vẫn hay đố-kỵ hẹp-hòi và hiểm-độc như thế. Tháng 9 năm 1765, ông phải rời *Motiers* mà sang *Neuchatel*, rồi ở đấy sang cù-lao *Saint-Pierre* ở giữa hồ *Bienne*.

Ở đấy được sáu tuần-lễ, phong-cảnh đẹp, cũng được khoan-khoái tinh-thần. Nhưng bọn giáo-hội vẫn thù ông, lại có lệnh chính-phủ trục-xuất. Bấy giờ ông chán quá, tình-nguyện xin chính-phủ làm tội, giam ông trong ngục cho đến già đời ông cũng chịu. Nhưng sau nghĩ lại, muốn thừa-cơ đi du-lịch ngoại-quốc. Trước định đi *Berlin*, là kinh-đô nước Đức. Sau được giấy thông-hành lại về *Paris*. Mồng 4 tháng giêng năm 1766 có người bạn nước Anh là một tay bác-sĩ tên là DAVID HUME đem ông sang Anh-cát-lợi. Bấy giờ thanh-danh ông đương lừng-lẫy khắp Âu-châu. Bọn tấn-thân, bọn quân-sĩ, bọn quí-tộc, bọn khuê-các trong các nước thường viết thư cho ông để tỏ lòng cảm-phục, cũng có khi để hỏi-han về việc nhà, việc nước, việc tâm-sự, xin ông chỉ bảo cho nên xử-trí thế nào cho hợp với lẽ phải đương-nhiên. Người *Corses* lại nhờ ông thảo cho một bản hiến-pháp cho nước mình. Thiên-hạ bấy giờ coi ông như một bậc triết-nhân, một ngôi linh-mục.

Nhưng từ bấy giờ tinh-thần ông đã hơi suy-nhược và bắt đầu mắc bệnh thần-kinh. Thiên-hạ ai cũng có lòng kính-phục ông, mà ông thì cứ yên-trí rằng ai cũng ác-cảm với ông, đó cũng là một cái bệnh riêng, các nhà thần-kinh-học gọi là bệnh « điên bách-hại » (*folie de la persécution*), nghĩa là bao giờ cũng cứ mơ-hồ tưởng như có người mưu hại mình. Thành ra nghi-ngờ người nọ người kia, rồi đến mất lòng cả mọi chỗ quen thuộc. Tháng 5 năm 1767, bỏ nước Anh về Pháp, ở được một năm ở nhà công-tước CONTI là người có độ-lượng rộng-rãi và có bụng yêu mến ông. Nhưng cũng vì cái bệnh ngờ người ta mưu hại đó, nên không ở đâu được lâu, tháng năm 1768 ra ở thành *Lyon*. Được vài tháng rồi lại về ở quận *Dauphiné*, bấy giờ không đọc sách và cũng không làm sách nữa, chỉ đánh đàn và đi tìm các cây cỏ lạ trong rừng trong núi làm cái thú tiêu-khiển mà thôi. Nhưng trong bụng đã rắp muốn làm một quyển sách cuối cùng để là « Sám-hối-lục (*Confessions*) để thuật lại cái lịch-sử một đời mình, và sám-hối những điều tội-lỗi đã phạm. Ở vùng ấy được hai năm, đến tháng 7 năm 1770 về *Paris*.

Từ đấy ông ở luôn ở *Paris*, nhưng mà không giao-thiệp gì với những bọn quyền-quí quen thuộc thủa trước, chỉ ngày ngày đi chơi các miền giáp-dã chung quanh thành *Paris* hoặc hái

cỏ để làm cái thú tiêu-khiển mà thôi. Vẫn đeo cái bệnh ngờ-vực, nên lúc nào cũng đau-đáu không thân-cận được với ai. Gặp khi bệnh thư thì tính-khí cũng vui-vẻ; hay yêu mến trẻ con, hay làm ơn cho người. Cả đời ông vẫn có tính hào phóng. Mỗi tháng kiếm không được một trăm quan, mà vẫn có tiền giúp cho kẻ nghèo. Kế sinh-nhai của ông vẫn là chép thuê bài đàn để kiếm ăn. Năm 1778, công-tước LIGNE, mời ông đến ở một sở lâu-đài ở *Belœil* ông không nhận; sau ông chịu đến ở nhà biệt-thự của hầu-tước GIRARDIN ở *Ermenonville*. Ở đấy được bốn mươi hai hôm thì ông mất, đến năm 1793, di-hài ông đem vào táng ở đền *Panthéon*. Người đương-thời cho là ông tự-tử, không biết thực hư thế nào.

Tự năm 1764 đến 1778, ngoài bộ «Sám-hối-lục» và mấy tập sách nhỏ-nhỏ nữa, thì ông ROUSSEAU không có làm sách gì khác nữa. Mấy bộ sách đó cũng là theo về thể tự-truyện, nghĩa là thuật về việc đời mình, chứ không phải là sách thuyết-lý hay nghị-luận gì. Bộ «Sám hối lục» theo như chính lời ông nói cũng không phải là một bộ lịch-sử về đời ông mà là một bộ sách tả cái tâm-trạng của ông đối với những việc xảy ra trong đời ấy. Cứ lấy về phương-diện lịch-sử mà xét thì sách ấy sai-suyễn nhiều lắm. Nhưng ông ROUSSEAU vốn là một người nhiều cảm tình, giàu tưởng-tượng, cho nên ông thuật đến việc gì thì tựa-hồ như biến-hóa việc ấy đi, có khi sai cả sự thực, nhưng bao giờ cũng có cái giọng thiết tha cảm-động. Cho nên cứ lấy thực-sự mà nói thì những việc ông thuật lại trong sách «Sám-hối» của ông không đủ tin được cả, nhưng tuy vậy sách ấy cũng là một bộ sách thành-thực, và thật là tấm gương phản-chiếu cái tính-tình tâm-sự của ông một cách rất rõ-rệt. Tâm-tính ông là tâm-tính một người là nô cái bụng dục-tình và các nỗi [illegible]. Cảm, ham muốn sự khoái-lạc mà khao-khát sự ái-tình, có cái thị-dục tầm-thường của kẻ bình-dân, mà lại có cái trí-tuệ cao thượng của kẻ lỗi-lạc, yêu-mến sự tự-nhiên và sự tự-do, lại có tấm lòng từ-bi bác-ái đối với mọi người; ấy cái thiên-bẩm của ông như thế, cho nên đời ông là cái đời tài-tình mà cũng là cái đời bạc-mệnh. Nói về đường văn-chương thì sách «Sám-hối lục» là nền văn-chương kiệt-tác của ROUSSEAU, mà lối văn-chương này là lối văn-chương tự-nhiên thanh-thoát, chứ không có chỗ kiểu-sức câu-nệ như các sách trước. Suốt bộ sách thuần là chuyện thực mà thuần là mùi thơ cả. Sách này về đường văn-học lại có ảnh-hưởng sâu-xa hơn là sách tiểu-thuyết *Nouvelle Héloïse*, vì cải-cách hẳn lối tiểu-thuyết, làm thành một lối văn-chương tả về tâm-trạng một người đối với hoàn-cảnh xã-hội.

Những tiểu-thuyết của CHATEAUBRIAND, của GEORGE SAND sau này là phát-nguyên tự đó. Trong sự nghiệp văn-chương của ROUSSEAU thì sách «Sám-hối-lục» thật là cả nguồn cho lối văn-chương lãng-mạn về đời sau.

Ngoài sách «Sám hối-lục», vào khoảng năm 1772 và 1776 ông còn soạn mấy tập sách nhỏ nữa cũng là thuộc về lối tự-truyện đó. Một tập đề là «ROUSSEAU phán-đoán JEAN-JACQUES» (*Rousseau juge de Jean-Jacques*), là sách ông tự hộ-biện cho mình, tự chống-chế mình đối với những lời bình-phẩm khắt-khe và những tội-ác người đời buộc cho ông; văn-chương thì tuyệt bút, nhưng tư-tưởng thì ngông-cuồng, đã lộ ra một người mắc bệnh thần-kinh, đọc đến khiến cho người ta phải ngậm-ngùi thương-xót. Tập nữa đề là «Sự mơ-màng của một người khách tản-bộ cô-độc» (*Rêveries d'un promeneur solitaire*), sách này cũng vẫn còn có cái khí-vị ngông-cuồng nhưng mà chan-chứa những thi-vị và ái-tình. Sách này là ông

thuật những sự ông đi chơi thơ-thẩn một mình ở cù-lao *Saint-Pierre*, văn-chương vừa thanh-thú và vừa cảm-động vô-cùng.

Ấy cái lịch-sử và cái sự-nghiệp trước-tác của nhà đại-văn-hào nước Pháp JEAN-JACQUES ROUSSEAU, đã kể ra tường-tận như trên đó. Nay xin thuật qua về cái học-thuyết của ông. Xem như trên kia tóm-tắt về các sách-vở của ông, thì cũng đã biết cái tư-tưởng ông thế nào rồi. Những tư-tưởng ấy ông không hề biên-tập lại thành một cái thuyết-hệ hoàn-toàn và nhất-trí. Thực ra thì ông có những cái khuynh-hướng, chứ không có một cái thuyết-hệ, ông giàu cảm-tình nhiều hơn là lý-tưởng. Ông trông cái chân-cảnh xấu-xa, lấy làm đau-đớn trong lòng, bèn trừu-tượng ra một cái lý-tưởng tuyệt-đích. Nhưng mà đem cảm-tình mà biến ra quan-niệm như thế, đem những cái cảm-giác phồn-tạp mà kết-thành một cái thuyết-hệ duy-nhất, thì xem ra ông khí vọng, vì ông vốn không phải là một nhà triết-lý. Phần triết-lý chẳng qua là cái thời-kỳ thứ nhì trong việc tư-tưởng của ông, thời kỳ thứ nhất là thuộc về cảm-giác, nhân cảm-giác sự-vật, thấy yêu cái nọ ghét cái kia, rồi mới muốn tìm cái lý-do của sự yêu ghét đó mà dùng đến triết-lý. Bởi thế nên trong học-thuyết của ROUSSEAU có nhiều chỗ miễn-cưỡng, mâu-thuẫn, khuyết-điểm, nhưng cũng tỏ ra nhiều cái thái-độ về thần-trí đủ quả-quyết vững-vàng, nhiều cái trạng-thái về tâm-tình đủ thường-thường nhất-trí, làm cho học-thuyết ấy có cái vẻ thuần nhất và chắc-chắn. ROUSSEAU là người xuất-thân ở nơi bình-dân, nên thường đứng về phương-diện những kẻ lao-động yếu hèn, những kẻ cùng-đinh hạ-hộ, những kẻ khố rách áo ôm, mà quan-sát về sự đời, về xã-hội. Ông thấy ngoài sự bất-bình-đẳng về chính-trị, lại có sự bất-công-bằng trong xã-hội, nên ông ra tay công-kích không phải là công-kích kẻ quyền-quí mà là công-kích sự tài sản. Ông coi sự bình-đẳng cũng quí như sự tự-do, vì đối với kẻ có của nhiều làm cho người khác phải bần-khổ ông cũng căm tức như đối với ông chúa chuyên-chế làm cho bàn-dân phải nô-lệ. Sự bất-công-bằng trong xã-hội với sự bất-công-bằng về chính-trị, hai đàng là làm lẫn-lót lẫn cho nhau. Cả xã-hội ngày nay là chẳng ra gì cả, và suy ngược về lịch-sử thấy đời nào cũng có kẻ làm chủ, kẻ tôi tớ, kẻ giàu có, kẻ nghèo khổ, ông bèn cho cái hoàng kim-thời-đại là ở vào đời tối cổ kia, trước khi có lịch-sử, người ta ở một mình trong rừng rậm, bấy giờ thật là hoàn-toàn tự-do, hoàn-toàn bình-đẳng, hoàn-toàn hạnh-phúc. Xã-hội bắt đầu thành từ khi mới có tài-sản, và càng ngày càng tiến-hóa thì chỉ càng lợi cho kẻ mạnh, nghĩa là kẻ có của, rồi đến kết-cục thành cái chính-thể áp-chế. Phàm những sự phát-minh của tài-trí, cho chí mĩ-thuật, văn-chương, khoa-học đều chỉ làm cho thêm sự bất-bình-đẳng trong xã-hội. Người có của càng thêm khôn-khéo bao nhiêu thì càng được hưởng những sự khoái-lạc mà kẻ bình-dân không được hưởng, nhân đó cách sinh-hoạt mỗi ngày một khác nhau, các giai-cấp lại càng thêm cách-biệt và kẻ nghèo hèn lại càng bị áp chế thêm. Nói thế có phải là nói rằng cái chủ-ý của ROUSSEAU là muốn cho nhân-loại lại quay trở về đời ăn lông ở lỗ không? Ông là người có trí-tuệ, không lẽ nào lại mơ-tưởng hoang-đường như thế. Ông suy ngược về lịch-sử là để cho biết rõ cái khuyết-điểm xã-hội ngày nay và cái đường lối [illegible]en bổ-cứu thế nào. Cái tình-trạng thiên-nhiên của loài người là cái tình-trạng ngày nay không có nữa, mà cũng không thể phục-hồi được nữa, chẳng qua là nêu lên một cái lý-tưởng để chữa sửa cho cái hiện-trạng ng[illegible] nay, chứ không mong trừ bỏ đ[illegible] h[illegible]n-

trạng ấy. Lý-tưởng ấy là làm thế nào cho trong cảnh xã-hội gồm được cái hay của cảnh thiên-nhiên; đó là cái vấn-đề mà ông ROUSSEAU muốn giải-quyết trong ba bộ sách *Nouvelle Héloïse*, *Emile* và « Xã-ước » của ông. Mà cách giải-quyết là khiến cho người ta hiểu mấy điều cốt-yếu như sau này: *Người ta là tự do, mọi người đều bình-đẳng: không người nào có quyền được dùng kẻ khác để mưu sự hạnh-phúc cho mình mà tự mình không mưu sự hạnh-phúc cho kẻ khác; xã-hội là của chung của mọi người và phải ích-lợi phổ-cập cho mọi người; muốn cho cách ăn ở thích-hợp với những điều cốt-yếu, thì ông dạy cho người ta nên tập lấy những cái thói quen, như là tính khắc-kỷ vô-tư, sự tiết-kiệm giản dị, biết ưa thích những cái thú thiên-nhiên là cái kho vô tận chung cho cả loài người.* Những cái quan-niệm đó là chung cho cả nhân-loại, mà riêng thì là thuộc về xã-hội Pháp đời bấy giờ; ông trông thấy tình-trạng xã-hội ấy mà ông lấy làm cảm-kích. Xã-hội ấy là một xã-hội rất văn-minh mà rất phóng-túng, trên thì một bọn thượng-lưu cực-kỳ lọc-lõi, dưới thì kẻ bình-dân đốt-nát vô-cùng. Ông thấy người ta càng văn-minh, càng tài giỏi, thì càng phóng-túng càng bậy-bạ, đối với nhau càng khắt-khe độc-ác. Ông bèn xướng lên rằng sự trí-dục không tất-nhiên là làm cho người ta hay ra, cái nguồn đạo-đức không phải là ở trí mà là ở tâm, ở tình, ở cái mối thiên-lương trong lòng người ta, và người đời có khi càng học lắm lại càng hư nhiều, bởi thế nên ông chỉ cái phần cốt-yếu của sự giáo-dục, phần cốt-yếu của đời người ta đối với cá nhân, đối với xã-hội, là thứ nhất phải sửa tâm-tính mình.

Ông ROUSSEAU tuy không phải là một tay cách-mệnh muốn phá-hoại xã-hội, mà ông là một nhà giáo-dục muốn [illegible] lòng người, nhưng ông trông thấy những điều xấu-sa trong xã-hội như kẻ giàu có tham-lam phóng-túng, kẻ cầm quyền áp-chế hại người, văn-chương không có luân-lý, phong-tục lại càng đồi-bại, ông thấy thế ông tức quá, nói ra những lời rất kịch-liệt, khiến cho thiên-hạ ngờ rằng ông muốn phá-hoại cả xã-hội và văn-minh. Những kẻ bần-cùng khốn-nạn, khổ-sở long-đong, nghe ông thóa-mạ xã-hội như thế, lấy làm hợp với bụng mình và tôn ông như ông thầy. Bởi thế mà ông thành cái danh là một nhà phá-hoại; mà thật ra sách-vở ông cũng có một phần to trong cuộc đại-cách-mệnh năm 1789. Các nhà cách-mệnh hồi bấy giờ muốn đạp đổ cái hiện-trạng xã-hội, tưởng thế là theo cái học-thuyết của ROUSSEAU, không biết rằng thế là trái ngược hẳn cái tư-tưởng của ông. Trong các sách của ông, duy có sách « Xã-ước » là có cái tư-tưởng cách-mệnh, còn các sách khác thường chủ-trương sự duy-trì xã-hội, duy-trì để mà cải-tạo dần dần. Như về đường tôn-giáo thì ông không công-nhiên phản-đối đạo Gia-tô như VOLTAIRE mà lại muốn khuếch-trương cho rộng ra, xướng lên một cái thượng-đế chủ-nghĩa, kết-quả là khiến cho lòng sùng đạo ở nước Pháp lại càng mạnh hơn các đời trước. Các nhà tư tưởng tự-do về đời sau mà không đến nỗi đoạn-tuyệt quan-hệ với giáo-hội, là phần nhiều cũng nhờ ở cái quan-niệm rộng-rãi của ông về tôn-giáo. Xem như thế thì biết cái ảnh-hưởng của ông ROUSSEAU vừa rộng vừa sâu là chừng nào, vì ông vừa đề-xướng cộng-hòa mà lại vừa khôi-phục tôn-giáo. Về đường đạo-đức thì ông giúp cho sự đạo-đức của cá-nhân, là dạy cho người ta biết tin ở lương-tâm mình; ông giúp cho sự đạo-đức trong gia-đình, là ông bài-xích những cái thói xa-xỉ phóng-túng để củng-cố cái đoàn-thể gia-đình; ông giúp cho sự đạo-đức trong xã-hội là tuyên-bố lên những chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng

nhân-đạo bác-ái. Có thể nói rằng ông đã thay đổi hẳn cái không-khí tinh-thần của nước Pháp. Ông không có phản-đối sự tiến-bộ, nhưng ông cho rằng sự tiến-bộ về đường vật-chất không đủ làm cho người ta được hạnh-phúc, như thế là ông chữa lại cái học-thuyết của VOLTAIRE và các nhà triết-học đời bấy giờ quá tin ở sự tiến-bộ về vật-chất, cho rằng bao nhiêu sự tiến-bộ khác cũng do ở đấy mà ra. Ông có trái với cái phong-trào tư-tưởng đương-thời, nhưng không phải là có ngăn-trở gì, chính là chữa lại cho phải đường mà thôi. Về tôn-giáo cũng như về các phương-diện khác, ông cho là mọi sự đều căn-cứ ở lòng người, mà trong lòng người thì phần tình là trọng hơn phần lý, vì là tự-nhiên và thâm-trầm hơn. Cái quan-niệm tình thắng lý đó, tức là nguồn gốc của cái chủ-nghĩa lãng-mạn trong văn-học và triết-học-sử nước Pháp đời sau. Nói tóm lại, về văn-học, về triết-học, về xã hội, về luân-lý về tôn giáo, về chính-trị, vào khoảng đầu thế-kỷ thứ 19, dù xét về phương-diện nào cũng thấy có ảnh-hưởng của ROUSSEAU cả. Thứ nhất là về phương-diện xã-hội, tư-tưởng của ông lại thích-hợp với đời nay lắm. Các nhà triết-học đời bấy giờ muốn cải-cách về chế-độ xã-hội, không biết xét đến cái căn-nguyên về sự bất-bình trong xã-hội, là cái lẽ bất-bình-đẳng trong loài người, mà sự bất-bình-đẳng ấy ông đã nói rõ là bởi cái tình-trạng bần-phú bất-quân, muốn chữa sửa cho được thì phải giải-quyết cho xong vấn-đề tài-sản, đó chính là cái tôn-chỉ của chủ-nghĩa xã-hội ngày nay. Ảnh-hưởng của ROUSSEAU không phải là chỉ thuộc về đường văn-học mà thôi, xem như trên đó thì biết, nhưng cũng là nhờ cái văn-chương tuyệt-bút của ông mà những tư-tưởng ông truyền-bá ra được rộng và được sâu như thế. Ông đối với văn-học-sử nước Pháp, đối với văn-học-sử cả Âu-châu, thật là một ngôi sao Bắc-đẩu, ánh sáng còn chiếu-diệu mãi đời đời. Vậy thời ông vừa là một nhà đại-văn-hào, đại-tư-tưởng, đại-cải-cách của Tây-phương; ngày nay ảnh-hưởng ông lan sang cả Đông phương, người Đông-phương ta tôn-sùng ông như một bậc tiên-giác, cũng là đáng vậy. Dù cái lịch-sử của ông bông-lông, mà cái tư-tưởng của ông thâm-trầm; ông không phải là bậc thánh-nhân, ông cũng là một người như chúng ta, nhưng một người đã từng-trải cái khổ ở đời, đã biết đau-đớn vì những điều trông thấy, biết thương xót cho những kẻ yếu hèn, cho nên nói ra lời nào là thiết-tha cay-đắng, cảm-động vô cùng.

T.-c. *biên-dịch*

TRÍCH-DỊCH CÁC SÁCH CỦA ROUSSEAU

I. — Trích dịch sách « Luận về khoa-học và mĩ-thuật »

Sách «*Luận về khoa-học và mĩ-thuật*» (Discours sur les Sciences et les Arts), *chia ra làm hai phần: phần thứ nhất là phần tác-giả xét về phương-diện lịch-sử; phần thứ nhì là bàn chính về các khoa-học và các mĩ-thuật.* ROUSSEAU *lần án văn-minh, rồi kể những cái tệ-đoạn của các sự tri-thức của loài người, và sở-dĩ làm sao những sự tri-thức ấy là hư-hại yếu mộng-ảo cả.*

Tuy-nhiên công-kích như vậy mà cũng có chom-chước: thế mà những kẻ

bác-học giả, nhưng cũng biết công cho những nhà học-vấn chân-chính, ông từng gọi là « thầy học của loài người » (les précepteurs du genre humain).

Sau đây trích-dịch hai đoạn về sách này.

I

LỜI THAN CỦA FABRICIUS (1)

Ôi, Fabricius ! ông là người lượng cả tài cao, tay ông đã cứu cho thành La-mã, ông đã có chiến-công làm cho La-mã hiển-hách, ông lại có danh thơm làm cho La-mã vẻ-vang ; vì nay chẳng may mà ông phục-sinh lại, trông thấy cái cảnh-tượng La-mã đời nay, thì lòng ông nghĩ thế nào ? Tất ông than rằng : « Trời đất ôi ! Nào đâu là những nhà gianh vách đất của cá tiên-dân ta ở ngày xưa, tiết-kiệm mà cần-cù ? Nào đâu là cái thói giản-dị chất-phác của La-mã, mà nay biến ra cái cảnh phồn-hoa tai-hại như thế này ? Tiếng nói di-dịch này là tiếng nói gì ? phong tục phóng đãng kia là phong-tục chi ? Nào những tượng cùng tranh, nào những lâu-đài nọ là để làm gì ? Ôi dân La-mã, các anh dại-dột biết chừng nào ! Các anh là chúa-tể muôn dân, mà nay các anh cam-tâm làm nô-lệ cho những giống người khinh bạc mà các anh đã thắng được ! Những kẻ cầm quyền cai-trị các anh ngày nay là những kẻ văn-nhân vụ khoát ! Các anh đem máu dào tưới đất Hi-lạp, đất Á-châu, là chỉ để làm giàu cho những phường xây nhà, nặn kiểu, vẽ tranh, làm hề ! Thành quách *Carthage* giờ vào tay một thằng thổi sáo ! Ôi, dân La-mã ! nên mau mau triệt hạ những chốn vũ-đài ca-quán kia đi ; đập đổ những tượng đá kia, đốt cháy những bức tranh nọ, khu-trục những quân dì lo nó để đầu cuỗi cổ các anh, và đem những nghề khéo chước lạ để làm cho hư-hại các anh ! Những cái tài khéo vô-ích, nên để cho giống khác tập lấy ; giống La-mã ta, chỉ có một sự-nghiệp chính-đáng : là chinh-phục thế-giới và đem sự đạo đức nhân-nghĩa dạy cho loài người ! »

II

VĂN-MINH LÀM HẠI PHONG-TỤC

Trước khi đặt ra lễ giáo, khiến cho thói ăn cách ở, bụng dục lòng tà, cũng kiểu sức thành văn vẻ, thời phong tục người ta chất phác mà tự nhiên ; xem cách cư xử của mỗi người, tức-khắc hiểu được tính-cách của người ấy. Nhân-tâm đời xưa không phải vốn có hay hơn đời nay ; nhưng mà người ta được yên-ổn, vì dễ thân-cận nhau ; dễ thân-cận nhau nên khỏi nhiều điều hư-hại, cái đó người đời nay không biết là quí nữa.

Ngày nay người ta khôn-khéo lọc lõi hơn, sự giao-tế định thành phép-tắc, thành ra phong-tục có cái vẻ nhất-trí, đồng-loạt nhau cả, không đặc-sắc gì, và hết thảy mọi người tựa-hồ như đúc theo một khuôn vậy ; lúc nào cũng bị lễ-lối bắt-buộc thế nọ, lễ-nghi sai khiến thế kia ; lúc nào cũng phải tuân theo thói-tục không, bao giờ được suất tự thiên-tính. Tự mình thế nào, không dám biểu-lộ ra ngoài như thế ; người ta ở trong xã-hội, lúc nào cũng bị cưỡng-bách luôn luôn, không khác gì như một dân lũ vô-nhân-cách, xử vào cùng một cơ-hội nào thời cùng nhau cùng hành-động như thế, trừ khi có cái duyên cớ gì mạnh hơn nó khuynh-hướng ra dáng khác thời không kể. Vậy nên khi mình giao-tiếp với người nào không bao giờ biết rõ người ấy ra thế nào ; muốn biết rõ một người bạn mình thời phải đợi có cái cơ-hội

(1) Fabricius là Tổng-thống La-mã từ năm 282 đến 378 trước Gia-tô giáng-sinh. Người đạo đức cần kiệm, lúc chết nghèo quá Nhà-nước phải cho tiền làm ma.

nào to tát nó xảy ra mới có thể nghiệm được, mà đợi đến thế thì là muộn mất rồi, vì mình cần biết người chính là để phòng những cơ-hội đó.

Sự phân-vân trong lòng đó sinh ra biết bao nhiêu điều tệ-hại! Không có tình bè-bạn thật-thà, không có lòng yêu mến thành-thực, không có bụng tin cậy lẫn nhau nữa. Ngoài mặt vẫn lễ phép, vẫn giữ cách lịch-sự theo văn-minh đời nay, nhưng trong lòng ngờ-vực ghen-ghét, giấu-giếm, phản-trắc nhau cả. Không có thể rủa để làm phỉ-danh Thiên-chúa, nhưng phỉ-báng để làm nhục tiếng bề trên, mà không có kẻ nào lấy thế làm trái tai. Không có phúc tái của mình, nhưng làm hạ giá kẻ khác đi. Đối với kẻ thù không có chửi rủa trước mặt, nhưng lại sàm-báng sau lưng. Lòng bài-ngoại tiêu-diệt đi, nhưng lòng ái-quốc cũng tiêu-trầm nốt. Trước ngu dốt không biết gì đáng khinh đã đành, nay biết lắm thành hoài-nghi lại càng hại. Vẫn có nhiều điều hư điều tệ thiên-hạ không dung, nhưng lại có lắm cái xấu sa mà giả danh làm đạo-đức; những cái ấy thời phải có, hay phải làm ra mặt có. Các bậc thời triết bây giờ, dù ai muốn khen là có cái đức-tính đạm-bạc mặc lòng, tôi đây tôi cho là họ giả-dối cả, bề mặt làm ra giản-phác mà bề trong thật là phóng-túng.

Ấy phong-tục ta ngày nay thuần-mĩ như thế đấy! ấy người đời nay trở nên đạo-đức như thế đấy! Sự biến-cải hay ho tốt đẹp ấy, phải qui công cho văn-học, khoa-học, mĩ-thuật một phần to vậy! Tôi chỉ xin nói thêm một câu này: là ví có một người khách lạ ở phương xa nào đến đây, muốn quan-sát phong-tục Âu-châu mà xét ở cái trình-độ khoa-học, mĩ-thuật, ở cách chơi-bời phong-nhã, giao-thiệp hào-hoa, ăn nói dịu-dàng, chào mời lễ-phép, tựa-hồ như bao nhiêu người già trẻ lớn bé, đàn ông đàn bà, từ sáng đến tối, chỉ những chăm-chăm chiều đãi đẹp lòng nhau; ví có người quan-sát cái bề ngoài như thế mà phán-đoán về phong-tục của chúng ta thời thật là trái ngược với sự thực vậy.

.·.

Trích dịch sách « Luận về nguyên-nhân sự bất-bình-đẳng trong loài người »

Sách «Luận về nguyên-nhân sự bất-bình-đẳng trong loài người » (Discours sur l'origine de l'inégalité parmi les hommes), *là bài trả lời cái vấn-đề của Hội Hàn-lâm thành* Dijon *treo giải năm* 1754. *Đầu đề là: « Nguyên-nhân sự bất-bình đẳng trong loài người là thế nào, và sự bất-bình-đẳng ấy có hợp với luật thiên-nhiên không?»* (Quelle est l'origine de l'inégalité parmi les hommes et si elle est autorisée par la loi naturelle?)

Trước hết Rousseau *tưởng-tượng cái tình-trạng thiên-nhiên thế nào và mô-tả ra một cách khiến cho* Voltaire *đã có câu nói mỉa rằng: « Ông làm cho người ta muốn đi bốn chân như con vật. » Tình-trạng thiên-nhiên là cái tình trạng trí-thiện, làm sao người ta sinh-trưởng ở trong một cái hoàn-cảnh như thế mà lại trở nên độc ác được?*

Sau đây trích dịch hai đoạn về sách ấy.

I

SỰ BẤT-BÌNH-ĐẲNG PHÁT-SINH RA TRONG LOÀI NGƯỜI THẾ NÀO?

Trong đoạn này Rousseau *thuật lại sự tiến-hóa của các xã-hội và phát-minh ra bởi những nhân-quả gì mà người đã man thành ra người văn minh. đoạn này là một đoạn văn trứ-danh của ông. Ông nói rằng:*

Người nào trước nhất chiếm lấy một miếng đất, rào chung quanh lại, mà nói lên rằng: *Đất này là của tôi*, lại có kẻ dại-dột mà nghe như lời nói ấy, thời người ấy chính là sáng-lập ra cái chế độ xã-hội vậy. Nay ví có người khác nhổ cọc giậu ra, xây hào lấp rãn lại, hô lên mà bảo người ấy rằng:

«Các anh chớ có nghe thằng dỗ đó; các anh phải biết rằng đất này không phải của ai mà hoa mầu là của chung mọi người, các anh quên thì các anh chết!», vì có người được biết bao nhiêu sự tội ác, sự chiến tranh, sự cực-khổ, sự giết tróc. Người ta khi còn chịu ở trong lều gianh vách đất, lấy gai cây và xương cá mà khâu áo mặc bằng da giống vật, trang sức thì dùng những lông chim cùng vỏ ốc, lại vẽ mình bằng các sắc sặc-sỡ, khi giời thời cái nỏ với cái tên, đồ dùng thời miếng đá nhọn để đẽo gỗ làm cái thuyền độc-mộc đi đánh cá, đồ chơi thời mấy cái đàn cái sáo sơ-sài; nói tóm lại là trong khi còn chỉ biết chăm-chút những cái công-trình nho-nhỏ sức một mình làm nổi hay là những cái kỹ-thuật thường-thường không phải cần đến nhiều tay hiệp-lực, khi ấy thời sinh-hoạt được sung-sướng thảnh thơi, và tính khí cũng ôn-hòa bình dị, dẫu chẳng được hoàn-toàn, nhưng cái bản-tính thế nào lộ ra như thế, và cách giao-tế vừa có cái vẻ xum-vầy mà độc-lập; nhưng mà kể từ khi một người phải cần đến người khác giúp, từ khi một người nghĩ ra muốn tích-trữ lấy lương ăn cho hai người, thì sự bình-đẳng mất đi, sự tài-sản sinh ra, sự lao-động phải cần, và nơi rừng hoang bụi rậm kia, biến thành đồng ruộng tốt tươi, phải lấy mồ-hôi nước mắt của người ta mà tẩm-tưới, lúa mọc cao lên bao nhiêu thời lại càng thêm kẻ lầm-than nô-lê bấy nhiêu.

Nói đến đấy, Rousseau *nhắc lại cái cảnh hòa-lạc của người ta lúc mới sinh ra trên mặt đất là đời hoàng-kim thời-đại của loài người, và kể về các nghệ-thuật của người ta phát-sinh ra thế nào; rồi nói rằng:*

Thế là các năng-lực của người ta đều được phát-đạt cả, sự ký-ức, sự tưởng-tượng đều được hoạt-động cả, lòng tự ái cũng can-thiệp vào, lý-tính được phát-triển và nhân-trí được mở-mang đến cực-điểm.

Thế là bao nhiêu những cái thiên-tư của người ta đều hoạt-động cả, thân phận cùng địa-vị của mỗi người không những định theo cái số của-cải và cái sức lợi-hại của người ấy, mà định theo tài-năng trí-tuệ, sự khôn-ngoan, sự khéo-léo của mỗi người, ai có những tư-cách như thế thời mới đáng tôn đáng trọng, vậy thời muốn có giá-trị phải mau mau cho có những tư-cách ấy, và không có thì cũng cố làm ra có. Muốn cho hơn người thì phải phô-lộ ra ngoài khác với bản-chân của mình. Trong lòng với ngoài mặt, thành ra hai mối rất sai biệt nhau, và bởi sự sai-biệt đó nên mới sinh ra mưu-mô lừa-dối, cùng trăm nghìn điều tệ-hại khác nữa. Về một phương-diện khác thời người ta đương được tự-do độc-lập, nay sinh ra lắm sự cần dùng, phải lụy đến cả vạn-vật, thứ nhất là lụy đến kẻ đồng-loại mình, dẫu có khi làm thầy kẻ khác cũng đồng thời phải nô-lệ người ta: giàu có thì phải cần đến kẻ khác hành-dịch cho mình; nghèo hèn thì phải cần đến kẻ khác giúp-đập cho mình, và dẫu khốn-khó thời không sao tránh khỏi lụy người. Vậy thời lúc nào cũng phải nghĩ đến cách làm cho kẻ khác chú-ý đến thân-phận mình và phải kiếm cớ thế nào cho họ tưởng rằng họ làm cho mình là họ có lợi cả cho họ nữa; thành ra đối với người này thì điên-đảo dối-dá, đối với kẻ kia thời khắc-khổ nghiêm-nhặt, và đối với mọi người hễ không có quyền làm cho người sợ, hay không có lợi phục-dịch người ta, thì thế tất phải lừa dối hết cả. Sau nữa, lại thêm cái lòng dục-vọng vô-nhai, cái bụng hăng-hái muốn tăng giá-trị của mình, không phải là vì cần-dùng mà chính là để hơn người, thiên cho người ta ngầm có cái ác-tâm muốn hại lẫn nhau, ghen-ghét

nhau một cách nham-hiểm, ngoài mặt càng tử-tế, trong lòng càng thâm-độc, mà cái mưu càng ác-hại. Nói tóm lại thì một mặt là xung-đột cạnh-tranh, một mặt là quyền-lợi phản-trái, mà bao giờ cũng là có cái bụng ngầm muốn hại người để lợi cho mình. Bấy nhiêu điều tệ hại là cái kết-quả thứ nhất của sự tài-sản và là các món phụ-thuộc tất-yếu của sự bất bình đẳng mới sinh ra.

Trước khi chế ra các cái biểu-hiệu của tài-sản, thời tài-sản chỉ có ruộng đất với trâu bò, là cái của chân-thật của người ta. Đến khi sản-nghiệp kế-thế, càng ngày tích-lũy càng nhiều, khai thác càng rộng, đất đã chật, của người nọ tiếp-giáp với người kia, muốn mở mang thêm ra nữa thì chỉ có xâm lấn của người mà thôi, thành ra những kẻ ương-hèn không biết thu-hoạch thêm cho mình, dẫu không mất gì mà hóa ra nghèo kém kẻ khác, vì rằng chung-quanh mình không thay đổi gì, muốn tự-cung cho túc-dụng thì phải hoặc là ngưỡng-cấp ở người, hoặc là xâm-đoạt của người. Nhân đó mà tùy tính-cách mỗi người thành ra những thói áp-chế hay là nô-lệ, bạo-động cùng là xâm-lược.

Đến như người giàu thì đã được nếm cái phong-vị áp-chế người, bây giờ không thiết gì đến các cái phong-vị khác nữa; đã nô-lệ được người ta rồi, bèn dùng kẻ nô-lệ cũ để chinh-phục kẻ nô-lệ mới, chỉ nghĩ những cách xâm-đoạt kẻ láng giềng mình mà thôi, khác nào như lũ hổ-lang kia đã được nếm thịt người một lần thời rồi sau không muốn ăn thịt gì nữa, chỉ có thịt người là mới thích miệng.

Bởi thế nên kẻ cường-bạo cùng kẻ khốn-cùng, lấy cái sức mạnh hoặc sự cần-dùng của mình coi như một cái quyền đối với tài-sản kẻ khác, quyền này cũng ngang bằng với quyền sở-hữu, nhân đấy mà mất sự bình-đẳng, thành ra rối loạn lung-tung cả; cũng bởi thế nên những sự lấn-loát của kẻ giàu, những sự tạo cướp của kẻ nghèo, những cái dục-tình kịch-liệt của kẻ nọ cùng kẻ kia, làm cho tất cả cái lòng từ bi bác-ái tự nhiên cùng cái mối lương-tâm công-nghĩa mới nhóm, khiến cho người ta thành biển-lận, tham-lam, độc-ác. Kẻ có quyền chiếm-lĩnh trước với kẻ có sức mạnh đến sau, hai bên tất xung đột nhau luôn, kết cục đến đánh giết nhau không khỏi. Xã-hội mới thành đã thành một cái trường chiến-đấu gớm-ghê: nhân-loại bị khổ bị nhục, không thể quay trở lại được nữa, cũng không thể bỏ những cái của khốn-nạn đã thu-hoạch được, chỉ biết lạm-dụng tài-trí của mình để tự làm cho thêm khổ thêm nhục mà thôi, thế là tự mình làm cho mình lụn-bại đến ngày.

Vậy thời kẻ thủ phạm trong xã-hội là kẻ có của; là người giàu kia đã làm cho người nghèo phải cướp bóc để kiếm ăn, lợi-dụng cái công khó nhọc của kẻ đồng-loại mình, đặt ra pháp-luật để giữ quyền-lợi của mình, lập ra điển-chương chế-độ mà làm mất cái tự-do thiên-nhiên đi.

Sự bất-bình đẳng trong xã-hội tiến lên theo ba thời-kỳ như sau này:

Thời-kỳ thứ nhất là đặt ra pháp-luật và quyền sở-hữu; thời-kỳ thứ nhì là đặt ra quan-chức tư-pháp; thời-kỳ thứ ba là biến cái quyền-thế chánh-đáng ra cái quyền-thế độc đoán.

Bởi ba nguyên-nhân đó mà thành ra bốn thứ bất bình đẳng như sau này: sản nghiệp, qui-tộc, thế-lực và tài sản riêng.

Trên hết mọi sự bất-bình đẳng là cái quyền chuyên-chế của vua chúa, quyền này là gồm cả mọi cái tội-ác bởi sự bất bình đẳng mà ra, mà kết-cục lại thành một sự bình-đẳng lạ lùng, là ngoài kẻ cầm quyền chuyên chế còn hết thảy người ta là hư-không [illegible] cả.

Kết luận bài này tất là khuynh-hướng về nghĩa cách-mệnh, vì theo như chính lời tác giả nói rằng : « Trong xã hội mà đứa trẻ con sai-khiến được ông lão già, thằng ngu-độn sử-linh được kẻ có trí, một số ít người lũng-đoạn cả của-cải trong tay mình đến dàn-dụa yếm-ứ, còn đại-đa-số thời chốn khó thiếu cả những sự cần dùng, như thế thời là trái với lẽ thiên-nhiên.»

. . .

III. — Bức thư cho ông d'Alembert luận về tuồng-hát

ROUSSEAU *viết bức thư cho ông* D'ALEMBERT *này về mùa đông năm* 1758, *khi tĩnh dưỡng ở trên lầu bên cạnh cái nhà nhỏ ở* Montlouis.

Bức thư này là một bài trả lời gián tiếp cho DIDEROT *tin rằng nghề diễn-kịch có ích về đường luân-lý và cho* VOLTAIRE *bấy giờ đương có ý muốn mở một rạp hát ở* Genève.

ROUSSEAU *phản đối với hai ông ấy nói rằng : « Diễn-kịch là một cái trường học xấu cho phong tục »*

Ông lập thuyết như thế nên ông phán-đoán về MOLIÈRE *rất nghiêm-khắc.*

Bức thư này dài lắm, thật là một bài trường-thiên đại-luận. Sau đây trích dịch ba đoạn.

I

DIỄN-KỊCH LÀ CÁI TRƯỜNG DẠY XẤU

Có nhiều những nguyên-nhân chung và nguyên-nhân riêng hiệp lại làm cho nghề diễn-kịch không thể trở nên hoàn-toàn được, không thể sinh ra kết-quả mĩ-mãn như người đời thường kỳ-vọng vậy. Cho dẫu nghề ấy có thể làm cho tuyệt-đích hoàn-toàn được, cho dẫu công-chúng sẵn lòng chịu ảnh-hưởng mặc lòng kết-quả rồi cũng chẳng thành gì, vì không có cách mà tiêu-biểu ra cho rõ-rệt được. Tôi xét chỉ có ba phương-pháp [illegible] sau này có thể dùng để mà đi[illegible] dịch-tục trong một dân một nước là : sức mạnh của pháp-luật, thế-lực của dư-luận, và sự khoái-lạc của người ta. Nay pháp-luật không thể đem vào diễn-kịch được, vì diễn-kịch phải có tự do thời mới vui-thú, nếu có chút cưỡng-bách thời một thứ ngay Dư-luận cũng không thuộc vào diễn-kịch, vì diễn-kịch, không thể khiến được dư-luận, mà lại phải chiều theo dư-luận. Còn như sự khoái-lạc, thời đi coi tuồng hát càng lấy làm thích bao nhiêu lại càng sinh ham và năng đi bấy nhiêu, kết-quả chỉ có thế mà thôi.

Nay thử xét xem hoặc còn có kết-quả nào khác nữa không. Có người nói : nghề diễn-kịch nếu mà khéo dùng ra thời có thể làm cho điều thiện đáng yêu, điều ác đáng ghét. Nếu quả thế thật thời trước khi có tuồng-hát thiên-hạ không biết yêu kẻ làm lành, ghét kẻ làm dữ chăng ? lòng yêu ghét ấy ở những nơi không có rạp hát tuồng có lẽ kém những nơi khác chăng ? Nói rằng nghề diễn-kịch làm cho điều thiện đáng yêu. . . Nếu diễn-kịch có cái công-dụng như thế thời trước khi có diễn-kịch, thiên-lương và lý-tính của người ta cũng đã có công-dụng như thế rồi ! Nói rằng nghề diễn-kịch làm cho điều ác đáng ghét. . . Thế thì ngay trong xã-hội, những kẻ thiên-hạ biết là kẻ ác, có ai yêu không ? Người ta xem diễn-kịch mà đem lòng ghét kẻ ác, có phải là tác-giả khéo gây nên bụng ghét đó không, hay là chỉ vì kẻ ác làm ác cho nên người ta ghét ? Những tội ác ấy cứ thuật lại cho ta nghe há lại không đủ làm cho ta tức giận mà phải đến bày trò vẽ hề mới được ? Nếu cái tài khéo của nhà diễn kịch chỉ đủ làm cho kẻ ác đáng ghét, thời tài ấy chắc cũng chẳng lấy gì làm quí báu cho lắm, vì không có diễn-kịch thiên hạ cũng đã thừa biết chán rồi. Không những thế, tôi lại còn ngờ một điều như thế này, không biết có nên nói không ? Tôi ngờ rằng những tội ác trong bài

tuồng *Médée* và tuồng *Phèdre*, giá kể cho người nào nghe trước, thời lòng ghét-giận của người ấy có lẽ lúc đầu trò lại còn mạnh hơn lúc cuối trò : nếu thật như thế, thời cái công-dụng của diễn-kịch về đường khuyết-thiện trừng-ác còn gì nữa ?

Tôi muốn cho có người chứng-minh cho tôi một cách thiết-thực, chứ không phải chỉ dùng lời hư-phiếm mà thôi, rằng nghề diễn-kịch làm thế nào mà gây cho chúng ta được những cái tình-cảm tự ta không có, cùng làm thế nào mà khiến cho ta phán-đoán về phẩm-cách khác một cách khác với lòng ta tự nghĩ. Diễn-kịch vẫn tự-phụ có lắm cái công-hiệu như thế, nhưng xét kỹ ra thật là hão-huyền vô nghĩa-lý cả. Nếu mĩ-thuật có cái công hiệu gì đối với sự đạo-đức, thời mĩ thuật đã làm cho phi tiếng đạo-đức đi lâu rồi. Về phần tôi thời tôi vẫn chủ-trương rằng người ta lúc mới sinh ra tính vốn lành, dù ai cho tôi là ác nữa mạc lòng, tôi vẫn tin như thế, và tôi tưởng tôi đã từng chứng-giải rõ-ràng : cái gì nó khiến cho ta thiết-tha yêu-mến điều lành, ruồng-rẫy ghét giận điều dữ, là ở trong lòng ta, chứ không phải ở bài kịch. Không có mĩ-thuật nào làm cho ta có cái lòng ấy được, mĩ-thuật chỉ biết tự-phụ để lấy công hão mà thôi. Lòng hiếu-thiện là một tấm lòng tự-nhiên cũng như lòng tự-ái ; không phải ở cách bày trò xếp kịch mà thành ra được ; không phải tự tác-giả làm ra, nó đã sẵn có rồi ; nhân cái tình-cảm đã sẵn có rồi, mới gợi ra cho thành nước mắt, thế mà thôi.

Nay vì lối tuồng hát đã được tuyệt-phẩm hoàn-toàn ; người nào là người đi xem hát lần thứ nhất mà trong bụng lại không sẵn tin từ trước những điều răn-dạy trong bài tuồng, không sẵn yêu-mến từ trước những nhân-vật đáng yêu-mến trong bài tuồng ? Nhưng mà cái vấn-đề không phải ở đó, cái vấn-đề là phải cư-xử theo điều nghĩa-lý mình đã công-nhận, phải bắt-chước mà làm theo những người mình đem lòng yêu-mến. Lòng người ta, phàm thuộc về những điều gì không trực-tiếp quan-hệ đến mình, thời thường-thường bao giờ cũng ngay-thẳng lắm. Trong những cuộc cãi-cọ mà ta không can-thiệp đến, đứng ngoài làm kẻ bàng-quan mà thôi, thời tức-khắc ta phân-biệt được ngay bên nào phải bên nào trái mà tự-nhiên khuynh-hướng về bên phải ; ta thấy điều gì ác mà trong đó ta không có cái lợi riêng gì quan-hệ đến, thời không bao giờ là ta không tức giận ; nhưng khi có cái lợi can-thiệp vào, thời bấy giờ tình-ý ta sai-lạc đi, và bấy giờ ta mới thành ra bụng thiên ưa cái ác nó lợi cho ta hơn điều thiện mà thiên-lương ta xui ta nên yêu-mến. Kẻ ác thường được lưỡng-lợi, một là lợi vì sự ác của mình, hai là lợi vì lòng thiện kẻ khác, đó chẳng phải là một điều sự-lý tất-nhiên dư ? Nay bắt cả thiên-hạ phải công-bằng, duy có một mình là không, thành ra kẻ khác đối với mình phải hết nghĩa-vụ mà mình đối với kẻ khác không có nghĩa-vụ gì, còn cái giao-ước nào lợi cho mình bằng cái ấy nữa ? Người ta vẫn biết mến sự đạo-đức ; nhưng mến ở kẻ khác, vì mong lợi-dụng cho mình ; còn tự mình thì không muốn đạo-đức làm chi, vì sợ có thiệt thòi cho mình. Vậy thời người ta đi xem tuồng hát là xem cái gì ? Chính là xem cái cảnh mà tự mình vẫn muốn thấy ở quanh mình ; nghĩa là dạy sự đạo đức cho thiên-hạ, mà tự mình thời đặt mình ra ngoài, khuyên cho mọi người đều phải hi-sinh cho nghĩa-vụ, mà tự mình thời không muốn phải hi-sinh tí gì cho ai cả.

Tôi vẫn biết rằng lối bi-kịch là bày ra những cái cảnh thê-thảm để động lòng thương của người ta. Nhưng lòng thương ấy thế nào ? E[illegible]uá là một sự cảm-động hão-huyền [illegible]ời, nhân

truyện bịa-đặt mà gây ra, thời truyện thoảng qua là mất hết ; một cái mầm tình cảm tự-nhiên, chẳng bao lâu bị những mối dục-tình khác nó đè nén đi, một cái lòng thương vay xót mướn, giỏ được mấy hạt nước mắt, thế là thỏa rồi, có chung-đúc thành được một sự hành-vi nhân-từ bác-ái nào bao giờ. Kẻ bạo-quân như *Sylla*, nghe người ta thuật những tội ác của kẻ khác, cũng khóc như thế ; lại tân-nhẫn như chúa thành *Phères* mà đi xem hát đến đoạn *Andromaque* và *Priam* cũng giấu mặt sợ thiên-hạ trông thấy khóc, còn tự mình mỗi ngày ra lệnh giết hại bao nhiêu con người, nghe tiếng kẻ vô-cô than-khóc, không hề thấy động lòng bao giờ. Sử-gia La-mã TACITE thuật lại rằng VALÉRIUS ASIATICUS, bị hoàng-hậu MESSALINE mưu cho có kẻ vu-cáo thành tội để xử tử, khi ra đến trước mặt vua thời chống-chế một cách cảm-động quá làm cho vua phải xiêu lòng và chính hoàng-hậu cũng chảy nước mắt. Hoàng-hậu bèn vào trong phòng bên cạnh, để chỉnh dung-nhan lại, nhưng vừa khóc mà vừa còn dặn nhỏ quan tư-pháp là VATELLIUS rằng không được tha người bị cáo. Khi đi xem hát, thấy những bà ngồi trong « lô » cảm-động mà nức-nở khóc, không bao giờ tôi không nghĩ đến cái nước mắt của hoàng-hậu MESSALINE đối với VALÉRIUS ASIATICUS vậy.

Nói cho cùng, người ta đi xem diễn-kịch chẳng qua là thưởng-thức những truyện hão-huyền, truyện hay thì cảm-phục, truyện thảm thì thương khóc, còn muốn trách-bị gì nữa ? Như thế chẳng mãn-nguyện rồi dư ? Chẳng đã lấy làm tự-cao rằng mình là người có bụng-dạ tốt dư ? Tỏ lòng cảm-phục sự đạo-đức như thế chẳng là trọn cái nghĩa-vụ đối với sự đạo-đức rồi ư ? Còn muốn phải thế nào nữa ? Muốn cũng phải thi-hành sự đạo-đức hay sao ? Nhưng mà đời đi xem không phải là người đóng trò, không cần phải đóng vai như người trong trò !

Như vậy thời những bài bi-kịch thật hay, để lại một cái cảm-giác rất tốt, chẳng qua chỉ là thu rút cả cái luân-lý của người đời thành mấy cái tình-cảm phất-phơ hão-huyền ; chỉ là khiến cho ta khen sự can-đảm của kẻ khác để tỏ ra mình cũng biết can-đảm, thương sự khốn-nạn của kẻ khác để tỏ ra mình biết thương người, nhưng thương thì thương mà không hề cứu người cho khỏi khổ, cả cái lòng nhân-từ với kẻ nghèo-khổ chỉ biết nói được một câu rằng : Để trời phù-hộ cho anh !

Lối diễn-kịch cũng có cách làm cho giản-dị hơn, khiến cho bài kịch cũng giống như chuyện thường : nhưng thế thì không phải là sửa phong-tục nữa, thế là tả phong-tục mà thôi ; và người nào mặt xấu có biết rằng mặt mình xấu đâu. Nếu muốn sửa phong-tục mà lại nói xấu quá đi, thời tả đã không thực, còn mong có hiệu-quả gì. Phàm nói quá, không làm cho sự-vật đáng ghét, chỉ làm cho nực cười mà thôi ; như thế thì lại có một sự bất-tiện to, là người ta chỉ cố giữ lấy những điều thiên-hạ cười mà không quản đến những sự xấu khác, và muốn tránh cho khỏi bị cười thường lại mắc phải cái xấu khác. Hoặc giả nói : Sao lại có tất-nhiên như thế ? Sao lại thế, là bởi người lương-thiện không có giễu-cợt kẻ độc ác bao giờ, chỉ khinh-bỉ mà thôi, và sự khinh-bỉ của kẻ đạo-đức không có buồn cười bao giờ. Cách giễu-cợt buồn cười là cái khí-giới của sự xấu-ác, kẻ xấu kẻ ác thường dùng cái khí-giới ấy để làm cho người ta mất cái lòng yêu-mến tôn-trọng sự đạo-đức đi.

Xem như thế thì biết rằng ta không thể nào thừa-nhận cái lý-thuyết hão-huyền cho rằng nghề diễn-kịch là có ích cho sự luân-lý chung. Muốn cho diễn-kịch mà bày tỏ được rõ các mối

quan-hệ chân-chính của sự-vật thời thật là lầm; vì thường-thường tác-giả phải diễn sai đi để cho thích-hợp với cái sở-thích của công-chúng. Trong lối hí-kịch thì hạ cho thấp hơn người ta; trong lối bi-kịch thì lại nâng cho cao hơn, thành ra siêu-việt ra ngoài nhân-loại. Vậy cho nên không bao giờ xứng-hợp với loài người, và phàm những nhân-vật trong diễn-kịch là những nhân-vật khác với người đời cả. ARISTOTE cũng phải thừa-nhận sự đó là chánh-đáng, và đặt thành một cái phép-tắc trong sách «Thi-học» của ông, nói rằng: Diễn-kịch là mô-phỏng sự đời: hí-kịch thời phải tả thấp hơn và bi-kịch phải tả cao hơn loài người. — Như thế thời ra mô-phỏng sự hư-không, và một đàng thái-quá, một đàng bất-cập, còn sự thực ở giữa thời bỏ không xét đến. Nhưng có cần chi phải mô-phỏng cho đúng, miễn là phảng-phất thời thôi! Chỉ chủ-ý kích-thích cái lòng hiếu-kỳ của công-chúng mà thôi. Những sự chế-tác của tài-trí đó, mục-đích chỉ để lấy tiếng khen với thiên-hạ mà thôi. Hễ tác-giả được tiếng khen, kẻ đóng trò cũng được tiếng khen, thế là bài kịch đã đạt tới mục-đích, không cần phải có ích-lợi gì khác nữa. Nay cái hay đã không có gì, còn cái dở; mà cái dở thời hiển-nhiên, không còn ngờ nữa; như thế thì tưởng cái vấn-đề diễn-kịch là hay hay dở đã giải-quyết rõ-ràng đấy vậy.

II

PHÊ-BÌNH VỀ LỐI DIỄN-KỊCH CỦA MOLIÈRE VÀ BÀI « NGƯỜI GHÉT ĐỜI »

(*Le Misanthrope*)

Nói đến hí-kịch thì lại tệ nữa. Như trong bài « Người ghét đời » (*Le Misanthrope*), là bài hí-kịch hay nhất và có luân-lý nhất của MOLIÈRE, vai *Alceste* là người thành-thực chính-trực thời lại là vai đem ra giễu-cợt buồn-cười, còn vai *Philinte* lời ăn tiếng nói như phường ba-que cả thì được công-chúng hoan-nghênh.

Tôi tưởng bài kịch này là bày tỏ được rõ hơn cả các bài khác về cái quan-niệm về diễn-kịch của MOLIÈRE, và khiến cho ta phán-đoán được chắc về cái hiệu-quả chân-chính của diễn-kịch thế nào. Ông bày trò là để mua vui cho công-chúng, nên đã phải châm-chước cái sở-thích chung của công-chúng thế nào: ông chiều theo cái sở-thích đó mà định ra một cái kiểu-mẫu, rồi cứ lấy cái kiểu-mẫu ấy làm tỉ-lệ mà đặt ra một cái biểu những tính xấu trái với kiểu-mẫu ấy, chia ra từng vai trò để kết-cấu thành bài kịch. Vậy thời ông không có chủ-ý bày cái gương người đạo-đức, ông chỉ chủ-ý vẽ bức tranh người giao-tế mà thôi; cho nên ông không muốn chữa-sửa những điều xấu, ông chỉ muốn chữa sửa những thói dởm mà thôi; và như trên kia đã nói, ông bèn lợi-dụng cái xấu để chữa cái dởm. Như ông đã lấy người nho-nhã phong-lưu trong xã-hội làm kiểu-mẫu, ông bèn phô bày cả những cái thói dởm của người đời trái với cái kiểu-mẫu ấy để đem ra giễu-cợt chán-chê rồi bấy giờ mới giễu đến một cái dởm mà thế-nhân không ưa đệ-nhất, là sự đạo-đức: ấy cái tôn-chỉ bài « Người ghét đời » là thế.

Có hai điều, tôi tưởng không ai bẻ là tôi nói sai được: một là vai *Alceste* là người thành-thực, chính-trực, đáng kính, đáng mến; hai là tác-giả lại tả vai ấy thành một con người nực cười. Thế cũng đủ làm cho MOLIÈRE không thể dung-thứ được. Hoặc-giả nói ý tác-giả đặt ra vai *Alceste* không phải là để tiêu-biểu sự đạo-đức, mà là để tả một cái tính xấu, là tính chán đời ghét người. Nếu nói thế thời tôi xin trả lời rằng tác-giả không phải cho vai ấy là vai ghét đời: tuy cái tên bài kịch như vậy, nhưng không nên hiểu lầm mà cho vai chủ-động trong kịch là một kẻ cừu-thù loài người.

Lòng cừu-thù như thế thời không những là một cái tật xấu, mà là một sự quái-gở, một điều đại-ác nữa. Kẻ ghét đời chân-chính thật là một cái quái-vật đáng ghê. Nếu có thật, thời không có làm cho người ta nực cười, mà làm cho người ta ghê-sợ.

Vậy thời người chán đời của MOLIÈRE là người thế nào? Là một người có lương-tâm, thấy phong-tục đời mình không ra gì, thấy người đồng-thời độc-ác, thời đem lòng mẫn-thế tật-tục; chính bụng thương yêu kẻ đồng-loại, nên thấy tương-tàn tương-hại lẫn nhau mà giận mà ghét những cái thói xấu-sa đó. Nếu trông thấy sự sai-lầm của người đời, trông thấy điều bất-nghĩa ở trước mắt mà không biết cảm-động, không biết xót-xa, thời cho thế là có bụng với người đời chăng? Như thế thời có khác gì thấy người cha kia giận con mình hư còn con người không nói gì, mà bảo rằng người ấy yêu con người hơn con mình.

Ấy cái bụng người chán đời như thế, trong vai ấy tả đã rõ lắm. Người ấy nói rằng trong lòng căm giận loài người vô-cùng. Nhưng mà nhân cơ-hội gì mà nói ra như thế? Chính là nhân thấy người bạn mình ăn ở phản-trắc, đánh lừa người ta, trong lòng đã căm-tức sẵn, lại đương lúc căm-tức ấy, người bạn kia vẫn cứ bỡn-cợt như dắc-chí lắm. Trách sao giận quá chẳng sinh ra nóng-nẩy mà thốt ra những lời quá-đáng. Vả lại cứ như cách giải lẽ về cái lòng ghét đời đó thì cũng đủ chứng sự ghét đời ấy là chánh-đáng; ghét đời là bởi người đời kẻ thì độc-ác, kẻ thì dung-túng cho kẻ độc-ác. — Như thế thì ghét đời không phải là thù gì người đời mà ghét, nhưng là thấy người đời độc-ác và dung-túng sự độc-ác mà sinh ghét. Nếu người đời không có kẻ lừa-dảo, không có kẻ nịnh-nọt, thì tất thương-yêu cả loài người. Nếu ghét đời theo cách như thế thời không có người lương-thiện nào là không ghét đời; hay là nói cho đúng hơn thì những người thật bụng ghét đời là những người không nghĩ như thế, vì cứ thực ra thì tôi tưởng không có kẻ nào ghét loài người bằng kẻ kia đối với ai ai cũng là bè-bạn cả, trông thấy cái gì cũng làm ra thích-chí cả, đối với kẻ ác lại xui giục cho nó ác thêm ra, lấy cách siểm-mị mà hình như nuôi những cái thói xấu tật ác làm cho hư-hại cả xã-hội.

Cứ xem một cái chứng-cớ chắc chắn như sau này, thì đủ biết ALCESTE không phải là một người có bụng cừu-thù gì với người đời, là vốn có cái tính sỗ-sàng, lại hay nói những lời hài hước, dễ làm cho đẹp lòng thích-ý kẻ khác. Kẻ xem tuồng thực ra thì chắc cũng không ai muốn giống một con người như thế, vì người thẳng quá tất là người khó chịu, nhưng mà thiết-tưởng giả được giao-tiếp với một người giống như thế thời không ai là đến nỗi không bằng lòng; nếu quả người ấy là công nhiên thù ghét loài người, thì ai là người ưa cho được. Trong tất cả các bài-kịch khác của MOLIÈRE bao giờ cái vai xấu cũng là con người đáng khinh đáng ghét cả. Trong bài kịch này, thì tuy vai ALCESTE cũng có những tật xấu khiến cho người ta cười giễu cũng đáng, nhưng mà trong lòng vẫn có cái ý thầm kính trộm yêu, không nỡ nào ghét bỏ được. Trong khi tả một cái vai như vai này thì cái tài khéo của tác-giả thật là không thẳng nổi cái sức mạnh của đạo-đức, và tỏ ra tác-giả là người có bản-lĩnh tốt. MOLIÈRE soạn kịch không ra gì, nhưng làm người thì vốn tốt; cái ngọn bút một người có lương-tâm thì không bao giờ lại bôi nhọ được tấm lòng thành-thực chính-trực. Không những thế mà thôi: MOLIÈRE lại giả-thác cho ALCESTE nói

Văn-miếu Hà-nội. — Khuê-văn-các

Kinh ảnh T. C. Khuyến

Văn-miếu Hà-nội

Kinh ảnh T. C. Khuyến

lắm câu xử-thế cách-ngôn của mình, khiến cho lắm người dã ngờ rằng ông tả ra vai ấy chính là muốn tự tả mình vậy...

Một nhân-vật có đạo-đức như thế, thế mà lại tả thành con người đáng buồn cười. Mà vai này kể cũng có lắm chỗ buồn cười; cứ xem như thế này thì đủ biết cái ý của tác-giả có làm cho thành một vai buồn cười, là đối với vai ấy tác-giả đặt một vai người bạn tên là PHILINTE. Lão PHILINTE này, rõ là cái vai cao-thượng trong bài kịch; rõ là một bậc bác-nhã quân-tử theo như cái luân-lý thông-thường của xã-hội thượng-lưu đời bấy giờ, luân-lý này tưởng cũng không khác gì cái luân-lý của phường trá-ngụy. Hạng người này ngoài mặt êm-ái dịu-dàng biết dường nào, cho ở đời là cái gì cũng hay cũng tốt cả, vì muốn cho sự đời hay hơn nữa cũng không có lợi gì cho mình; đối với ai cũng ra dáng bằng lòng, vì trong lòng có thiết gì đến ai; ngồi bàn tiệc ăn uống với nhau thì nói rằng dân có đói bao giờ; hà-bao chật ních những tiền, còn nghe thấy ai thương xót đến kẻ khó; trong nhà cửa đóng then cài, ở ngoài giá cả nhân-loại cướp-bóc giết-tróc lẫn nhau, cũng có thể cứ thản-nhiên như không, vì trời đã bẩm-sinh cho cái tính nhẫn-nhục chịu được cái khổ của kẻ khác!

Một người cứ điềm-nhiên mà bàn nghĩa-lý đem đối với một người hễ nghe thấy sự trái tai trông thấy điều trái mắt, thì nổi giận đùng đùng lên, thật là chỉ đủ làm cho người sau đó thành một con người đáng buồn cười. Cái tệ của MOLIÈRE không phải là tả vai ghét đời ra con người giận dữ khó tính đâu, nhưng lại tả những cái giận dữ chẳng vào đâu, như cái giận của đứa con nít vậy... Ấy cái tật xấu của vai ghét đời là như thế; và MOLIÈRE khéo lợi-dùng cái tật ấy để tả những đoạn ALCESTE ngồi nói chuyện với bạn, người bạn thì cứ nói-năng điềm nhiên mà lại ra giọng trào-phúng, còn ALCESTE thì hễ nghe thấy câu nào là nổi giận lên câu ấy, nói ra những lời sống-sượng mà đích-đáng; nhưng mà một con người mà khắc-khổ như thế, lâm-thời thốt ra những giọng chua-cay như thế, thời gặp những sự nhỏ-nhen không đáng buồn cũng không nên buồn làm chi, trong lòng không có sự gì tư-kỷ khiến cho vì lẽ riêng mà đến phải giận-dữ với ai. Đối với những sự bậy-bạ không quan-thiết đến mình thì dễ sinh lòng tức-giận, càng tả những sự tức giận ấy thời càng như tiêu-biểu rõ cái vai người ghét đời; nhưng mà đến những sự độc-ác của người đời mà có quan-thiết đến chính mình, thời lại điềm-nhiên như không, vì tự mình đã tuyên-chiến với kẻ độc-ác thì tất phải liệu trước rằng thế nào những kẻ ấy cũng tuyên-chiến lại với mình. Nếu tự mình không liệu trước mà biết rằng sự cương trực của mình tất có hại cho mình, thì cái đó là mình sơ-suất không nghĩ đến chứ không cho là một cái đức-tính nhẫn-nhục được, như gặp phải người vợ đánh lừa, gặp phải người bạn phản-trắc, thì phải biết mà chịu không nên ta-thán gì, vì cái tâm-lý người đời tất mình phải đã rõ.

Nếu sự giải-thích như thế là đúng, thì MOLIÈRE tả lắm người ghét đời, nhưng có phải là thật không biết mà làm không? Chắc không phải thế. Chỉ vì muốn đem vai trò ấy ra mà giễu-cợt cho nên phải tả sai cái tâm-lý đi một tí...

Tôi tưởng MOLIÈRE kết-cấu bài kịch cho đến nỗi cần phải đặt ra một vai PHILINTE, khiến cho sự hành-động của PHILINTE và của ALCESTE, ngoài thì trái với cái lý-tưởng của hai người mà trong thì lại hợp với cái tâm-tính của hai người, làm như thế vừa không thích-nghi, vừa sai sự thực và lại vừa

mất cái dịp phô-bày ra được nhiều đoạn kịch hay hơn nữa. Tôi nói thế nghĩa là người ghét đời bao giờ cũng phải tức-giận những thói xấu của người đời, mà đối riêng với mình dẫu phải chịu sự ác-nghiệt thế nào, cũng phải điềm-nhiên như không vậy. Còn như PHILINTE thì lý-ưng là đối với mọi sự tệ-hại trong xã-hội đều điềm-nhiên như không, mà gặp phải sự mảy - may gì thiệt-hại đến thân mình thì nổi giận đùng - đùng lên. Tôi thường nghiệm những kẻ đối với sự tai-hại chung vẫn là hòa - bình cao-thượng lắm, thế mà hơi thấy thiệt đến mình một tí thời kêu-ca vỡ-lở lên, cái triết-học cao-thượng của những người ấy ra chỉ để đối với người chứ không để đối với mình. Những người ấy cũng giống như bác Ái-nhĩ-lan kia, lửa cháy đến nhà rồi mà vẫn cứ nằm trên giường, không chịu ra. Người ta kêu : Nhà cháy rồi. — Bác trả lời : Việc gì đến tôi, tôi chỉ là người thuê nhà mà thôi. — Đến sau lửa cháy đến tận buồng bác. Bác mới nhảy ra, chạy kêu rầm lên, quay cuồng như đứa dại ; bấy giờ mới hiểu rằng nhà ở tuy không phải của mình, nhưng cũng có khi phải thiết đến.

Tôi thiết - tưởng tác-giả tả tính-cách hai người theo cái ý đó thời có lẽ tả lại đúng hơn, hợp với cách diễn-kịch hơn và vai ALCESTE lại có giá-trị và có ảnh-hưởng hơn biết bao nhiêu ; nhưng giả tác - giả làm như thế thì người xem kịch lại cười vai PHILINTE mất ; mà chủ-ý tác-giả thời lại muốn thiên-hạ cười vai ALCESTE kia !

III

CÁI NGỘ-ĐIỂM CỦA MOLIÈRE

Nay thử xét kỹ lối hí-kịch của MOLIÈRE. Toàn lấy những cái tính rởm tật xấu của loài người làm đầu bài cả. Kẻ tai-quái đánh lừa kẻ thật-thà, kẻ khờ dại bị hại với kẻ độc-ác. Ở đời quả có thế thật, nhưng đem ra diễn-kịch lại có ý như cho thế là hay là phải, hình như muốn xui giục những kẻ ác-tâm làm hại người thật-thà cho là khờ-dại.

Ấy cái tôn-chỉ diễn-kịch của MOLIÈRE và những người mô-phỏng MOLIÈRE là như thế. Họ cũng biết một đôi khi giễu-cợt sự xấu, nhưng không bao giờ biết khiến cho yêu mến điều hay ; cổ-nhân cho những người ấy là chỉ biết gạt cái hoa đèn mà không biết đổ dầu vào đèn.

Nay lại xem tác-giả muốn bịa đặt ra chuyện buồn cười mà làm lẫn-loạn trật - tự xã - hội thế nào ; chỉ cốt cho người ta mua vui lấy mấy giờ đồng-hồ mà làm điên-đảo cả luân-thường đạo-lý, làm cho con chế-nhạo cha, vợ bỉ-báng chồng, đầy tớ lấn-loát cả chủ nhà : dùng sự cười là một cái bả vô-hình, khiến đến người chính-nhân quân-tử cũng mắc, cũng phải nực cười những sự đáng nên tức giận mới phải. Vẫn biết rằng tác-giả cũng có công-kích những sự xấu, nhưng mà thử so-sánh những cái xấu mà tác-giả công-kích với những cái xấu mà tác-giả xui giục, xem đàng nào tệ hơn. Một bác trưởng-giả tính rởm học làm sang với một bác trưởng-giả giảo-quyệt hay lừa người, thời người nào tệ hơn ? Trong bài kịch tôi nói đó, cái vai danh-giả chẳng phải là vai lừa-đảo dư ? Thiên-hạ chẳng có ý khuynh-hướng về vai ấy ư ? những cái thủ-đoạn giễu-cợt người kia thiên-hạ chẳng lấy làm thích-chí ư ? Lại một người nhà quê khờ dại muốn lấy cô con gái với một người đàn bà có chồng mà ăn ở bậy-bạ cho mất danh giá chồng, hai người, người nào tệ hơn ? Một bài kịch mà chỉ khiến cho người xem vỗ tay khen những sự lừa-đảo, sự bất-tín, sự vô-liêm-xỉ, mà chỉ giễu-cợt cái khờ-dại của anh nhà quê mà thôi, thì bài kịch ấy còn có nghĩa-lý gì ? Vẫn biết rằng keo-lận và cho vay

nặng lãi là một cái tật xấu lớn thật; nhưng mà làm con mà ăn trộm của cha, thất-kính với cha, mai-mỉa cha, rồi đến lúc người cha tức-giận quá gieo lời mắng chửi thì trả lời một cách ngạo-ngược rằng không có cần gì đến ơn-huệ của cha; như thế thì còn tệ đến thế nào? Cho dầu lời mỉa-mai là chánh-đáng nữa, nhưng đối với người trên phỏng đã đang chưa? mà trong một bài kịch có đứa con ngỗ-nghịch như thế mà lại được thiên-hạ ưa thích, thì cách diễn-kịch như thế chẳng là một cái trường bại-hoại phong-tục dư?

Nói tóm lại thì nghề diễn-kịch là một sự nguy-hiểm chung cho xã-hội và cái ảnh-hưởng của diễn-kịch đối với những kẻ thật-thà có thể di-hại vô-cùng vậy.

(Còn nữa)

HAI BÀI DIỄN-THUYẾT VỀ CHÍNH-SÁCH
« PHÁP-VIỆT HỢP-TÁC »

Ngày thứ bảy 24 tháng 4 năm 1926, Hội Trí-tri Bắc-kỳ có làm lễ kỷ-niệm tam-thập-tứ chu-niên : nhân thể mời quan Toàn-quyền VARENNE *đến chứng-kiến. Ông* PHẠM QUỲNH *là Hội-trưởng Hội Trí-tri có đọc một bài diễn-thuyết nói về chính-sách « Pháp Việt hợp-tác » ; quan Toàn-quyền trả lời lại giải rõ cái chính-kiến của ngài về tiền-đồ nước Nam thế nào. Xin dịch hai bài diễn-thuyết ấy ra quốc-văn như sau để công đồng-lãm.*

1. BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA ÔNG PHẠM QUỲNH

Bẩm quan Toàn-quyền,

Thưa các ngài,

Mỗi năm cứ đến khoảng tháng tư thì Hội Trí-tri Bắc-kỳ chúng tôi làm một cái lễ nhỏ để kỷ-niệm ngày lập Hội. Lễ hôm nay là lễ kỷ-niệm tam-thập-tứ chu-niên. Được quan Thủ-hiến Chính-phủ Đại-Pháp ở Đông-dương làm chủ-tọa, thật lấy làm danh-dự và vẻ-vang lắm.

Sự danh-dự này, Hội chúng tôi đã được một lần thứ nhất năm 1905, hồi ấy chúng tôi được nghênh-tiếp quan Toàn-quyền BEAU. Quan Toàn-quyền BEAU là người có để lại tiếng thơm trong dân-gian chúng tôi, ngài chính đứng ở đây đã nói mấy lời quảng-đại đáng kỷ-niệm, các bậc đàn anh chúng tôi ngày nay còn nhớ mà truyền mãi đến giờ. Hội chúng tôi là lập ra trước nhất ở nước Nam, nên hồi bấy giờ cũng như nhiều cơ-hội khác nữa, đã được cái đặc-quyền làm cơ-quan thông-tin cho các nhà cầm quyền chính-trị xứ này. Các ngài ấy lánh xa những nơi hội-nghị huyên-náo, những chỗ công-chúng ồn-ào, thường muốn đến nơi nhà học này để cùng với một bọn người thông-hiểu và cẩn-thận, bày tỏ cho biết những cái ý-định và những sự trù-tính thế nào, cùng lòng ân-cần với dân bản-xứ thế nào, và cái phương-châm của cách chính-trị thế nào. Chắc các ngài nghĩ rằng cứ như cái mục-đích của chúng tôi theo đuổi, thời có lẽ chúng tôi cũng có tư-cách hơn kẻ khác để mà hiểu được tư-tưởng các ngài và truyền thuật lại không sai.

Tự ngày quan Toàn-quyền BEAU

đến đây, tới nay đã qua hai mươi năm rồi. Trong xứ đã biến-cải mà người ta cũng thay đổi Cái tình-hình chính-trị bây giờ không giống như xưa nữa. Quan Toàn-quyền cũ là một nhà ngoại-giao khôn-khéo, mới chỉ phải đắp lấy một cái nền chính-trị Pháp-Việt cho rộng-rãi mà thôi; quan Toàn-quyền mới ngày nay là một nhà chính-trị cao-kiến, lại có cái trách-nhiệm rất nặng-nề phải đem cái chính-sách tự-do ấy mà thi-hành cho cả một dân-tộc đương như vào cái thời-kỳ « dậy-thì », ở giữa lúc thế-giới đa-sự, xẩy ra nhiều việc biến-cách lớn-lao về chính trị, về xã-hội, thật xưa nay chưa từng thấy thế bao giờ, mà lại phải thi-hành cho mỗi ngày một rộng thêm ra.

Cả nước thay đổi, Hội chúng tôi cũng không thể không thay-đổi được. Nhưng tuy có thay-đổi mà vẫn giữ được một cái khuynh-hướng điều-độ ôn-hòa, thích-hợp với cái tôn-chỉ Pháp-Việt đề-huề, là gốc của mọi sự chính-trị của nước Pháp ở xứ này.

Bẩm quan Toàn-quyền, cách chính-trị ấy thế nào, ngài đã từng giải-thích ra một cách rất sáng-sủa rõ-ràng vậy. Ngài muốn cho người An-Nam là dùng cái địa-vị « hợp-đồng » (*associés*) với nước Pháp để cùng nước Pháp thi-hành cái sự nghiệp khai-hóa ở xứ này.

Cách chính-trị ấy có cái ý-nghĩa tốt-đẹp là đường nào, Hội chúng tôi đây tưởng cũng có thể tưởng-tượng mà hình-dung ra được. Hội chúng tôi đây tưởng cũng có chút kinh-nghiệm mà biết được cách chính-trị ấy cần phải thế nào mới thi hành được.

Phàm đã gọi là đề-huề cộng-tác, thì hai bên cùng đi với nhau, hai bên « hợp-đồng » với nhau, cần phải có một cái mối quan-hệ bình-đẳng và liên-đái đối với cái sự-nghiệp chung. Phàm người cùng nhau hợp-tác thời phải có bụng thành-thực với nhau, một lòng một dạ cùng nhau, và phải am-hiểu tính-tình, lượng-xét quyền-lợi cho nhau. Lại phải cùng nhau một lòng tin rằng cái mục-đích mình theo đuổi là có ích và hiệp-lực nhau mà cùng làm là có lợi.

Bẩm quan Toàn-quyền, chúng tôi đây đều có lòng tin như thế cả, và nhiều người cũng đã suy nghĩ kỹ mới tin như thế. Chúng tôi tin rằng dù không có lẽ gì khác nữa, cứ lấy sự lợi-ích chánh-đáng, cũng đủ khiến cho chúng tôi nên hợp-tác với nước Pháp. Chúng tôi vẫn mơ-mộng rằng có ngày nước Nam chúng tôi sẽ trở nên một nước cường-thịnh, được tự-do, được độc-lập. Cứ cái tình-thế trong thiên-hạ ngày nay, thời chúng tôi cũng biết rằng còn phải cần cho nước Pháp bảo-hộ lâu nữa. Phải cần cho nước Pháp giúp-đỡ cho thời mới có thể tiến-hóa cho mau để cho thích-hợp với cái cách sinh-hoạt mới đời này, càng ngày càng khó-khăn nguy-hiểm.

Chắc hẳn rằng phàm đã gọi là hợp-tác thời phải có bình-đẳng; sự bình-đẳng là điều yếu-cần, điều cốt-tử của chính-sách hợp-tác. Dù tình-thế bây giờ chưa thể khiến cho hoàn-toàn bình-đẳng được, nhưng phải lấy sự bình-đẳng làm một điều tất-yếu, một cái mục-đích tất phải đạt cho tới. Bởi chúng tôi có cái chí muốn đạt cho tới mục-đích đó, nên chúng tôi mới đặt ra những hội như hội này, để cùng nhau trong kẻ đồng-bào học-tập mà trau-dồi lấy tư-cách về đường trí-thức, về đường tinh-thần. Vì chúng tôi biết rằng sự bình-đẳng chân-chính là phải bình-đẳng ở cái giá-trị con người, mà cái giá-trị con người thời phải hằng ngày chăm-chỉ học-tập, rèn-đúc gây-dựng mới thành được. Chúng tôi cố làm sao cho trong khi hợp-tác với quí-quốc được cái địa-vị xứng-đáng, chứ không đến nỗi kém vai lép vế quá. Trong cái đoàn-thể hợp-đồng Pháp-Việt, chúng tôi muốn làm một vai « hợp-đồng » xứng-đáng với Đại-Pháp. Lòng dục-vọng đó là chánh-đáng: có thể

thì mới thật là đề-huề, thật là hợp-tác được.

Cái chính-sách đề-huề hợp-tác đó xướng ra đã lâu, mà từ trước tới nay hai bên thi-hành cũng chửa gọi được là đều-đặn và hết lòng. Chính muốn cải-lương cái cách thi-hành ấy cho rộng-rãi và cho mau-chóng, nên chính-phủ Dân-quốc Đại-Pháp mới phái sang đây một nhà chính-trị đã tuyên-bố rằng sẽ cả-quyết không ngại sự cải-cách gì cả. Chính-phủ Đại Pháp đối-đãi với chúng tôi như thế, chúng tôi đã hiểu cái ý-nghĩa lắm. Bẩm quan Toàn-quyền, ngay khi ngài mới sang đây, chúng tôi đã rõ cái chính kiến rộng-rãi của ngài. Chúng tôi vẫn sẵn lòng hết súc giúp ngài để thi-hành một cái chính-sách cải-cách lớn. Chúng tôi xin ngài cứ tin ở chúng tôi.

Dẫu gần đây có liên-tiếp xẩy ra mấy việc, nhưng cũng không quan-hệ gì, tưởng ngài cũng không vì đó mà giảm cái lòng tin ấy chút nào. Cả dân An-Nam chúng tôi đều biết sự hợp-tác với Đại-Pháp là hay, chỉ ước-ao cho cách hợp tác thuộc về các phương-diện đều được mật-thiết hơn lên mà thôi.

Như thuộc về phương-diện giáo-dục thời Hội chúng tôi vẫn đã thi-hành sự hợp-tác đã hơn ba mươi năm nay rồi. Quan Khâm-sứ Tissot là chánh Hội-đồng Bảo-trợ Hội Trí-tri đã kể rõ ngài nghe duyên-do và cách-thức sự hợp-tác ấy thế nào. Ngày nay chúng tôi làm lễ kỷ-niệm tam-thập-tứ-chu-niên, chúng tôi được lấy làm hân-hạnh chào quan Thủ-hiến Chính-phủ Đại-Pháp ở đây là người đã có công xướng-suất ra cái cách chính-trị khoan-dung và khôn-khéo đó và có chí quả-quyết khuếch-trương cho thật rộng, phát-siển cho thật to vậy.

Bẩm quan Toàn-quyền, tôi xin thay mặt Hội Trí-tri Bắc-kỳ chào mừng ngài hạ-cố đến hội-quán chúng tôi đây, là nơi hơn ba mươi năm nay vẫn đã Pháp-Việt đề-huề, vẫn đã Tây-Nam cộng tác, và kể cũng đã có kiến-hiệu nhiều vậy.

II. — BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN VARENNE

Ông Hội-trưởng,

Các ông,

Trước khi sang Đông-Pháp tôi đã tự hứa riêng và hầu như cam-đoan chung rằng sang đây diễn-thuyết ít thôi. Thế là bấy giờ tôi chưa biết Đông-Pháp, vì bao nhiêu quan Toàn-quyền kế-tiếp nhau ở đây từ xưa đến giờ đều không thoát khỏi cái lệ chung là thường thường mỗi tuần-lễ, có khi đến mỗi ngày, phải có dịp ra diễn-thuyết tuyên-bố trước công-chúng, dẫu lời tuyên-bố không quan trọng gì, nhưng cũng không thể không ảnh-hưởng to ra ngoài vậy.

Vừa mới mấy hôm trước người Tây người Nam họp lại để nghe tôi diễn-thuyết, nay lại họp đây lần nữa, có ý chờ đợi xem quan Thủ-hiến Chính-phủ sẽ tuyên-bố những điều gì là phi-thường xuất-sắc. Nếu các thính-giả quả hi-vọng như thế, thời tôi chỉ e lại đến thất-vọng, vì cứ cơ-hội như bây giờ, tôi tưởng không có cái cớ gì đủ khiến cho phải nói những lời phi-thường xuất-sắc. Tuy vậy tôi nghe ông Hội-trưởng Phạm Quỳnh trong bài diễn-thuyết vừa rồi có nói mấy câu, lát nữa tôi sẽ trả lời.

Nhưng trước khi bàn đến chuyện chính-trị, tôi hằng muốn biểu đồng-tình về những lời diễn-thuyết mới rồi tán-dương cái sự nghiệp của Hội các ông đây, sự-nghiệp ấy hay thế nào, cứ xem người đến đông hôm nay thì đủ biết.

Cái chính-sách Pháp-Việt cộng-tác trước khi tuyên-bố ra lời diễn

thuyết, Hội các ông đã thi-hành ra sự thực rồi, và kể ra thì không có cái phạm-vi nào mà người Pháp người Việt có thể hiệp-lực cộng-tác được hay bằng cái phạm-vi giáo-dục.

Dân An-Nam ngày nay đương vào cái thời-kỳ « dậy thì », — tôi mượn câu đó của ông Hội-trưởng Phạm Quỳnh, — lại vốn là một dân-tộc rất ham-học, (ai đã biết cũng đều công-nhận như thế), phàm cái gì thuộc về khoa-học cách-trí ngày nay, đều hăm-hở mà thâu-thái lấy; xưa nay vẫn là một nước có văn-hiến hẳn hoi, nhưng biết rằng cái văn-hóa cũ không đủ dùng cho đời nay nữa, nên gia-công gắng sức học-tập lấy những điều trí-thuật mới.

Một dân-tộc như thế mà nói chuyện giáo-dục thì tất là thích-hợp lắm. Tôi chưa được rõ công-cuộc Hội các ông cho lắm, nên không thể nghị-luận cho đích-đáng được. Nhưng cứ xem cái thái-độ và cái tình-ý của các người Pháp ở trong Hội-đồng Bảo-trợ của Hội, như quan chánh Hội-đồng là quan Tissot đây, thì đủ biết rằng công việc Hội hay là dường nào; lại xem như tư-cách ông Hội-trưởng Phạm Quỳnh đây, là một người tư-tưởng cao, bụng khẳng-khái, một lòng một dạ yêu nước thương nòi, mà chính mình là một người đại-biểu đích-đáng cho nòi giống, xem thế thì lại đủ biết rằng cái hạt giống rắc ra thật đã gặp được nơi đất tốt vậy.

Nhưng bài diễn-thuyết này, tôi không muốn nói qua-loa thế mà thôi. Tôi muốn nhân đây bàn-bạc mấy lời về cái vấn-đề quan-trọng mà ông Hội-trưởng đã khởi ra đó, và chính ông đã nói đi nói lại nhiều lần đó, là vấn-đề Pháp-Việt cộng-tác. Mà tôi lại muốn thảo-luận ngay với ông Hội-trưởng về một điều hai chúng ta vẫn dị-nghị với nhau, điều ấy trong bài diễn-thuyết của ông có nói qua một câu rất kín-đáo, tôi cũng hiểu cái vi-ý như thế, nhưng tôi muốn nhân đấy bày-tỏ ý-kiến một cách vắn-tắt mà rõ-ràng.

Tôi nhớ đâu ông có nói một câu rằng ông mơ mộng cho nước Nam sau này, trong một kỳ-hạn xa-xôi, khi nào cái công khai-hóa của nước Pháp đã thành, sẽ trở nên một nước cường-thịnh, được tự-do, được độc-lập. Cái tư-tưởng ấy tôi đã biết; tôi biết là trong bụng nhiều người An-Nam nghĩ như thế, dẫu những người thuộc về phái ôn-hòa cũng vậy, ôn-hòa mà có cái lòng ái-quốc thâm-trầm, chửa chắc có kém gì ai. Cái tư-tưởng ấy tôi đã biết, và tôi đã có từng trả lời rồi.

Trong bài diễn-thuyết của tôi đọc ở Hội-đồng Chính-phủ ngày 21 tháng 12 năm ngoái, có một đoạn có lẽ ở đây không mấy người chú-ý, nhưng ở bên Pháp gần đây đã làm náo-động một phần dư-luận, đoạn ấy chính là tôi có ý muốn trả lời cái câu hỏi của ông đó. Trước hết tôi thuật lại cái ý-kiến của ông, — là ý-kiến ông lại vừa nhắc lại lúc nãy, — tôi có nói rằng: « Hoặc-giả, — « hoặc-giả » đây là chính ông đấy, ông Phạm Quỳnh ạ, vì hồi bấy giờ ông có viết một bài báo mới xuất-bản được mấy hôm, trong bài ấy ông đã giải rõ cái ý-kiến của ông, — hoặc-giả có người nghĩ rằng đến khi cái công khai-hóa của nước Pháp đã hoàn-thành rồi, thời nước Pháp sẽ chỉ còn để lại ở Đông-Pháp này một cái tiếng thơm mà thôi, và Đông-Pháp chỉ còn liên-lạc với nước Pháp có một tấm lòng cảm-ơn và yêu-mến mà thôi.» — Tôi thuật lại cái ý-kiến của ông như thế rồi, tôi liền bày cái ý-kiến của tôi như sau này: « Nhưng cũng lại có thể ức-đoán rằng đất Đông-Pháp này là đất nhiệt-đái, như cái lò nóng để đúc các giống người có lẽ sau này sẽ gây nên một cái quốc-gia lối mới, trong thế-giới chưa có

nước nào giống như thế, và gồm cả người Pháp cùng người Nam, bấy giờ lợi-quyền sẽ liên-lạc nhau bền chặt cho đến nỗi không thể nào dời nhau ra được nữa. »

Khi tôi nói như thế, về tháng chạp năm ngoái, thời ở đây không thấy ai chú-ý đến mấy câu ấy cả ; các báo ở Bắc-kỳ, ở Nam-kỳ, thường hay phê-bình kiểm-điểm từng câu nói của quan Toàn-quyền, lại cũng hay chỉ-trích bài-bác nữa, tuy có bình phẩm về mấy đoạn khác trong bài diễn-thuyết, nhưng không hề nghị-luận gì về đoạn ấy cả. Kịp đến khi bài diễn-thuyết gửi sang Pháp, một tháng sau đăng ở các báo chuyên-trị về việc thuộc-địa ở *Paris*. Cũng không thấy ai dị-nghị gì cả. Rồi sau khi xuất-bản được một tháng, — dễ thường cũng vì có mấy ông nghị đọc bài diễn-thuyết ấy dài quá không thể đọc được kỹ mà chỉ nhớ phảng-phất một đoạn đó mà thôi, — chợt thấy trong « phái thuộc-địa » ở Nghị-viện náo-động lên rầm-rầm : nào là định chất-vấn ở Hạ-viện, nào là dọa chất-vấn ở Thượng-viện, nào Thượng-viện cử một phái-bộ đến hỏi quan Thủ-tướng và quan Thuộc-địa-bộ xem thuyết-minh thế nào ; bấy giờ các báo nghe truyền-văn ở Nghị-viện ra mới nghị-luận phân-vân, báo thì tán-thành, báo thì phản-đối, thật là náo động ! Nếu các ông bài-bác bài diễn-thuyết mà chịu khó đọc cho kỹ, thời không đến nỗi náo-động như thế.

Trong bài diễn-thuyết ấy tôi có tỏ bày một cái ý-kiến từ khi tới Đông-Pháp đây tôi đã vẫn có sẵn, và càng nghiên-cứu về vấn-đề Pháp-Việt tôi lại càng cho làm phải. Cái ý-kiến ấy, nay tôi lại nhắc lại đây để các ông nghe : nếu không được hợp với ý-kiến ông Hội-trưởng Phạm Quỳnh, xin cũng miễn chấp. Đối với những người An-Nam rất có bụng yêu nước, tôi cũng xin thành-thực nói rằng : tôi không chắc rằng cái lợi của người Nam sau này là có ngày nên thôi không hợp-tác với nước Pháp nữa, không những thế mà thôi, mà tôi lại chắc rằng dẫu sau này có muốn thôi, cũng không thể được, không thể được vừa về đường vật-chất, vừa về đường tinh-thần. Các ông thử xem đó : có phải cái hào sâu nó cách-biệt hai giống ta mỗi ngày một lấp dần đi không, và các ông cùng với tôi đây ta cùng có công giúp vào đấy cả. Các ông với tôi đây, nếu chúng ta không chủ-ý trước là giúp cho người hai giống được thân-cận nhau, sau là giúp cho lợi-quyền và ý-chí của người Pháp người Nam được dung-hòa và hỗn-hợp với nhau, thời chúng ta làm cái gì ở đây?

Đất Đông-Pháp này rồi mỗi ngày một đặc-biệt với Đại-Pháp. Đông pháp có lợi-quyền riêng của Đông-pháp và mỗi ngày một biết lưu-tâm chú-ý về những mối lợi đặc-biệt đó. Ngay ngày nay đã thấy có nhiều người Pháp ở đây có cái khuynh-hướng muốn thi-hành cái chính-sách *dominion*, nghĩa là chính-sách thuộc-địa tự-trị, cái khuynh-hướng ấy cũng là một sự tự-nhiên vậy. Dù muốn hay dù không muốn, công-nghiệp khai-thác của người Pháp ở đây mỗi ngày một to-tát vững-bền, rồi cũng có ngày lợi-quyền của kẻ thực-dân Pháp ở Đông-Pháp có lẽ xung-đột với lợi-quyền của chính người Pháp ở mẫu-quốc.

Bởi thế nên cái quan-niệm tôi muốn bày với các ông và tôi cho là lại lợi cho người An-Nam hơn là cái quan-niệm của các ông, là cái quan niệm một quốc-gia Đông-Pháp theo thể liên-bang (*une nation indochinoise à type fédéral*), trong đó thời dân-tộc An-Nam là phần số nhiều hơn và phần đã tiến-hóa hơn trong các dân bản-xứ, sẽ là cái khung-cốt, còn người Pháp thời sinh con đẻ cái ở đây đã mấy mươi đời rồi, bấy giờ sẽ như thâm-căn cố-đế ở xứ này, lợi-quyền liên-lạc với các

ông, không thể dời nhau được nữa. Đến bấy giờ thời cái vấn-đề đã thực-sự giải-quyết từ bao giờ rồi mà chưa thấy cần phải nghị-luận về lý-thuyết.

Nhưng mà trước kia tôi đã nói, mà nay tôi lại nhắc lại đây, đó là những cái quan-niệm về tương-lai cả. Mà ở bên Pháp người ta đã trách tôi – có lẽ cũng là trách phải, — rằng ức-thuyết như thế là bàn những chuyện triết-lý suông cả.

Vả lại chúng ta thảo-luận ở đây như thế này phỏng có ý-nghĩa gì không ? Các ông cũng vậy, và chúng tôi cũng vậy, nào ai biết được rằng cõi Đông-Pháp này một thế-kỷ nữa hay hai thế-kỷ nữa rồi sẽ trở nên thế nào. Cái đó là quan-hệ đến nhiều việc về tương-lai mà chúng ta ngày nay không có quyền xử-định được. Nhưng trong bài diễn-thuyết tôi đã nói, mà nay tôi lại nói nữa : Dẫu thế nào nữa, thì nay có hề chi. Các ông tưởng rằng sau này rồi có ngày nước Nam về đường chính-trị sẽ đoạn-tuyệt quan-hệ với nước Pháp. Tôi thời tôi không nghĩ thế, tôi nghĩ rằng nhờ cái công khai-hóa của Đại-Pháp mà Đông-Pháp sau này sẽ trở nên không phải là một nước độc-lập, nhưng là một thuộc-địa tự-trị. Hiện nay thời cần gì ta phải cãi-cọ nhau về điều đó. Hiện nay thời có gì là quan-hệ ? Là các ông với chúng tôi, ta cùng làm hết nghĩa-vụ của chúng ta, là mưu sự hạnh-phúc cho dân này, và muốn cho thành-công, thời phải làm thế nào cho người hai giống càng ngày càng am-hiểu và càng ngày càng hiệp-tác cùng nhau một cách thân-mật hơn lên. Ta cứ làm xong nghĩa-vụ ta, còn thử-ngoại để phần cho con cháu sẽ liệu về sau.

Nếu ta gây-dựng được ở đây một cái sự-nghiệp to-tát, xứng-đáng với một dân-tộc có lễ-nhạc văn-hiến như dân Việt-Nam này, lại xứng-đáng với một dân-tộc vẻ-vang hùng-cường như nước Đại-Pháp kia, thời thế là chúng ta đã làm trọn cái nghĩa-vụ của chúng ta. Còn thời để cho kẻ kế-nghiệp ta nếu có thể làm hơn được thời làm.

Ấy tôi kiến-giải về cái trách-nhiệm của tôi như thế, không phải rằng tôi không muốn quan-niệm về tương-lai, vì làm nhà chính-trị mà không biết khái-niệm cho cao-cao về thế-giới và về tiền-đồ thế-giới thế nào, không phải là nhà chính-trị chân-chính, nhưng mà điều cốt-yếu là phải quan-niệm về hiện-thời và về cái nghĩa-vụ trực-tiếp ngay bây giờ trước đã.

Nói về hiện-thời thời nay tôi đã hết cái thời-hạn ở Bắc-kỳ lần thứ nhất, tưởng cũng nên kiểm-điểm lại xem đã làm được những việc gì. Vì cũng đã có làm được ít nhiều việc, chứ không phải không. Nói rằng đã kết-quả được nhiều thì cũng không phải. Tôi tưởng cũng chưa có cái gì là to-tát cho lắm. Hồi mới sang đây, tôi đã nói để cho tôi thong-thả có thì-giờ nghiên-cứu kỹ xem đã, rồi mới quyết-định. Thì-giờ ấy, tôi đã lợi-dụng để xem-xét mọi việc. Có nhiều việc lớn việc nhỏ, lúc mới đầu tôi tưởng dễ-dàng có thể cải-cách được ngay, tôi nghiên-cứu ra mới biết rằng khó-khăn phiền-phức hơn nhiều. Nhưng tôi không phải thấy khó mà nản đâu; nếu việc gì quả khó thật thời phải suy đi xét lại cho kỹ, cho kỳ bao giờ tìm được cách giải-quyết cho thỏa-đáng mới thôi.

Tuy vậy, trong các việc cải-cách đã thí-nghiệm, đã thi-hành, hiện nay đã có mấy việc thành-công rồi, tôi muốn giải kỹ cho các ông rõ. Rồi sẽ nói mấy câu về những việc sẽ thi-hành nay mai.

Có một việc này đã làm cho các nhà nghị-luận phí bao nhiêu mực, không phải ở Pháp, — vì bên Pháp xem ra không hiểu rõ việc đó quan-hệ thế nào, — nhưng ở ngay Đông-Pháp đây.

Khi tôi mới đến Sài-gòn, tôi nhận thấy cái vấn-đề nhập Tây-tịch đối với một phần dân bản-xứ đã thành một câu chuyện gay-go khó xử quá; tôi tự hỏi cớ làm sao có nhiều người An-Nam, vẫn lấy làm tự-cao biết trân-trọng cái danh-giá Việt-Nam mà lại hăm-hở quay về nước Pháp, muốn xin bỏ quốc-tịch của mình để vào làm dân Pháp. Có người trả lời tôi rằng: « Là bởi những người ấy, muốn xin vào làm chức việc gì ở Đông-Pháp này cho xứng-đáng với tài-học mình thời phải là dân Tây mới được. » Tôi lấy sự đó làm lạ, tôi liền đáp lại, có lẽ cũng hơi thật-thà, nhưng tưởng cũng hợp-lý lắm, rằng: Chỉ có thế thôi à? Nếu thế thì ta chước ngay cho họ cái lệ nhập Tây-tịch đó; nếu họ đã học-hành, có bằng-cấp xứng-đáng, đủ tư-cách sung được các chức việc công ở trong xứ-sở họ, thời ta cứ bổ-dụng cho họ, bất-tất phải bắt họ làm dân Tây nữa. — Tôi lại tự nghĩ rằng: « Nay có mấy cậu thanh-niên sang học Đại-học ở bên Pháp; có người là con các quan đại-thần An-Nam; tốt-nghiệp rồi sẽ về đây, người thời y-học tiến-sĩ, người thời chuyên-môn kỹ-sư. Khi về đến nước nhà, nếu đầu đơn xin quan Thủ-hiến Đông-Pháp hay quan Thủ-hiến các xứ bổ dụng cho một việc tương-đương với sức học mình ở ngạch Y-tế hay ngạch Công-chính, thời tất phải trả lời cho họ rằng: « Các ông phải bỏ quốc-tịch của các ông đi đã, rồi sẽ bổ-dụng cho các ông sau. » Tôi lấy sự đó làm vô-nghĩa-lý, làm bất-công bằng quá, tôi quyết-định sửa đổi cho hợp lẽ. Nay tôi đã sửa đổi rồi. Sự cải-cách này là chủ-ý định một cái công-lệ cho rõ-ràng: là từ nay người Việt-Nam cũng có quyền tham dự vào việc cai-trị nước mình. Nhưng tôi cho nó mới là một bước đầu mà thôi, và bây giờ cần phải cải-cách đến quan-trường bản-xứ để cho những kẻ thanh niên tuấn-tú hiện nay không có cách tham-dự, sau này sẽ có thể bổ dụng được. Ở Trung-kỳ thời sự cải-cách ấy cũng đã tiềm-tiệm xong; ở Bắc-kỳ thì hiện còn đương nghiên-cứu. Sự cải-cách ấy là thủ cái ý rằng ngoài ngạch quan-chức Tây phải có một ngạch quan-lại bản-xứ, mà phải có thực-sự, chứ không phải là chỉ hư-thiết mà thôi. Việc cải-cách quan-trường bản-xứ hiện nay đương từ-từ làm dần, không có phô-trương khoa-diệu gì.

Ngoại-giả còn có người thỉnh-cầu nhiều điều cải-cách nhỏ nữa. Như sự bãi lệ câu-thúc thân-thể, tức là lệ bỏ tù nợ; nay đã làm xong rồi; theo thể-thức như thế nào? Tôi sẽ tóm-tắt lại một câu như sau này. Hiện nay thời sự bỏ tù nợ là một sự tự nhiên, tòa án không thể không kết án được, mà cũng không cần phải kết án nữa. Theo như bản dự-thảo nghị-định tôi gửi về bên Bộ duyệt-y thời từ nay sự câu-thúc thân-thể sẽ là một cái đặc-lệ, chứ không phải là một cái thông-lệ nữa. Người chủ nợ có làm đơn xin, tòa án mới được kết án, mà trong án phải chứng nhận rằng người có nợ cố-ý không muốn trả. Lại khi đã giam rồi, người nợ cũng có thể kháng-cáo ở tòa-án để xét lại cái án của mình. Sự cải-cách ấy, thế là thành rồi; tôi cũng không khoe là một điều quan-trọng gì cho lắm; nhưng cứ như cách cải-định như thế thời cũng là thích-nghi và hợp lẽ vậy. — Những vấn-đề thuộc về luật lao-động thời hiện đương nghiên-cứu. Nhất là luật về sự tai-nạn của công-nhân thời tôi lại càng chú-ý lắm. Vì vấn-đề này không phải là dễ: hiện nay đã có các cuộc tổ-chức riêng thi-hành cũng được việc, tôi không muốn nhất-đán bỏ đi mà không có gì tốt hơn thế nào. Tôi tưởng chẳng bao lâu sẽ có cách giải-quyết được. Nhưng hiện nay tôi đã đồng-ý với quan Thống-sứ Bắc-kỳ định nay mai sẽ lập một sở Thanh-tra Lao-động ở Bắc-kỳ. Công-nghệ ở xứ này mỗi ngày một phát-đạt to, cần phải có một cái cơ-quan kiểm-sát như thế.

Tôi còn nghĩ đến nhiều điều cải-cách nữa. Như cách hành-động của các hội-nghị ở bản-xứ thật chưa được thỏa-đáng lắm. Người Pháp ở Đông-Pháp này, thuộc về chế-độ đại-nghị, thật là đứng một cái địa-vị thiệt-thòi quá, không có nghị-viên thay mặt ở *Paris*, không có đại-biểu bầu-cử ở bản-xứ. Chúng tôi đương dự-thảo một cái chương-trình cải-cách chung cho toàn-hạt Đông-Pháp và riêng cho xứ Bắc-kỳ này. Phải vừa nghĩ cách thế nào cho các hội-nghị của người bản-xứ được hành-động cho thích-nghi hơn, lại vừa đặt cho người Pháp những hội-nghị riêng để có thể đạo-đạt được những điều yêu-cầu thỉnh-nguyện của mình.

Nhưng tôi đã từng nói, và nay tôi lại nhắc lại đây nữa, bấy nhiêu điều cải-cách cần phải người Pháp người Việt đề-huề với nhau, vậy cốt nhất là phải trong xứ được yên-ổn. Nếu cái hoàn-cảnh rối-loạn thì cải-cách làm sao cho được. Điều đó ta phải cho đồng-ý nhau mới được. Không phải là tôi có cho những việc mới xảy ra gần đây là nguy-kịch gì đâu, hoặc có kẻ khoáng-trương cho nó thành việc to-tát ra là chỉ có ý muốn lấy đó làm cớ mà công-kích ông Toàn-quyền đó mà thôi. Không, tôi đây không cho những chuyện đó là quan-trọng gì cả; có người cho nguy-hiểm như nước sông Nhị-hà vỡ đê vậy; tôi tưởng chẳng qua như một trận bão trên hồ Hoàn-kiếm mà thôi. Nay đã bình-tĩnh cả; chỉ tiếc thay là phải dùng đến những kế nghiêm-nhất, cũng là bất-đắc-dĩ, nhưng không thể sao được. Tôi tưởng rằng cái bài học đó cũng đủ cảnh-cáo cho thiên-hạ, và bọn thanh-niên, bọn trẻ nhỏ ở các trường, như hôm nọ tôi đã nói, cũng nên hiểu biết rằng trong việc này họ chỉ làm cái khí-cụ ở trong tay những kẻ quấy rối, mà những kẻ này biết đâu lại không phải là ăn tiền của người để bày chuyện rắc-rối, vì có người lập-mưu cố-chí làm cho cái chính-sách khoan-dung quảng-đại của ta không thành được.

Tôi vẫn có lòng tin ở người đây. Mấy tuần-lễ nay nhân-dân đã tỏ ra có cảm-tình với tôi, nên tôi cũng một lòng yêu-mến. Xem đã mấy lần hoan-nghênh tôi, và xem như hôm nay đón tiếp tôi ở đây, thời đủ biết cái chính-sách của tôi đã tuyên-bố và muốn thi-hành không phải là một cái chính-sách hão-huyền, mơ-mộng, hay là một cái chính-sách của kẻ chỉ có cái tư-tưởng hẹp-hòi về bè-đảng. Chính là một cái chính-sách thiết-thực, và cứ xem nay đã theo đúng mục-đích rồi thì đủ biết. Mục-đích ấy là các ông với chúng tôi, người Việt với người Pháp, chúng ta cùng am-hiểu nhau và cùng nhau đồng-tâm cộng-tác. Như cuộc hội-họp chiều hôm nay ở đây thế này đủ chứng rằng chúng ta đi phải đường.

Hôm nay là ngày lễ kỷ-niệm một hội học nhỏ nhưng mà rất có ích, thế mà nói những lời như thế, tưởng cũng to-tát quá. Nhưng ông Hội-trưởng lúc nãy chẳng nói rằng Hội đây thường có tiếp các quan Toàn-quyền hay đến diễn-thuyết để bày tỏ ý-kiến riêng dư? Ông lại nhắc lại rằng quan Toàn-quyền Beau vừa mất mới rồi, dân An-Nam vẫn còn cảm ơn cái lòng ân-cần đối với dân, năm xưa đã từng đọc ở đây một bài diễn-thuyết rất có ảnh-hưởng. Tôi có được biết đại-ý bài ấy. Ông Beau chắc cũng là một người ôn-hòa, tuy tôi không biết ý riêng ông thế nào, nhưng trong bài diễn-thuyết ấy ông nói về cái vấn-đề quan-hệ người Pháp với người Nam còn bạo hơn tôi nhiều. Sở-dĩ ông nói được bạo hơn tôi, là cái thời-thế bấy giờ khác bây giờ, thế-giới bấy giờ không giống thế-giới ngày nay.

Cuộc đại-chiến năm trước đã đào-tạo ra một cái thiên-hạ mới. Các vấn-

để ngày nay không trình-bày ra theo một phạm-vi, theo một phương-diện như xưa. Thứ nhất là Á-châu thời bấy giờ với Á-châu thời bây giờ không có giống nhau một chút nào.

Về phần tôi thời chính bởi tôi thành-tâm yêu-mến dân Việt-Nam này, nên bàn về cái tiền-đồ nước Nam tôi không đồng-ý hẳn với các ông.

Nước Nam độp-lập, câu chuyện đó trước khi chiến-tranh hoặc có thể tự-do nghị-luận được ; nhưng cứ như tình-thế Á-châu bây giờ, và hễ tình-thế ấy còn chưa thay-đổi ra một phương-diện lợi hơn, thời vạn-nhất mà nước Nam này không những không được hợp-tác với nước Pháp, lại không được nước Pháp che-chở cho nữa, tất tai-hại đến thế nào, tôi tưởng chắc các ông cũng lượng biết đó. Giữa lúc các nước trong thế-giới muốn được mở-mang phát-đạt, mà vì địa-thế, vì tài-sản, còn đương sợ nước ngoài dòm-dỏ, cần phải có một cường-quốc làm tả-phụ hữu-bật cho ; giữa lúc ấy mà chúng tôi là người Pháp đây lại bàn bỏ đất Đông-Pháp để cho các ông tự-vệ lấy một mình, để cho tự sinh-hoạt một mình ở giữa cái Á-châu đầy những cạm những bẫy, đầy những kẻ tham-lam dòm-dỏ, đầy những quân giặc các nước muốn cướp của người ta này, có đâu lại thế ! Không, không, các ông phải cần đến chúng tôi ; tôi e rằng sau này các ông lại càng phải cần đến chúng tôi lắm nữa ; nhưng cần hay không cần, nếu người Pháp người Nam chúng ta biết cùng nhau mà làm việc cho hợp với sự lợi-ích và cái nghĩa-vụ chung của chúng ta, nếu chúng ta biết càng ngày càng đồng-tâm hiệp-lực với nhau, thời cái vấn-đề này đến con cháu chúng ta cũng chửa tất phải giải-quyết đến.

Các ông, tôi nói thế này có lẽ cũng là nói nhiều quá rồi ; không khỏi có kẻ xấu bụng hay chỉ-trích sẽ đem kính hiển-vi ra mà chiếu từng câu của tôi để cố-ý làm cho nó sai nghĩa đi mà bài-bác cho dễ. Nhưng ông đã cứ lương-tâm ông ông nói ; tôi cũng cứ thực-tình tôi trả lời lại. Nay kết-luận bài diễn-thuyết này, tôi muốn nói để các ông biết rằng mấy tháng nay tôi kinh-nghiệm việc chính-trị ở đây, tôi có một cái cảm-giác rằng chúng ta thực có lòng tin cậy nhau, cảm-giác ấy nay mai tôi sẽ đem về Nam-kỳ trước đã, rồi sau tôi sẽ đem trình bày cho Đại-Pháp trước khi báo-cáo cho Chính-phủ Mẫu-quốc biết những điều tôi dự-định cải-cách để chuyển sau sang đây sẽ thi-hành.

Nay tôi đã có bụng tin. Tôi tin rằng người Pháp người Việt ta hiệp-lực nhau có thể làm được công-chuyện to. Muốn được thế thời tôi xin những đồng-bào tôi ở đây ngày nào cũng hằng nhớ rằng chúng ta có cái nghĩa-vụ to lắm ; khi mới đến đây tôi đã nói rằng người Pháp ta ở đây phải là người hay người khá cả, người « thượng-hạng » cả mới được, chứ không thể là người tầm-thường được. Đối với người An-Nam họ để ý xem-xét phẩm-bình ta, ta không nên để cho họ ngờ rằng ta bị một bọn « côn-đồ », mấy kẻ bỉ-tiện xấu-sa nó sai-khiến ta, nó tự-phụ là đại-biểu cho nước Pháp ở đây. Đại-biểu cho nước Pháp là chúng ta đây, chứ không phải bọn đó ; nước Pháp còn hơn kia, chứ không đến nỗi thế. Còn người dân An-Nam đứng nghe tôi đây, thời tôi cũng khuyên rằng chớ nên để cho mấy kẻ lung-lăng nó tự-xưng là lãnh-tụ các ông mà sai-khiến các ông, những hạng đó đến làm bậy cũng không nên công. Dân An-Nam may còn có người khác làm hướng-đạo xứng-đáng hơn. Ông Hội-trưởng đây, ông chính là một người hướng-đạo đó, mà là một người hướng-đạo rất

xứng-đáng ; tôi chào mừng ông đây, tôi cảm ơn những lời ông vừa nói về cái chính-sách Pháp-Việt hợp - tác, chính là tôi tán-dương cái sự-nghiệp chung của chúng ta đó.

Còn như Hội Trí-tri thời thật là một công - cuộc hay, cần về đường xã-hội, cần về đường chính-trị ở xứ này ; tôi lấy làm vui-vẻ được đến chứng-kiến Hội ngày hôm nay. Tôi chúc mừng cho Hội cứ theo một đường lối thế mà đi, vừa có ích cho dân An-Nam, vừa có ích cho cả nước Pháp nữa.

Thưa các ông, tôi chỉ ước-nguyện một điều, là ít tháng nữa tôi trở lại đây, lại được thấy cái không-khí tôi hô-hấp hôm nay, là cái không-khí Pháp-Việt tương-thân vậy. Tôi chắc rằng có những người như các ông chủ-trương, thời thế nào cũng vẫn giữ được cái không-khí ấy mãi.

Comme le christianisme en Europe, le bouddhisme a attendri toute l'Asie. Il a dégelé l'âme chinoise; il a fait du guerrier japonais un incomparable chevalier, un poète du sabre qui mêlait l'ascétisme au raffinement; dans l'un et l'autre pays, il a sublimé les arts. Tandis qu'il rendait le monde transparent aux yeux des sages, et qu'il les délivrait de l'illusion par la connaissance, il n'apportait pas, sans doute, aux pauvres gens les mêmes lumières. Mais il les pénétrait de sa douceur; il éteignait en eux, par la représentation grandiose qu'il leur offrait de la succession des exitsences, ce puéril esprit de révolte dont le monde moderne est tout agité. Rien ne voile aux hommes d'une façon plus épaisse les profondeurs de la vie et la beauté même de l'univers que la naïve erreur des revendications sociales. Les biens les plus grossiers, les jouissances les plus viles, celles dont le moindre rêveur d'Orient voyait la réalité se dissiper sous son regard, deviennent alors le tout de l'homme, l'objet unique, adorable, où se pend la convoitise des multitudes. De quelle profondeur n'apparaît-t-elle pas, comparée à cette duperie, la doctrine qui ramène chaque individu à sa vie morale, et lui fait trouver en soi-même la détermination de son bonheur ou de son malheur! Le bouddhisme, en même temps, enveloppait les êtres dans une fraternité qui n'en oubliait aucun, puisqu'ils étaient tous engagés dans la même épreuve, et qu'il n'en était pas de si déchu qui ne se traînât, lui aussi, vers la délivrance. Dans un monde ainsi conçu, il n'y avait plus que des créatures impossantes. Les fleurs illuminaient l'immense apparence, l'oiseau qui chantait au crépuscule si éperdument qu'il semblait jeter son âme hors de lui, était admiré, de tout près, par un contemplateur en extase. Cette doctrine était sans prix pour les âmes tendres: elle les justifiait de tout aimer.

ABEL BONNARD

NGƯỜI TA ĐỐI VỚI CUỘC THẾ-GIỚI VỊ-LAI (1)

Người ta sinh ra ở đời hoặc lao-tâm hoặc lao-lực, cái mục-đích chỉ cốt có hai đường : Một là giữ-gìn cho cuộc sinh-hoạt hiện-tại, hai là phòng-bị cho cuộc sinh-hoạt vị-lai. Nếu chỉ biết cuộc sinh-hoạt hiện-tại mà không biết phòng-bị về cuộc sinh-hoạt vị-lai, thì chỉ có đứa lêu-lổng và quân ăn mày mà thôi. Còn ngoài ra thì ai cũng cặm-cụi để chuẩn-bị cuộc sinh-hoạt vị-lai, có phần lại lấy làm trọng hơn cuộc sinh-hoạt hiện-tại. Hiện nay những các học-sinh nam nữ tuổi trẻ đi du-học để cầu đỗ lấy một cái bằng-cấp Cao-đẳng-học ở bên Tây, thử hỏi các cô các cậu định đỗ để làm gì ? Các nhà công-thương xô-xát nhau ở chốn đô-hội, nào lập công-ti này, nào mở công-xưởng nọ, để chực làm một nhà đại-tư-bản theo «mốt» tây, thử hỏi các bác định làm giàu như thế để làm gì ? Các bọn võ-tướng, các phái quan-trường, bấy lâu chỉ tham-lam vơ-vét, tranh cướp lẫn nhau, chỉ chực nịch hà-bao cho nặng, chứ chẳng nghĩ gì đến mệnh-mạch tổ-quốc cả, thử hỏi các bọn quan-liêu định vơ-vét như thế để làm gì ? Nói rút lại mục-đích các chủ chẳng qua đều là để phòng-bị cuộc sinh-hoạt vị-lai cả.

Ấy cái mục-đích những bọn trên ấy chỉ vơ-vét làm giàu chẳng qua là để phòng-bị cuộc sinh-hoạt vị-lai đó mà thôi. Nhưng ta thử hỏi bọn ấy rằng cái cuộc thế-giới vị-lai sau này ra làm sao ? Tất là trong cái quan-niệm bọn ấy nghĩ rằng cái cuộc thế-giới vị-lai cũng chẳng qua nối theo cái hình-thế cuộc hiện-tại mà làm cho thế-giới càng ngày càng tiến-bộ mãi lên mà thôi. Than ôi ! Cái hình-thế cuộc đời này có thể nối theo mà tiến-bộ mãi lên được chăng ? Ta dám cả gan nói quyết rằng cái quan-niệm của những bọn ấy thực là lầm, mà cái cách phòng-bị của bọn ấy đều là sai cả.

Cứ xem như cái hình-thế cuộc đời ngày nay, nào là quốc-gia chiến-tranh, nào là giai-cấp chiến-tranh (như là bọn lao-nông chống nhau với bọn tư-bản giai-cấp ở nước Nga,) chém giết người như rạ, phung-phí của như bùn, nếu cứ thế mãi thì cũng sắp đến ngày thế-giới mạt-kiếp mà thôi. Tuy rằng những cuộc chiến-tranh ấy dằng-dai như thế nào, rồi cũng có ngày khôi-phục hòa-bình được, nhưng cứ xét kỹ cuộc đời thì những sự chiến-tranh ngày nay, không phải nhất-thời mới ngẫu-phát ra đâu, cái nguyên-nhân nó tiềm-phục ở trong đã sâu xa lắm, nghĩa là quốc-gia chiến-tranh, với giai-cấp chiến-tranh, cái nguyên-nhân nó đều bởi cuộc kinh-tế mà khởi ra, người ta ai cũng công-nhận như thế cả. Nếu cuộc kinh-tế mà không cải-lương lại cho phải chăng, thì cái hiện-trạng chiến-tranh ngày nay dẫu yên ngay, mà cái nguyên-nhân chiến-tranh vẫn y-nhiên còn đó, thế thì lần chiến-tranh đệ-nhị sau này cũng như ngòi pháo sắp nổ bung lên không thể tránh khỏi được. Có người nói ví cái chế-độ cuộc kinh-tế trong thế-giới ngày nay, không khác gì xây một cái tháp treo-leo, lúc mới xây lên vài ba tầng, cái thế nó đã nguy, mới lấy tre gỗ bắc giáo, dây lạt giằng buộc (ví như lấy chính-trị, pháp-luật, và võ-lực để duy-trì cho cuộc kinh-tế,)

(1) Nguyên Hán-văn của Sang-phủ ở trong tập *Đông-phương văn-khố*.

để lại xây đắp mãi lên, thì cái thế nó lại càng nguy, lại càng phải giữ-gìn đề-phòng lắm, xây cao bao nhiêu lại càng phải đề-phòng bấy nhiêu, mà xây đắp càng cao, thì cái thế nó nguy-hiểm lại càng ghê-gớm, về sau tất có ngày nó đổ lộn-nhào xuống. Ấy cái câu thí-dụ về hình-thế cõi đời bây giờ như thế rất là rõ-ràng, xem thế thì biết cái hình-thế ngày nay không thể nối theo mà làm cho tiến-bộ lên được.

Theo cái xã-hội chủ-nghĩa thì cho cái chế-độ cuộc kinh-tế trong thế-giới ngày nay, cái cỗi rễ nó đã sai lầm, nên đến nỗi của sinh-sản phân-phối không đều, kẻ giàu người nghèo cách xa nhau lắm, bọn quá-khích thì muốn bỏ cái đặc-quyền của các nhà địa-chủ tư-bản, mà đem hết cả của-cải xan đều cho bọn lao-động, đó là cái thuyết cộng-sản, ai nghe nói cũng lấy làm kinh-hãi. Ta đây không muốn bắt-chước mà nói những cái thuyết ấy, chỉ muốn nói rõ cái tệ về chế-độ cuộc kinh-tế trong thế-giới ngày nay nó đã nát-bét, không thể nào giấu ai được. Nguyên là từ khi khoa-học thịnh lên làm cho máy-móc càng tiến-bộ mãi lên, loài người ta chỉ lấy một ít lao-lực, mà làm thành được đồ sinh-sản rất nhiều, đương lúc bắt đầu thế-kỷ thứ 19 đã có người theo phép thống-kế mà tính ra rằng: « Những đồ sinh-sản mà 50 năm trước phải cần dùng đến lao-lực 600.000 người mới làm thành ra được, hiện thời ấy chỉ phải dùng đến lao-lực 2.500 người mà cũng làm thành được. » Bây giờ cách thời ấy đã hơn trăm năm, thì cái tỉ-lệ ấy hẳn là tăng lên gấp mấy. Nhưng hãy cứ lấy cái tỉ-lệ ấy làm chứng, thì lao-lực của một người có thể làm thành được đồ sinh-sản gấp 250 lần về hồi năm mươi năm trước. Phỏng-sử đồ sinh-sản trong thế-giới có thể tăng-gia lên vô-hạn, thì ai ai cũng được đem cái lao-lực ra mà làm, để hưởng-dụng lấy cái đồ sinh-sản gấp 250 lần trước, thế chẳng là cái hạnh-phúc của loài người lắm ru! Nhưng vì thổ-địa với tư-bản nó vốn không theo với lao-lực mà tăng thêm lên, cái lúc mà lao-lực tăng thêm, thì cái sự cần-nhu về thổ-địa với tư-bản lại càng ngặt, trong 600.000 người chỉ có một vài nhà địa-chủ tư-bản được hưởng-dụng những đồ sinh-sản của lao-lực sáu mươi vạn người 50 năm trước làm thành ra; còn một phần thiểu-số là 2.500 người chỉ đi làm thuê cho mấy nhà địa-chủ tư-bản, phải đem cái lao-lực của mình ra mà làm để chia lấy một phần sinh-sản, nhưng lại tùy cái lao-lực của mọi người khéo hay vụng để chia phần nhiều hay ít, so phần sở-đắc với hồi 50 năm trước, người thì được tăng gấp và mươi lần, người thì mươi lần, người thì và lần, người thì không tăng được lần nào; còn một phần đa-số là 597.500 người thì không còn có một tí thổ-địa nào, một tí tư-bản nào, để mà dùng cái lao-lực mà làm thành ra sinh-sản, hoặc cũng có một ít thổ-địa, một ít tư-bản, nhưng lại phải những nhà địa-chủ lớn nhà tư-bản to nó áp-chế, tuy có sở-đắc ít nhiều sinh-sản, nhưng cũng không đủ đền cho cái lao-lực của mình. Thế mà những nhà khoa-học, nhà máy-móc vẫn tự-đắc rằng nay chỉ lấy cái sức 2.500 người làm thành ra được sinh-sản bằng cái sức 600.000 người làm ra, cho thế là cái công rất lớn. Nhưng tự cái chủ-nghĩa xã-hội mà xét ra, thì kỳ-thực cái công-việc của 597.500 người bị phải 2.500 người nó tranh cướp đi, — (người Âu-tây vẫn bảo rằng hóa-học máy-móc càng tiến-bộ, thì cái sự-nghiệp công-thương càng thịnh, kẻ thất-nghiệp tự ít bớt đi; nhưng đó là chỉ nói về một địa-phương hoặc một nước mà thôi, chứ còn những sự-nghiệp của địa-phương khác một nước khác mà bị phải nó lấn cướp đi, còn chưa tính đến), — mà những đồ sinh-sản bởi cái

sức 2,500 người làm ra, lại bị phải một vài nhà địa-chủ nhà tư-bản nó chiếm mất cả, thực là cái tội-ác rất lớn. (Đảng xã-hội bên Âu Mĩ thì không phản-đối khoa-học và máy-móc, chỉ muốn làm thế nào cho sinh-sản xan đều ra mà thôi. Phải nhà nho nước Tàu đối với khoa-học và máy-móc thì cho là những đồ dâm-xảo kỳ-kỹ đều cấm tuyệt đi, nhất là phái Hoàng Lão lại càng lấy làm ghét lắm.) Lại như cái phần người thiểu-số kia mà làm thành ra được các đồ sinh-sản đa-số nọ, những đồ sinh-sản ấy một phần chỉ để cung cho một số ít người xa-xỉ lãng-phí, còn một phần thì chỉ làm cái đồ hàng cho các con buôn mâu-lợi ở chốn thị-trường, thế thì những đồ sinh-sản ấy chỉ là lợi-ích cho số ít người, chứ không phải những đồ cần-nhu thiết-dụng cho số nhiều người. Cho nên cơm ăn áo mặc của phần nhiều người tuy vẫn còn khuyết-phạp, mà những đồ xa-xỉ và những món hàng mâu-lợi thì sinh-sản ra vô-chừng, đầy ứ khắp cả các chốn thị-trường, làm cho tiền vốn có khi đọng lại không lưu-thông đi được ; bởi thế phải tìm các đường để bán đi, phải mở-mang đất thực-dân, phải dựng nên đại-đế-quốc, đó cũng là vì chế ra các đồ sinh-sản nhiều quá mà gây ra cái nguyên-nhân quốc-gia chiến-tranh. Cái bọn số nhiều người kia mà đã không được dùng cái lao lực của mình về đường sinh-sản, hoặc đồ sinh-sản không đủ đền bù cho cái lao-lực của mình, bởi thế mà thành ra sinh-hoạt khốn-nạn, kẻ già yếu thì ốm đau khốn-khổ mà chết vùi đi, còn những kẻ nào còn ngắc-ngoải chưa chết, thì cũng thành ra vô-lại, đầu trộm đuôi cướp, đi cướp giật lấy tài-sản của người khác; còn những người hơi có học-thức thì họp thành bọn quá-khích, hoặc cử-thành đảng vô-chính-phủ, chỉ tiềm-mưu phá-hoại hiện-trạng trong xã-hội, để cầu cho thư kẻ nghèo-khốn, đó cũng vì kẻ lao-lực nhiều quá mà gây nên cái nguyên-nhân giai-cấp chiến-tranh. — (Đây nói vì kẻ lao-lực nhiều quá mà phát-sinh ra giai-cấp chiến-tranh, là nói cả toàn-thế-giới, chứ không phải kể một phần bên Âu Mĩ mà thôi. Các việc công-nghiệp bên Âu Mĩ thì thực là thịnh lắm, nhưng số người sinh đẻ ra ít, cho nên những kẻ lao-lực thừa-thãi không tệ lắm như ở nước Tàu, mà những kẻ lao-động ấy thường cùng với những nhà địa-chủ nhà tư-bản vẫn giữ được cái hình-thế chống-chọi nhau, nên mới rõ ra cái cuộc giai-cấp chiến-tranh. Nước Tàu tuy rằng khoa-học máy-móc không được phát-đạt, nhưng mà những công-nghệ cũ, phần nhiều bị phải những công-nghệ các nước nó lấn cướp đi, nên những kẻ lao-lực thừa-thãi nhiều quá thậm-tệ hơn bên Âu Mĩ ; bề ngoài tuy rằng không rõ ra cái cuộc giai-cấp chiến-tranh, nhưng kỳ-thực thì là giai-cấp chiến-tranh rất dữ, nào là giặc cỏ giặc mường đều là những bọn dân thất-nghiệp nó tụ họp đi ăn cướp, để phá-hoại xã-hội. Cái cuộc giai-cấp chiến-tranh bên Âu Mĩ là một bọn lao-lực 2.500 người nó tranh nhau với một vài nhà địa-chủ nhà tư-bản ; cái cuộc giai-cấp chiến-tranh bên nước Tàu là một bọn thất-nghiệp 597.500 người nó đi ăn cướp tài-sản của một bọn thiểu-số có cơ-nghiệp).—Nói tóm lại thì hiện trong thế-kỷ này phàm những việc họa-loạn trong ngoài, phá-hoại trật-tự, thương-hại đạo đức, khinh bỏ nhân-đạo, đều là bởi cái chế-độ kinh-tế bất-lương mà gây ra cả, trong những sách nói về xã-hội chủ-nghĩa đã bàn kỹ lắm, không phải kể ra đây làm gì nữa.

Trên này là nói qua cái chủ-nghĩa xã-hội đã tỏ ra cái chế-độ kinh-tế hiện thế-giới bây giờ nó hỏng nát cả, thì ai cũng phải thừa-nhận như thế. Nhưng cái ý-kiến người đời vẫn thường cho cái cuộc sinh-tồn cạnh-tranh, hơn được kém thua là cái lẽ tiến-hóa tự-nhiên ;

trong xã-hội loài người quyết không có bình-đẳng thực được bao giờ, và cũng không có hòa-bình lâu bao giờ. Quốc-gia chiến-tranh với giai-cấp chiến-tranh là cái sự thực không thể tránh khỏi được, vậy thì cái chế-độ kinh-tế hiện thế-giới bây giờ nó hỏng nát, thực không thể nào giàng-giữ lại được, mà cũng không cần giàng-giữ làm gì, cái ý-kiến ấy chúng ta vẫn lấy làm phải. Nhưng nếu cuộc kinh-tế mà cứ để cho tự-do cạnh-tranh làm cho đến đạt được mục-đích, thì chúng ta há-tất phải vị điều nhân-đức nhỏ-nhen mà nghĩ ấy-náy trong lương-tâm làm gì. Nhưng mà cứ để tự-do cạnh-tranh mãi cho đến cùng-cực, thì thế nào cũng vướng-vấp một cái chướng-ngại rất to. Cái chướng-ngại ấy là gì ? Tức là cái quyền sinh-tồn. Quyền sinh-tồn là cái quyền-lợi của loài người ta ai cũng có, ai cũng được sinh-tồn ở trên đời. Cái tư-tưởng quyền-lợi ấy về hồi đầu thế-kỷ thứ 19 trong chính-trị triết-học đã bàn nói nhiều lắm. Vì thời ấy ông Nã-phá-luân đánh nhau với nước Anh, nhân-dân cùng-khốn quá mới sinh ra cái tư-tưởng ấy. Có một học-thuyết trứ-danh giải nghĩa ra rằng : « Phàm những cái quyền-lợi sở-hữu của người ta, có cái nhân có chính-phủ rồi mới phát-sinh ra, đó là cái quyền-lợi bởi người làm ra, như là cái quyền tài-sản của mình không thể ai xâm-phạm được. Còn có cái quyền dẫu không có chính-phủ, mà đã sinh ra làm người thì ai cũng có cái quyền-lợi của mình, ấy là quyền tự-nhiên ; trong cái quyền tự-nhiên ấy có một điều rất cốt-yếu, tức là cái quyền-lợi người ta ai cũng có thể lấy những động-vật thực-vật trong cõi tự-nhiên để nuôi cái sinh-mệnh của mình. Cái quyền-lợi ấy lại bị phải cái quyền « người làm ra » nó đè nén cho đến khi ngắc-ngoải gần chết, thì được thực-hành cái quyền « sinh-tồn » của mình trong quyền tự-nhiên, để làm cho mình được khỏi chết. » Người phương Đông ta đối với cái quyền-lợi ấy ai cũng thừa-nhận cả đã thành thói quen rồi, như là cứu giúp cho những lúc thủy-hạn thiên-tai, chẩn-tuất cho những kẻ bần-cùng khốn-khổ, thu nuôi những kẻ thất-nghiệp lưu-ly, đó đều là cái nghĩa-vụ của các hàng quan-lại chính-phủ và các kẻ phú-hào ở các địa-phương, đều phải nên hết sức mà làm cả ; cái nghĩa-vụ ấy đối với cái quyền-lợi gì ? Tức là đối với cái quyền « sinh-tồn » đó. Năm xưa ở một tỉnh kia bị tai-hại nước lụt, những bọn dân đói họp nhau lại đi ăn cướp gạo, quan tỉnh không thể nào dẹp cho yên, vì thói quen ở địa-phương ấy nếu dân đói mà nó chỉ ăn cướp gạo thôi mà không lấy đồ vật gì khác, thì không thể khép vào tội cường-đạo được, đó tức là hàm cái ý-nghĩa trọng quyền sinh-tồn hơn quyền tài-sản. Bởi cái quyền sinh-tồn là cái quyền-lợi sở-hữu của con người ta tự tiên-thiên phú cho, không phải cái quyền tài-sản bởi pháp-luật sau này mới định ra mà nó lấn-đoạt đi được. Pháp-luật bên Anh Mĩ tuy rằng có trọng quyền tài-sản hơn quyền sinh-tồn, nhưng thói quen vẫn phải nhận rằng người ta ai cũng có cái quyền-lợi ấy, như ở thành Luân-đôn nhà làm bánh mì, cứ mỗi buổi sáng phải làm dư ra bao nhiêu bánh để tố-thí cho kẻ bần-dân. Trong đất tô-giới nước Anh ở Thượng-hải có nhà hàng cơm đem những đồ thực-vật thừa-thãi gánh đi qua đường, bị kẻ nghèo đói rỏ ra cướp giật, theo thói quen vẫn không có chống cự nó. Phàm những việc lặt-vặt ấy đủ chứng rõ ra rằng cái quyền sinh-tồn trong thói quen các xã-hội vẫn đủ có một phần thế-lực, để chống nhau với cái lẽ tự-do cạnh-tranh trong thế-giới bây giờ. Tự-do cạnh-tranh mà làm đến cùng-cực, thì có khi phần đa-số nhân-dân không giữ được sinh-tồn, đến bấy giờ thì cái quyền

sinh-tồn tất hiện ra cái thế-lực to-tát ở trong xã-hội. Mới rồi các nước trong cuộc Âu-chiến có thi-hành ra cái chính-sách hạn-chế thực-vật, thức ăn của mỗi người đều có hạn-định cả ; dẫu các nhà quí-tộc phú-hào, các thức ăn cũng không khác gì nhà thường-dân ; lại hạn-chế cả đến áo mặc giầy đi và các đồ nhật-dụng. (Cái lệnh hạn-chế của nước Đức, trừ đồ quân-phục ra không được dùng vải bông vải len, không được đi giầy da, giầy guốc đều làm bằng gỗ, áo mặc cũng làm bằng giấy. Có người Mĩ tự bên nước Đức về nói rằng trong thành-phố Bách-lâm không người nào là không mặc một thứ áo bằng giấy trắng, phục-trang đều một loạt như nhau cả). Cái chính sách ấy tức là để hạn-chế cá-nhân không được cậy cái thế-lực kinh-tế của mình, để mà lấn cướp lấy cơm ăn áo mặc của người khác, đó tức là tỏ ra cái sự-thực ai cũng phải thừa-nhận cái quyền sinh-tồn của người ta. Cứ như lời các báo đoán trước rằng cái chính-sách hạn-chế ấy sau này thế-tất dần dần thi-hành khắp cả. Mới đây nước Nhật nhân giá gạo kém quá, ở Đại-bản, Tây-kinh, Thần-hộ, Quảng-đảo, quân trộm cướp dấy lên như ong, chính-phủ phải phái binh ra đàn-áp ; một mặt thì khuyến-dụ nhà giàu phải bán thóc ra, cấm không được cầm chứa để lấy giá cao ; lại trù một món tiền cự-khoản để đong gạo bán cho hạ giá. Người Nhật đã có người muốn bắt chước cái chế-độ hiện thi-hành bên Âu Mĩ, muốn giảm thức ăn, cấm rượu, hạn-chế áo mặc, đánh nặng thuế những đồ xa-xỉ. Chúng ta xem trong thế-giới đã có nhiều nước văn-minh cũng đã chịu nhận cái quyền sinh-tồn để chi-phối cho đều, tuy các nhà chính-trị nước Tàu đương chuyên-ý về việc dụng-binh, đối với những việc thiên-tai nhân-họa ở các tỉnh không có động lòng chút nào, thì hình như dân nước Tàu không còn có quyền sinh-tồn gì để mong sống nữa ; nhưng xét lại thì nước Tàu vì sao mà phải nuôi quân-đội nhiều như thế ? Vì sao mà phải lấy của huyết-hãn trong nước để nuôi quân-lính như thế ? Cũng là vì trong nước nhiều kẻ vô-nghệ thất-nghiệp, thì phải lấy cái cách nuôi ấy để yên-ủi vỗ-về kẻ lưu-vong, thế thì cũng là chịu cái quyền sinh-tồn nó chi-phối đó. Nói rút lại thì tự-do cạnh-tranh tuy là dung-túng một bọn người thiểu-số cướp giật mất đồ sinh-sản của một bọn người đa-số, làm cho tuyệt mất sinh-kế của phần nhiều người ; nhưng cái quyền sinh-tồn vẫn không cho cái bọn người thiểu-số ấy chiếm mất cả cơm ăn áo mặc của phần người đa-số kia, để làm hại sinh-tồn của phần nhiều người. Ấy hai cái lẽ ấy vẫn như mộc-mác chống nhau, đương lúc cái quyền tự-do cạnh-tranh kịch-liệt quá thì cái quyền sinh-tồn tất quật-khởi lên mà chống cự lại, để cho nó không làm cho đến cùng-cực được.

Cái chủ-nghĩa xã-hội cộng-sản, chúng ta vẫn không muốn xướng lên làm gì ; nhưng cái quyền sinh-tồn nó vẫn hành-sử ở trong xã-hội, thì đã hiển ra sự thực rõ-ràng, chúng ta không thể không nhận được. Vả lại xã-hội sau này lại càng phải cái quyền sinh-tồn nó chi-phối, chúng ta vẫn chắc là thế. Nếu cái quyền sinh-tồn ấy mà nó chi-phối khắp cả xã-hội, thì kết-quả về sau không phải cộng-sản mà cũng như cộng-sản, không phải xan giàu mà cũng là đều giàu cả, người giàu sang cũng phải cùng với người nghèo hèn cùng ăn một thức ăn trong phần sở-đắc của một cá-nhân, cùng dùng một thức dùng trong phần sở-đắc của một cá-nhân. Loài người ta đến lúc bấy giờ cũng như là một bọn học-sinh trong các trường ngày nay, cùng mặc đồng-loạt một thứ áo, cùng ăn đại-loạt một bàn ăn, cùng ở mỗi người một gian buồng. (Uy-nhĩ-tốn người nước Anh đã nói về

cái cảnh-tượng tương-lai độ một trăm năm nữa tất phát-hiện ra như thế. Nhưng là nói về cái xã-hội Âu Mĩ mà thôi, chứ như toàn-thế-giới thì còn phải bao lâu nữa mới đến như thế được). Đến lúc bấy giờ, người giàu kẻ sang mới tỉnh-ngộ ra rằng giàu sang là vô-dụng, mà có khi lại làm lụy cho mình nữa, rồi tự-nhiên cầu xan giàu xẻ của cũng chưa biết chừng. Có kẻ bảo rằng về hồi thế-kỷ 18 là thế-giới Lư-thoa (*Rousseau*), thế-kỷ thứ 19 là thế-giới Đạt-nhĩ-văn (*Darwin*), thế-kỷ thứ 20 sau này là thế-giới Thác-nhĩ ti-thái (*Tolstoi*), lời nói ấy cũng chưa chắc tin được, nhưng cũng đã có ảnh-hưởng về sau.

Cái quan-niệm của chúng ta xét về vị lai thế-giới, hãy nói về gần đây, vẫn không công-nhận cái thuyết cộng-sản có thể thực-hành ngay được. Nhưng cái chủ-nghĩa tự-do cạnh-tranh là cái thói quen tự thế-kỷ thứ 18, 19 đến nay, tất là phải bị cái quyền sinh-tồn nó chống lại, mà giảm bớt thế-lực đi, thì các sự-vật trong xã-hội lại càng phải cái thế-lực của quyền sinh-tồn nó chi-phối; tuy cái thế-lực tự-do cạnh-tranh nó còn thoi-thóp, nó vẫn giữ cái tính lãn-nọa của nó, cùng đánh lộn với cái thế-lực của quyền sinh-tồn, nhưng một đàng thịnh lên thì một đàng phải suy, là lẽ tất-nhiên như thế rồi. Vậy thì cái thế-giới vị-lai quyết không phải là cái kỷ kế-tục về thế-giới ngày nay, mà chính là cái kỷ quay trở lại; cũng không phải là cái bước tiến-bộ của thế-giới bây giờ, mà chính là bị phản-động mà thành ra vậy. Thế thì cái cách phòng-bị về vị-lai sinh-hoạt phải nên nghĩ lại mới được. Nếu nhận lầm rằng cái thế-giới này là cái thế-giới khỏe ăn thịt yếu, là cái thế-giới kim-tiền thế-lực, mà tàng bỏ lương-tâm, hao hết tinh-lực, dầm-dưỡi mãi cái thân vào trong chỗ xoáy nước tự-do cạnh-tranh, mà không biết ngóc đầu lên, ta chỉ sợ rằng thời-cơ nó biến đổi đi, thì không thể hối lại kịp được nữa. Ví như lúc đánh cờ vây túng thế, chợt đâu con mèo nhảy lên bàn phá tan cả toàn-cục đi, bấy giờ mới tan bàn đứng dậy, mới tỉnh ra rằng hai bên đen trắng đều không ăn thua gì cả, mà bấy lâu lao-thần khổ-tứ bo-bo làm giàu cũng là công như công cốc mà thôi. Ta nay thử tính hộ cho mọi người muốn sinh hoạt về vị-lai thế-giới thì nên theo như cách dự-bị sau này.

1) *Không nên hút thuốc phiện, uống rượu.* — Lấy những đất-cát cần-dùng mà trồng thuốc phiện, lấy những thóc lúa nuôi người mà nấu rượu uống, đó đều là lấy những đồ thực-liệu mà biến ra làm đồ thị-hiếu riêng. Nước Tàu mấy năm trước nghiêm-cấm thuốc phiện, phàm những người nghiện bị phải nhiều nỗi khổ-sở, người ta ai cũng biết cả. Nước Anh nước Mĩ hiện bây giờ cấm rượu rất nghiêm, nước Tàu sau này tất cũng phải theo cái đại-thế trong thế-giới, mà hạ lệnh nghiêm-cấm yêu-tửu, vì những người nghiện rượu nghiện thuốc, thực là không hợp với cái cuộc sinh-hoạt về vị-lai thế-giới, có khác gì người nghiện nha-phiến bây giờ.

2) *Phải nên tập quen cái thói ăn cơm rau.* — Những nhà giảng học vệ-sinh bây giờ, vẫn thường bảo ăn nhiều thịt cho bổ, lại bảo rằng nên chọn ăn những thức gì có chất béo bổ mà dễ tiêu-hóa. Cái thuyết ấy làm lầm cho người ta không biết là chừng nào. Người ta mà thường ăn những đồ ngon thơm béo, thì dạ dầy với ruột nó càng mềm yếu mãi đi, về sau ăn nó cũng không có công-hiệu gì nữa, không khác gì những người ăn cơm hầm. Nếu những người đã ăn ngon quen mãi như thế, mà bất-thình-lình ăn một bữa cơm hầm, thì trong tràng-vị nó lại khó chịu ngay. Hiện bây giờ những nhà chuyên-môn xét về chứng tràng vị, mới dần dần xét biết

cái căn-bản chứng tràng-vị, lúc chữa phải bắt ăn cơm gạo hầm, để cho nó rèn tập dạ-dầy với khúc ruột, cũng như là rèn tập gân thịt thì phải xách quả tạ mà vận-động để cho gân thịt nó chắc-chắn mạnh khoẻ, tràng-vị cũng là bởi gân thịt nó gây ra, không khác gì bộ chân tay liền với gân thịt vậy. Các nhà vệ sinh Đông Tây đã xướng lên cái chủ-nghĩa ăn cơm rau, người Tàu cũng đã nhiều người tán-thành cái chủ-nghĩa ấy. Bỉ-nhân đối về cuộc kinh-tế rất tán-thành cái thuyết ăn cơm rau, bảo rằng đem cùng một hạng ruộng đất ấy mà cấy lúa trồng thóc thì có thể nuôi được mười người, nếu để làm ruộng trồng cỏ để nuôi súc-vật mà ăn thịt, thì chỉ có thể nuôi được một người mà thôi. Nhưng nếu gọi là ăn cơm rau, mà lại còn cầu-kỳ những thức bâu-lạ làm cho cực ngon cực khéo mà ăn, thì có khi làm hại của trời lại thậm-tệ hơn ăn cơm thịt. Nay ta chỉ cốt rèn tập tràng-vị mà giảm bớt thức ăn đi, thì không những là chỉ tán-thành ăn cơm rau mà thôi, mà cốt là phải ăn cho quen những thức cơm chiêm mắm mặn, cả ghém canh suông, để luyện tập tràng-vị cho quen chớ không cầu-kỳ gì cả. Các nước bên Âu-châu đều ăn một thứ bánh mì như của quân-lính lúc ra trận. Nước Tàu dẫu đồ thực-liệu còn dư-dụ, nhưng ăn gạo cũng không nên ăn thứ gạo trắng quá (vì giá đắt mà lại ít chất bổ), cũng có lúc phải nên lấy ngô khoai mà ăn sam vào. (Nước Nhật đã có người xướng lên muốn bắt-chước cái phép nước Mĩ định những ngày không ăn bánh mì không ăn thịt, mà định trong một tuần-lễ một ngày không ăn cơm. Lại có người định xướng lên một ngày chỉ ăn một bữa, mà lấy gạo Cao-ly pha một nửa phần vào gạo Nhật-bản.) Phải biết rằng nước Tàu những nơi cùng-tịch, thường không đủ thóc gạo mà ăn, hằng năm phải ăn ngô khoai, củ mài, củ sắn, mới đủ sinh-hoạt. Nước Anh ở các nơi công-viên đều có biển yết-thị rằng : « Người nào giàu tấm lòng ái-quốc, thì nên dùng thức ăn rất ít, » Nước Tàu cũng nên yết cái câu châm-ngôn ấy ở các nơi trường-học và các nhà xéc (*cercle*) công-cộng, để răn những người xa-xỉ tham-lam.

30) *Không nên mặc những đồ quần áo xa-hoa quá.* — Người ta mà mặc những đồ quần áo xa-hoa, chẳng qua là chỉ dùng để khoe mình giàu sang, mua chuộc lấy những tiếng khen đẹp của kẻ lưu-tục mà thôi. Cái thói xấu ấy về vị-lai thế-giới sau này rồi cũng tự-nhiên tiêu-diệt đi thôi. Cũng như là và mươi năm trước, ai cũng nghĩ những người nghiện thuốc phiện là bậc thượng-lưu, ai cũng bắt-chước nhau mà hút vào rồi mắc nghiện, lưu-độc khắp cả toàn-quốc. Nay thì lại coi những người mắc nghiện, như là kẻ phế-nhân, mà trong pháp-luật lại có răn-cấm. Lại như cái thói ngày trước các quan các nhà giàu, đều lấy nhiều tì-thiếp, ai cũng lấy làm phú-quí mà thèm muốn bắt-chước. Nay thì đã biết theo cái thói văn-minh, đã bài bác những kẻ lấy nhiều vợ là đồ dâm-loạn vô-xỉ, nên khép vào cái tội trùng-hôn. Nguyên là trời sinh ra người ta, con trai con gái số người cũng gần như nhau, nếu lấy một người mà chiếm lấy vợ của và người, để cho người khác phải chịu ở không mà tuyệt-tự, chẳng là trái nhân-đạo lắm ru ! Suy mà bàn ra thì trời sinh ra của-cải cũng chỉ có số bấy nhiêu, mà số người càng ngày càng nhiều, nếu đem xan-xẻ của ra cho đều còn sợ không đủ, nữa là lấy một người mà chiếm lấy cả phần cơm ăn áo mặc của mọi người, khiến cho người khác phải chịu đói rét, thì thực là trái nhân-đạo, lại thậm-tệ hơn là cái thói lấy nhiều vợ. Vậy nên cuộc thế-giới vị-lai tất là cho những người lấy nhiều vợ là tham-dục vô-xỉ, mà bắt buộc vào pháp-luật. Nay muốn phòng-bị cuộc sinh-hoạt về vị-lai thế-giới, thì

tất phải bỏ hết cái căn-tính ác-tập ấy đi. Trước nhất các giáo-viên các học-sinh ở các trường học, và các viên-chức trong các công-sở, nên bảo nhau chế ra một thứ áo mặc chất-phác, các người chí-sĩ nên rủ nhau lập ra một hội gọi là « Bố-y hội 布衣會 » (hội áo vải), để-xướng lên trước cho cả toàn-quốc theo. Còn những thứ vóc nhiều gấm doạn lượt - là, nên bớt dần đi. Nước Nhật sở-dĩ thiếu gạo ăn, phần nhiều là bởi tâm-nghiệp thịnh quá, phải đem bán bớt tơ lụa ra ngoại - quốc, ruộng cấy lúa thì đem đổi làm vườn trồng dâu mất nhiều, cho nên thành ra thiếu thóc ăn. Ấy cái cuộc kinh-tế sai lầm như thế, ta phải nên coi đó làm gương mới được.

4) *Không nên để rộng vườn hoang đất mộ.* — Cải cách kiến-trúc lối cũ của nước Tàu chiếm mất đất rộng quá, thử xem như các đền chùa đình thự thường làm rộng quá, kể từ ngoài cửa tam-quan trở vào, có khi bỏ không một khu đất rộng để cho cỏ mọc, khoảng giữa con đường dũng-đạo thường cách đến một dặm, đó đều là đất bỏ không mà thành ra vô-dụng cả. Các nhà phú-quí làm nhà rộng đến nghìn gian, ngoài lại còn nơi hoa-viên, nơi biệt-thự, thế mà thường bỏ hoang không dùng đến, một năm chỉ độ một lần đến qua ; nhọc dân phí của đáng tiếc đã đành ; lại làm phế-huỷ mất đất ruộng, giảm bớt mất thức ăn, thực là làm thiệt-hại cho xã-hội. Nước Anh về hồi năm 1830 trở về trước, lúa cấy cũng đủ ăn, về sau theo cái chính - sách thiên-trọng nghiệp công-thương, đem biến đất ruộng cấy lúa ra làm nơi công-viên, nơi biệt-thự, nơi mục-trường ; vốn trong nước toàn-diện-tích những đất có thể cày cấy được đến một nửa phần, nhưng từ trước khi Âu-chiến, cái nửa phần đất cày cấy được ấy, lại chỉ có một nửa làm ruộng cấy lúa mà thôi, thế là trong tám phần đất toàn-diện-tích chỉ có một phần đất cấy lúa, năm trước nghị - viện đã bàn mở thêm đất cấy lúa ra, nhưng vì số nông-dân không đủ, nên còn chưa làm cho đạt tới mục-đích được. Mới rồi nước Mĩ có nghĩ cái kế-sách đem khai-khẩn hết các đất có thể cấy cày được làm ruộng cấy lúa, lợi-dụng hết cả các nơi vườn - tược để cấy các giống lúa và trồng các thứ rau, phàm các nhà trường các nhà báo các bộ diễn-thuyết đều hết sức truyền-bá các phương-pháp để khuyên bảo cày cấy. Ấy các nước Anh Mĩ là nước giàu có như thế mà còn nhiệt-tâm trọng việc nông, thế thì ta chẳng nên lấy đó mà làm gương ư ? Vả lại nước Tàu những nơi phần-mộ chiếm mất đất ruộng rất nhiều, hiện bây giờ đã chiếm mất một phần trong năm phần, nếu cứ để mãi như thế mà không đổi, thì đất ruộng trong nước hầu khắp làm nơi chôn mồ mả cả, phải nên cải-cách đi mới được, phải nên lập ra nơi mộ-địa công-cộng, xướng lên cái phép tộc-táng tụ-táng, để giữ cho toàn đất ruộng, ấy là việc cần bây giờ đó.

5) *Cách sinh-hoạt nên chuộng giản-dị và tự-nhiên.* — Người Âu-tây nhân cái đường vật - chất văn-minh tiến-bộ, nên cái cách sinh - hoạt mới thành ra phiền-phức quá ; vả lại nhân cái cớ quần-tụ ở chốn đô-hội, trong cuộc sinh-hoạt tuyệt-nhiên không có cái thú-vị tự-nhiên, việc gì cũng làm bằng nhân-công bày vẽ ra cả. Cái cách sinh-hoạt như thế khiến cho người ta tinh-thần vì thế mà nhỏ mọn, thể chất vì thế mà hèn yếu, cho nên các nhà văn-học nhà y-học đã đề-xướng lên cái cách sinh-hoạt giản-dị, sinh-hoạt tự-nhiên, cảnh-cáo khắp trong xã-hội để cứu bớt cái lưu-tệ. Người nước ta thì không biết cái chân-giá-trị bên Âu-tây sinh-hoạt như thế nào, chỉ đua nhau bắt chước lấy cái cách sinh-hoạt phiền-phức, nào là sà-phòng nước hoa, hộp hương hộp sáp,

nào là những đồ trần-thiết trong buồng khách, nào là những đồ ngoạn-bảo của trẻ con, bày ra nhiều thức không biết bao nhiêu mà kể cho xiết được. Người mình đã không có cái tinh-thần xếp-đặt chỉnh-lý như người Tây, thừa lúc hứng lên thì tung của ra đến hàng trăm hàng chục để mua cho được, rồi ít lâu đem bỏ vung vãi, bỏ bần-thỉu, đem xếp xó một chỗ, chỉ làm vướng chân tay, rườm tai mắt mà thôi. Nhưng nếu lấy những đồ ấy làm trân-trọng mà giữ-gìn cẩn-thận, thời-thường kiểm xét sửa-sang, như thế thì tinh-thần mình lại phải sai khiến về nó, thành ra không phải là người dùng đồ vật, đồ vật nó dùng người đó mà thôi. Thác - nhĩ ti - thái bảo rằng : « Những vật gì không cần, thì không nên mua làm gì. » Như thế thì không những là tiết-kiệm được của, lại tiết-độ được cả tinh-thần nữa. Người Tàu lại hay bắt-chước cái cách sinh-hoạt của người Âu-tây, vẫn nghĩ là cái cách sinh-hoạt bởi nhân-công bày ra ở chốn thành-thị là không thể thiếu được. Người nào đã đi chơi qua những chốn đô-hội bên Âu-Mĩ, lại nghĩ rằng đất nước Tàu, không phải là nơi cho loài người ta ở được ; lại những người đã quen thói phong-lưu, đã ở qua các nơi thương-điếm trong các tô-giới Thiên-tân, Thượng-hải vẫn tưởng rằng trong nước Tàu nội-địa đều là một lũ ốm đói họp nhau ở đó. Những người nghĩ lầm như thế, đều là bởi không biết cái thú-vị sinh-hoạt tự-nhiên, mới hiểu lầm cho cái cách sinh-hoạt nhân-công làm tuyệt-phẩm ; cũng như là không biết cái phong-vị quả tươi rau nõn là ngon, mà cứ tưởng các thứ đồ hộp, các vị «dâm-bông» làm bùi làm béo. Cái cách sinh-hoạt tự-nhiên cần nhất là bóng mặt trời sáng-sủa, hơi không-khí trong sạch, nước suối uống mát mẻ, và các cảnh đẹp tự-nhiên của loài sinh-vật, của các nơi danh-thắng non sông. Những cách sinh-hoạt ấy thì ở các nơi thành-thị đô-hội đều khiếm-khuyết cả, không thể lấy nhân-công mà bồi-bổ vào được. Thế-giới vị-lai sau này tất là phải chữa cái cách sinh-hoạt phiền-phức không được tự-nhiên ấy đi, mà làm cho giản-tiện tự-nhiên, vậy người ta không nên bắt chước cái thói sinh-hoạt phiền-phức như bên Âu-tây làm gì nữa.

6) *Chớ nên chỉ nhờ về của tư-bản và tư-cách để sinh-hoạt.* — Hiện nay nước Tàu từ hạng người bình-thường trong xã-hội trở lên, cái cách sinh-hoạt đều nhờ về của tư-bản và tư-cách hai điều ấy mà thôi. Phàm những người nhờ có ruộng đất cho thuê để lấy lợi, hoặc xuất tiền của cho vay để lấy lãi, đó đều là hạng người chỉ nhờ về tư-bản để sinh-nhai đấy. Còn những người nhờ về ấm-tử ấm-tôn của ông cha, hoặc nhờ có thân-thích bè-bạn dắt-dìu cho, mới được bổ làm quan hoặc làm thơ-lại ở các nơi công-tòa công-sở, ngồi làm anh bạn-thực ở chốn tơ-tào, mỗi tháng xơi hao mất ít nhiều lương bổng ; hoặc chạy-chọt các cửa quyền-yếu, nhờ có phe-đảng mà lĩnh được một chức tốt bổng để vơ-vét cho nặng túi tham, đó đều là hạng người chỉ nhờ về tư-cách mà sinh-hoạt đấy. Các cậu học-sinh sau khi đỗ tốt-nghiệp rồi, không mấy người hay đem cái sở-học của mình ra để thi-thố mà giúp cho xã-hội, chỉ là nhờ có cái văn-bằng tốt-nghiệp ấy mà đi mưu cầu lấy một chốn kiếm gạo, đó cũng là nhờ về tư-cách mà sinh-hoạt. Nước Tàu từ khi theo chính-thể cộng-hòa, thì không còn có kể gì tư-cách nào cả, hiện bây giờ thì các phái quan-liêu, các hàng võ-tướng đương tùng-sinh cái uy-lực ở trong nước, nhưng cái đặc-quyền ấy chẳng bao lâu cũng tiêu-diệt đi mà thôi, có phần lại đoản mệnh chết chóng hơn cái đặc-quyền của các nhà tư-bản. Xem như nước Nhật-bản và mươi năm trước, các quan tri-sự ở các tòa về hưu

mà muốn cầu làm một chức gì ở trong một công-ti nào, thì người ta vẫn còn hoan-nghênh; sau quan trí-sự về hưu nhiều quá không thể dùng hết được, người ta chỉ hoan-nghênh những ông thứ-trưởng mà thôi, sau nữa chỉ đón dùng đến các quan đại-thần về hưu để làm giúp việc cho các công-ti mà thôi. Đến bây giờ thì dẫu các quan đại-thần hưu-trí muốn cầu làm một chức gì trong các công-ti cũng không chen chân vào đâu được nữa. Xem thế thì biết cái đặc-quyền của bọn quan-liêu võ-tướng vẫn không bằng cái thế-lực các nhà kim-tiền. Các bậc thượng-lưu bên Âu Mĩ phần nhiều muốn đặt mình vào cái trường công-nghiệp thương-nghiệp, chớ không muốn xuất-thân về đường chính-trị, phàm những quan-lại và quân-lính trong nước, đều là bởi các nhà tư-bản nó thuê dùng mà chịu nó sai khiến cả. Hiện bây giờ nước Tàu những nhà chính-trị trứ-danh, và những nhà quân-sự trọng tay cầm binh, chỉ vì vay nợ của người nước ngoài, cho nên phải chịu khuất ở trong tay các trái-chủ ngoại-quốc, mà bị phải các nhà tài-chính nó xoay mãi, nếu mà tuyệt mất cái nguồn vay nợ ấy đi, thì các chủ đều như cá nằm trên thớt cả, xem thế thì biết cái thế lực các bọn quan-liêu và các võ-tướng cũng không được lâu bền nữa. Nếu cứ tham hư-vinh mà giữ mãi lấy chức-quyền, sao bằng quay về đường thực nghiệp mà doanh-sinh là hơn. Người ta sinh ra ở đời phải nên nhờ về cái huyết-hãn của mình để sinh-hoạt, nếu chỉ bóng cái lợi-lộc bề ngoài mà ngồi yên không làm gì, chỉ chờ về người ta cung-dưỡng, như thế thì đối với lẽ đã không nên, mà về sau này bách về thời-thế cũng không mãi như thế được nữa.

Nói tóm lại chẳng qua hai chữ « cần-kiệm » mà thôi; mà cần-kiệm vốn là lời thường-đàm của các nhà lão-nho xưa nay, từ khi Âu-hóa nó tràn sang, thì không ai còn thèm bàn đến cái thường-sáo ấy nữa, bảo rằng cần-kiệm thì không hợp với cái cách văn-minh trong buổi tân-thế-giới ngày nay. Nhưng không biết rằng cái văn-minh cố-hữu của nước ta đã trải mấy nghìn năm, có lẽ nào lại bị phải cái văn-minh của Âu-tây mới sản-xuất ra độ hơn một trăm năm nay nó làm phá-hoại đi được. Các nước bên Âu-tây bây giờ đã thực-hành cái chính-sách xã-hội; từ khi chiến-tranh xong rồi, các chính-phủ kinh-doanh, các dân-chúng tư-tưởng càng ngày càng khuynh-hướng về xã-hội chủ-nghĩa. Mà nguyên cái chính-sách xã-hội, cái chủ-nghĩa xã-hội, nước Tàu đã xướng lên từ trước. Gần đây các nhà Tây-học cũng đã nghiên-cứu đến cái học-thuật về văn-minh Đông-phương, như là trong tập trước-tác của Thái-nhĩ-ti-thái (Tolstoï) thường thường dẫn-chứng những lời nói ông Khổng ông Mạnh lấy làm sùng bái lắm. Lại còn Khắc-lỗ-bảo-đặc-kim (*Kuropatkine*) có đề-xướng lên một bài luận về kinh-tế làm cho kẻ giàu-sang không phải làm việc khó-nhọc, kẻ lê-dân không đến nỗi đói rét, cái tư-tưởng ấy cũng là theo cái chủ-nghĩa xã-hội trong sách *Mạnh-tử* mà bàn thêm ra. Xem thế thì cái văn-minh cũ của nước mình đã trải hơn bốn nghìn năm, đã sắp-sửa lan sang bên Âu-tây, mà phát-sinh ra cái tân-văn-minh về thế kỷ 20 này. Vậy xin người nước mình chớ nên nhặt lấy cái mảnh văn-minh tàn của Âu-tây từ hồi thế-kỷ thứ 18, 19 đến nay đã bị phá-hoại, mà lại đem dập nát mất cái văn minh cố-hữu của tổ-quốc ta, mà coi khinh cái lời thường-đàm của lão-nho này vậy.

Đông-Châu *dịch*

ĐIỀU-TRẦN VỀ HIỆN-TÌNH Ở NHÀ QUÊ

Nhà đại-chính-trị cổ ở Đông-phương nói rằng : « Dân là gốc của nước, gốc vững thì nước yên », lời ấy giản-dị mà nghĩa-lý rất sâu xa. Nay cai-trị một nước muốn cho thế - lực vững - vàng thịnh-vượng mà không thành-thực để lưu-tâm về cái lợi-bệnh cho dân thì khác gì bỏ gốc mà chăm ngọn ; bởi vậy ông HUXLEY là nhà đại-lý-học nước Anh mới đây bàn về cái chức-vụ của nhà chính - trị, đại - ý nói rằng : « Nhà đại-chính-trị đối với dân trong nước cũng như người chủ vườn đối với cỏ cây trong vườn, người chủ vườn muốn cho cảnh-giả trong vườn, từ cái thứ có lợi cho đến cái thứ để thưởng-ngoạn đều được tốt-tươi nảy-nở như ý chủ cả, thì phàm khí-hậu, côn-trùng, điểu-thú, cỏ gai, cái gì có thể làm hại cho cảnh-vật hoa-mầu của mình được, thì phải hết sức mà trừ bỏ nó đi. Nhà đại-chính-trị muốn cho dân trong nước thịnh giàu, thì phàm cái gì có thể làm hại cho dân được đều phải gia công mà thải bỏ. »

Vậy thì cái vườn Việt-Nam lão-đại mông-mênh muôn dặm, đồng màu đất tốt, cảnh-trí rườm-rà ở giữa cõi bể Đông gió rừng sóng bể ồn-ào này, cái công bắt sâu cắt cỏ, sới đất vun mầu và chắn sương che nắng cho hoa-lợi cảnh-vật trong vườn được thuận thời nảy-nở mà cung cái hạnh-phúc cho hai dân Pháp-Việt sau này, mà không phải nhờ vào cái tay nghĩa-hiệp của ông chủ bầu xa-xôi là nước Đại-Pháp, thì còn nhờ vào đâu.

Kẻ bệnh nặng nằm liệt ở giường, chỉ mong có ông lương-y đến thăm mà đem bao nhiêu cái thống-khổ kể hết cùng thầy ; người hàm-oan nấp-nom trước tòa án, chỉ mong được quan án công-minh ngự ra trên đàn mà đem bao nhiêu cái uổng-khuất tố-cáo cùng quan.

Ông thầy lương-y, quan án công-minh của người dân nhà quê An-Nam mà nước Đại-Pháp đã ủy sang đây há không phải là quan Toàn-quyền VARENNE dư ? Bao nỗi thống-khổ, bao điều oan-khuất của dân nhà quê nay không kịp đem ra cầu-cứu cùng ngài thì còn đợi ngày nào nữa ?

Nay xin đem những bệnh-tình của dân-gian hiện nay thế nào thành-thực tỏ bày như sau này.

1. — Quan lại

Nhà tây-nho nói rằng : « Cái nước ngu hèn không có giáng-sinh được vua thần-vũ, mà cái dân gian-tham không có nảy ra được ông quan công-liêm bao giờ ». Lương Khải Siêu cũng diễn nghĩa ấy mà bàn về quan-lại nước Tàu rằng : « Quan là người kén ở dân ra, cũng như quả chảy ở cây xuống, cây ngọt thì quả ngọt, cây chua thì quả chua, cho nên dân có hay thì quan mới hay, dân dở thì quan lấy đâu mà hay được ». Những lý-thuyết ấy vốn là phải. Tuy vậy, lấy cái lý-thuyết ấy mà đoán cái dân-trí dân-đức người An-Nam ngày nay thì cũng có chỗ đúng, nhưng lấy cái lý-thuyết ấy mà đoán cái dân-trí dân-đức của nòi giống người An-Nam từ trước thì oan cho người An-Nam.

Không phải nói đâu xa, cứ xem ngay cái khoảng bốn năm mươi năm trước, khi chưa đặt bảo-hộ, tức là thời vua Tự-đức, bấy giờ nước nhà đã nhiều việc mà vua Tự-đức tưởng-lệ được phải quan-liêu bấy giờ rất là thanh-liêm.

không kém cái phong « thanh-cần » về cổ-thời, ngày nay người nào còn sống đến bảy tám mươi tuổi cũng đều được mục-kích và còn nhớ cả.

Vậy nhà khảo-sát về quan-lại An-Nam ngày nay phải nên lượng xét cho rằng đời nào dân nào cũng vậy, một dân cũng như một người, cái số toàn-thiện, toàn-bất-thiện thì vẫn hiếm, mà cái số thiện-ác tương-bán thì là thường. Lúc hay chính-giáo nghiêm-minh, phần thiện được hiển-dương lên mà làm ích cho chúng; lúc dở thì chính-giáo giải-tán, phần ác được phóng-túng ra mà làm hại cho dân.

Cho nên mỗi khi thay quyền đổi chủ, những người nhanh chân ra su-phụ cuộc đời lúc đó phần nhiều là những người vị-kỷ cả. Đến khi đại-cục đã định rồi, cái người được việc cho khi trước lại phản-thành ra hại việc cho khi nay, nghĩa là lúc này triều-đình mới hay chính-phủ mới vừa muốn thi đức-hóa, gia ân-trạch cho dân để cố-kết lâu dài, thì cái bọn bôn-su trước kia cùng cái bọn kế cái bọn bôn-su trước mà theo ra thấy cái cách « dụng-nhân » không thay đổi thì cứ giữ luôn thói cũ, dù đến bán cả đức-hóa, cả ân-trạch của chủ mới đi để mưu-lợi cũng không tiếc, cho nên xem các chính-sách trên lịch-sử những khi an-tập rồi đều cần phải thay đổi lại cả các cách « dụng tài để chăn dân ». Vua Hán Cao lấy cái cách ngồi trên mình ngựa mà lấy được nước, nhưng không có thể lấy cái cách ngồi trên mình ngựa mà trị được dân, và trong truyện *Tê-lê-mặc*, ông Thái-phó cũng dạy ông Thái-tử cách dùng người khi thái-bình khác với lúc đăng-định.

Coi đó thì biết cái tệ quan-lại tham-nhũng ở nước Nam ngày nay là Chính-phủ Bảo-hộ chưa kịp hỏi đến, chứ có phải đời vua Tự-đức trừ được mà bây giờ không trừ được đâu.

Cái tệ quan-lại tham-nhũng ngày nay là do cái nguyên-nhân từ ba bốn mươi năm trở lại, nay đã quá-khứ rồi không đủ thâm-trách nữa. Nay chỉ nói về cái hiện-tình quan-lại bây giờ, nhất là những quan-lại phủ-huyện Bắc-kỳ ngày nay là bậc đứng trung-gian, đối với trên là thừa-hành, đối với dân là biểu-suất, quan-lại phủ huyện có được người thì chính-thể địa-phương mới phát-đạt lên được

Đương nay tài-chánh rất khẩn, nếu cái chính-sách cải-lương hương-chính mà thực-hành đi được, không những dân được nhờ mà cuộc kinh-tế của xã-hội, của Nhà-nước cũng có lợi-ích nhiều, muốn thực-hành không nhờ ở quan-lại phủ huyện thì nhờ ở ai?

Các quan phủ huyện ngày nay xem ra có mấy người thuộc về ba hạng tuổi như sau này :

a) Hạng tuổi già. — Phần nhiều là người cựu-học đã chìm nổi trong bể hoạn nhiều phen, nay tính cái hạn về hưu đã tới nơi rồi, nên công việc hay « bỏ cần », qui-hồ thờ quan trên cho được lòng, nể mặt những kẻ hào-cường, đứa dân nào dễ bóp thì bóp cho kỳ cùng mà ăn độc không để phần cho nhà-lệ, đứa dân nào ngạnh thì lờ đi, trộm cắp mặc, cờ bạc mặc, việc cải-lương hư-ứng cho tắc-trách, chỉ nhặt-nhạnh cho đầy túi để nay mai về dưỡng-lão. Có một ông quan khi hương-hội đến thưa người thiếu tiền quĩ, quan xem tên bị thưa ấy ngang-bướng không ăn gì được, liền bảo : « Việc cải-lương là cho dân tự-nguyện, mặc bay làm thế nào thì làm, không biết ». — Vẫn đành thế, kẻ dân Tây thì phải yêu-cầu mới được, còn dân Nam mà chờ tự-trị thì nhà-nước đã vội thi-hành việc cải-lương hương-chính làm gì? Thế nhưng chức chưởng-bạ thì cứ 60 đồng một tên mới được. Làng nào mà hai tên tranh nhau chức chưởng-bạ thì quan lấy tiền bằm cho cả hai tên, tùy Tỉnh cho người nào thì người

ấy được, mà quan thì được tiền cả đôi bên.

b) *Hạng trung-niên.* — Người nào cũng biết chữ tây tiếng tây, hoặc ở trường Hậu-bổ, hoặc do chân thông-phán, việc quan đã thạo, lại hay có những ông quan thầy to, nên cái cách «làm tiền» cũng giỏi Cách hai năm nay ở Hải dương có một quan huyện chân hậu - bổ bị bệnh đem lên nhà thương tỉnh rồi chết. Quan Công-sứ với quan Tổng-đốc đã phải nói : « Không biết thầy huyện ở với dân thế nào mà từ hôm lên nhà thương đến hôm chết, đưa về quê, tuyệt không thấy một người trong huyện ấy lên thăm viếng ».

Lại một quan huyện chân thông-phán, cũng có tiếng « khoét », tri một huyện đến bị kiện bức-tử một tên lý-trưởng, mẹ và vợ nó chửi cho thậm-tệ, đổi sang huyện khác lại bị ngay kiện tham-tang về việc thu-thuế, phải đổi Thượng-du. Dân những huyện ấy nói: Nhà quan vốn nghèo, mới tri vài huyện mà đã có sáu bảy cái nhà gạch ở tỉnh.

c) *Hạng thiếu-niên.*— Hạng này có được học qua khoa pháp-chính Âu-châu, đáng lẽ nhà nước được tin cậy, dân-tình được nhờ ơn thì phải, thế mà một quan kia bổ về một huyện sơn-cước, dân huyện ấy đã bị nhiều quan tham-tàn, nay thấy quan tân-học tuổi trẻ mới xuất-sĩ thì mừng lắm; lúc quan mới về, tổng-lý chức-dịch đến mừng, ai già quan gọi là « cụ », lại có cả bài diễn-thuyết về chính-kiến của quan đọc cho dân nghe, dân đều hoan-hô khen quan thật văn-minh, xử rõ ra lối tự-do bình-đẳng. Ai ngờ được vài tháng, chỉ thấy tát khỏe, chửi khỏe, lấy tiền khỏe, sức đòi hương-hội lên chậm một ngày là giam cổ lại, lễ dăm sáu đồng thì tha; mới được độ một năm mà đã sắm bao nhiêu đồ và lo gỡ được cái kiện cho cố ông, lại sắm được ngay cái xe ô-tô nữa.

Dân nhà quê tuy ngu nhưng cũng biết ơn quan phủ huyện có công với dân, xem như mới đây có một quan huyện tuổi trẻ được đặc-cách đi tri-huyện, dân vùng Kiến-an Hải-dương đâu đấy đều khen ngợi nói : « Quan có cái tài bắt trộm-cướp cực giỏi, đi đến huyện nào, hết sức trừ cho tiệt giống trộm cướp, ước gì quan về huyện ta.»

Phủ huyện to lại có một quan Trợ-tá giúp việc, nhưng quan Tri lại hay ghen-ghét, cho vào công-đường làm việc, thì sợ lộ cái khóe ăn đút, mà phân-phì cho thì tiếc, nên mấy năm trước quan Trợ chỉ nằm mà ăn lương. Mười năm trước có một quan Trợ chân ấm-sinh, tính hiền-lành, lương lại ít, quan Tri nào cũng khinh, quan Trợ kiết lắm, phàn-nàn mãi quan Tri mới giao cho xử cái kiện kẻ cắp ở phố hay cho đi khám việc gì xa, vất-vả mà không được gì. Từ ngày thi-hành việc cải-lương hương-chính, công việc nhiều lắm, thì các quan Trợ đã có việc, xem xét thêm vào các sổ-sách của hương-hội với quan Tri, nhưng dân lại mỗi năm ba cái tết (mồng 5 tháng năm, mồng 10 tháng mười và Nguyên-đán), phải nặng thêm, mỗi kỳ số tiền trình một thành hai.

Nha quan phủ huyện có lục-sự với thừa-phái, nhưng cũng ít người chịu làm việc, công việc phần nhiều ở những người tịch-sĩ (tục gọi anh nho), có nha vừa bên tòa án bên cai-trị đến mười-lăm mười-bảy người tịch-sĩ, thì cũng nhiều khi sinh nhiễu. Thừa-phái lắm người không nhìn đến việc cải-lương là gì, không hiểu cả đến cái nghị-định cải-lương nữa

Lục-sự thừa-phái mỗi người lương tháng hơn chục bạc mà người nào cũng vợ con đầy tớ ăn chơi mỗi tháng đến hàng trăm, lại còn cờ bạc hay đem về làm vốn, không xoay vào dân thì lấy đâu? Bây giờ lại sinh ra cái cách mở đám, làm giỗ hay ăn mừng, để mời tổng lý lấy lễ, mỗi xã hương-hội lý-dịch đồ-

đồng mỗi người một đồng, mỗi xã cũng được năm sáu đồng, hạt một trăm xã được tới năm sáu mươi đồng; ăn giỗ ăn mừng rồi, tối lại giở sang sóc-đĩa lấy hồ. Những bọn này còn có thể đổ cho chính-phủ dùng người mà trả công không đủ nuôi vợ con, thế không làm xằng không được.

Chính-phủ Bảo-hộ cũng đã hiểu biết cái tình-tệ quan-lại, cũng đã tìm nhiều cách khuyến-trừng mà vô-hiệu là bởi cớ gì?

Nay xin bình-tĩnh mà nói: Quan-lại phủ-huyện là người hành-chính dưới nhất trong quan-trường, trên phủ-huyện còn có nhiều bậc, chỉ trách ở quan-lại phủ-huyện mà không xét trở lên thì cũng oan cho quan-lại phủ-huyện. Nói về quan-trường ở Bắc-kỳ ba bốn mươi năm nay, nào việc đi lo quan-lại, nào việc xét-xử án-từ, đồng tiền đã thành ra một vị thần có thế-lực trên hết, ai cũng biết thế, không dám nói sai; nay cứ xét ngay cái số lương với cái số ăn chơi, cái số vốn-liếng để ra, như nhà gạch đồn-điền là những vật trông thấy của các quan-lại từ phủ-huyện trở lên, thì đủ biết, số đó một phần lấy ở dân, mà cũng một phần lấy ở quan-lại phủ-huyện. Phàm người ra làm quan-lại phủ huyện hay người đi lo việc quan, cốt phải tinh ý nhớ: quan nào thì thích bạc giấy cho vào phong-bì, quan nào thì thích đồ chơi như đồ vàng đồ bạc đồ thêu và đồ sứ cổ. Có người nói rằng: « Quan thích đồ sứ cổ là khôn hơn cả, giá đắt tiền, để lâu có lãi mà vẫn là tiếng thanh ». Lại quan nào cho trực-tiếp, quan nào phải có bồi bếp giới-thiệu. Cho nên lo ra được một chức phủ-huyện bây giờ cũng là một cái buôn có thế-lực mà rất nguy-hiểm, khéo ra thì lên to, lỡ ra thì khổ lớn, nào món nợ vay ra làm quan, nào món sắm-sửa ăn chơi theo thời xa-xỉ, nào món lễ-lót để duy-trì thế-lực, lại còn món để dự-bị. Có một quan phủ, tết năm nay nói với dân rằng: « Tôi đi tết các nơi vừa mất bảy trăm đồng. » Tết những ai? Là tết từ thầy ký làm sổ lương, thầy phán trên tòa Sứ, thầy lục trên tòa án trở đi. Cái lệ thường còn thế, nữa là khi lâm-sự! Cho nên dân nhà quê có câu rủa những quan phủ huyện tham-lam rằng: « không khéo cắn chuôm rồi lại thả ao », nghĩa là vét ở dân rồi lại đem lên quan trên.

Nay lại nói về người làm quan ở đời Tự-đức, vua lấy nước làm nhà, coi dân làm con, hết lòng chăn dân, quan-trâm, tang-luật đặt ra, thực-hành ngay từ người cận-thần trở ra, từ bậc trọng-thần trở xuống, người ra làm quan, lúc ra không phải vận-động bằng tiền, lúc làm không phải luồn lót đâu, có tiếng liêm thì được hiển-dương ngay, mà có tiếng tham thì quan thầy to thế nào cũng không xin cho được, bạc nặng đến đâu cũng không gỡ nổi. Có một ông quan tên là Khiêm, vốn nhà nho, đỗ cử-nhân, bổ tri-huyện Kim-thành, bị kiện tham-tang, lập-tức cách tuột, ông Khiêm chịu tội rồi xin đi « tiền- quân hiệu-lực » về bên võ để lập công, lại về Hải-dương, ông hết sức do thám và đánh phá được dẳng giặc khách là « Tô Tam, Tô Tứ » ở Đông-triều, rồi thăng đến đại-tướng, chức Tiễu-phủ-sứ, tức gọi là ông Tiễu Khiêm, đánh đông dẹp bắc có võ-công to và có tiếng công-liêm, quân đi đến đâu, tỉ-hảo vô-phạm, người ta còn khen ngợi đến nay.

Coi đó thì biết rằng nếu nhà nước Bảo-hộ hết lòng vì dân, thì người tham nào cũng có thể liêm được. Bằng chỉ xét qua cái đại-khái, thì cái giảo quật của kẻ ăn đút ngày nay, khó lòng mà bắt được, mà có bắt được cũng không hề chi, vì đã có quan thầy to xin cho, có phải « lo » mất năm nghìn thì cũng đã kiếm được một vạn rồi, đàng nào cũng vẫn có lãi.

2. — Việc dân-chính

a) *Hội-đồng hương-chính.* — Việc cải-lương hương chính ngày nay dân-sự đều biết là đại-ích, vì thu chi được minh-bạch, lại có thể để dành được tiền ra mà lo những việc công-an công-ích trong làng, thế mà không đâu thực-hành được là có hai cớ :

Một cớ là dân nhà quê thực chịu đóng chịu góp, mà làng nào cũng có của công bằng ruộng đất, những hoa-lợi ấy bọn hào-mục vẫn hà-lạm đi, nay thực-hành sổ thu-chi, vì công-quĩ mà lý-tài thì bọn hào-mục mất lợi, [illegible] chỉ hưởng có danh mà không có thực.

Lại nhiều làng vẫn còn có người thổ-hào áp-chế, người ấy có chức-vị, có thế-lực, hoặc là người độc-ác đã tranh lấy cái quyền ăn nói mà làm « chủ-tế » ở đình ; văn-tế thần người ấy đứng tên thay mặt cả làng, người ấy dù không làm chánh hương-hội cũng lấy cái quyền về phong-tục mà kèm bắt được bọn hội-đồng.

Nay muốn thực-hành cái việc cải-lương hương-chính, trước hết nên triệt cái thói thổ-hào, nên đặt luật cho người chánh hương-hội có toàn-quyền mà không được chuyên quyền, thì người chánh-hương-hội dù tốt cũng không được làm tái-khóa, trong khi làm chánh hương-hội không những giữ chủ-quyền hành-chính, dù tuổi trẻ, chân trắng mặc lòng, lại phải giữ cả quyền tế-lễ đứng tên thay mặt cho dân ở văn-tế thần nữa. Trong làng dẫu có hưu-quan hào-trưởng gì cũng không phải nhường, mà cho như thế cũng là phải phép lắm.

Làm như thế, cái tệ thổ hào tự mất đi mà người dân tốt sẽ lần-lượt tiến lên để giúp việc cho làng.

Một cớ nữa là các quan phủ huyện ít người chịu giúp dân mà xét kỹ việc cải-lương. Quan thống-sứ Bắc-kỳ đã đặt lệ quan nào có « nốt » tốt về việc cải-lương mới được thăng-bổ. Nhưng quan mà xét cho kỹ việc cải-lương thì vất-vả, mà tính-tế lắm lại ít lợi, nên nhiều quan đành chịu để tiếng « nốt » tốt khác. Có quan đến không thuộc cả nghị-định cải-lương nữa.

Một quan giúp việc cải-lương trên tỉnh, mới tên thư-ký mới có độ 15$, dù không viết nổi cái biên-bản cũng cho đỗ, mỗi lần được lệnh đi khám quĩ các phủ huyện, xã nào có tiền lễ thì không cần xét mà phê ngay. Hôm nay công-bố tên chánh hội này tiêu tiền công, tên lý-trưởng kia tiêu tiền quĩ, vài hôm có lễ lại đăng báo cải-chính cho.

b) *Chức chánh-tổng* — Ngày xưa giao-thông chưa tiện, còn thuộc về chính-thể bộ lạc, đối với triều-đình thì chức chánh-tổng là cần, tức là người thổ-hào, người tù-trưởng, dân bầu ra đứng đầu mấy bộ-lạc nhỏ mà không có lương, chỉ kiếm ăn cái bổng-lộc trong hàng tổng. Khi triều-đình cần đến binh-lương, phu-dịch ở dân gian thì quan rách-cử ở chánh-tổng, chánh-tổng chia đều và đốc-thúc các xã trong tổng mà đóng góp. Khi dân có yêu-cầu gì thì chánh tổng đưa các xã lên kêu quan. Làm người chánh tổng kiệt-ngạo, kết hàng tổng mà chống với quan, với cả triều-đình nữa. Ngày nay đã đổi ra chính-thể địa-phương, đối với chính-phủ, mỗi làng có một hương-hội quản-trị, chính-phủ trực-tiếp giám-đốc đến việc chi thu của làng, việc sưu-thuế binh-lính đã có định-ngạch, mệnh-lệnh truyền-đạt khoảnh-khắc khắp mọi nơi, không phải đốc-thúc gì, thì chức chánh-tổng là nhân. Song đã có cái hư-hức để đó, không những vô-ích mà lại có hại, người chánh-tổng hiền lành thì phận sự chỉ có tiếp nhận giấy sức và công-văn mà phân phát cho các xã, rồi chiếu cổ-lệ mỗi năm ba cái tết, mỗi xã phải tết vài ba đồng bạc, mỗi vụ sưu-thuế, mỗi lý-trưởng phải đãi đằng ba đồng, còn khi nào có đám kiện

nhỏ, có việc quan ủy, có việc bầu-cử trong tổng thì lại có lợi khác ; nhưng ít người họ chịu thế, ngày nay cách bầu-cử bằng tiền đã không đắc-nhân như xưa, phần nhiều là con nhà giàu mà dốt, gặp lúc giao-thời lại càng dễ phóng-đãng, nào vẽ ra hội hàng tổng đi tết quan, đi ăn giỗ nhà quan, đi tiễn quan cũ, đón quan mới, để kiếm lợi ; khi có đê đường, kiếm cái lợi cố-tá, lại lấy tiền trình của dân, khua trong tổng cho nhiều người tranh nhau về lý-dịch, kiện tụng nhau, liệu có thể mượn uy-thế quan mà ăn lọt một mình được thì ăn, không thì đem dâng quan mà « phân-phì ». Lại tranh lấy ngôi chủ-tế ở làng mình mà giữ quyền mãi mãi, ở chốn nhà quê thường thường có những sự bất-bình, những đám-xá cờ bạc là do bọn ấy làm đầu nêu cả, cái thói thổ-hào áp-chế cũng là do bọn ấy.

Mới rồi có một quan phủ mới về đề-lý, cứ mỗi xã lý-dịch lên lễ mừng riêng thì nhận, còn chánh-tổng đưa lý-dịch hàng tổng lên lễ mừng thì không nhận. Ở bàn giấy giữa công-đường không đặt ghế cho các chánh-tổng ngồi, quan ấy đã hiểu cái mánh-khóe chánh-tổng ăn bớt của quan, mà ức cái thói hào-cường đi như thế cũng phải, còn các quan khác thì hay lợi-dụng các chánh-tổng.

Tuy trong nghị-định có cho chánh phó-tổng được kiểm-quĩ, xét sổ thu-chi trong tổng, nhưng họ chẳng biết gì mà chẳng xét gì, thường thấy nhiều chánh-tổng hễ công-văn nào không khẩn thì chỉ bỏ xó ở nhà mà không phát cho các xã.

Vậy tưởng việc cai-trị, muốn có khu-hoạch cho dễ thì nên bãi chức chánh-tổng đi mà mỗi tổng đặt một người cai-trạm, bằng hàng với lý-trưởng, có công-sở, có lương, để truyền-đạt mệnh-lệnh nhà nước cho dân là đủ.

3 — Thuế thuốc phiện và thuế rượu

Hai khoản thuế này là cái đại-lợi của Chính-phủ, lại là cái đại-bệnh của dân, tưởng nên châm-chước thế nào cho lưỡng-lợi.

Thuốc phiện. — Cái hại về thân-thể người nghiện thuốc phiện đã đành rồi, mà cái lợi bán thuốc-phiện ngày nay chính-phủ cũng không toàn thu được. Cứ cái số hút thuốc phiện ở Hải-dương cũng đã thịnh, một huyện kia trong có một làng ước 200 đinh, có tới năm-mươi cái bàn đèn, một làng nữa ước 200 đinh, có tới sáu bảy mươi cái bàn đèn, một làng độ hơn 100 đinh, có vài chục bàn đèn và một thôn độ 150 đinh cũng đến mười lăm bàn đèn, còn thì những làng khác ít ra cũng có vài ba bàn đèn, khi có đám có tiệc, người không nghiện cũng hút chơi, cho nên số người nghiện mỗi ngày một tăng, bây giờ đám-xá nhiều, thuốc phiện càng tốn, cái đám mổ con lợn độ mười đồng, thì phải mất đến năm đồng thuốc phiện, thế mà họ chỉ mua thuốc của «Đoan» độ một đồng, còn bốn đồng thì mua thuốc lậu ở Vân-nam đem sang, chính những môn-bài bán thuốc phiện cho «Đoan» cũng chỉ bán đặt thuốc lậu, còn thuốc « Đoan » lĩnh về thì bán lỗ vốn để cho nhà giàu, vì giá thuốc lậu ở nhà quê bây giờ vốn chỉ có hai đồng một lạng, mà thuốc «Đoan» thì tám đồng bốn hào, người bán thuốc lậu hạ bằng nửa thuốc «Đoan» cũng lãi nhiều rồi. Xem thế thì dân càng hại, mà Chính-phủ không được toàn-lợi, cái lợi nhường bớt cho dân bên Tàu. Tưởng Chính-phủ nên lập pháp cấm cho tiệt thuốc phiện lậu ở Vân-nam sang, rồi đánh tăng cái giá «Đoan» bán bây giờ lên gấp một hai ba dần dần, thuốc đã đắt quá thời chỉ người giàu mới hút được, người nghèo tự bớt dần đi mà khoản thu-nhập của Chính-phủ vẫn không giảm.

Lại luật đời Tự-đức nghiêm-cấm kẻ nghiện « nha-phiến » không được làm các công việc quan, từ lý-dịch đến quan-trường cũng vậy, thậm-chí một ông Hoàng-giáp làm tri-phủ, vì đạo-ngật nha-phiến mà phải cách tuột, là lấy rằng người nghiện thuốc phiện không những yếu sức sinh lười mà tự lo một mình mỗi ngày tốn phí bao nhiêu, lấy đâu cho đủ và cho trọn đời, nên người thanh-cao nghiện vào, cũng sinh ra keo-đẽo, nếu có chính-quyền ở tay, tài nào không làm bậy, hạt-nhược phòng tiệt trước đi còn hơn. Thế mà ngày nay có kẻ đi giác quan rằng người làm việc quan kia nghiện thuốc phiện, quan nói: « Nó hút tiền của nó », thật là phóng-túng quá ! Không những hại cho dân mà chính là hại cho nước nữa.

Rượu. — Người Á-châu uống rượu cất, có nhiều chất cồn (*alcool*) đã là độc rồi, nhưng cách nấu rượu cũ, ủ men với cơm nếp, đợi lâu ngày cho « nhưỡng - mẫu » tự-nhiên biến-hóa thành chất rượu rồi mới đem cất, nên rượu ngon mà êm, nay Nhật-bản đã chế được thứ rượu vệ-sinh, ủ bằng cơm nếp, trong một trăm phần chỉ có mười ba đến mười lăm phần cồn mà thôi. Xứ Đông-dương từ khi nhà-nước cho người chủ-trưng nấu rượu, dùng những chất mạnh về hóa-học, làm cho chóng được rượu, rượu không ngon mà nồng. Hồi mới có rượu thuế, một ông cố đạo người tây và một ông đốc-tơ người tây diễn-thuyết cho dân, đều nói « thứ rượu thuế này hại cho thân-thể nhiều lắm », người nhà quê uống vào cũng biết nhăn mặt, nhưng quanh năm không lẽ không lúc tiêu-khiển bằng yến tiệc, bất-đắc-dĩ cũng phải uống. Cái vấn-đề này dân An-Nam đã nhiều khi tố-cáo với chính-phủ, hồi quan Toàn quyền SARRAUT đã bắt người chủ trưng cải-cách cốt rượu máy lại, song cũng chẳng dỡ được bao nhiêu.

Nay cứ đem một chén rượu máy với một chén rượu cất lối cũ nhà quê ngày xưa mà ngửi thì tự phân-biệt ngay không phải đợi dùng phép hóa-học thí-nghiệm mới hiểu dàng nào độc nhiều độc ít nữa, cho nên rượu máy uống vừa sóc mà bốc lên đức đầu ngay, phi người cực khỏe không kham nổi, bởi thế người An-Nam phần nhiều giấu-giếm mua chuốc lấy thứ rượu lậu là rượu người nhà quê nấu vụng mà bán, chính các quan An-Nam, các người thành-phố cũng vậy. Cách người nhà quê bán rượu lậu ở thành-phố, có khi đựng vào cái bong-bóng trâu, rồi đút vào bụng, có khi đựng chai vùi vào thúng thóc gạo mà gánh, nhưng cũng phải lễ lính cảnh-sát mới đi lọt.

Việc bắt rượu lậu ở nhà quê không mấy lúc không, nào phạt, nào tịch-ký, nào bỏ tù, mà không trừ hết được. Đan-cử một làng... trước vốn làm nghề nấu rượu, nay những kẻ nghèo không chịu cải nghề khác, mỗi tháng một hai người bị bắt về rượu lậu, thậm-chí rượu lậu bỏ ở chỗ đất công thì phạt cả làng, bỏ ở ruộng đất nhà nào, tuy nhà ấy dẫu không nấu cũng phải phạt, làm như thế để cho dân giữ lẫn lấy nhau mà cũng không hết kẻ phạm pháp. Có người đã bàn xin nhà nước đem số thuế rượu chia ra nhiều môn-bài cho dân nộp thuế mà nấu như cũ, nhưng người chủ trưng đã chót lập nhà máy, tốn-phí mất nhiều, điều-đình cũng khó.

4 — Cờ bạc

Ở nhà quê khi nào thịnh cờ bạc thì hay có trộm cướp, vì những đứa côn đồ ấy là những đứa nghiện-ngập cờ bạc cả, chứ người bình-dân thì không. Cuối năm ngoái, những kẻ lý-dịch hay cờ bạc, mượn tiếng mở đám ăn mừng chức-sắc để mời khách đến đánh cờ bạc, mỗi đám năm sáu ngày, hết làng nọ

đến làng kia, có người được thua một hai nghìn, về tháng chạp năm ngoái, một làng ở cuối huyện kia mất cướp hai lần, đầu tháng giêng năm nay một làng ở giữa huyện mất cướp hai lần. Thế thì biết có luật nghiêm-cấm cờ bạc cũng có ích.

5. — Việc học ở nhà quê

Người bình-dân An-Nam rất hiếu-học, lúc hán học còn thịnh, cái lối học lấy đỗ-đạt phú-quí là ở nhà thế-gia, còn người bình-dân thì ít có cái hi-vọng ấy, người bình dân chỉ cần học lấy « cái đạo làm người », vì cái chữ nho tuy là chữ nước Tàu, nhưng thâu-thái vào bản-quốc đã lâu đời, sáp-nhập cả vào ngữ-ngôn phong-tục, nên biết được chữ nào cũng là có ích về chữ ấy. Người bình-dân dù nghèo đến đâu cũng cố cho con đi học được dăm ba năm, mà thuần nhờ ở trường tư-thục mỗi làng ít ra cũng được hai ba trường, những trường ấy không nhất-định cái chương-trình học-khóa và hạn tuổi, và chuyên dạy về tiểu, trung, đại-học gì cả, cứ tùy sức thầy với sức học trò học được thế nào thì học. Thầy thì những người đã đứng tuổi trở lên, học đã rộng, hưu-quan, tiến-sĩ, cử-nhân, tú-tài và các thầy đồ đã từng đi thi hương (1). Người thì mở trường ở nhà dạy trẻ trong làng để lấy ơn, người thì bố mẹ học-trò đón về, nhưng đã tự nhận là ông thầy dạy học thì phải đủ các khoa : luân-lý, lễ-phép thực-hành, triết-học, sử-học và văn-chương chữ hán chữ nôm, cho nên cảm-hóa cho học trò về nhân-cách chóng hơn là về sự biết, lại còn phải cảm-phục cho cả bố mẹ học trò và người làng nữa. Thường-thường những đứa trẻ sáng dạ mà có chí, tuy nghèo mà cố theo, thì chỉ học loanh-quanh trong làng trong tổng, lớn lên cũng đủ thi-cử thành người hữu-dụng có tài-đức.

Bây giờ đổi sang tây-học, còn đang buổi mới, chỉ tiện cho trẻ con ở thành-thị, mà không tiện cho trẻ con ở nhà quê, người nhà quê mà muốn cho con học chữ tây, tất phải nhà giàu, con sáng dạ và ít tuổi, thì mới có thể lên tỉnh rồi lên kinh-thành mà học được, lại phải theo cho đến nơi đến chốn, ước chừng mươi mười lăm năm thì mới khá, bằng nửa chừng mà bỏ thì về không dùng gì được, cái chữ tây ở nhà quê, đối với mấy món lễ-thói của ông bà bố mẹ thì không biết. Bởi vậy, nhiều người có con đương đi học chữ tây, bắt về toan cho học chữ nho, nhưng hán-học đã suy, tìm được ông thầy như trước hiếm lắm, người nhà quê bất-miễn lấy làm phân-vân. Mấy năm nay nhà nước đã công-nhận cho lớp đồng-ấu được chuyên học chữ quốc-ngữ, vì cái học về quốc-ngữ mà dần dần được cao lên một đoi chút nữa, có đủ sách đủ thầy đã luyện về quốc-văn để dạy khắp chỗ nhà quê, thì cái lòng cầu học lấy « cái đạo làm người » của dân nhà quê trước kia cũng đủ mãn-nguyện.

Còn như hiện nay thì sách chưa đủ, mỗi tổng mới có một trường, do lương của dân góp, nhưng thầy thì mới lỏm-bỏm vài môn sơ-học chữ Pháp, ít được hàm-dưỡng về khoa « Hán Việt » không đủ phô-diễn cái chữ quốc-ngữ ra mà cảm-hóa người nhà quê, nên ở nhà quê bây giờ thật là khát học mà ít cho con đến trường tổng.

6. — Trình-độ người nhà quê

Nay xin nói về trình-độ người nhà quê hiện nay để kết-luận bài này. Đây nói người nhà quê tức là người lao-động trong xã hội, tức là về số người phần nhiều.

---

1) Thi hương = thi lấy đỗ cử-nhân tú-tài.

Đời về buổi giao-thời như năm về mùa đông, khí dương-xuân ẩn-phục còn xa, mà trước mắt thì cỏ cây đều trút rụng, cảnh-sắc có vẻ tiêu-điều, hiện-tình xã-hội nhà quê ngày nay cũng y như thế, vạn-sự vạn-vật đều thấy sút kém không được như xưa cả. Nhà khảo-sát về qua nhà quê thường thấy cái cột cầu cột quán bằng đá đồ ; cái chùa ngói nát, cái đình lớn xiêu ở ngoài đầu làng thì đủ biết ; giản-hoặc cũng có chỗ thấy thấp-thoáng cái nóc nhà tây trong bụi tre, phi nhà quan thì nhà cho vay lãi nặng, chứ không phải là cái biểu-hiệu giàu thịnh của một vùng. Thế nhưng đến cái trí-thức của người nhà quê nhờ được ảnh-hưởng văn-minh của nước Pháp thì đã thấy thay đổi nhiều lắm.

Người nhà quê ngày nay chịu khó làm ăn hơn ngày trước, xem ra có ý cố đem cái cần mà giúp vào cho cái vụng. Người làm ruộng, chỗ ruộng tiện nước thì làm được ba mùa, là gặt lúa tháng mười rồi trồng các hoa màu rau hành tây nam, cuối tháng chạp lại tát nước vào cấy chiêm. Người thì đi làm thợ làm phu các sở các mỏ. Người thì ra buôn bán ở các phố chợ hoặc các nơi xa mặt bể chân rừng, chứ không khu-khu ở chỗ hương-quan như trước.

Những việc cuống-hoặc cũng giảm, các thầy số, thầy bói, thầy địa, thầy phù-thủy cũng ít đi, mà có cũng không đủ sức mê-hoặc người ta như xưa.

Lại nghiệm một điều này, người An-Nam vốn cầu bình-an, thế mà lúc Âu-châu có cuộc đại-chiến, bên qui-quốc gọi lính An-Nam sang giúp, lúc đó cái tin long trời lở đất đồn sang đây, dẫu nghe cũng đã khiếp, thế mà người nhà quê không kể bọn lính-tập, không cứ người theo tục-lệ ở làng cắt ra, mà người tình-nguyện cũng nhiều, vì nghĩa quên mình, hoan-hô cổ-võ kéo nhau ra ứng-mộ, có người là nhà sư, là lý-trưởng, là nhà nho, là tây-học, người thì con một, người thì nhà giàu, thôi thì mẹ già vợ trẻ theo sau khóc như đi mà giữ lại cũng không được, tuyệt không nghe thấy có người nào bỏ trốn hay là phải bắt ép, việc đó những chỗ thành-thị kén lính đi Tây bây giờ còn nhớ cả.

Đó đủ chứng rằng cái trí-thức người nhà quê đã mở rộng nhiều, chỉ ngặt vì lúc người nhà quê mới hơi tỉnh thức thì là lúc nhu-yếu phiền-phí, sinh-kế khó-khăn, quan-lại như cũ, tổng-lý như cũ, gia-chi-dĩ mấy năm lại đây, thủy-hạn luôn luôn, hết sức làm-lụng mà không đủ chống với tai-hại, thì người nhà quê hưng-khởi được cũng khó.

Đ. N.

ĐÀN BÀ ĐÔNG - PHƯƠNG (1)

III

VI. — Thê-thiếp nhà quan Thích-tướng-quân

Triều Minh có một viên đại-tướng-quân là Thích Kế-Quang 戚繼光 tước phong Vệ-quốc-công, là một vị lão-tướng từng có uy-danh hiển-hách một đời. Bà phu-nhân cũng tinh-thông binh-pháp, hùng-dũng khác người ; thường lập riêng ra một hiệu cờ, thống-lĩnh một đại-đội, giúp tướng-quân vào sinh ra tử nơi chiến-trường ; sự-nghiệp tướng-quân hồ một nửa là công của phu-nhân. Phu-nhân chỉ sinh được một người con cả, người con cả cũng giỏi về nghề chiến-trận, tướng-quân thường cho đi thống-suất đội tiên-phong. Quân-pháp ông rất nghiêm, ông thường hạ lệnh cho quân-sĩ rằng trong khi lâm-trận người nào quay đầu lại thì tức-khắc chém ngay. Một phen ông đem quân đi đánh giặc, giặc đánh dữ-tợn quá, quân tiên-phong thế núng, người con cả quày đầu chạy về, ông tức-khắc chém liền. Rồi chư-quân người nào người ấy sợ hãi mất vía, cố chết lăn vào đánh giặc, trận ấy lại được toàn - thắng. Phu-nhân từ đấy không khỏi có ý buồn-rầu. Nhưng phu-nhân cũng là một vị nữ-tướng-quân, há lại không hiểu binh-pháp ; cho nên ra vào cử-chỉ vẫn như thường, không có một lời nào trách ông.

Duy ớt nào là ớt chẳng cay, cái máu ghen-tuông cũng là cái máu thiên-bẩm của phu-nhân xưa nay. Trường-hạ phu-nhân tuy có những kẻ hầu gái, nhưng phu-nhân cũng nghiêm nhặt khác thường, mà khi ông với phu-nhân cùng ngồi sánh vai ở trong trường hùm, mắt ông thường vẫn không dám trông ngang. Sau có người xui ông lấy riêng một vài người thiếp, để giấu-giếm ở một nơi biệt-nghiệp, làm kế tự-tục ; ông nghe lời. Những người cơ-thiếp đã sinh được ba người con trai, nhưng phu-nhân vẫn chưa biết rõ, chỉ thấy ông vãng-lai nơi biệt-nghiệp, mà đem lòng nghi-ngờ mà thôi. Phu-nhân thời thường cầm gươm bất-thình-lình đi đến chỗ biệt-nghiệp, thì tuyệt-nhiên không thấy ảnh-hưởng gì, rồi lại về. Vì chỗ biệt-nghiệp có làm ra một nơi biệt-phòng tựa như bức tường dày, để làm nơi ẩn-náu ; cánh cửa cũng phải làm bằng vôi, giống như sắc tường ; cho nên chỉ trông thấy tường, không trông thấy cánh cửa. Ít lâu ông đem một người con ra, nói dối phu-nhân rằng xin con của một ông hiếu-liêm (ông cử) về làm con nuôi để kế-tự ; liền đón ông hiếu-liêm ấy về làm gia-sư để giáo-dục người con bé ấy, phu-nhân cũng lấy làm yên lòng. Một hôm phu-nhân ngồi nghĩ gần nghĩ xa ứa nước mắt khóc, có một đứa tiểu-tỳ phát-giác sự trí-thiếp nơi biệt-nghiệp. Phu-nhân nổi giận đùng đùng, đem quân-đội đi đánh, vây chỗ biệt-nghiệp, không cho một người nào ra khỏi vòng vây, sợ rằng tiết-lậu việc ấy cho tướng-quân biết. Ông hiếu-liêm phải tức-khắc nhờ một người kiện tốt trèo qua mấy lần tường chạy đi báo tin cho ông. Ông triệu chư-tướng hỏi kế. Có người nói rằng quan bà bây giờ là giặc, xin đi quyết-tử với giặc. Có người nói rằng xin đi giải vây, rồi đem cô cậu

(1) Xem N.-P. số 100,102.

trốn đi nơi khác. Ông nói rằng hai chước ấy đều không hợp lẽ cả. Ông mới tự mình cởi đồ nhung-phục, đi quì xuống đất, ra hàng phu-nhân. Các người thiếp thì xõa tóc ôm con phủ-phục xuống đất, xin đương tội chết, và xin đem con dâng lên lưỡi gươm. Phu-nhân truyền lệnh cho các người thiếp ôm con đứng dậy, lại truyền lệnh cho đem các con về nhà nuôi nấng hẩu-hoi. Duy có nói rằng tội-khôi là ông lão này, phạt cho mấy trượng. Ông liền phủ-phục chịu trượng. Chư tướng và sĩ-tốt ở ngoài quân-môn người nào người ấy đều vỗ tay reo lên, tiếng reo dậy đất, bằng dường như có ý chúc mừng; thế là cơn ba-đào dữ-dội trong khuê-khổn được yên.

Từ đấy phu-nhân giữ - gìn ông lại càng nghiêm, ông đối chư-thiếp phải đoạn-tuyệt vãng-lai. Duy phu nhân đối với các con, coi như con đẻ, nuôi-nấng giáo-dục chu-chí bội - phần. Sau ông thương đến chư-thiếp đầu còn xanh tuổi còn trẻ, cho riêng một món tư-trang phóng-xuất tự-do đi lấy chồng. Chư-thiếp khi bước chân ra có bảo nhau rằng sự này là tướng-công bất-đắc-dĩ. không phải là tướng-công có phụ-bạc gì chị em ta, chị em ta không nên phụ bạc tướng-công mới là phải. Rồi rủ nhau đi sang xứ khác, thì-phát đi tu, ở chùa hơn mười năm, khi phu-nhân mất rồi mới dám về. Khi về thì các con đều đã trưởng-thành, mẹ con lại được xum-họp như xưa.

Lời phê-bình

Ông Thích-tướng-quân như con rồng, biết lẽ khuất-thân. Bà phu-nhân như con hùm, ai cũng phải sợ. Hai người thiếp như con yến, bay đi bay về. Truyện này thật là in ra một cái gia-đình cảnh-ngộ khốn-nạn của một nhà quí-tộc ở Đông-phương. Truyện này có một vài sự khó. Vì việc nước mà đem chém con, đó là một sự khó. Vì việc nhà mà ra hàng vợ, đó là sự khó. Phi có cái thủ-đoạn anh-hùng không xử được những việc ấy ; ông Thích Kế-Quang cũng xứng-đáng là một vị lão-tướng-quân. Lại xin bàn về sự ghen, cái ghen của bà phu-nhân này với cái ghen của nàng Hoạn - thư, thật là cái ghen tuyệt - đích, khiến người hãi-mục kinh-tâm. Song kẻ quan - sát sự đời nên biết rằng « Giận dữ ra dạ thế thường, cười dù, mới thật khôn lường hiểm sâu. » Cái ghen của bà phu - nhân này là cái ghen giận-dữ, cái ghen hùng-hổ oai-linh ; cái ghen của nàng Hoạn-thư là cái ghen ngọt-ngào, cái ghen cười cười nói nói. Gia-đình bà phu-nhân này có ba con đội đức, gia-đình nàng Hoạn-thư có hai kẻ khóc thầm. Bà Phu-nhân này cũng chẳng đủ làm phép gì được cho người sau, nhưng cũng là một kẻ hùng-bá trong đời ghen, đến như nàng Hoạn-thư chẳng qua là một giống tinh-ma trong đố-quốc.

VII — Trinh-nữ Vương Thiện-Thông

Nàng Vương Thiện-Thông 王善聰 nguyên là người con gái trong thành Kim-lăng. tuổi mới mười hai, mẹ mất sớm, nhà có một chị, chị cũng đã đi lấy chồng. Người bố bấy lâu vẫn làm nghề xe hương (hương thấp), đem đi bán ở mọi miền Giang-bắc. Cửa nhà hàn-vi, nghề-nghiệp nhỏ-mọn. bố đi đến đâu, thường đem con đi đến đấy. Người bố nhân nghĩ rằng con gái mình bé mà mồ-côi mẹ, nay đây mai đó không tiện về cách lữ-hành, nhân cho ăn mặc giả làm con trai. Cha con bán hương ở miền Giang-bắc ít lâu, sau người bố cũng chết, bơ-vơ một mình không nương tựa vào đâu được, mới đổi tên ra Trương Thắng. Tình-cờ gặp một người nam-tử tên là Lý Anh, hỏi ra thì chàng họ Lý là người cùng làng với mình, mà người cũng thật-thà cẩn-thận, nhân kết làm bạn thân, góp của với nhau làm một cái vốn to, khuếch-sung lấy nghề-nghiệp bán hương. Ở chung một nhà với nhau hơn một năm, nàng chỉ nói rằng trong mình có bệnh, không hề có xuồng-xã khi nào, đến như dây với bít-tất cũng không khi

nào dám dời chân, chàng họ Lý vẫn không biết là con gái, mà nàng cũng không nhận nghĩa đồng-hương với họ Lý, chẳng qua kết làm huynh-đệ trong tứ-hải mà thôi. Năm Hoằng-trị tháng mạnh-xuân, cùng với chàng họ Lý đi về đất Kim-lăng, bấy giờ tuổi đã ngoài hai mươi, đi vào thăm nhà chị, người chị thấy người con trai tuấn-tú, không biết là ai. Nàng nói tôi là em đây. Chị nói tôi không có anh em trai, chỉ có một em gái, cha tôi dắt đi tha-phương buôn-bán, mấy năm nay tin-tức mịt-mù, chết hay còn cũng không biết. Nàng khóc mà nói rằng tôi đây chính là em gái, cha đã chết rồi, em thân cô, không về được, bất-đắc-dĩ phải chung-lưng với một người làng là Lý Anh buôn-bán kiếm ăn, đến bây giờ em mới về thăm chị. Từ đấy ở liền nhà chị, đổi ra quần áo nữ-trang. Cách hai ngày, chàng họ Lý nghe thấy sự, đi đến hỏi thăm. Nàng ẩn-náu không ra tiếp chuyện, người chị cưỡng-bách mới chịu ra. Chàng họ Lý trông thấy kinh-hãi ngạc-nhiên, nhân đem nghĩa cố-cựu, ước-nguyện với nàng về sự bách-niên. Nàng cúi đầu nín lặng, đứng phắt ngay dậy bước vào trong nhà. Chàng họ Lý về nhà, trong lòng khôn xiết kinh-mộ, liền nhờ người mối đi đến giạm. Nàng khăng-khăng cự-tuyệt, và bảo người mối rằng phàm nam-nữ, những sự hiềm-nghi phải cẩn-thận mới được, nếu bây giờ tôi kết-tóc xe-tơ với người ấy, thì trong lòng tôi tà-ma hay là chính-chuyên, ai biết cho tôi, cái trinh-tiết của tôi trong mấy năm trời, nhất-đán đem ném xuống bể đông, chẳng sợ thiên-hạ người ta chê cười đấy hay sao. Chàng họ Lý lại phục là người gan vàng dạ sắt, lòng kính-mộ lại càng thiết lắm, nhờ mối đi lại đến năm bảy lần, mà sự vẫn không hài, chàng họ Lý chỉ lắc đầu le lưỡi mà thôi. Sau sự ấy đồn ra ở trong làng trong quận, đến tai địa-phương-quan, ông địa-phương-quan cũng cho người ấy là người nghĩa, sự ấy là sự kỳ, cũng muốn loát-hợp hai người ấy cho thành đôi, để truyền lấy một sự giai-hoại; mới dỗ nàng rằng cái lòng trinh-tiết của nàng đã đủ minh-bạch ra với thiên-hạ rồi, nàng với chàng họ Lý có duyên cầm-kỳ, hà lại không có nợ cầm-sắt hay sao. Cố ép phải lấy, rồi hai người mới thành vợ chồng.

Lời phê-bình

Vương Thiện-Thông chẳng khác gì một hòn ngọc không vết, chẳng bền dẩy ư, mài mà chẳng mòn, chẳng trắng dẩy ư, nhuộm mà chẳng đen. Nhưng cái giá hòn ngọc ấy đối với thế-gian, cũng chưa có thể định được. Nếu đem hòn ngọc ấy vứt ngay vào chốn công-ty hàng-hương, thì hòn ngọc ấy tuy rằng không vết, song cũng không khỏi bị cái khói trầm cát bụi xạ nó làm mập-mờ đi. Biết đâu thế-gian lại không có kẻ bảo rằng hòn ngọc ấy chửa tất đã đáng một đồng tiền, chẳng qua cũng như cái giấy rách ở ngoài phong hương, cái trò thừa ở trong lò hương đấy mà thôi. Thành ra hòn ngọc ấy bị tiếng oan, cái tiếng oan ấy nhờ gió nào mà thổi đi cho sạch được. Cho nên nàng muốn đem hòn ngọc ấy treo bày ra ở nơi khác, là vì thế. Chứ hương đã biết quyến với ngọc, thì ngọc có chê gì hương. Ấy cái tâm-lý người đàn-bà bên Đông-phương ta, không những muốn giữ-gìn cho tính-chất ngọc, mà lại muốn bảo-toàn cho danh-dự ngọc vậy. Cái bộ luật ở trong tòa án lương-tâm của nàng, thực đã quyết-định rồi, khó mà di-dịch nữa. May sao lại có ông địa-phương-quan cũng là người phong-thú, biết thưởng-thức ngọc, đem hòn ngọc ấy tiêu-biểu lên chốn bạch-nhật thanh-thiên, lại đem hòn ngọc ấy xếp đặt vào nơi lửa nồng hương ấm. Hòn ngọc ấy mới thành ra cái bảo-vật quí ở thế-gian.

VIII. — Tấn-lang với Tần-nương

Ả Tần-nương 秦娘 nguyên là một người con gái phong-trần trong địa-ngục đất Duy-dương. Người bố khi xưa là một kẻ lão-nho, họ gì thì thất-tường. Sinh-hạ được một người con gái, đặt tên là Tần-nương. Tần-nương sinh ra có vẻ quốc-sắc, thủa bé cha mẹ mất sớm phải nương-nhờ cậu, đi ở với cậu. Cậu là người hào-phóng, ăn chơi quá-độ ra giúp việc công, tiêu-thất công-khoản, bất-đắc-dĩ phải tính sự bán cháu đi để trang-trải nợ công. Phải người mối họ lừa, kỳ-thủy là bán làm con nuôi, sau hóa ra bán vào chỗ thanh-lâu.

Ả từ khi vào chỗ thanh-lâu vẫn giữ bề trinh-khiết, không chịu ô-nhục, không ra tiếp khách. Người mụ dầu ngày đêm ngon-ngọt khuyên dỗ trăm chiều, ả vẫn không nghe. Khi thì mắng dọa, khi thì roi vọt, ả vẫn tự-thệ rằng hễ chết thì thôi. Người mụ dầu kế cùng, đã bàn toan đem bán ả đi chỗ khác. Nhưng tiếc ả là người đẹp, nếu mà dỗ được, thì có lời to, nên vẫn trù-trừ. Sau có người vạch mưu cho mụ dầu rằng: « Phàm con gái người nào là chả có tính, nên tìm lấy những kẻ niên-thiếu mà đẹp trai, đừng lấy tiền của họ vội, chỉ cốt dỗ lấy nó mà thôi, nếu có cậu nào xứng-ý nó, thì tha-hồ cho cậu ấy chơi độ một vài ngày, chỉ khó lắm đầu mà thôi, chứ lần lần ấy về sau, thì thật là dễ. » Mụ dầu lấy làm phải mà nghe theo, phàm chỗ quen thuộc, đều nhờ đánh tiếng hộ. Cái tiếng ấy bay ra, trong làng chơi tựa-hồ thành ra một cuộc thi về sự ghẹo hoa. Rồi các cậu thiếu-niên công-tử, cậu nào cậu nấy thắng quần thắng áo, thắng ngựa thắng xe, hàng ngày phấp-phới đi đến như bươm-bướm cả. Hễ cậu nào đến, thì mụ dầu cưỡng-bách ả ra tiếp-kiến. Ả trông thấy cậu nào, thì ả chỉ bưng đầu bưng mặt mà khóc-xụt xùi, hễ cậu nào sán lại gần, thì ả liền phát-nộ mà mắng-mỏ sỉ-nhục. Lâu mãi các cậu cũng chán, mà thưa đến dần đi. Người mụ dầu tức-tối, không thể nhịn được, nàng ngày liền roi-vọt ra tay. Bấy giờ ả đã quyết-ý cầu lấy một sự quyên-sinh. Đêm ả nằm mộng thấy một ông già bảo ả rằng: « Ta là bố mày đây, mày cứ giữ-gìn, mày đừng chết vội, ta đã vì mày tìm cho mày một người rể hiền rồi đấy, nội ngày mai có thể hài được duyên Tần-Tấn cho mày. »

Thủa ấy đất Ngô-hạ có một chàng gọi là Tưởng-sinh 蔣生, tiểu-tự là Tấn-lang 晉郎, là người văn-học nho-nhã, vì lên đất Kinh-triệu đi thi, đường đi qua đất Vũ-thành, nguyên không có ý gì về sự tầm-hoa vấn-liễu. Sinh có một người bạn, bình-thời cũng là một tay hào-nhã trong làng chơi, có quen biết mụ, mụ đã từng chúc-thác về sự kén người đến ghẹo hoa. Người bạn sinh chắc là người đẹp, rủ sinh đi. Sinh kỳ-thủy nghĩ mình là học-trò xác, không quen nghề ghẹo hoa, không chịu đi. Người bạn cố nài ép mãi mà bảo rằng: « Sự ấy cũng là một sự kỳ-ngộ trong làng chơi, thành-công thì thành, chẳng thành thì chớ, có hại gì. » Sinh mới chịu đi.

Sinh với người bạn đi đến chỗ lầu xanh, mụ ra tiếp, mụ thấy sinh là người nhuần-nhã mộc-mạc, không phải khách làng chơi, chắc cũng không thành được sự nào, cho nên dẫu nhận lời, nhưng cũng không hoan-nghênh gì cho lắm. Mụ chỉ cười nhạt mà dẫn sinh vào một chỗ khách-phòng rồi bách ả ra. Khi ả ra, ả chỉ nhắm mắt lại, ngồi ngảnh mặt vào vách mà khóc như mọi khi. Sinh mới nói bỡn rằng: « Tôi nghe qui-khanh thì qui-hiệu là Tần-nương, mà tiểu-sinh tôi thì tiểu-tự là Tấn-lang, chừng kiếp trước cũng có duyên-nợ Tần-Tấn gì chăng, sao kiếp

này quí-khanh lại cự-tuyệt tôi quá lắm vậy ? » Ả nghe lời nói có văn-chương, mà lại có ý-nghĩa sâu-xa về đường nhân-quả, tuy là lời nói bỡn nhưng không có giọng lả-lơi, khác với những phường công-tử phàm-phu. Vả lại chữ Tấn chữ Tần cũng phảng-phất với lời trong giấc mộng. Mới mở bừng mắt ra, liếc mắt trông sang một chút, thì thấy sinh là người nho-nhã khác thường, bất-giác tiếng khóc tự-nhiên nín bặt đi. Mụ đầu mỉm cười mà mừng rằng được đấy, được đấy, cô tiên-nữ kia bây giờ đã tưởng đến sự phàm rồi đấy, mà mới ân-cần mời sinh ngồi chơi, rồi đi ra liệu-lý mọi đồ tửu-soạn. Khi đó sinh với ả cùng ngồi ở trong khách-phòng, sinh không nói gì, mà ả cũng không nói gì, nhưng cũng không có ý gì là ác-cảm. Được một chốc đồ rượu bưng đến, mụ đắt tay ả lại cùng ngồi với sinh để khuyến-tửu cho sinh. Ả cũng rón-rén mà đi lại, nhưng hai hàng nước mắt vẫn thánh-thót rơi xuống chiếu ngồi. Rồi mụ đứng lên khép cửa mà đi ra.

Bấy giờ sinh thấy xung-quanh mình vắng-vẻ không có ai, mới sẽ hỏi ả rằng : « Tôi xem tình-trạng nàng, tất có điều gì u-ẩn chưa có thể nói ra được, tôi với nàng tuy mới biết nhau, giao-tình còn thiển, nhưng tôi không phải là khách trong làng chơi, chẳng qua vì anh em bạn cưỡng-bách mà đến đây, sự-tình nàng thế nào, nàng cứ nói cho tôi biết, nàng chớ ngại gì. » Ả mới đem cái bước phong-trần và cái chí quyên-sinh của mình thuật lại kỹ-càng cho sinh nghe. Sinh nghe ả nói, sinh cũng bất-giác nước mắt tuôn xuống như mưa. Ả lại thuật những lời trong giấc mộng ra cho sinh nghe. Sinh cũng gật đầu. Ả nhân thiết-tha thổn-thức mà nói với sinh rằng : « Chàng nếu có lòng tính về sự bách-niên, thì lời cha tôi dặn tôi ở trong giấc mộng, tôi không dám trái lời. Nếu cho tôi là một kẻ trong cuộc phong-trần, chỉ để mua vui lấy một chốc mà thôi, thì tôi dẫu chết cũng cam chứ không dám nghe lời.» Sinh than rằng : « Nàng thật là một kẻ gan vàng dạ sắt thay ! Tôi hiện cũng chửa xe tơ kết tóc với ai, nhưng mà nhà tôi nghèo quá, không có nơi kim-ốc, lấy gì làm chỗ tàng-kiều, sự này biết tính sao. » Ả nói rằng : « Tôi không phải là thói nhi-nữ tầm-thường, nếu vẹn được duyên Tần-Tấn, thì dẫu kinh-thoa bố-quần, cũng không hận gì. Chỉ xin cầu lấy một lời thề với thiên-địa quỉ-thần, rồi sẽ cầm chén rượu mà khuyên nhau. » Sinh nhận lời. Rồi cùng nhau uống rượu thề, thù-tạc thâu đêm.

Mụ đầu mừng-rỡ ý ả đã chuyển-di, cố mời sinh hãy ở lại ít ngày. Sinh thì còn đương nóng về sự thi-cử mới tạm lưu-liên ở đấy ba ngày. Khi sinh sắp-sửa đi, ả có bảo sinh rằng « Chàng đi ra khỏi, mụ kia tất cho người khác đến không để cho tôi được ở một mình nào, nên sớm-sủa tính sao mới được. » Sinh ngẩn mặt, không biết nói thế nào. Ả nói : « Nhà chàng có những ai ? Chàng ở về xứ nào? Nên bảo rõ cho tôi biết ». Sinh nói : « Nhà tôi không có ai, chỉ có một người chị gái góa chồng về nhà giúp việc cho tôi thì ở thành Cô-tô, mà ở về ngõ ấy ngõ nọ.» Ả nói : « Thế thì tôi đã tính, tôi đã tính được rồi, chàng nên viết một cái thư đưa cho chị trước, kể rõ sự tôi cho chị biết, rồi tôi tự-khắc có kế-sách, tôi thoát khỏi cái địa-ngục này. » Sinh cứ theo như lời.

Kịp đến khi sinh đi khỏi được ba ngày, mụ đầu quả-nhiên rước được một người khác đến, bảo ả ra tiếp, ả giả cách cười nói hoan-nghênh, mụ lấy làm mừng lắm, một cười này hơn nghìn vàng chẳng ngoa. Ả khuyên mời khách uống rượu cho thật say. Đến nửa đêm, ả lấy quần áo giầy mũ của khách mặc vào mình, giả làm hình-

trạng người khách, mở cửa mà đi ra, ra khỏi cửa, tay chống một cái gậy, dảo gót đi liền. Khi ả giả làm người khách, đi ra khỏi cửa thì vừa đi vừa lẩm-nhẩm những lời rằng: «Cái con ấy nó chẳng ra gì, thật tức mình quá.» Mụ nghe có lời ấy, ngờ rằng Tần-nương nó đã nhạ-sự sao đây, có lẽ nó làm mất khách mình. Mới đi ngay vào buồng, ngẩm trước ngẩm sau, chỉ thấy một ngọn đèn tờ-mờ, mở màn ra xem, chỉ thấy một người nằm đắp cái chăn, mụ còn ngờ là Tần-nương, lên tiếng mắng-mỏ ít lâu, kịp kéo chăn mà nhìn kỹ thì hóa ra người khách nằm trần, mà rượu còn say mù chưa tỉnh. Mới biết rằng ả đã trốn đi mất rồi. Liền thúc người đi ra ngã ba ngã bảy, đón các ngả đi tìm. Nhưng cánh hồng đã bay-bổng tuyệt vời, không thấy tung-tích gì nữa.

Khi nàng đi, tuy canh khuya dặm trường, nhưng may được là thân trai, không phải là thân gái, cho nên cũng không hãi-hùng gì cho lắm, đi đến sông, ả mới xuống thuyền, đi về Cô-tô. Đến tang-tảng sáng, chỉ nhẩm lấy bức địa-đồ ở trong bụng, mà đi thẳng đến nhà Tưởng-sinh; bắt đầu đưa một bức thư cho người chị, trong thư đã kể cả sự-tình, người chị xem thư biết là phải, mới đem đồ nữ-phục cho thay, rồi để cho ở nhà. Ả ở nhà Tưởng-sinh được vài tháng, xem đã ra hình có thai. Đến kỳ sinh, sinh được một đứa con trai, kỳ-thủy người chị vẫn còn hồ-nghi. Sau thằng bé ấy một ngày một lớn lên, trông ra lại càng giống em mình lắm, người chị bấy giờ mới mừng, mới thật đãi ra là tình cô cháu chị em.

Còn nỗi Tưởng-sinh, thì đường công-danh cũng yên-kiền lắm. Khi ấy lên kinh thi hỏng, có người tiến-dẫn lấy kẻ mạc-khách cho một viên sứ-quân ở Ba-thục, sinh mới trèo đèo lội suối, lộp-ngộp đi vào Thục. Sinh vừa mới vào, thì viên sứ-quân vừa mới mất, sinh bơ-vơ ở đất Thục, không có tiền về. Bấy giờ lại gặp cái loạn Giáo-phỉ khởi lên ở đất Xuyên đất Sở, sinh lại càng khốn-đốn lắm. Chiếc thân bần-tiện, gặp buổi loạn-ly, cái thân còn chửa chắc, đã chắc đâu đến sự nhà. May có một viên đại-súy đi ra Xuyên Sở dẹp giặc, có con mắt thưởng-thức đến sinh, sinh lại ra làm mạc-khách. Sinh trước còn giúp việc bút-trát, sau lại kiêm cả việc cung-đao. Sinh cũng cảm-tình vợi người tri-kỷ, khẳng-khái ra chỗ chiến-trường, chí-tại diệt-tặc, để lập công-danh, gác hẳn sự nhà không hỏi đến nữa. Vì sinh cũng là người khá, nghề văn đã lẳng-đẳng, chịu dốt với đời, thì nghề võ cũng chực bước tung-hoành, không chịu dát với thiên-hạ. Được mấy năm, giặc Xuyên Sở dẹp yên, sinh được dự vào ngạch quân-công, thưởng-lĩnh chức tri-huyện ở đất Sở, mới xin phép về thăm nhà. Sinh tự thủa từ-biệt ả ở lầu-xanh đi lên kinh, cho đến lúc về thăm nhà, thủy-chung vừa hai mươi năm.

Sinh về đến đất Cô-tô, trông thấy phong-cảnh cố-hương, cũng có tình khiếp sợ, sợ rằng chị không biết có còn hay chết, vợ không biết có về hay không, cửa nhà không biết có còn là cựu-chủ, hay là đã ra tân-chủ. Mới đi đến chỗ ngõ cũ, thì nhà cửa vẫn như xưa. Duy thấy đèn kéo màn chăng, tưng-bừng trước mặt, trống rung sáo thổi, rộn-rịp bên tai, không biết là sự gì. Mới sừng-sực đi vào, thì khách-khứa đầy nhà, có nhiều người hình như không từng quen biết, bỡ-ngỡ nhìn nhau. Lạ gì lúc đi thì ít tuổi, áo vải mà mặt trắng, lúc về thì nhiều tuổi, áo gấm mà bụng to. Có một cậu thiếu-niên ra chắp tay hỏi rằng: « Quí-khách ở đâu mới lại chơi?» Sinh nói rằng: « Ta là Tưởng-quân đây, đây là nhà ta đây phải không ? » Người thiếu-niên kinh-hãi ù-té chạy vào. Phút chốc, có một

người đàn-bà trạc tuổi ngoại bốn mươi vội-vàng đi ra, thì tức là người chị, vừa kinh-ngạc vừa mừng-rỡ mà nói rằng: «Em ta đã về đấy ư! Sao em ta đi đâu mãi, bây giờ mới về?» Người chị mời dắt người thiếu-niên đến tận nơi với sinh, mà trỏ bảo sinh rằng: «Đấy là con đấy! bây giờ nó đã hai mươi rồi, đến tuổi thành-thân, ngày hôm nay là ngày cưới nó đấy.» Khách trong nhà ai nấy đều kinh-ngạc mà than-thở cho là một sự kỳ-ngộ. Sinh mới đứng lên đi hàn-huyên từng người và kể qua cái lịch-sử phong-trần của mình ra cho khách nghe, ai nấy đều mừng-rỡ vui-vẻ. Rồi người chị thung-dung nói với sinh rằng: «Vợ em thật là một người đàn-bà có chí, từ khi thoát khỏi địa-ngục về nhà đến giờ, đã sắp-sửa đến tuổi làm bà, mà đầu vẫn còn để rủ tóc, làm ra lối con gái chửa chồng. Chị thường khuyên bới tóc cài trâm, để gọi là che mặt thế-gian một chút, thì vợ em cứ khăng-khăng một mực không nghe. Là ý mong lấy đủ điều nạp-thái vu-qui hẳn-hoi, cho xứng đạo nghi-gia, chứ không chịu cẩu-thả. Bây giờ em đã về, em nên nghĩ sự ấy xử ra thế nào?» Có một người khách nói rằng: «Ngày hôm nay chính là ngày tốt, sao không để cho cha với mẹ, giâu với con cùng cưới một ngày, đó cũng là một câu truyện hay.» Khách trong nhà ai nấy đều vỗ tay mà nói rằng phải. Mới đặt lên một lễ tế tơ-hồng, bố chồng với mẹ chồng lễ ở đàng trước, con trai với nàng giâu lễ ở đằng sau. Người xem ai nấy đều nức-nở xôn-xao, cho là một sự lạ xưa nay chưa từng có. Bấy giờ có kẻ văn-nhân là người hiếu-sự, có làm ra một bản kịch gọi là bản «Tần Tấn truyền-kỳ 秦晉傳奇» để đăng vào nhạc-phủ.

IX Sư nữ Tú Văn

Tú-Văn 秀文 người đẹp mà tính trinh, thông-tuệ khác người, ngữ-ngôn lại mẫn-diệu. Hai mươi tuổi vào chùa Tây-am đất Gia-hưng cắt tóc tu-hành. Bọn thiếu-niên ở vùng đó cậu nào cậu ấy đều ngấp-nghé cái sắc của Tú-Văn. Nhưng Tú-Văn tuy đẹp như hoa đào hoa lý, mà nghiêm tựa chất băng chất sương, không cậu nào xâm-phạm được cả. Chùa thì ở ngoài cửa nam phủ-thành, nửa thành-quách, nửa thôn-trang, có ruộng tốt vài mươi mẫu, dâu lúa xanh um, đều là tài-sản của nhà chùa, thường-niên thu-hoạch, chẳng khác gì một nhà tiểu-phú. Lại có nhiều kẻ ghen-ghét về tư-bản, nghĩ mưu-mẹo để lợi-dụng lấy cái của ấy, thường dòm Tú-Văn có cái lỗi gì phạm về thanh-qui nhà chùa, thì chỉ-trích mà triệt đi. Thường bảo nhau rằng Tú-Văn có tu gì mà tu, tu hú, chẳng qua là bề ngoài giả-cách xuất-gia, mà bề trong thường là gái có chồng rồi đấy.

Một hôm các người đương đứng chơi ở trước cửa chùa, Tú-Văn thì xách thùng nước ra tưới dâu. Chợt có người đàn ông tuổi độ lẻ bốn mươi say rượu đi qua cửa chùa, lừ-đừ khuệnh-khoạng, ngã sóng-sượt xuống đất. Tú Văn vội vàng bỏ thùng nước đấy, mà ra vực người say rượu ấy vào, lại đặt ở cái giường chỗ mình nằm xưa nay, mà lấy chăn đắp vào. Các người trông thấy sự ấy, cho là người ấy tất là kẻ tình-nhân của Tú-Văn, liền ẩu cửa vào chùa, người nào người ấy đều muốn chỉ-trích sinh-sự. Vào dòm chỗ tăng-phòng, thì thấy người say rượu ấy nghiêm-nhiên nằm ở trên giường sư, mà Tú-Văn ngồi ở bên cạnh giường, vừa xuýt-xoa, vừa yên-ủi, vừa lấy tay xoa vào chỗ đau. Các người đều nhao-nhao nói to cả lên, ra cách vấn-tội, nói rằng tăng với tục hỗn-hào, qui-tắc nam-nữ ở đâu, cái gian-tình đã hiển-lộ rành-rành. Bình-nhật tuyệt-nhiên không thấy tiếng-tăm gì, chẳng qua là hẳn hành-vi bí-mật đấy mà thôi, đến bây giờ rõ thật quả-tang nhé! Tú-Văn chỉ thong-dong nghênh mặt vào các người mà đọc lên bài câu thơ rằng: «Em vợ túy-ông cậu

ni-trưởng, chị cậu trưởng-ni vợ túy-ông» (ni là sư nữ) Rồi lại hỏi các người rằng: «Các ngài đã từng nghiên-cứu về thiên-lý chưa? Có hiểu nghĩa câu thơ ấy không? chớ dùng cách nhao-nhao làm chi vậy.» Các ngài đều chửa hiểu ra nghĩa gì, người nào người ấy đều trông nhau mà ngẫm-nghĩ, chỉ mang-máng rằng người ấy tất là bề tôn-trưởng họ-hàng Tú-Văn. Kịp đến lúc người ấy tỉnh dậy, các người ôn-tồn hỏi-han. Người ấy đáp rằng: « Nữ-ni chùa này là con lão, lão thân-sinh ra nữ-ni chùa này. » Ai nấy đều phục Tú-Văn là mẫn-diệu hùng-hồn, mà cũng không lấy cớ gì mà chỉ-trích được nữa, mới xin lỗi mà về.

Tú-Văn nguyên là con gái nhà nghèo ở gần miền Gia-hưng đó, mẹ mất sớm, Tú-Văn không biết lấy gì báo ơn mẹ, mới xả-thân ra đi tu, ngày tháng tụng-trì, để cho mẹ được về lạc-quốc, cho nhẹ kiếp luân-hồi. Nhà có bố, người bố thì tiêu-dao trong túy-hương, thời-thường vào thành chén say rồi về, đường về đi qua cửa chùa, hoặc khi vào chùa tạm nghỉ một chút. Tú-Văn thì cứ rầm mồng một tụng kinh ở chùa xong, lại về qua nhà thăm bố, ngày tháng như vậy, không sai ngày nào, vì Tú-Văn là người bản-tính chí-hiếu vậy. Tú-Văn tu ở chùa Tây-am, tam-qui ngũ-giới, ngày tháng trụ-trì, thủy-chung không một chút trần-tâm.

Lời phê-bình

Tú-Văn thật là một đóa hoa sen trong Phật-quốc. Nếu không có cái ma-men nó gây nên sự quái-lạ cho mắt trần, thì cái hoa sen ấy, cũng ít có người biết. Duy trên giường Quan-âm có một vị túy-ông, ngoài cửa Bồ-tát có một đàn tục-quỉ. Cho nên cái hoa sen trong-sạch tốt-tươi, cái lửa đã tắt đường duyên, cái tơ còn vương đường hiếu ấy, mới truyền-bá ra bút-mặc ở nhân-gian. Đến bây giờ thuật đến truyện này, trên nét mực còn thấy đẹp trên tờ giấy còn thấy thơm vậy.

(Còn nữa)

Tùng-vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

BÀN VỀ NHÂN-VẬT TRUYỆN KIỀU

Văn-chương là của báu một nước, vì văn-chương có ảnh-hưởng to cho nhân-quần xã-hội, nên nước không văn-chương ắt khó thành một nước. Nhưng thế nào gọi là văn-chương? Đặt câu cho hoa-mĩ bóng-bẩy, đọc lên kêu như chuông, trôi như nước, chảy như suối, có phải là văn-chương không? Không, đó chỉ là câu văn sáo, là một phần nhỏ trong văn-chương mà thôi; nếu chỉ cầu cho hoa-mĩ bề ngoài mà bề trong trống không thì sao gọi là văn được, như thế chẳng hóa ra văn chương dễ lắm sao? Phàm văn cốt cần ở ý: ý-tứ dồi-dào, tư-tưởng rộng-rãi, nghị-luận tinh-tường xác-đáng mới gọi là văn được. Cho nên làm văn là một sự khó, mà phê bình văn chương lại là một sự khó. Ký-giả cũng không dám tự phụ là đã biết làm văn, đã biết phê-bình văn-chương, nhưng nếu biết là khó mà không tập làm thì bao giờ biết làm, cũng như người đi đường, thấy đường xa mà dừng lại không đi thì bao giờ tới nơi được, cho nên cũng gọi là học làm văn mà thôi.

Nhân xem báo Nam-Phong *số 99, bài* Bàn về truyện Kiều *của ông Mai-khê, đọc từ đầu đến cuối hết một lượt, nghe văn ông rất là hùng-hồn, lời văn ông rất là trôi chảy. Trong bài ông, trước bàn về cái hay của văn-chương, lời lẽ thật phải, sau ông nói đến truyện* Kiều, *xét riêng về nhân vật truyện* Kiều, *nhưng tiếc thay ông xét người trong truyện một cách nghiêm khắc quá, kết án người trong truyện một cách nặng-nề quá, nên thiết-tưởng không khỏi có chỗ sai-lầm. Ký-giả thật không có ý gì phản-đối nhưng phàm đã gọi là dư-luận, thì người nói thế này, kẻ nói thế kia, rồi sau mới có định bình được, vậy cũng là xin giãi ý-kiến riêng ra đây, còn hay dở đã có công luận*

Phàm xét người, ngoài thì là lý, nhưng trong là tình, lý tình phải cho điều hòa thì phán đoán mới khỏi sai-lầm, huống-chi mỗi người có một cảnh-ngộ khác nhau, có lúc thường, có lúc biến, ở vào lúc thường mà giữ được điều phải là quí, ở vào lúc biến mà giữ được điều phải lại càng quí.

Trong truyện Kiều *người yêu-trọng nhất là nàng Kiều. Thúy - Kiều là người giai-nhân tuyệt-sắc, lại là con nhà khuê các. Trong hồi thứ nhất là hồi « xắp-xỉ tới tuần cập-kê », gặp tiết Thanh minh cùng hai em đi tảo mộ tức là Đạp-thanh. Tục bên Tàu, hồi Đạp-thanh ngụ ý có hai điều : một là đi kinh viếng phần-mộ tổ-tiên, hai là một dịp để cho trai tài gái sắc biết nhau, rồi sẽ tìm đường gắn-bó tóc-tơ, đó là tục-lệ người ta như vậy, mà tục-lệ một nước tức là luân-lý một nước, chứ gì ? Cho đến khi về mà*

Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,

cùng là

Dộn đường gần với nỗi xã bời-bời,

hay là :

Người đâu gặp-gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không,

thì cũng là tư-tưởng thường-tình của trai gái đến thì, có thể tha-thứ được. Nhưng đến khi vì tìm thoa, đôi bên tình-tự, cùng khi nhà vắng lẻn sang phòng trai thì dẫu tài văn-chương như cụ Tiên-điền xướng lên rằng :

Sẵn tay mở khóa động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào thiên-thai,

cũng không thể che đậy được cái thói lẳng lơ, cái tính quá ư tự-do của cô Kiều.

Nhưng

Mắc điều tình-ái khỏi điều tà - dâm,

đương lúc đêm thanh cảnh vắng, trai lơ gái sắc, hai bóng một đèn :

Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
Xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi,

mà nàng nên được lòng dục, giữ được người yêu không phạm đến mình thì cũng khá. Nhân xem đoạn này, có một câu nghĩa đáng ngờ, là câu :

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai,

cứ như câu này thì ra cô Kiều chỉ giữ chàng Kim có một sự hoa-nguyệt thôi ư ? nếu thế thì cũng không khỏi là dâm được. Nhưng tôi thấy một ông cổ-nho nói chuyện với tôi rằng câu đó là tự người sau này in lầm, chứ chính là :

Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Rồi ra ai lại tiếc gì với ai,

nghĩa là : xin chàng đừng có vội sự nguyệt-hoa, hãy nên lòng đợi khi hai ta thành gia-thất với nhau đã, thì có muộn gì ; tôi tưởng câu này có lẽ phải hơn.

Hồi thứ hai chẳng may gặp cơn gia-biến, lại chẳng may cho nàng gặp đời bạc đen, ngoài chữ kim-tiền, không biết điều gì trái phải, mà mắc vào phản-nghịch như tội cha nàng thì trách nào gia-tài chẳng phải khánh - kiệt. Bảo rằng dâng thư khiếu-oan ư ? mất họ đã hoa cả lên vì đồng tiền, tâm-can họ đã khô ron vì đồng tiền, thì họ còn biết thế nào là trái phải, họ còn biết thương xót ai nữa. Đời đã cần

tiền, chỉ còn một cách lấy tiền mà xoay-xở là thỏa hơn cả. Lấy tấm thân liễu yếu đào tơ, ở trong cửa các buồng khuê, lại đeo mang lấy một chữ tình như nàng, đương lúc hiếu tình xung-đột như thế, thật là đôi đường khó xử, thế mà nàng dám cả gan coi tình làm nhẹ, bán mình chuộc tội cho cha, chả đáng kính lắm sao. xưa nay đã mấy ai được như nàng chưa? Nàng Kiều mà sở-dĩ còn có giá-trị về sau là ở như hồi này.

Hồi thứ ba chẳng may lỡ chân vào nơi buồn phấn bán son, lẽ nên chết cho được tấm thân trong sạch, dẫu không nên chết lúc mới về với Mã-Giám-sinh là sợ rằng:

Sau dù sinh sự thế nào,
Truy-nguyên chẳng kẻo lụy vào song-thân;

nhưng đến khi vào tay Mụ Tú, đã biết rằng

Sống đục sao bằng thác trong,

mà rồi mắc mưu chàng Sở, cũng đến

Tấm lòng trinh-bạch từ sau xin chừa,

thì thực đáng bỉ. Mặt dạn, mày dầy, mua về bán đi, ong qua bướm lại, vì với các bạn lầu xanh tưởng có khác gì?

Đến hồi thứ tư, cả nước duyên ưa, lấy được Từ Hải:

Vinh-hoa bõ lúc phong-trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày,

nghĩ đến ân-oán đôi đường, nhờ tay uy-võ, thật là:

Tấc riêng như cất gánh đầy đồ đi.

Nhưng trong sự trả ân báo oán này, Kiều nỡ đem giết Mã-giám-sinh cùng chực hành-hình Hoạn-Thư thì khí hẹp lượng. Ta có câu: « vội giận mất khôn »; tây có câu: « La colère est une courte folie », nghĩa là sự giận dỗi là một cơn điên ngắn: có lẽ Kiều vội giận quá chăng? Thế nhưng nghe mấy lời phân-biện của mụ Hoạn mà ung-dung tha ngay thì cũng là người biết phải trái. Còn giết chàng Mã thì hẹp lượng thật, vì nếu trước kia hắn không bỏ tiền ra mua nàng thì nàng đã sẵn ngay tiền đâu mà chuộc cha ra được, nhưng có lẽ chàng không khéo mồm-mép đấy thôi, vì cũng được cái giọng khôn-khéo tinh-ma như ả Hoạn thì đâu đến nỗi!

Còn như sự khuyên Từ Hải ra hàng là mong rằng:

Công tư vẹn cả hai bề,
Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương...
Trên vì nước dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu hai là đắc trung,

chẳng may bị kẻ tiểu-nhân lừa dối, để cho ai đến nỗi thất-cơ trận-tiền, lỗi ấy thật không phải lỗi nàng; nhưng lại còn chịu vặn đàn, mời rượu, thì khí-tiết cũng không được cao lắm.

Đến hồi cuối cùng, tuy đã đem mình bỏ am mây, nhưng mười lăm năm ấy đã vì chữ hiếu trải bao phen chìm đắm, nay về được tới nhà thì này mẹ, này cha, một nhà xum-họp, chàng Kim cũng là người có nghĩa-khí thì dẫu không

Nói chi kết tó xe tơ,
đã buồn cả ruột lại dơ cả đời,

nhưng

Khi chén rượu khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên...

Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ,

tưởng cũng là hợp đạo-lý lắm, chứ có hại gì.

Như thế sao lại bảo « đời Kiều không được một điều gì cả »? Vâng, Kiều « má hồng khôn rửa mặt thanh-lâu » thôi, đáng tiếc cho nàng thật, nhưng việc gì đáng giận nàng, dẫu không nên khen nữa, cũng không nên quá chê nàng chỉ nên thương nàng gặp nhiều cảnh-ngộ éo le mà đọc lên rằng:

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng,
là đủ.

Còn những người có can thiệp với Kiều thì Kim Trọng không phải là người gây cuộc đoạn-trường cho Kiều, mà chính là ông quan Lôi-châu. Giá-thử được một vị minh-quan thì Vương Viên-ngoại việc gì nên tội mà Kiều đến nỗi bán mình, phong-trần điêu-đứng sau này. Khá biết cái tâm-địa ông ấy thế nào rồi vậy, không cần phải bàn nữa.

Còn những người khác như Thúy-Vân, Thúc-sinh, Hoạn-thư, Từ Hải, Hồ Tôn-Hiến, được cái nọ, hỏng cái kia, tính-cách khác nhau, xin tự ra sau.

Kim Trọng

Kim Trọng là người tài-mạo song-toàn, nho-nhã văn-chương, lại gặp Kiều là bậc nghiêng thành nghiêng nước, con nhà khuê-các, hai bên trai tài gái sắc, lẽ nào chả phải sinh tình mến yêu, đáng lẽ tìm đường mối-manh :

Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha,

trước là giữ thói băng-tuyết cho ai, sau mình cũng được tiếng ngọc-bội kim-môn, huống chi đã là bạn thân cùng Vương Quan thì « thân thượng gia thân », thế nào ông bà Viên-ngoại chả bằng lòng. Đường thẳng chẳng đi, đi đường eo :

Mượn điều du-học bỏi thuê,
Túi đàn cặp sách để huề dọn sang.

Ôi ! du-học ! du-học mục-đích mới to-tát sao ! du-học mà

Tường đông nghé mắt ngày ngày hằng trông,

thì tưởng cũng quá ư si-tình thật. Ông Mai-khê nói : « dùng tình vào chỗ không đáng dùng », thật là phải lắm ; nhưng đoạn sau này mà ông chê Kim Trọng là người rất vô-tình thì tôi không dám cho làm phải. Giá-thử chàng là người bạc-tình thì lần sau tìm đến mà thấy :

Đầy vườn cỏ mọc lan thưa,
Song trăng quạnh-quẽ nắng mưa rườm-rà...
Nhà tranh vách đất tả-tơi...

tất bỏ đi ngay, tìm đến những chỗ lầu son gác tía khác ; con nhà đông giống, lại thêm vẻ hào-hoa phong-nhã, thì đi đâu mà chả dễ đường bướm ong hoa-nguyệt, nhưng Kim Trọng có phải là phường Bạc Sở đâu, mà ăn ở như thế được.

Ông Mai-khê nói : « Người ta có hai thứ chung-tình : một là chung-tình ở trong bụng, hai là chung-tình ở ngoài mồm » ; phải, người ta có hai thứ chung-tình ấy thật, nhưng chung-tình giả là thứ chung-tình của lũ quyến yến rủ oanh, chung-tình trong chiếu rượu, tiệc hát mà thôi, chứ chung-tình của chàng Kim đây là thứ chung-tình trong bụng lộ ra lời nói, việc làm, sao lại bảo là vô-tình được ? Vô-tình sao lại có :

Mực mài nước mắt chép thơ,
Cắt người tìm-tòi đưa tờ nhắn-nhe ;

tìm không thấy mà đến nỗi

Thần-thơ lúc tỉnh lúc mê,
Mãu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao.

Ông bảo « chẳng quá cũng sềnh nồi vơ rế », cứ như ông thì giá thử Kiều không còn em gái là Thúy-Vân, Kim Trọng cũng chẳng cần chi mà đến nữa, nhưng về sau tuy đã đẹp duyên cùng Vân rồi mà chàng có quên được Kiều đâu ? cho mãi đến khi nhẹ bước thanh-vân cũng còn :

Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương,

thì đủ biết là người chung tình hay vô-tình.

Còn đến sự Kim Trọng

Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang.
Thần-hôn chăm-chút lễ thường,
Dưỡng-thân thay tấm lòng nàng ngày xưa,

ông nói « đó là bổn-phận của Kim Trọng, chứ không đáng khen » ; phải, đó là bổn-phận của chàng thực nhưng xin thưa rằng chư khen chê dùng để làm gì ? có phải tôi khen những người biết giữ luân-

thường đạo-lý, đủ nhân-cách làm người và ta chê những kẻ bạc-ác ngỗ-nghịch không? mà biết giữ luân-thường đạo-lý là làm đủ bổn-phận chứ gì? nếu không khen những người làm đủ bổn-phận thì chữ khen chẳng hóa ra thừa dư?

Tư-cách chàng thế, chàng tất phải hiền-đạt, chàng chẳng đáng bậc văn-nhân hay sao? dẫu có điều lầm-lỗi lúc trước chẳng qua tuổi trẻ khí cương, mấy ai tránh khỏi, mà công kia cũng đủ chuộc tội này vậy.

Thúy-Vân

Nói đến Kim Trọng tất phải nói đến Thúy-Vân, vì Vân là người thay Kiều lấy Kim Trọng. Thúy-Vân cũng là người đẹp, nhưng đẹp một cách phúc-hậu, chứ không như Kiều đẹp một cách sắc-xảo:

Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-đặn nét ngài nở-nang,
Hoa cười ngọc thuyết đoan-trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Cái đẹp ấy là cái đẹp của người đàn-bà nhân-hạ sung-sướng, không hay tư-lự suốt đời, chỉ thường thường thủ-phận, chứ không có điều gì đáng kể. Vậy nên nàng Vân lúc bé là gái ngây thơ, đến khi trong nhà gặp cơn tai-biến, cha già bị bắt, vẫn điềm-nhiên như không, không một chút thương xót, điềm-nhiên cho đến nỗi chị sắp phải đi bán mình để chuộc tội cho cha, mà ngày ăn no, đêm ngủ kỹ, mãi đến khi đêm khuya, chị xụt-xùi than khóc, đương ngủ say, chợt tỉnh dậy mới hỏi chị được bốn câu:

Cơ trời dâu bể đa-đoan,
Một nhà để chị riêng oan một mình,
Cớ chi ngồi nhẫn tàn-canh,
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?

Sau lấy Kim Trọng thì cũng chỉ là một bà quan, rồi sinh con đẻ cái lũ hết; vậy thì Thúy-Vân chỉ là một gái tầm thường mà thôi.

Thúc-sinh và Hoạn-thư

Thúc-sinh là con nhà giàu, lại kết duyên với Hoạn-thư là con quan Lại-bộ, thì chắc dòng-dõi cũng trâm-anh, thế mà không có tài-cán gì đáng kể: tính-khí thì nhu-nhược, lại hay chơi-bời lêu-lổng, phung-phá tiền-nong, say hoa đắm nguyệt, đổ một trận cười, thật là khá-bỉ. Huống-chi trong gia-đình mất cả đạo cha con vợ chồng. Trước đã không tuân lời cha, đến nỗi phải dưa nhau đến cửa công, còn gì là đạo cha con? Sau quan xử cho được đoàn-viên, giá nghe lời Thúy-Kiều khuyên, về xin vợ cả, thì việc gì mà chẳng trong ấm ngoài êm? Thế mà mặc lời khuyên-can, mãn tình cát-lũy, nhạt tình tao-khang, dẫu có về mà không dám hé răng, thật là bất-nghĩa. Đến khi Hoạn-thư làm ra phép thì đành thúc-thủ ngồi nhìn, đến nỗi phải mở miệng bảo Kiều rằng:

Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái-ân ta có ngần này mà thôi.

Ôi! khí-khái một bậc tu-mi nam-tử!

Hoạn-thư là đàn bà, là vợ Thúc-sinh nhưng tính-khí lại khác hẳn chồng. Nàng thực là người sâu-sắc, cương-nghị; một anh chàng nhu-nhược phóng-đãng như Thúc-sinh cũng phải có chi vít, ấy mới xong. Thực ra ở vào khuôn phép nói ra mối giường, nàng có phải là người ghen tuông thói thường đâu:

Vì bằng thú thực cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.

Chẳng qua là tại Thúc-sinh hung xử mới nên chuyện đấy thôi. Mà nàng có lượng bao-dung thật, như khi Kiều làm giấy cung-xưng thì nói:

Rằng tài nên trọng mà tình nên thương.

Rồi y như lời xin cho ra ở chùa:

Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho thoát khỏi trong vòng mà ra.

Không dám giận chồng, không phạm gì đến chồng, mà tự-nhiên chồng phải chịu bó tay, thế mới là gái có đảm-

lược. Huống-chi lại là người có tri-thức, gươm đã kề cổ, chỉ nói mấy câu :

Rằng tôi chút phận đàn bà,
Ghen-tuông thì cũng người ta thường-tình,
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung hồ dễ ai chiều cho ai ;

vừa nhận lỗi, vừa kể ơn, câu nào cũng hợp-lý, khiến cho Kiều phải tha. Đàn bà như thế, tưởng đáng khen lắm.

Từ Hải

«Được là vua, thua là giặc», vua tức là bậc anh-hùng hào-kiệt, mà giặc tức là quân ngỗ-nghịch bất-đạo, xưa nay ta thường công-nhận như thế.

Ông Mai-khê bảo Từ Hải trước là một bậc đê-hạ không có chí-khí ; nhưng :

Côn-quyền hơn sức lược-thao gồm tài.

và

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo,

chắc Từ Hải đã phải là người đê-chưa ông có chí-khí. Vả lại phần nhiều hạ khi làm nên sự-nghiệp to-tát, như Hán người, Minh Thành-tổ, Lê Thái-tổ, đều Cao-tổ, hân hân-tiện cả, chứ có cứ gì ? là xuất-tay trắng, gây dựng cơ-đồ, một Hai bàn tuốn binh nghìn tướng, không mình coi ni có tri-thức đảm-lược, tưởng phải người ông làm được. Huống-chi đã :

cũng khoa-ngang một cõi biên-thùy...
Nghênh hai văn-vũ rạch đôi sơn-hà,

Gồm cách xếp đặt đã có trật-tự mà cơ-tưởng khá vững vậy.

đồ ôn như bảo đắp một đống xương định, là người tàn-ác có tội với loài người, nhưng ta chả xem thiếu gì nước rim chém hiếp-chóc lẫn nhau mà vẫn hãy đem chữ công-lý, chữ tự-do ra mà che đậy lòng ác đấy sao? Có rằng sự khen chê nên để cho người khác bình-phẩm thì hơn, chứ như Từ Hải đi đến chỗ nào cũng khoe ta là anh-hùng đấy, thì khí tự-cao quá. Nhưng tiếc thay tri-dũng có thừa, chỉ vì tin mê nàng Kiều, quá nghe lời nàng, không phải là nàng có lòng gì khác đâu, nhưng đàn bà nhẹ dạ, sao lại để cùng bàn việc quân, đến nỗi mắc mưu ai mà thất-cơ trận-tiền, thật khá tiếc thay.

Rút lại, Từ Hải dẫu chưa đáng bậc anh-hùng, cũng không đến nỗi là phường cỏ rác, chỉ chủ-tâm một việc cướp giật, để cầu lấy ăn ngon mặc đẹp đâu, chẳng qua « được là vua, thua là giặc » đấy thôi.

Hồ Tôn-Hiến

Có quan Tổng-đốc trọng-thần,
Quan trên ngắm xuống người ta trông vào.

Chức ngài làm đến Tổng-đốc, tưởng đã là một ông quan to, vua lại sai ngài đi dẹp giặc to như thế, chắc ngài phải là một người mưu-lược lắm ; phải, lẽ nhiều, nói ngọt, đóng quân làm chước chiêu-an mà khiến cho

Thế công, Từ mới đổi ra thế hàng,
Chỉnh-nghi tiếp sứ vội-vàng,
Hẹn kỳ thúc-giáp quyết đường giải-binh,

thì cũng là một sự giỏi thật. Nhưng người ta đã chịu qui-phục mà còn

Lễ-nghi giản trước, bác đồng phục sau,

khiến cho hùm thiêng thất thế thì thực là đồ tiểu-nhân hẹp lượng. Bảo rằng « chắc bấy giờ Triều-đình nhà Minh đã biết dích Từ Hải ngỗ-ngược, vì như con thú dữ, dẫu nay hàng mai lại phản, cho nên phải dùng quyền » ư ? Nhưng

Trước cờ ai dám tranh-cường,
Năm năm hùng-cứ một phương hải-tần,

trước Hồ Tôn đã ai đánh Từ được trận nào đâu mà bảo nay hàng mai phản? Bảo rằng « binh bất yếm trá », dùng binh như thế là thường ư ? nhưng sao lại có câu chuyện thất-túng thất-cầm của ông Gia-Cát là một vị quân-sư có danh-

tiếng nhà Hậu-Hán kia? Nay phục mai phần, quái-quỉ như Mạnh Hoạch kia, mà cụ Khổng-Minh khiến cho đến phải thật tâm qui-thuận, như thế mới là có mưu-lực chứ! Phương-chi Tôn-Hiến lại là anh chàng hiếu-sắc, vợ một người tướng giặc mà bắt vặn đàn, hầu rượu, còn gì là thể-thống binh-gia nữa? Vậy tư-cách Hồ thế nào, có đáng là phương-diện quốc-gia không, tưởng cũng không cần phải nói nữa.

Nói tóm lại thân-thế cô Kiều là thân-thế một người bạc-mệnh, thân-thế đáng thương. Còn những người kia thì người được nết này kẻ phải tật nọ, nhưng lấy là người có biết điều phải trái thì có Kim Trọng cùng Hoạn-Thư. Còn nhu-nhược phóng-đãng như Thúc-sinh, đại-nhân tiểu-khí như Hồ-Tôn thì không đáng kể.

TÙNG-HOA

QUẢ DƯA ĐỎ (1)

PHIÊU - LƯU TIỂU - THUYẾT

II

V. — Bỏ lên hoang-đảo

Trời hâng-hẳng rạng đông, ba chiếc mảnh, đánh cánh ra cửa, cửa bể mênh-mông, đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó ở cái mảnh đi giữa, lờ-mờ có một người đứng ra trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng: « Mình vốn sinh ở vùng đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào, sau lưu-lạc vào được vương-cung, lúc việc chực-chầu, khi đi chinh-thảo, lúc đi khẩn-hoang, nào cái cảnh vương-triều đế-khuyết, nguy-nga hùng-tráng, nào cái cảnh hậu-cung thượng-uyển, mĩ-lệ huy-hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh điền-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông-ca theo tiếng gió véo-von quãng đồng vắng, cảnh nào mình cũng đã lịch-duyệt qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nữa, thì cái chí tang-bồng kia mới phỉ, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoán ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiên-nhiên nọ, phương-chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa này lại thông với cửa Thần-phù,

Lênh-đênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm;

nổi chìm nhờ đức cao xanh, ta đã đến đây ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích-tình. » — Thuyền chạy vun-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào, chợt đâu vầng thái-dương ở dưới gầm thương-hải kéo lên đỏ lừng-lững, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỏ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được, bấy giờ ánh chiêu-dương chiếu ra, mây

---

(1) Xem N.-P. số 103. — Bộ Tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

khói sóng nước đều đỏi có vẻ hồng-hồng cả, rồi càng lên thế-gian càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được; sóng mông-mênh bát-ngát, tít-tắp mù khơi, không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô-số hình sắc, mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tổ-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô-hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mành áp-giải ra phối-sở thì còn là ai? An-Tiêm ngảnh lại trời tây tựa-hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích-ý được thưởng một cuộc bào-du hiếm có trong thân-thế, lòng thơ phơi-phới, bèn ngâm lên một bài rằng:

Vầng hồng lưng-lửng bể đông,
Thần-châu mù-mịt mây phong non Đoài.
Sóng kềnh dào-dạt doành khơi,
Lưng ngao ngùn-ngụt chân trời mênh-mang.
Sa chân xuống cõi trần-hoàn,
Đã xem xem khắp kỳ-quan của trời.

Ngâm rồi đứng lẳng-lặng một lúc, mành ra khỏi cửa bể đất cạn đã xa, sóng to vỗ mạnh, thuyền càng chông-chành lắm, An-Tiêm phải trở vào trong khoang nằm, vừa khuất cảnh bể, vừa đọc bài thơ «*Hải-khẩu chiêu-dương*» của mình mới nghĩ trên mui cho vợ nghe.

Nàng Ba nói:

— Những cảnh kỳ-quan của tạo-hóa, dễ chỉ có cảnh bể là hay hơn đẹp hơn cả, vì tầm mắt được rộng khơi mà cuộc biến rất nhanh chóng, thế mà không gọi thiếp ra xem với cho vui.

An-Tiêm nói:

— Sợ u con yếu-ớt không chịu nổi khí lạnh của sóng nước trên mặt bể sớm mai.

Bấy giờ An-Tiêm thấy sóng càng vỗ dữ, mành càng lảo-đảo, hai vợ chồng với hai con nằm trên ván sạp, cứ lăn long-lóc như bốn cái mõ. Chàng phải ngồi dậy, bò sang khoang bên, kéo lấy mấy tấm ván sạp khác đem chặn vào như cái ô để vợ con nằm cho yên, còn mình lại muốn dòm ra bể xem nữa, nhưng bấy giờ các cửa sổ người ta đã đóng chặt cả lại để cho nước sóng khỏi tràn vào trong thuyền. An-Tiêm mới chịu nằm xuống bên chỗ vợ con nằm mà giữ tấm ván cho khỏi xô người đi, bỗng nghe trên thượng-tầng bên kia có lệnh truyền rằng: «Ba mành phải đi xát vào nhau hàng ba, qua cái cù-lao thứ tám này vừa hết địa-phận bể Hoan Ái, khúc hải-đảo này vắng-vẻ, không có đảo-dữ, Cao-công phải nhìn luôn vào biển-xa mà bẻ lái.»

An-Tiêm nghĩ bụng bảo dạ rằng thế thì cách nhân-vật trong lục-địa xa lắm rồi, nhưng không dám cho vợ biết. Được một lát trông lên lòng mui và bên lan-can thuyền thấy quay tít cả đi như chong-chóng, trước còn tưởng trời nghiêng đất sụt, hay là trời đất chuyển-vần thế nào, lâu lâu mới biết là mình say sóng, ngồi dậy lại ngã lăn xuống, nàng Ba cũng thế, từ lúc ấy An-Tiêm mới phải nằm yên, không còn chực ngấp-nghé ra xem sóng bể được nữa.

Đông-minh chơi cuộc hào thay!
Phong-ba muôn dặm vừa bay vừa nằm.

Trong khoang thuyền thì tối như bưng lấy mắt, đến bữa người ta đưa cơm với nước vào cho, vợ chồng cứ nằm bốc cơm ăn và dút cho con, chẳng biết là ngày giờ tối sáng nào nữa, bấy giờ An-Tiêm đương mơ-mơ màng-màng, bỗng nghe có tiếng lệnh tiếng còi râm-ran cả trên mui, ngẩng đầu lên trông thì thấy lính thủy-thủ, người thì mở cửa bồng người thì kéo cầu nọi lên bể, mới biết là đã tới bến, mà từ cửa Đại-nha ra đến đây, mất hai ngày một đêm trên mặt bể rồi. Lúc đó trời đã tối,

trên thượng-tầng đèn đốt sáng rực, quan thủy-sư cầm gươm đưa bọn lính thủy-thủ giong đóm đuốc đi lên bộ một lát thì lại xuống, ông sai lính khiêng lương lên chỗ mà ông đã dặn rồi, ông triệu An-Tiêm và gia-quyến lên cả trên mui, đứng yên rồi, ông vừa giơ một vuông lụa vàng ra vừa bảo An-Tiêm : « Tôi tuyên vương-mệnh cho mà nghe ». An-Tiêm vội-vàng quì xuống mui thuyền, Cao-thị cũng đặt đứa con bé xuống mà quì ở bên chồng; quan thủy-sư tuyên lên thì An-Tiêm nghe cũng là đạo cáo-mệnh đã tuyên ở đan-trì hôm nọ, mà nay tuyên lại, tuyên xong An-Tiêm khấu-đầu năm lễ, quan thủy-sư cuốn vuông lụa vàng lại đưa cho An-Tiêm mà rằng : « Quí-hầu phụng-lĩnh lấy vương-mệnh mà ở lại trị lấy đất này cho chóng nên công, trời thương người thiện, không bao lâu tôi lại đến đây để đón ngài và lệnh-quyến rở lại vương-kỳ ; thôi, ngài cho lệnh-quyến lên bộ, để tôi về phục-mệnh với Thiên-tử ». An-Tiêm giơ hai tay nâng lấy cáo-mệnh, cúi đầu cám ơn rồi giắt vào bọc chặt-chẽ, hai vợ chồng đều gửi lời quan thủy-sư về chúc Thiên-tử Hậu-phi thọ-khảo vô-cương. Quan thủy-sư bèn giục bọn thủy-thủ giơ đuốc đi trước, vợ chồng An-Tiêm chẳng biết là đi đâu, cứ vâng lời theo bọn thủy-thủ lên bờ, đi qua một cái bãi cát dài đến một cái dốc cao, thấy có mấy cái bao vải to và tròn đã để ở đấy, bọn thủy-thủ trỏ vào mấy cái bao mà nói : « Lương đây ngài nhận lấy, ngài hãy đứng đây, chúng tôi xuống xem quan thủy-sư có sai mang gì nữa không » Bọn thủy-thủ lại đưa cho An-Tiêm một bó đuốc đương cháy, rồi kéo nhau xuống thuyền. An-Tiêm cầm bó đuốc cháy gần hết, không thấy bọn thủy-thủ lên nữa, nghe ngoài bờ bể có tiếng sào chèo động nước lọp-bọp, chàng cầm ngọn đuốc khuất đi mà trông thì trời tối như mực không còn thấy gì nữa. An-Tiêm bảo nàng Ba rằng :

— Thôi, thế là trại Lạc-điền-tân-ấp thứ hai của ta ở đây rồi, lương-thực chỉ có mấy cái bao này, không biết là những gì, còn nhất-thiết tùy-thân-chi-vật không có một tí gì nữa đó thật không sai lời tôi đã đoán trước. Kìa tiếng người tiếng động nước càng ngày càng thấy xa ra mãi thế kia, là bọn mành họ lui đi chỗ khác họ đỗ, cho ta khỏi xuống kêu-ca khóc-lóc làm rầy-rà họ đó, chứ chả sai, cho nên phàm sự gì mà đoán trước và tính trước được, thì lúc lâm-cục không đến ngạc-nhiên thất-vọng, mà phải rối trí ngã lòng. Thiên-tử đã đặc-mệnh cho ta phải khai-tịch cái đảo này, thì tất ý Thượng-đế cũng đã định, ta xin vâng lời mà nhận lấy cái chức-trách của ta, mà cái chức-trách còn trọng-đại hơn ngày ra sông Bờ, vì lúc đó là tự ta nài xin, mà bây giờ là tự vua chuyên ủy. Nay đêm đã khuya, ở ngoài giữa trời, sương sa gió lạnh, ta hãy dọn chỗ cho con nó ngủ và vợ chồng ta nghỉ lưng đã, rồi mai bằng hay, hai hôm nay vợ chồng con cái cùng phải mệt say sóng quá, đi chơi một cuộc cũng thú mà cũng mệt, vì mình không ra bể quen.

Nói rồi đưa bó đuốc cháy dở còn độ nửa gang mà đã tắt ngọn lửa cho vợ cầm vung lên để có ánh sáng, An-Tiêm thì vần những cái bao xếp vào một chiếu cho gọn-gàng bằng nhau một lượt, rồi vừa cởi áo mũ chầu ra vừa nói : — Không biết tôn-phu-nhân giấu cho vàng bạc gì vào trong mũ áo này mà nặng lắm, mấy hôm nay phải cố chịu, sợ lộ-liễu ra, không dám nói cho hiền-thê biết. — Cởi xong, bảo vợ con trèo lên đống bao, đặt hai con nằm giữa, vợ nằm một bên, chồng nằm một bên, kéo áo hồng-giáp đắp lên cho vợ con, còn cái mũ thì úp lên cái bao ở trên đầu, cứ thản-nhiên như mọi tối ở nhà đi ngủ,

không có ngần-ngại nghĩ-ngợi một chút nào cả, hai vợ chồng bấy giờ còn đang choáng-váng, mà trong bụng cũng không lấy cái cảnh-huống tối hôm ấy làm lạ-lùng gì, nên nằm yên một chốc thì đều chợp đi cả.

Bên trời góc bể lênh-đênh,
Bốn thân hồ-điệp bốn mình Trang-công.

Được một lát An-Tiêm với Nàng Ba đều tỉnh giấc thức dậy, thấy tinh-thần đều được thanh-sảng, Nàng Ba bảo chồng rằng:

— Coi như trời nổi cơn giông-tố to lắm, nghe tiếng ào-ào sầm-sập tới nơi rồi, làm thế nào cho con khỏi ướt khỏi lạnh bây giờ?

An-Tiêm nói:

— Phải, mưa bão tới nơi rồi!

Vừa nói vừa ngồi nhổm dậy lại nói:

— Sao trời quang sao sáng, không có cơn mây nào, gió chỉ hiu-hiu, đêm lại ràng-rạng, dễ trông hơn lúc mới ở mành lên, mà tiếng gió táp mưa dào kia vẫn ầm-ầm như gần như xa, có điều có độ làm vậy?

Hai vợ chồng cùng trông quanh trông quẩn, thấy chỗ ánh nước lóng-lánh, biết là mặt bể, mà tiếng gió mưa ào-ào chính ở chỗ ấy, vợ chồng cùng nhìn xem thì thấy muôn nghìn gợn sóng trắng xóa từ ngoài xa chạy ồ-ồ vào đến bên chân cái dốc mình nằm, rồi lại ồ-ồ chạy ra, cứ như thế luôn luôn.

An-Tiêm nói:

— Chắc là đêm thanh bể rộng, gió cả sóng to, mỗi một lần sóng nhô nước lên hết lần lại lui ra mà thành tiếng dào-dạt như thế, chứ không phải là tiếng cơn bão-táp, thế mà nghe cái tiếng sóng dào-dạt có tiết-tấu hay lắm, tưởng cũng là khúc hải-nhạc của các hải-thần, cứ đêm thanh cổ-vũ để ca-tụng cái công-đức của đấng tạo-hóa chăng.

Vợ chồng vừa lặng yên vừa xem vừa nghe bằng nhường quên mất cả cái tư-hoạn ở chốn hoang-đảo này từ mai trở đi. An-Tiêm thấy sáng dần dần ra, trông lên thấy một góc trời đỏ rừng-rực như lửa cháy, bèn nói:

— Trời đã rạng đông, sắp sáng rồi, sáng hôm kia, thuyền ở cửa Đại-nha ra bể, cứ chỉ hướng đông-nam mà đi cho đến cái đảo này, nay cứ chỗ mặt trời mọc là hướng đông của cái đảo này, thì phía tây-bắc kia, tức là nước Văn-lang ta đó, phía tây-bắc đó thân-ái của ta ở đó, ân-tình của ta ở đó, trời còn đó đất còn đây, mà non sông cảnh-vật của ta thì đâu?

Nói đến đấy ngồi ngẩn người ra một lát rồi lại nói:

— Dù thế nào, thì bây giờ cái đất mới này cũng là cái sản-vật của ta phải thừa nhận, cái phận-sự của ta phải làm, ta phải đem mồ hôi nước mắt của đôi ta, sau này của cả con cái ta mà tưới vào đó cho thấm-nhuần ra, ta tuy mới bước chân lên cái đảo này được có vài bước, mà lại là lúc tối trời, địa-thế chưa hiểu ra thế nào, nhưng ta cũng đã kinh-nghiệm cái phong-khí ở đây được một đêm rồi, chờ đến rạng ngày ta sẽ đi tìm xét xem, dù tự cổ chưa có ai khai-khẩn, hay là hiện đã có người đương mở-mang mặc lòng, song ta chắc chỗ này cũng là chỗ đất nước trong lành mát-mẻ, chứ không phải là nơi quê-hương của giống quái loài yêu.

Biết nhau chỉ một đêm nằm,
Một ngày kia với trăm năm là gì?

Ta qua được một đêm, ta quyết không để ta đến phải sai lời Thiên-tử, trái ý Thượng-đế và thần-minh đó. Tuy-nhiên, có nước Văn-lang kia mới có tổ-tiên ta mà có ta, có nước Văn-lang kia mới có cái di-sản xa-xôi này của tổ-tiên trong nước để lại cho ta phải kế

chí thuật-sự mà mở-mang ra, nhưng ta có thể nào yên vui cái sản-nghiệp mới mà quên ngay cái đất nước cũ kia đi được, quên ngay cái thân-ái, cái ân-tình, cái giọt máu liên-lạc, cái công-đức binh-thành kia được, vợ chồng ta có thể khuyên giải cho nhau, mà chống-chọi với cái tai-biến trước mặt đem đến, chứ không tài nào ngăn cấm nhau không có nhớ-nhung đến nước Văn-lang là chốn tôn-bang cố-quốc của ta được.

Bể trời mây nước một mầu,
Trông vời cố-quốc biết đâu là bờ.

Ôi, ta lòng nào mà chả động lòng bi-thương. . .

An-Tiêm mải nói câu chuyện xa gần với Nàng Ba xong thì trời vừa sáng bạch, hai con cũng thức dậy.

Thằng Mai-Lâm hỏi :

— Sao thầy u không cho con với em bé về nhà ?

An-Tiêm vừa trỏ vào trong giữa đảo vừa nói :

— Nhà mới của các con trong kia, rồi thầy u đưa con với em bé về nhà mới ở đấy bây giờ.

Nàng Ba nói

— Cô Quế-nương quấy thế này dễ đói rồi

An-Tiêm nói :

— Từ chiều hôm qua đến giờ, người lớn cũng phải đói nữa là trẻ con, để tôi giở những cái bao này xem Thiên-tử lẫm-cấp cho ta những gì đây, để ta làm cơm ăn đã, rồi sẽ đi xem địa-thế và tìm chốn đình-trú. (An-Tiêm vừa tháo cái lõi khâu ở miệng cái bao ra vừa nói) :

— Có thực mới vực được đạo. muốn vực được đạo thì phải ăn cho sống lấy người, gặp những cảnh đáng thương-tâm, mà vẫn ăn no ngủ kỹ thì là kẻ không có ruột gan, nhưng gặp cảnh phải phấn-chấn mới làm nổi việc, thì phải bồ-dưỡng lấy sức khỏe.

An-Tiêm nói đến đấy vừa tháo hết cái lõi, vạch miệng bao ra, thấy tinh một thứ bánh dầy khô, bèn buộc túm lại rồi bảo vợ sẽ con ngồi sang bao khác, cứ lần lượt tháo hết sáu cái bao, bao nào cũng sục tay xuống cả dưới bao, xem ra chỉ thấy tinh một thứ bánh dầy khô ấy thôi. An-Tiêm nói :

— Việc binh khi lâm-trận, phải đem gạo rang, gọi là lương khô, để phòng khi không thổi nấu được. Cái lương này để dùng cho ta khi bỡ-ngỡ mới bước lên hoang-đảo cũng tiện lắm.

Nói rồi bốc lấy một bốc để ra ngoài, còn lại buộc vào chặt-chẽ.

Nàng Ba cầm lấy một miếng đưa cho Quế-nương mà rằng :

— Mới ngày hôm nào, chung-đỉnh cao-lương, chăn-bông chiếu miến, mà bỗng bây giờ vợ chồng con cái mỗi người một miếng bánh dầy khô, ngồi trơ-chỗng giữa trời, trên một cái cù-lao một nước một trời, sóng vỗ như non như núi, chung quanh vắng tanh vắng ngắt, không còn thấy vết chân người đi nhẫn đất, hay là bóng thôn-trang nhà cửa ở xa xa gì cả. Trong thế-gian ai có oan-khổ lưu-ly đến như một nhà tôi này không ?

Nàng vừa nói vừa rơm rớm nước mắt toan khóc. An-Tiêm vội vàng gạt đi mà rằng :

— Hiền-thê đã vội quên cái lời hứa lúc ra đi rồi sao? sao Thượng-đế lại không biết, chính là việc Thượng-đế khiến nên đó, chứ ai làm nên cho mình được. Vả Thượng-đế phú cho người ta có cái thân ở đời, là để giúp giập nên công kia việc nọ ở dưới thế-gian này đỡ ngài, mà tu lấy phúc lành, chứ có phải ý Thượng-đế phú cho người ta có cái thân ở đời chỉ để ăn lấy sướng ở

lấy sang cho hại của trời đi đâu. Khổng phu-tử có nói rằng: « Quân-tử cứ nhân cái địa-vị mình mà làm, đang phú-quí thì làm ra phú-quí, đang bần-tiện thì làm ra bần-tiện, đang hoạn-nạn thì làm ra hoạn-nạn, đang di-địch thì làm ra di-địch, cho nên quân-tử đi đâu cũng tự-đắc được. » Quân-tử chính là người vâng trời theo mệnh đó, vậy cái địa-vị ta bây giờ là qui-hồ cho đủ sống với nhau mà làm việc nghĩa-vụ, tu lấy phúc sau cho xứng ý đức Thượng-đế, thì cái sống của ta tự có cái vui cái sướng cái lý-thú riêng khác với cái sống của người khác cùng các con vật, còn cái ngoại-cảnh để cung cho ta, dù phú-quí bần-tiện hoạn-nạn di-địch, ta có kể chi; phương-chi lúc ta ra đi, ta đã liệu có cái quang-cảnh như ngày hôm nay, mà còn nhiều cái quang-cảnh khe-khắt hơn ngày hôm nay nữa, mà kẻ non gan hèn chí không thể đương nổi, ta cũng đều quyết đem bao nhiêu cái khổ-thú mà coi làm những cảnh lạc-quan cả. Nếu đang khi ta chân ướt chân ráo, mới bước lên đây, mà không có cả mấy bao bánh khô nọ, thì ta lại còn phải đi tìm kiếm thức ăn trước đã, phỏng có vất-vả không? Coi đó thì Thiên-tử cũng còn là thương ta, mà bữa ăn này chính là cái tiệc ăn mừng của ta khi mới dọn đến chỗ tân-cư, xum họp ở đây, sinh-cơ lập-nghiệp ở đây, vui-vầy ở đây đó.

Nàng Ba nói:

— Những bánh khô rắn lắm, tôi phải nhai nhót cho em.

— Bánh này chính là bánh phần lễ chúc-hỗ còn lại, cho nên mới được trắng mà thơm thế này, giá bây giờ có lửa mà nướng thì tốt, nhưng tìm đâu cho có lửa bây giờ? Thôi, vợ chồng ta với thằng Mai-Lâm ăn rắn càng ngon; ngày xưa ông Hạ Vũ đi trị-thủy, qua rừng hết lương, phải ăn cả củ nâu, nên đời sau gọi củ nâu là « Vũ-dư-lương » nghĩa là cái lương ông Vũ ăn còn thừa; hai anh em ruột ông Bá-Di thì không thèm ăn thóc nhà Chu, đưa nhau lên núi Thủ-dương, hái rau vi mà ăn để giữ cái cô-trung với cố-quốc, sau thác hóa ra giống gà gô tiếng gáy rằng: « đạp cả thóc nhà Chu ra »; Khổng phu-tử đem đạo-nghĩa đi giáo-hóa cho các thời-hầu, phải tuyệt lương ở nước Trần. Ấy những ông ấy tự hứa mình làm con thảo tôi ngay của Thượng-đế, lấy cái việc đời làm cái việc nghĩa-vụ của mình, mà đều phải bước khốn-đốn như thế cả, mà có chịu nổi cái khốn-đốn ấy mới làm nên những sự-nghiệp lớn-lao, để người ta đến nay tôn-sùng làm bậc đại-thánh trong thiên-hạ, còn những kẻ cam đắc-tội với Thượng-đế, với thiên-hạ, làm những sự vô-liêm vô-sỉ để cầu lấy ăn sung mặc sướng cho một thân một nhà, thì có khôn gì. Thế thì nay ta còn được cầm miếng bánh trong ngọc trắng ngà, hương thơm sạ ngát của lộc nước ơn vua, của trân-cam thổ-sản quê cha đất tổ này, mà quay-quần ăn hưởng với nhau chả còn may lắm ru!

Nàng Ba nghe chồng nói cũng vui lòng mà cùng nhau ăn uống ra một cách ngon lành lắm. Ăn xong, Mai-Lâm dòi uống nước, An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

— Ăn rồi phải uống nước, nhưng xem quanh đây không có nước rồi, hãy dỗ con đi, để chốc nữa vào trong kia tìm có suối rãnh gì, thì cả nhà ta sẽ cùng uống.

— Nước bể kia trong lắm, ra đấy mà uống cũng được.

— Nghe hiền-thê nói mà tôi phải chạnh lòng, thật là một người của các phòng khuê, từ thuở lọt lòng ở nơi sơn-quốc, không từng trải qua cái bước phong-trần nơi xích-mỗ bao giờ; nước bể vừa mặn vừa chát vừa tanh, chứ không ngọt như nước suối nước nguồn ở trên ta mà uống được.

Nàng Ba nói :

— À, hèn nào trong sách nói « nấu bể làm muối » là lấy nước bể mà nấu làm muối đó, nhưng nước bể mặn thế thì cá mú trong sông có ra bể ở được không?

— Cũng được, nhưng không phải nhất-đán mà con cá nào ở trong sông cũng ra ở bể cả ngay được đâu. Vạn-vật sinh trên mặt đất, ở đâu quen đấy, đến khi vật nào vì cớ gì mà phải đổi cái cảnh-ngộ khác hẳn với chốn xưa, thì vật ấy ban đầu tất cũng phải khó chịu, nhưng nếu có đủ sức mạnh và có đủ tài-trí mà khéo lựa mình theo với cuộc biến cho thích-hợp, thì dần dần rồi quen đi như thường mà sinh-sống nảy-nở được. Xem trong sông cũng có khi đánh được cá mòi, ngoài bể cũng có khi đánh được cá rô, thì biết hai thứ cá ấy phải đổi cái cảnh-ngộ mà vẫn sống được. Lại trong sách *Nam-minh-chí* có nói : « Ở Sà-bàn có cái Nhiệt-đàm, nước quanh năm nóng như sôi, trâu bò đến bên không chịu được, mà loài thủy-tộc thì nhiều, tôm cua vỏ đỏ ra như luộc. » Vậy loài thủy-tộc ở trong Nhiệt-đàm há không cùng giống với ngoài hay sao ? Không những vật-loại, người ta cũng vậy, bất-kỳ gặp phải cái cuộc biến khắt-khe, tự mình phải dùng hết tài hết sức mà khéo xử với cảnh-ngộ mới, thì cũng chẳng can chi.

Bấy giờ Mai-Lâm sờ tay vào xem cái hoa vàng khảm ngọc ở cái mũ đâu-mâu úp ở trên cái bao bên chỗ ngồi. An-Tiêm bảo Mai-Lâm rằng :

— Con đưa cho thầy xem, bà giấu cho vàng bạc gì vào trong mũ này.

Mai-Lâm bê các mũ lệch-kệch đưa cho bố, có ý nặng-nề không nổi. An-Tiêm tóm lấy rồi ngửa cái mũ ra trông vào trong lòng mũ thì thấy có một cái vành to bọc lụa đỏ, chàng kéo cái vành ra bóc hết lụa đi thấy một cái lưỡi gươm cuốn tròn lại năm sáu vòng. An-Tiêm bèn giơ hai tay vừa nắn cho thẳng ra vừa ngắm nghía mà rằng :

— Lưỡi gươm này chính ở thanh gươm của tôi, hai mà trổ hai con rồng bay đây mà, nguyên thanh gươm này đã lâu lắm, các ông danh-tướng dùng đã nhiều đời, chuôi và vỏ bằng sừng tê, nạm vàng khảm ngọc, gọi tên là « Tẩn-lĩnh điện-quang », sau người ta đánh rơi xuống hồ Lãng-bạc, lúc Thiên-tử ta ra hồ quan-ngư, có người mò được đem dâng, ngài vẫn cho tôi đeo đi hộ-tụng, trận tây-chinh rợ Thục, tôi gạt được cái lưu-thỉ của giặc suýt vào mình vua là nhờ ở thanh gươm này, lại trận sau phá vỡ trùng-vi, cũng nhờ ở nó, bởi vậy Thiên-tử mới gia-ban cho tôi làm của riêng, nay tôn-phu-nhân tháo lấy lưỡi mà giấu vào đây cho ta, là ý tôn-phu-nhân biết rằng ta bị bỏ lên hoang-đảo, tuyệt cõi nhân-gian, để có đồ thiết-khí mà dùng, hay là không biết đến cái cảnh-huống này, chỉ thấy nó với hai cái mũ áo là vật « vinh quân chi hướng » thì giấu cho đem đi để lấy khước đấy thôi chăng.

Nói rồi đưa cho vợ xem, lại kéo áo hồng-giáp, sờ vào một bên nách áo thấy một miếng vuông-vuông mà nặng, bèn nói :

— Đây mới là vàng bạc này, mà vàng bạc thì làm gì được ở chỗ này.

Nói rồi xé cả hai bên nách áo chỗ đã khâu cẩn-thận được hai hòn, ngắm kỹ thì là hai hòn đá lửa. An-Tiêm nói :

— Này hai vật này nữa, thì thực là cái mưu kế của họ đã vỡ ra từ đó, nên tôn-phu-nhân với công-tử lúc biết mà tìm kế hộ-thân cho ta đây, gươm để chém để chặt, lửa để đốt để nướng, nếu không biết trước là chỗ tuyệt vô nhân-tích, thì giấu cho những vật này làm gì ? Cao-phu-nhân thật là thâm-mưu viễn-lự quá, thảo nào mà phu-nhân đinh-ninh dặn tôi phải trân-

trọng giữ lấy áo mũ này, tôi thấy nặng thì cứ nghĩ là vàng bạc, bây giờ tẻ ra hai cái quái-vật thiết-dụng này, ra mình thiền-kiến thực, vì lúc nãy ta tìm đến thì ta đã có bánh nướng giẻo mà ăn với nhau rồi. Lưỡng-gian tuy rộng, vạn-vật tuy phiền, mà bất ngoại có năm hành, người ta với vạn-vật đều bẩm thụ cái khí-chất của năm hành mà sinh-dục, nhưng người ta sở-dĩ làm được con yêu của Thượng-đế, chúa-tể cả vạn-vật, là biết dùng đủ cả thể-chất của năm hành, chế-tác ra khí-dụng mà làm, phong-hậu cho cuộc nhân-sinh, cho nên xét từ đời hồng-hoang, người ta cũng như các loài vật, ăn sống nuốt tươi, nằm hang ở lỗ, mới biết dùng có ba hành thủy thổ mộc mà thôi, đến đời vua Toại-nhân mới dùi cây lấy lửa, dân mới biết ăn chín, lại đến đời vua Hiên-viên Hoàng-đế mới biết dùng đồ thiết-khí làm đồ can-qua rìu búa, bởi có sắt có lửa mà nghệ-thuật mở-mang, tiến đến Đường Ngu về Trung-quốc, Hùng-triều về nước ta, thì thuyền xe cung-thất, bát đĩa cân đai, văn-vật đủ cả mà đời mới mở ra hội nhất-nguyên văn-minh từ đó, ta nay đã là những người ở đời văn-vật, ta đem hành kim hành hỏa đến để phối với hành thủy, hành thổ hành mộc đã thiên-nhiên có sẵn ở cái hồng-hoang nho nhỏ này, thì cái công khai-vật thành-vụ của ta, há lại chả chóng thành hơn các cụ đời khai-sơ dư? Tôn phu-nhân thật là tạo-hóa của ta.

— Chắc người nào cao-kiến bảo cho, chứ bà biết đâu những kẻ sâu xa ấy.

An-Tiêm đứng lên lấy mũ áo mặc vào, rồi xé một miếng vạt áo mặc trong quấn vào cái cây gươm, quấn xong bước ra chỗ bãi cát phẳng, một tay chống gươm xuống bãi, một tay chống vào ngang thắt-lưng, trông uy-phong lại càng lẫm-liệt hơn xưa bội-phần. Chàng nói với Nàng-Ba rằng :

—Ngày tôi ở trong cung, khi có đại-lễ, thường phải múa khúc nhạc *Đại-hùng-vũ* để vua xem ; khúc ấy có tám người, tôi là một, vừa múa gươm vừa hát bài *Thiết-mã đằng-vân* và bài *Thần-phù khóa-lãng* là hai bài tụng để ca-tụng cái đại-vu-công của Văn-lang ta, tiết-tấu bộ-vũ hay lắm, tưởng nhạc Thiều nhạc Vũ hay là nhạc Bát-dật của Trung-quốc cũng không hơn được, nay ta nhân khi mới đến thừa-nhận cái đảo này, tôi xin múa khúc nhạc ấy để ta Thượng-đế thần-minh, tuyên-dương cái hùng-phong của tôn-bang ra nơi hải-biểu, mừng các thần Đông-minh các thần đảo-dữ, mừng cả cỏ hoa đất nước mới và trấn-áp cả các loài ly mị vọng lượng ở chốn biển khơi này, sau là để u con được xem mà hăng-hái cái chí-khí lên.

Nói xong bèn vung gươm ra múa. Nàng Ba bế Quế-nương ngồi với Mai-Lâm ở trên những cái bao bánh, mẹ con trông ra chỉ thấy cái vết loang-loáng, chạy vùn-vụt như chớp, mà không trông ra lưỡi gươm nữa, người thì theo lưỡi gươm lộn tít đi, nhanh quá, cũng không kịp nhìn rõ mặt, múa rồi lại hát, hát rồi lại múa, lúc khoan lúc nhặt, lên bổng xuống trầm, tiếng gươm vù-vù, tiếng hát sang-sảng, vang lừng cả trong động ngoài khơi, hòa với tiếng gió thổi, tiếng sóng dào, làm một khúc *quân-thiên-nhạc*. Nàng Ba nghe những bài thơ cổ hùng-tráng cũng cảm-khích mà xôn-xao dạ ngọc, thần-thức an và g, tưởng như mình theo chồng đi nơi hàng trận mà vì nước dẹp loạn, múa hát luôn ba hồi thì khúc nhạc mới cáo-chung. An-Tiêm vào ngồi lên một cái bao mà nghỉ một lát lại nói :

— Bây giờ tôi lấy làm đắc-ý lắm, tưởng như Thượng-đế thần-minh đều được hoan-lạc cả, mà một vùng trời bể ở đây đều là những tường-vân thụy-khí, tôi thừa hứng cũng làm một bài ca mới

để múa hát một lúc nữa, hiền thê thử nghe xem sao.

Nói rồi ra múa và hát lên rằng :

Tiêu-dao ngoài cõi càn-khôn,
Xe bằng chín vạn ngựa còn ba nghìn.
Cánh bèo nhật nguyệt nổi chìm,
Ngồi trên sóng bạc chờ xem cát vàng.
Gươm thần một lưỡi sáng choang,
Vung lên mở cửa thiên-hoang ra đời.

Múa hát xong lại vào ngồi. Nàng Ba nói :

— Bài mới này khí-thế mạnh bạo, nghĩ-ngợi rộng xa, cứ cái kiến-giải như thế, tưởng rong vũ-trụ này không còn cái gì là đáng hãi nữa.

— Phải mình, đội mệnh Thượng-đế đi khai-tịch thế-gian, còn gì là đáng lo sợ.

VI — Đêm thứ hai ở hoang-đảo

Bấy giờ Mai-Lâm lại đòi uống nước. Nàng Ba cũng kêu khát. An-Tiêm nói :

— Tôi hát múa một lúc cũng ráo cổ lắm, bây giờ ta đưa nhau vào trong đảo xem đường đất, tìm nước uống, tìm chỗ ở một thể, số lương-thực này cũng dùng được ít lâu, thiết-khí hỏa-khí đủ cả, chỉ còn thiếu nước uống thôi, vậy trước khi tìm chỗ trú chân, ta phải tìm nơi nước ngọt đã, vì người ta đói bảy ngày không chết, mà khát một ngày thì không sống được.

— Thế ngộ không có nước ngọt thì uống nước mặn có được không?

— Nước mặn là liều thuốc hạ mạnh, uống nước mặn vào thì đi tả ngay, nhưng mà ở đây thấy có núi đá núi đất, thì sao lại không có chỗ đọng nước mưa mà lo ; chỉ thuần một bãi cát như đất lưu-sa ở Tây-vực thì mới sợ.

Nói rồi cởi bao bánh bốc lấy ít bánh cho vào bọc để phòng khi chưa kịp ra và khi ở đâu thì ăn với nhau, lại dắt đi một hòn đá lửa, một tay cầm thanh tản-lĩnh-điện-quang, một tay bế Quế-nương đi trước, Nàng-Ba thì dắt Mai-Lâm đi sau, đi được vài bước, An-Tiêm đứng dừng lại bảo Nàng-Ba rằng :

— Tôi đặt tên cái bến này là bến Sứ, vì thuyền sứ-giả của vương-triều đưa ta đến cửa bể này lần thứ nhất, rồi sau tất có ngày sứ-giả vãng-lai hay là lại đón ta ở đây, khi ta vào trong đất ở yên rồi, rằm bảy ngày ta lại ra đây chơi mát và tắm giặt mà tưởng-vọng thuyền Sứ đến một lần, vậy cái bến này là cái bến đáng ghi nhớ buổi trước buổi sau, trong cuộc khẩn-hoang cái đảo này của ta đó, ta phải cùng nhau nhớ đến hai chữ « bến Sứ » mà nói luôn cho thành tên, rồi để truyền lại cho con cháu ta về sau.

— Tên ấy cũng dễ nhớ.

Nàng Ba trả lời thế, rồi vợ chồng con cái kéo nhau thung-dung đi trên bãi cát, như một bọn người nhà quê ở trung-thổ bồng-bế nhau ở đâu xa về cố-hương, không chút lạ-lùng ngơ-ngác gì cả. An-Tiêm thấy cái bãi cát chạy dài theo ven bể, bát-ngát mênh-mông, thuần một thứ cát bồi, sóng bể đêm ngày dào vào, rửa mặt bãi sạch-sẽ, cỏ cây cũng không mọc được một mống nào, chỉ có ít bọt nước còn vướng lại mà thôi, thì chàng cứ đưa vợ con đi theo xem, đi được một thôi dài, ngảnh lại bến Sứ đã bị cái vành bãi hình tròn khuất đi mất rồi, mà tuyệt-nhiên không tìm thấy cái vết chân của loài người loài súc-vật hay là tí gẫy vụn gì của cái khí-cụ mà những người làm nghề ngư-tiều canh-mục đã bỏ rơi bỏ vương ra ở đâu đấy. Bấy giờ Mai-Lâm mỏi chân lắm, không đi được nữa mà An-Tiêm bế Quế-nương cũng thấy sái cánh, vợ chồng con cái bèn ngồi xuống chỗ bãi cát mà nghỉ. An-Tiêm bảo Nàng Ba cởi cái thắt lưng ra, rồi chàng buộc quàng lên cổ cho Nàng làm cái địu để địu Quế-nương. chàng nói :

— Cái cách địu con của người đường rừng này tiện lắm, đi đường xa

thì không mỏi, mà ở nhà làm được mọi việc, chính kiểu họ lấy một miếng vải vuông bốn góc có dải đeo, có khi lại thêu mạng đẹp-đẽ, nay ta hãy tạm dùng thế này, yên sở rồi ta cũng chế một cái địu khác, vì ra đây ít người mà nhiều việc; cho hay có lưu-lạc mới trải mùi nhân-thế, nếu cứ phú-quí như mọi ngày, thì còn biết đâu đến cái cảnh muôn thu cơ-nghiệp, gây dựng con cái của người bình-dân gian-khổ là thế nào nữa.

— Hôm nay dâm trời, không có mặt trời, nhưng bây giờ cũng đã đến trưa rồi, ta phải đi vào trong rừng núi kia, xem có trang trại gì không, bằng không thì cũng phải tìm lấy một chỗ cho con nó ẩn-núp đã rồi sẽ liệu, nếu cứ loanh-quanh ở trên bãi này, mưa đến thì rét, nắng lên thì khát, làm thế nào với nhau.

— Phải, tôi cũng nghĩ thế.

Bấy giờ vợ thì địu con gái bé, chồng thì cõng con trai lớn, lộn lên trên bãi cỏ mà đi, bãi chênh-chếch cao lên, đất khô ráo, không có cây cao bụi rậm, chỗ giáp bãi cát mới bước vào thì chỉ thấy cỏ bồng lơ-thơ, và những thứ cói nước mặn cây nho-nhỏ. Dần-dần vào thì có bụi lau bụi lác, phải rẽ ra mới đi vào được, mà một cái vũng đọng nước nào cũng không. An-Tiêm vừa đi vừa nói :

— Ngày mới ra sông Bờ, cũng đã thấy hoang-uế, nhưng còn có cỏ xanh cây tốt, suối sâu nước trong, đủ biết là nơi phì-nhuận, mà đây xem ra thủy-thổ thiển-bạc lắm, việc điền-viên không lợi. Tuy-nhiên, ngắm trông sơn-thủy kỳ-tú, khí-hậu thanh-quang thế này, không có cái địa-lợi nọ, tất có cái thổ-ngơi kia, đức tạo-hóa u-ài đã thừa trừ rồi, người ta phải biết mà thiện-biến để cho thích-nghi.

Đang nói thì vừa đi đến chân cái đồi mà ở ngoài bãi đã trông thấy, đứng chân đồi trông lên, đồi cũng không cao mấy mà thuần bằng đất cả, vợ chồng bồng con bế cái, lóp-ngóp trèo lên đến lưng đồi, mới thấy cỏ-dả như những núi đất trong nội-địa, đứng ở đấy trông xuống, thấy thấp-thoáng ngoài bến Sứ. An-Tiêm nói :

— Thôi, thực là cái hoang-đảo từ thượng-cổ không có ai đến rồi, xem rừng rậm cây to không có, thì chắc những giống rắn độc thú dữ cũng không, mà đến loài điểu-thú thì cũng hiếm, bây giờ lên đỉnh đồi thì có thể thu quát cả toàn-thể cái đảo này, nhưng cả nhà đến bụng đói miệng khát, lại đi bị cỏ nó vướng vào chân, vợ chồng cùng mỏi cả, ta hãy nghỉ lại đây mà làm bữa đã.

Bèn tìm một chỗ cỏ mùa xuân xanh non, vợ chồng cho con đứng xuống. An-Tiêm bỏ bánh và đá lửa trong bọc ra, vội-vàng đi vơ được một ít cỏ khô đến, lấy gươm chặt vào hòn đá lửa đánh chát một cái, hạt tinh-hỏa bắn vào đống cỏ khô, lửa cháy bật lên vù-vù. An-Tiêm nói :

— Mới từ sáng đến giờ, độ ba bốn giờ mà ta đã qua đời Hồng-hoang đến đời Toại-nhân rồi đó, cuộc đời của ta ở đây mở-mang thế có chóng không! Vậy thì tiến lên đời Đường-Ngu cũng chẳng lâu gì. Cái khói lửa ta đốt đây là lần thứ nhất, từ khai-tịch đến nay ở cái đời này, mà ngọn khói bốc lên chân-chính, tầng mây u-ám kia tức là cái tin của ta báo với Thượng-đế biết rằng ta vâng mệnh ngài đi thừa-nhận đảo này đã đến đây là trung-bộ rồi đó, xem cảnh này quang-đãng không có sự gì đáng nghi-ngại, mẹ con cứ ngồi đây, nàng thì nướng bánh cho con nó ăn, để tôi lùng xuống chân đồi, những chỗ giáp núi đá bên kia để tìm lấy nước uống mới được.

— Nhưng mà lương-quân phải cầm gươm đi,

—Thôi, để gươm cho mẹ con có cắt gì chăng.

An-Tiêm nói thế rồi nắm hai tay giơ lên đứng ra một cách rất hùng-hồ mà rằng:

— Một ông danh-tướng nước Đại-Văn-lang hách-trạc như thế này, đi đến đâu mà không chấn-phục được hết cả, còn có sợ gì.

Nàng Ba cũng bật cười, cái bật cười ấy đáng ví như cành hoa cung quế mà có tiên-nữ cầm tặng thưởng cho đấng trượng-phu can-đảm, để an-ủi bao nhiêu cái tai-vạ thốt-nhiên, nỗi oan-khốc đầy trời của một nhà từ hôm bước vào nhà linh-ngữ đến nay. Nàng dặn chồng rằng :

— Lang-quân xuống mau rồi mà lên với con.

An-Tiêm lại nói :

— Đi rừng người ta lấy tiếng hú mà gọi nhau, tôi xuống dưới này, mỗi chốc tôi hú lên một tiếng, trên này hiền-thê cũng hú trả lại một tiếng, thì tôi đi đến đâu tự biết ngay.

Dặn xong. An-Tiêm rẽ cỏ mạn đông-bắc cái đồi ấy mà đi xuống. Nàng Ba thì ngồi nướng bánh cho hai con ăn, còn mình thì để đợi chồng lên ăn một thể, cứ một lát nghe tiếng «hú» ở dưới chân đồi thì nàng lại « hú » trả, trước gần sau xa, dần xa mãi đi, hễ thấy chậm, nàng lại « hú » lên, trước còn thấy « hú » trả lại, lâu lâu mẹ con cũng khát lắm, mẹ còn cố nhịn được, hai đứa con thì khóc mếu đòi uống nước, trước nàng còn dỗ « một tí thì thầy con đem nước lên cho con với em bé uống», hai đứa chờ mãi cũng không thấy đem nước lên, chúng nó khát quá mà lả đi không ăn bánh được nữa. Quế-nương thì thôi bú đã sáu bảy tháng, nên Nàng Ba hai vú đã hết cả sữa, nàng vạch vú cho con bé bú, nó bú mỏi cả mồm cũng chẳ có gì, nó lại nhả ra. Nàng Ba ứa nước mắt ra ròng ròng, rản cả nước mắt vào mặt vào mồm nó, nó hớp lấy những giọt nước mắt mà nuốt. Nàng Ba trông thấy cũng đau lòng, nức-nở lên thì nước mắt lại chảy ra ngoài mất cả. Mai-Lâm thì lả đi gục xuống đầu gối mẹ, nàng cứ một lát hú để gọi chồng, bỗng thấy bằng đi một lúc không hú trả, rồi nghe đến muôn nghìn tiếng hú vang-lừng cả trong vùng núi đá, và tiếp theo những tiếng như reo như hò, xôn-xao rức-lác như bọn quân giao-chiến, như buổi chợ họp đang đông. Nàng Ba thất-kinh rụng-rời, không biết là tiếng đám đông người nó đuổi bắt hay là tiếng loài yêu-quái nó đã tróc chồng mình, chứ không phải là tiếng lành, nàng vội đứng lên mà hú to lên mấy tiếng liền, thì không thấy hú trả lại nữa, nàng cầm lấy thanh tản-lĩnh-điện-quang khoa lên một cái chực chạy xuống để cứu chồng, thì cơn mây cơn gió ngoài khơi kéo đến mù-mịt, trông xuống chân đồi không rõ nữa, hai con thơ lủ-lít, túm lấy mẹ mà khóc. Trời phơi-phới mưa xuống tối-tăm cả lại, nàng không biết làm thế nào được, lại phải ngồi xuống với hai con mà bế lấy Quế-nương, nhưng trời chỉ mưa ướt áo mà thôi, chứ không mưa to, nàng phải sẻ cái vạt con áo mặc trong để phơi ra mưa, hễ thấy ướt thì lại cầm lấy mà vắt vào mồm cho con bé, rồi đến con lớn, dần dần hai con mới tỉnh-tỉnh, rồi nàng mới vắt vào mồm mình, mẹ con đỡ khát, thì mưa càng nặng hạt, ba mẹ con đều ướt cả, rét lắm. Nàng dặt Quế-nương xuống mà sờ lấy thanh gươm cắt lấy cỏ chỗ vùng quanh mẹ con ngồi, cắt vội-vàng một lúc được ít cỏ, thấy tay xon-xót mà sái cánh không cắt được nữa, mới sờ ra mà thu lấy những cỏ đã cắt rồi, một tay đỡ hai con nằm gục vào lòng mình mà ôm lấy, một tay vơ cỏ phủ lên cho hai con, rồi kéo cái chuôi gươm quấn rẻ vào gần mình mà

ngồi. Từ lúc nàng ngồi xuống với con, những mê-man về việc giải khát che mưa để cứu-cấp cho con, trời tối mịt lại bao giờ không biết, mong chồng thì không thấy về, cái tiếng ồn-ào trong núi đá cũng im, nàng chắc là chồng bị nguy-cơ làm sao rồi, xuống tìm chồng thì không nỡ bỏ con, mà ngồi với con thì lo sợ cho chồng, nàng tâm-thần rối loạn, cháy ruột đau lòng, hai con gục lâu, chúng nó cũng mỏi mà lăn vật ra, rét run lên cầm-cập, nàng phải sẻ-sẽ ngả lưng xuống, sẻ hai con nằm vào lòng, kéo cỏ trùm lên cho nín, mãi chừng quá nửa đêm mới tạnh mưa, hai con nằm yên, thỉnh thoảng thấy động cỏ sột-sạt, Nàng Ba nghĩ chồng về, ngóc cổ lên trông, thì trời lại chớp nhoáng một cái trông rõ cả những bụi cỏ trước mặt mà chả thấy người đâu, lại nằm xuống, nghĩ vừa lo cho chồng, vừa thương cho mẹ con mình, mà lầm-nhầm một mình rằng :

— Đã đến thế này, đã cam chịu chết với nhau, mà trời không cho được hoàn nguyện, không cho chết với nhau một chỗ, không cho giã nhau một đôi lời, mà chết lại bắt ly-biệt nhau mỗi người một nơi mà chết, thời cái lòng mẹ con tôi quyết chí con theo cha vợ theo chồng kia, thành ra oan-uổng cả mà không khỏi chết, cái tiếng râm-ran trong núi đá lúc bấy giờ, chắc không phải tiếng của bọn đông người, vì từ đấy đến đây cũng không xa gì, nếu có dân-cư thì hôm nay đi ngoài bờ bể đã thấy dấu vết người, mà đêm nằm đây cũng nghe thấy tiếng gà kêu chó cắn mới phải chứ. Ở trong hoa-hạ là chỗ đông dân, còn có những rừng thiêng nước độc, ma-quái hại người, nữa là cái nơi giữa bể xa-cách đời người như chỗ này, tôi chắc những sơn-tinh hải-quỉ nó kéo nhau ra mà bắt mất chồng tôi đi rồi ! Tôi cũng dại, biết nông nỗi này thì tôi không để cho chồng tôi đi một mình, mà cùng đi với nhau, có gặp cái nguy-cơ này cũng được cùng nhau sống thác. Bây giờ chồng tôi chết trước, mẹ con tôi thì ở giữa cái cù lao trên trời dưới nước, cách hẳn cõi thế-gian này, mẹ con tôi biết nương-tựa vào đâu mà sống được! Ba hồn bảy vía Mai-Yến chàng ơi ! bây giờ chàng ở đâu? chàng còn sống hay là chàng chết vào tay bọn yêu-quái kia rồi ? Khốn nạn thay ! cái gia-cảnh nhà tôi, vợ chồng nhà tôi, một lòng thờ kính Thượng-đế thần-minh, không dám dối lòng tơ tóc, mà sao Thượng-đế thần-minh dầy-đọa đến thế này? một lòng thờ vua yêu dân không hề quản sức kể công, mà sao cả vua lẫn nước ruồng đuổi đến thế này? Người ta nói: lạc-loài là không được ở với cha mẹ họ-hàng, phải lưu-lạc đi xứ khác, đã lấy làm khổ, mà một nhà tôi đến biệt hẳn loài người ra ngoài vòng trời đất thế này, thì khổ đến thế nào! Để bây giờ lại không được tử-sinh có nhau nữa! Sao những kẻ dối trời dối đất, hại vật hại dân, thì trời không bắt chúng chịu những cái khổ-cực này, để chúng biết oai trời là thiêng, biết cái nghĩa bạn-bầu giúp-đỡ lẫn nhau của nhân-dân là trọng. Nếu chồng tôi có đây mà tôi hỏi thế, thì chắc chồng tôi nói rằng: « trời không lầm, dãi-dầu nạn trước, đền bù duyên sau », tôi cũng xin vâng thế, nhưng tôi đàn-bà, cạn lòng nông dạ, thấy chồng vợ cha con một nhà tôi cùng nhau phải chịu những cảnh thảm-khốc gớm-ghê, nhân-gian chưa từng chịu nổi, mà tự xét mình không làm gì nên tội, thì tôi không khỏi oán-hận mà tố-cáo Thượng-đế thần-minh. . .

Nói đến đấy thì mệt lắm, nghỉ một tí rồi lại khấn :

— Xin Thượng-đế thần-minh cho mẹ con tôi được qua cái đêm hôm nay, sáng mai tôi quyết đem hai con tôi xông vào trong dẫy núi đá kia, mà tìm chồng tôi cho biết còn mất thế nào, cho được cùng loài yêu-quái chiến-đấu một trận, để báo thù cho chồng

tôi, rồi mẹ con tôi sẽ cùng cam lòng mà chết, chứ trong khi tôi đang chịu cái hành-phạt rất thảm-thiết của Thượng-đế, của thần-minh này, cái oan-tình dường như mang nặng trong mình mà giam buộc lấy cái oan-hồn không cho thoát khỏi ra được, phần nào chồng con sống thác ở đây, phần nào tử-thân phiền-tủi ở nhà, bể trời mù-mịt, Phong-châu thành ấy chốn nào, lão-thân tôi mình già sức yếu, đêm nay bây giờ có yên giấc ngủ hay không, hay là mấy bữa nay, thương xót đứa con hiếm-hoi, bỏ-liều một cảnh, cửa nhà trôi giạt, mà dế năm canh nguyệt, cuốc ba tháng hè, hồn lìa chiêm-bao, máu theo giọt lệ, thì cái cảnh đau lòng ấy biết lấy ai mà khuyên-giải; một thân tôi hiếu đã không toàn tình lại không vẹn, rồi đến đôi giọt máu đào bù-trì cũng không xong, thì cái oan hồn này cũng đến ngắc-ngoải mà không chết được, dù có chết cũng mang cái oan-khổ kia đến chín suối, bao giờ cho nguôi!

Nàng Ba đang kêu khấn, lại thấy động cỏ, lại ngóc đầu lên trông, thì trời đã sáng, nàng ngồi lên, hai đứa con cũng nhổm dậy, xống-áo ba mẹ con chỗ thì lấm chỗ thì ướt, cỏ rác bề-bộn cả trên đầu trên cổ, nàng vội-vàng gạt những cỏ rác ra, thì thấy cỏ rây nhê-nhết cả những máu, trông vào tay trái thấy toạc ra một miếng to, nước mưa thấm vào đã nhợt ra mà không thấy chảy máu nữa, mới biết là đêm qua cắt cỏ, bị lưỡi gươm cắt vào bao giờ không biết, chỉ thấy xon-xót mà thôi.

Mai-Lâm hỏi:

— Thầy đâu, hở u?

Nàng Ba nói:

— Thầy con đi lấy nước.

Nói chưa dứt lời, thì nước mắt ràn-rụa thổn-thức lên, hai con cũng òa lên mà khóc. Nàng sợ mẹ con đang mệt mà lại thương-tâm quá, không đủ sức gượng lại với cái mệnh cùng số tận trong một đôi thời-khắc để tìm đến chỗ chồng bị hại, bèn gạt nước mắt đi, lấy vạt áo lau mặt cho hai con mà rằng:

— Chúng con nín đi, thầy đã mang bánh với nước lên cho chúng con đây kia.

Nàng tưởng nói dỗ con cho nó nín, ai ngờ trông xuống chân đồi về mé tây, thấy rõ-ràng một người đàn ông cao lớn, đầu bùi tóc trần, mình cởi trần, đóng khố trung-trực, trắng nhễ trắng nhại, ra dáng dữ-tợn, tay xách cái vật gì đen đen, có nhiều chân đang rẫy-rụa ngó-ngoáy, người ấy chạy đến thoáng một cái khuất vào cái giốc đồi, không kịp trông thấy mặt. Nàng Ba sởn người lên ôm chặt hai con vào lòng, vơ lấy thanh gươm cầm giơ lên để thủ-thế. Vì nàng chắc là loài yêu trong núi đã bắt chồng rồi, bây giờ nó nghe tiếng mẹ con khóc thì nó lại mà bắt nốt.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN-UYỂN

I — Khuê-oán

I. *Phong*

Ào-ào lay động bức rèm thưa,
Hiu-hắt niềm tây luống ngẩn-ngơ!
Nông-nỗi ấy ai người biết tỏ?
Song the thấp-thoáng ngọn đèn mờ.

II. *Hoa*

Vừa mới xinh tươi thoắt đã phai,
Hoa trên cành nọ khác chi ai!
Màu xuân giữ mãi làm sao được?
Mà khách tầm-phương nỡ bỏ hoài!

III. *Tuyết*

Lạnh-lùng tuyết dượm thủa canh tàn,
Một mảnh chăn đơn đắp chửa an.
Hồn bướm vẩn-vơ choáng tỉnh dậy,
Động lòng mơ-tưởng giấc Vu-san.

IV. *Nguyệt*

Dưới bóng trăng suông đứng một mình,
Thở-than với bóng bóng làm thinh.
Rắp toan chắp cánh lên cung Quế,
Hỏi chị Hằng-nga nỗi bất-bình...

2.— Chiều thu nhớ bạn

Màu thu ai khéo vẽ cho nên?
Ngắm cảnh càng thêm nhớ bạn hiền.
Nhớ lúc dạo chơi miền Liễu-phố (1),
Nhớ khi ngồi đọc truyện *Hoa-tiên*.
Phương trời chung ngắm tranh non-nước,
Ân sách cùng đua trận bút-nghiên.
Vơ-vẩn một mình đương nghĩ-ngợi,
Chị Hằng đâu đã rẽ mây lên.

3.— Phú-đắc :

« Thần-thơ đứng gốc mai già,
« Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay không? »

Vầng ô bóng đã gác non tây,
Thơ-thần tìm trăng đứng gốc cây.
Kia khách làng chơi đương đợi đó,
Nào người cung Quảng ở đâu đây?
Nghêu-ngao vui thú cùng hoa cỏ,
Hờ-hững suông tình với nước-mây.
Bóng nguyệt chưa tà, mai vẫn đứng,
Bâng-khuâng như dại lại như ngây.

4 — Ánh đồ tự-phụ

Lợi-danh đã chán sự tranh-đua,
Dẫu chẳng hơn ai chẳng chịu thua.
Trò-trọet dăm anh tình trẻ nhép,
Chơi-bời chúng-bạn rặt già nua.
Bậc thang tiến-hóa dè chân bước,
Hồi trống văn-minh rộn tiếng khua.
Ấy đấy có nhẽ dừng có nghĩ,
Giá văn bán rẻ chẳng ai mua.

5.— Cô đồ đáp lại

Mười thu học-tập phí công toi!
Cũng tiếng nho-nhe cũng giống nòi!
Dầu rót đèn khêu đêm thúc nhắp,
Tiền mang gạo gánh lúc theo đòi.
Sao không nghĩ-ngợi đường đua-đuổi!
Mà cứ dằng-dênh cái hẳn-hoi!
Thật gớm ghê cho người lạ quá!
Ngắm mình không thẹn bóng gương soi.

6. — Chơi đền Hà-lộc (1)

Hai mươi tháng tám hội đền Hà,
Mến cảnh qua xem thấy những là.
Khấn-vái vang trời câu họa-phúc,
Lắc-lư chật đất bọn tà-ma.
Oai-linh thủa nọ còn ghi lại,
Mê-tín ngày nay khéo bịa ra.
Lễ bạc lòng thành dâng trước án,
Hương-hồn có thấu nỗi dân ta?..

7. — Phú-đắc :

« Thương ai cho bằng thương chồng,
« Bởi chồng cờ bạc nên lòng không thương ».

(1) Làng Liễu-phố ở huyện Mĩ-lộc tỉnh Nam-định.
(2) Đền thờ đức thánh Trần ở làng Hà-lộc, tỉnh Nam-định.

Cũng muốn thương cho trót mọi bề,
Bởi chồng cờ bạc cứ ham-mê.
Bồn-chồn tấc dạ mong không thấy,
Mài-miệt thâu canh, đợi chẳng về.
Nghĩ bác thằng bần thêm tức-tối,
Giận chàng quân-tử khéo ê-chề.
Lưỡi gươm Liệt-nữ nhờ ai mượn,
Chém phắt cho rồi hạng rủ-rê !

8. — Người đâu gặp gỡ.....

(Lối thơ triệt-hạ)

Trăm năm nào biết có duyên gì ?...
Gặp-gỡ nhau đây thật khác chi...
Thấy nết, thấy người, toan muốn những...
Nghiêng thành, nghiêng nước, dễ thường khi...
Trao dây tơ đỏ ai là chẳng ?..
Giãi tấm lòng son đỏ chỉ vì...
Ới hỡi mình ơi ! như phỏng có...
Nên chăng thì để, để ta thì...

9. — Sinh con trai

Thấy hoa rầy tớ hãy mừng hoa,
Xanh lá xanh cây chính thật là !
May-mắn đành nhờ tay thợ tạo,
Nở-nang xem cũng vẻ con nhà.
Phòng lan nâm trước xuân êm-ấm,
Cành quế ngày nay sắc mặn-mà.
Mới biết trời thương không mấy lúc,
Chồng nên ông, vợ cũng nên bà.

10. — Gái nhà nghèo (1)

(Dịch Đường-thi)

殘 粧 滿 面 淚 闌 干。
Tha-thướt xiêm tàn, ứa lệ châu,
幾 許 幽 情 欲 話 難。
Tình riêng muốn nói, nói thêm sầu.
雲 鬟 懶 梳 愁 折 鳳。
Biếng cài tóc phượng mây thua nước.
翠 花 羞 照 恐 驚 鸞。
Gượng ngắm gương loan, phấn nhạt mầu,
東 隣 送 女 初 鳴 佩。
Phân dẹp đông-lân người đón vợ,
北 里 迎 妻 已 夢 蘭。
Tin mừng bắc-lý kẻ đưa dâu.
惟 有 深 閨 顰 額 質。
Một mình trong chốn phòng không nọ,
年 年 長 凭 繡 床 看。
Vò-võ quanh năm chịu dãi-dầu.

II. — Các câu hát

HÁT NÓI

1. — *Động Hương-tích*

Hương-sơn lắm vẻ thiên-nhiên,
Bầu trời man-mác, cảnh tiên lạ-lùng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Dễ hay nước Nhược non Bồng là đây !

Nam-thiên đệ-nhất 南 天 第 一。(2) Ấy « bầu trời cảnh Phật » chính nơi đây. Khí thiêng-liêng đúc lại nước non này, dẫu Nhược-thủy Bồng-lai 弱 水 蓬 萊 (3) âu cũng thế ! Rõ-ràng đài ngọc tô trăm vẻ, chót-vót tòa sen ngất chín tầng. Dấu anh-linh muôn thủa tiếng thơm lừng, cả lẫng kệ, chim rừng cúng trái. Kìa : nào Cậu, nào Cô, nào Sư, nào Vãi. . . (4) Dừng gót hoa đứng lại mà trông. Đá tron-von, sườn núi trập-trùng, phong cảnh ấy lạ-lùng khôn xiết kể ! « Nam-võ-phật » cứu dân độ-thế. 救 民 度 世. (5) mảnh nhiệt-thành sửa lễ kính dâng. Lòng trần rũ sạch lâng-lâng !

II. — *Mùa thu tiễn bạn*

Tiễn đưa một chén quan-hà,
Tấm lòng thương nhớ biết là có người.
Buồn trông phong-cảnh quê người,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.

---

(1) Bài thơ này nguyên của Tiết Phùng 薛 逢 thường in ở chuyện « *Bần-nữ-thán* ».
(2) Mấy chữ này chúa Trịnh đề ở động.
(3) Tức là cảnh Tiên.
(4) Tên các núi ở chung quanh động.
(5) Cứu-vớt người đời.

Ân-cần tương-tống biệt. 殷勤相送別。(1) Nông-nỗi này ai có biết hay không? Tay cầm tay, lòng xót-xa lòng, trên bờ liễu trận kim-phong hiu-hắt. Tạc chữ u-hoài ngòi bút sắt, ghi câu tiễn-biệt bức tờ hoa. Ngẩn-ngơ thay! Một bước một xa, ngoảnh lại quê nhà thêm bối-rối. Lắm lúc nghĩ: ngày trọn tháng qua, sao dời vật đổi, mối sầu-trường ai cởi cho ra? Não người lần-lữa phương xa, một lời trân-trọng châu sa mấy hàng! Bâng-khuâng như mất lạng vàng!

12 — Xẩm nhà trò

I. — *Tắm ao nhà*

Chiều hôm qua anh xuống tắm ao nhà, vừa trong vừa mát, thật là dễ chịu lắm thay! Áng bụi hồng rếch ngập bấy lâu nay, sạch-sành-sanh rũ chẳng mầy-may bận lòng! Anh nghĩ như anh thôi thế cũng là xong, nước-non mặc ý vẫy-vùng thảnh-thơi. Tha-hồ mà anh lặn, anh lội, anh bơi, nhân khó cao-hứng chơi-bời cho thích thân! Ngoảnh trông ra phong-cảnh đẹp vô ngần: trời quang, mây tạnh, gió dần-dần từng cơn, nước lăn-tăn con cá nó rập-rờn,... cứ gì Tam-đảo với Đồ-sơn mới là! Tắm đâu bằng tắm ao nhà!

II. — *Đạo vườn hoa*

Dạo vườn *hoa* anh nhớ mới hôm nào, một mình thơ-thẩn ngắm cánh bông *đào* xinh-xinh; thướt-tha tơ *liễu* rủ ngang mành, bên bờ ao thấp-thoáng một vài cành *phù-dung*; dóa *hải-đường* sắp-sửa dâm bông; kìa kìa khóm *trúc* cây *thông* tươi-tốt rườm-rà; *huệ* đưa hương, *lan*, *cúc* mặn-mà; muôn *hồng* nghìn tía mọi màu hoa hớn-hở đua cười. Chốn tiêu *gianh* phong-cảnh cũng ưa người, « *quế* cung trăng, *hạnh* bên trời », hoang-đản biết đâu! Dừng gót *sen* đứng ngắm giờ lâu, bóng *dâu* trông đã lên đầu ngọn *tre*. Ngẩn-ngơ trở lại sân *hòe*!

13. — Xẩm chợ

Lời anh xẩm

Anh mải đua-chen ở chốn thị-trường, lần-mò anh không ngại bước đường chông gai. Tràn cung mây nọ kém chi ai, Khi cung *Lưu-thủy*, khi bài *Hành-vân*. Miếng phong-lưu trời vẫn dành phần, ăn-chơi đã lũa mà nợ nần không phải đa-mang. Suy cho cùng, như thế mới là sang! tốt gì những thói khoe-khoang bóng-bẩy bề ngoài! Là con ai đua sức đua tài? Anh đây cam chịu tiếng lá người thanh-mảnh; chị em ai khoe đẹp khoe xinh? Bấy tình anh không mắc, mà sóng tình anh cũng không xiêu! Chuyện trần-gian thôi chả ít thì nhiều, bỗng dưng nào ai có đặt điều thị-phi! Lọt tai anh những sự chi-chi; ngứa mắt anh, anh phải nhắm đi cho rồi! Dịch ra lấy chỗ anh ngồi!..

14 — Đò đưa

Câu chuyện nhà chài

Sông sâu, sâu thật là sâu, nhẹ-nhàng một chiếc thuyền câu bơi giữa dòng. Đôi ta trót đã đèo-bòng, đà mòn sóng cạn mà tấc lòng dám sai! Cùng nhau tay lưới, tay chài, kiếm ăn mặt nước đủ sinh-nhai tháng ngày. Khi buồn mình uống chén rượu say; khi vui mình giở mấy câu này hát ngao: — Kia như ai sang tận Ai-lao, cái mùi mắm nhái thế nào, ăn có ngon? Lại kìa ai vô tới Sài-gòn, sẵn tiền sẵn bạc chắc hẳn còn phong-lưu!... Này mình ơi, đừng đến rừng sâu, ma thiêng nước độc ai biết đâu mà lường? Mà cũng đừng ra khỏi đại-dương, gió to sóng cả thật lắm đường gian-nguy! Danh mà chi, lợi nữa mà chi! Trăm năm một giấc ngủ ý đấy thôi! Tài-hoa chưa chắc ăn người; phấn-son chưa vững hơn ai

(1) Ân-cần biệt giã nhau.

đâu mà ! Giang-hồ vui thú đôi ta, bụi trần không bận đến nhà chài-câu !

15. — Phong-dao

Chăn tằm

Phủ Lạng-thương đã sẵn giống ngài, ai ơi chớ có bỏ hoài dâu xanh ! Dưới nương dâu em đứng một mình, một mình em đứng vin cành dâu tơ. Bên bờ cỏ phất-phơ gió thổi, lòng bâng-khuâng nghĩ nỗi đâu dâu ! Trông lên bóng đã đứng đầu, vội về quẩy gánh lấy dâu cho tằm. Việc ta ta vẫn phải chăm, sẵn nong sẵn né chăn tằm ươm tơ.

Thọ-sơn Đoàn Nhữ-Nam

---

1. — Ngư-ông tự-vịnh

Vẫy-vùng bể thẳm lại duềnh khơi,
Cái thú lênh-đênh dễ mấy người ?
Mọi chốn phồn-hoa đều tới cả,
Các nơi danh-thắng cũng qua rồi.
Năm châu chật hẹp người chen chúc,
Bốn bể mênh-mông tớ thảnh-thơi.
Danh-lợi chẳng tham mà chẳng tiếc,
Rượu bầu thơ túi cứ ngâm chơi.

2. — Nhớ bạn

I

Hơn một năm trời cách-biệt nhau,
Nỗi-niềm càng nghĩ lại càng đau.
Phòng văn vắng bạn lòng buồn rứt,
Viện sách riêng ta ruột rối nhàu.
Khi trước cùng chia tình mặn nhạt,
Bây giờ khôn xẻ nỗi nông sâu.
Ai ơi ! sao chẳng tìm nhau tá,
Mà gỡ cho nhau cái mối sầu.

II

Chẳng biết tri-âm ở chốn nào ?
Để ta rầy ước lại mai ao.
Bóng hồng khuya sớm hằng tơ-tưởng,
Tin nhạn đêm ngày những khát-khao.
Truyện cũ ghi lòng còn nhớ mãi,
Lời xưa tạc dạ dễ quên sao.
Bốn phương mù-mịt khôn tìm hỏi,
Chẳng biết tri-âm ở chốn nào ?

III

Cho hay đồng-khí vẫn tương-cầu,
Trời dắt đôi ta lại với nhau.
Nọ lúc bảo-ban đường lợi-hại,
Nào khi than-thở truyện xưa sau.
Ba năm xum họp tình đương thắm,
Một bước chia phôi dạ những sầu.
Này cuốn văn thơ còn vẫn đó,
Mà người tri-kỷ đã nơi đâu.

3. — Đề tranh sơn-thủy

Cái cảnh thiên-nhiên cảnh lạ-lùng,
Hỏi ai tô-điểm ấy Thiên-công.
Rập-rờn sóng bạc xô vào bến,
Lơ-lửng thuyền nan đậu giữa dòng,
Nhà cửa lơ-thơ trên bãi cát,
Núi non lẫn-khuất dưới vầng đông.
Ôm cần nào khách ngồi câu đó ?
Cảnh đẹp đường này hãy đứng trông.

4. — Thư-sinh tự-vịnh

Cái nợ công-danh chửa trả xong,
Hãy còn vướng-víu mãi trong vòng.
Đêm ngày luyện-tập hằng ra sức,
Khuya sớm dùi-mài vẫn cố công.
Vững chí mong sao mây hóa nước,
Kiên-tâm ước những cá nên rồng.
Siêng-năng ắt hẳn trời không phụ,
Mẫn-cán lo chi chẳng thỏa lòng.

5. — Dạ-hoài

Bảy nổi ba chìm đã mấy cơn,
Khối tình xoay mãi với giang-sơn.
Bồn-chồn chín khúc mươi câu hát,
Khắc-khoải năm canh mấy giọng đờn.
Hồn tỉnh còn ham tình với nghĩa,
Mộng tan thôi hết ái cùng ơn.
Sự đời trông đã hoa đôi mắt,
Đen bạc thấy ai chẳng oán hờn.

6. — Nhớ bạn đã mất

Đời người thật chẳng khác gì hoa,
Ngẫm-nghĩ ta càng nhớ bạn ta.
Nhớ lúc phòng suông lời gắn bó,
Nhớ khi gác kín chuyện gần xa.
Nhớ nơi rừng rậm nghe chim hót,

Nhớ chỗ non cao bóng ác tà.
Kẻ khuất người còn ngao-ngán nỗi,
Hoàng-tuyền ai có thấu ru mà.

7. — Không sầu

Nghĩ lại không nên não với sầu,
Người đời nào sống được bao lâu.
Rượu chè xin hãy chơi sung-sướng,
Sương-tuyết can chi chịu dãi-dầu.
Điều nghĩ điều lo quăng bể thẳm,
Gánh sầu gánh não đổ sông sâu.
Ai ơi ! xin cứ chơi cho thỏa,
Kẻo nữa không bao cũng bạc đầu.

8. — Viếng một nhà nữ-sĩ

Văn-đàn vắng tiếng bấy lâu nay,
Bỗng chốc từ-trần nghĩ ngán thay!
« Minh-cốt » kia ai ghi tạc đó,
« Đồng-tâm » mấy kẻ nhớ cho đây (1).
Duyên văn luống nặng cùng non nước,
Bút-pháp thêm rầu với cỏ cây.
Tiếng ngọc lời vàng giờ vắng nhỉ !
Mà hồn văn-tự vẫn chưa bay.

9. — Hay nói

Nói thật xưa nay vẫn mất lòng,
Sự đời nghĩ đến có buồn không ?
Đã toan câm miệng thày phường dốt,
Lại muốn buông lời trách lũ ngông,
Khuyên kẻ gian-tham đừng bội-bạc,
Nhủ quân cường-bạo chớ hành-hung.
Ấy ta hay nói là vì thế,
Há phải như ai chỉ nói bông.

10. — Lời anh xẩm

I

Độc-địa làm chi thế hỡi trời ?
Nỡ nào riêng ghét một mình tôi.
Việc nhà nghiêng-ngửa không cho rõ,
Sự thế tơi-bời chẳng được coi.
Thủa trước hẳn tôi tu vụng chắc,
Kiếp này ông mới đọa đầy chơi,
Thôi đành nhắm mắt làm thinh vậy,
Còn thiết trông chi cái cõi đời.

II

Còn thiết trông chi cái cõi đời,
Gió trăng lưng túi hãy vui chơi.
Rượu khà rằm chén khi say tỉnh,
Đàn gẩy mươi cung lúc khóc cười.
Suốt tháng ấy ai xuôi ngược mãi,
Quanh năm đây tớ chỉ ngồi thôi.
Nghĩ càng thêm thẹn cùng non nước,
Thế cũng tu-mi đứng cõi đời !

11. — Khuyên bạn hỏng thi

Khoa này chẳng đỗ đã khoa sau,
Nhẫn nhủ tri-âm chớ vội sầu.
Mặc kẻ khen chê lời chếch-lệch,
Thây người bình-luận truyện đâu đâu.
Trồng cây ắt có ngày ăn quả,
Bón đất rồi sau hẳn được mầu.
Thi phận học tài đành lẽ thế,
Khoa này chẳng đỗ đã khoa sau.

12. — Chúc ngoại-tổ-phụ

Chúc cụ trăm năm hưởng lộc trời,
Thong-dong bầu rượu túi thơ chơi.
Được thua nhường quách đàn con trẻ,
Tranh-cạnh ham chi cái cuộc đời.
Phú-quí chẳng màng thân nhẹ-nhõm,
Lợi-danh không vướng dạ yên vui.
Sớm khuya bầu-bạn cùng non-nước,
Tùng-cúc vui-vầy trí thảnh-thơi.

13. — Xuân-nhật hoài-ngâm

Nhớ lại xuân xưa ta ở nhà,
Xuân này ta đã tếch phương xa.
Hương-quan khi trước đông bè-bạn,
Khách-địa bây giờ vắng mẹ cha.
Mừng tết tươi cười vô-số kể,

---

(1) Trong một bài của nữ-sĩ có hai câu :

Nhớ chữ « đồng-tâm » lòng xúc-cảm,
Nhớ câu « minh-cốt » dạ tiêu-tao.

Sầu xuân thui-thủi một mình ta.
Còn trời còn đất còn xuân mãi,
Còn được chơi xuân chẳng ngại mà.

14. — Tặng anh dốt hay thơ

Nghề văn nào phải việc đùa chơi,
Thơ-phú khuyên ai chớ vội đòi.
Phận dốt sao không cam chịu phận,
Tài hèn còn cứ giở khoe tài.
Túi thơ quăng quách cho xong kiếp,
Bầu rượu ham chi để bận đời.
Mặc-khách văn-nhân đâu có thế,
Hoa thêu gấm dệt thử xem coi.

15. — Lữ-xá sầu-ngâm

Con đường danh-lợi nghĩ ghê thay!
Đưa đẩy người đời khắp đó đây.
Khi ở cõi này khi cõi khác,
Lúc qua miền bắc lúc miền tây.
Đèn trăng quạt gió riêng ta não,
Chén rượu cung đàn lắm khách say.
Nghe tiếng chim kêu thêm trạnh nhớ,
Trông vời phần-tử dạ khôn khuây.

16. — Nhớ bạn Faifoo

Năm canh vơ-vẩn chốn phòng không,
Nhớ cảnh Faifoo luống lạnh-lùng.
Nhớ lúc vẫy-vùng trên nước biếc,
Nhớ khi trò-chuyện dưới trăng trong.
Nhớ người đồng-sự tình lai-láng,
Nhớ khách tri-âm dạ não-nùng.
Bèo nước hợp tan là thế thế,
Nỗi-niềm ai có thấu hay không?

17. — Thuật-bút

Nhờ chút văn-chương biết lắm người,
Người thì gần -gặn kẻ xa-xôi
Duyên văn vấn-vít không sao dứt,
Hồn chữ ham-mê chẳng nỡ rời.
Gọi chút tả tình và tả cảnh,
Dám đâu khoe chữ với khoe tài.
Mấy thu đèn sách âu còn thế,
Còn chút văn-chương góp với đời.

(1) Ta có câu « nhiều lắm phúc ít lắm duyên ».

18. — Cảnh nước lụt

I

Cảm cảnh đồng-bào giọt lệ sa,
Đoái nhìn cây cỏ não lòng ta.
Đê tràn ngập hết vườn cùng ruộng,
Nước xiết trôi băng cửa với nhà.

II

Nước xiết trôi băng cửa với nhà,
Một mầu trắng xóa biết bao-la.
Sóng dồn trống giục vang trời đất,
Người chạy tìm con kẻ gọi cha.

III

Người chạy tìm con kẻ gọi cha,
Tím gan riêng những giận trời già.
Cửa nhà trôi ngập thân điêu-đứng,
Cơ-nghiệp tan-tành dạ xót-xa.

IV

Cơ-nghiệp tan-tành dạ xót-xa,
Đồng-bào ai đó thấu chăng là.
Bước đời lắm nỗi chua cay nhỉ!
Tế-độ còn mong lượng hải-hà.

V

Tế-độ còn mong lượng hải-hà,
Có chăng ta cũng lại vì ta.
Anh em âu vẫn nòi Hồng Lạc,
Nam Bắc cùng chung đất nước nhà.

VI

Nam Bắc cùng chung đất nước nhà,
Treo gương công-đức khắp gần xa.
Ít nhiều nào quản duyên hay phúc (1),
Việc nghĩa ta làm chớ bỏ qua.

19. — Cười mình

Đâu chẳng non sông đất nước nhà,
Can chi ngùi-ngẫm nỗi đường xa.
Ngược xuôi sao cứ co vòi lại,

Quanh-quẩn bao giờ sáng mắt ra.
Kia khách năm châu đương rộn-rịp,
Mà mình một xó vẫn ngâm-nga.
Từ rày xin quyết không sầu nữa,
Đâu chẳng non sông đất nước nhà.

DƯƠNG ĐÌNH-TÀY

---

1 — Đêm trăng chơi hồ Tây

Túi thơ bầu rượu rủ nhau ra,
Lững-thững con thuyền dưới bóng nga.
Hiu-hắt gió đưa và ngọn sóng,
Ngạt-ngào hương thoảng mấy bông hoa,
Trông gương kim-cổ lòng ngao-ngán,
Ngẫm cuộc tang-thương dạ xót-xa.
Phong-cảnh Tây-hồ trơ vẫn đó,
Nhìn nhau ta lại thẹn cho ta.

2 — Đề đền Hai Bà

Một tòa miếu-võ cảnh nguy-nga,
Muôn thủa danh thơm của nước nhà.
Còn đất còn trời còn mãi mãi,
Lòng dân còn nhớ tiếng Hai-Bà.

3 — Đề hồ Hoàn-kiếm

Hồ Gươm phong-cảnh khác xưa nhiều,
Bốn mặt cây cao gió hắt-hiu.
Tiếng quốc kêu hè vang động nước,
Xui lòng du-khách luống đăm-chiêu.

4 — Hỏi trăng

Trăng kia lơ-lửng trông ai ?
Đây ta đương đứng giữa trời trông
Biết ta không hỏi chị Hằng ? [trăng.
Nhìn nhau sao chẳng dãi-dằng cùng
Ai gây nên cuộc bể-dâu ? [nhau ?
Đêm khuya vắng-vẻ cho nhau biết cùng.

5 — Hỏi gió

Hỏi trăng, trăng chẳng nói rồi,
Ta ra hỏi gió vài lời xem sao.
Núng-sơn ai đắp mà cao ?
Nhị-hà sông cũ ai đào mà sâu ?
Từ xưa bao cuộc bể-dâu ?
Tiện dây xin ngỏ cho nhau được tường.

6 — Hỏi mây

Ta hỏi gió, gió làm thinh,
Bực mình ta lại trần-tình cùng mây.
Hãy thong-thả chớ vội bay !
Dừng chân gạn chút niềm tây đã nào.
Bể-dâu thay đổi tại sao ?
Hỏi xong, mây vội ào ào bay xa.
Còn trơ trời đất với ta !

7. — Nhớ tri-âm

Tri-âm ơi ! Lúc canh khuya em ngồi tựa chốn khuê-phòng,
Một mình em than-thở nghĩ những đau lòng cái nỗi biệt-ly.
Kể từ ngày mà anh bước ra đi,
Một thân em vò-võ biết nằn-nì to nhỏ cùng ai ?
Tri-âm ơi ! vì đâu mà em thở vắn than dài ?
Hiếu tình hai chữ đôi vai em gánh nặng-nề.
Cánh bèo trôi nổi ở bến mê,
Con đường trần, em lẻo-đẻo đi về thui-thủi một thân !
Tri-âm ơi ! giận thay cái kiếp phong-trần !
Dẫu rằng trong giá trắng ngần cũng phải như ai.
Xanh-xanh ghen mấy sắc tài,
Trông trăng mà em những ngậm-ngùi với bóng ông trăng.
Tri-âm ơi ! Xa-xôi có thấu cho chăng ?
Để em luống những bần-khoăn suốt đêm trường ?
Xiết bao là nỗi nhớ với tình thương !
Tơ sầu trăm đoạn vấn-vương quanh cả bên mình !
Tri-âm ơi ! biết cùng ai mà tỏ tấm u-tình ?
Nghĩ mình mình lại thương mình phải chịu lắm nỗi truân-chiên.
Bể trần chìm nổi khách thuyền-quyên,
Nào người cùng hội cùng thuyền ta nên thương lẫn lấy nhau.

Tri-âm ơi ! Anh em mình trót sinh ra ở quả địa-cầu,
Ta nên làm sao cho khỏi thẹn với năm châu mới là.
Em hồ sinh là chút phận đàn bà,
Tảo-tần em xin giữ việc tề-gia cho hết lòng.
Tri-âm ơi ! Còn như anh thì trượng-phu chí ở tang-bồng :
Anh phải liệu mà gánh vác với non sông sau này.
Chờ cho con Tạo vần-xoay,
Anh em mình chắc cũng có ngày lại được thành-thơi.
Yêu nhau xin nhớ lấy lời !

NGUYỄN THẾ-NỨC

1.— Chơi Hải-phòng

(*Gặp bạn cũ*)

Hoan-thành năm trước Hải-phòng nay,
Trải mấy tinh-sương có một ngày.
Thổn-thức nửa mừng cùng nửa tủi,
Bồi-hồi cơn tỉnh giục cơn say.
Ngại lời khôn nói tuôn dòng lệ,
Rõ mặt còn ngờ tưởng giấc mai.
Chỉ giận vì ai ngăn đón gió,
Khiến người mang nặng khối tình ngây !

II

Non nước xa trông luống những ngày !
Làn lưa ai biết có hôm nay ?
Quan-hà muôn dặm tình xa cách,
Mưa gió ba đông nỗi đắng cay.
Nghĩ cuộc bềnh-bồng đầu tuyết nhuộm,
Đau lòng thương-hải mắt châu rơi.
Rõ-ràng thấy mặt đôi ta nhỉ,
Thấy thật hay là lại mộng đây ?

2.— Chơi Kiến-An

(*Không gặp bạn*)

Mình chẳng phụ ai, ai phụ mình.
Một lời ghi tạc ấy ba sinh.
Non Voi đá chất chưa mòn nghĩa,
Bến Chợ sông sâu chẳng cạn tình.
Hương-hỏa trót thề đầu hẹn trắng,
Phong-trần trong cuộc mắt ai xanh?
Vì bằng tát cạn vơi Trung-hải,
Khôn rửa cho nhau nỗi bất-bình !

3.—Hữu-cảm

Ngăn đón vì ai trận gió đông ?
Khi về khi ở luống đau lòng.
Trót lời thề-thốt duyên đầu bạc,
Nỡ để phôi-pha phận má hồng.
Bể ái gập-ghềnh nhân mặt nước,
Sóng tình trắc-trở rộn lòng sông.
Chúa xuân ai kẻ cầm hoa đó,
Có biết xuân về đã mấy không ?

4. — Lữ-cảm

Mấy lâu lưu-lạc bước giang-hồ,
Cảnh cảnh tình tình khéo ghẹo nhau.
Nửa cánh gươm đàn màu tuyết nhuộm,
Ba canh đèn sách bóng trăng cô
Lênh-đênh bèo nước cơn tan hợp,
Mù-mịt trời mây nỗi thảm sầu.
Ngoảnh lại quê nhà ngàn dặm đất,
Mưa Tần gió Sở một tình thu !

5.— Tình-cảnh chơi Kiến-an

(Giá-cô-thiên)

I

Kiến-An là cái đất tiêu-tương,
Ai hỏi Kiến-An ta đoạn-trường.
Tình đã nguội rồi thôi chớ nhắc,
Nhắc bao nhiêu lại bấy nhiêu thương !
Sầu muôn mối,
Lệ đôi hàng,
Lệ sầu khôn xiết lúc thê-lương !
Khi ở khi về đau dạ khách,
Phân-ly bao quản dãi đầu sương !

II

Non vẫn cao cao, nước vẫn dài,
Nước non còn để có hôm nay.
Lửa hương nếu chẳng thề trăm tuổi,
Vàng đá sao chung nghĩa một ngày ?

Thị-giang bắc,
Tượng-sơn tây,

Đè nẻo Lam-kiều bước tới đây.
Nào biết Lam-kiều khi trở gót,
Đoạn-trường ta đã nối thêm dây.

6.—Về qua Hà-nội bị đau
(Phá Tề trận)

Núi Tượng đào hoa đương thắm (1).
Non Hồng dương-liễu còn xanh (2)
Xa cách ngàn trùng,
Tuyết sương mấy độ,

Tấm riêng riêng những vì tình,
Hoa sầu liễu ủ ai xui khéo,
Một gánh tương-tư gánh nặng mình !
Thần-thức suốt ba canh !

7. — Vô-duyên

Hữu-tình ta lại gặp ta,
Vô-duyên nên mới hóa ra vô-tình.
Nặng lời nguyền ước ba sinh,
Duyên sao duyên khéo phụ mình thế duyên ?
Tính rằng tác-hợp tự thiên,
Mà sao con-tạo đảo điên thế này ?
Lòng riêng ai biết cho đây,
Một mình như tỉnh như say một mình !

8.— Chơi núi
(Cổ-phong)

Ông cao chí-khí hơn trong đời,
Kết bạn tìm xuân lên núi chơi.
Đạp đá vạch hoa trèo tới ngọn,
Chốn cao trễm-trệ khoanh tay ngồi.
Tiệc rượu kỳ binh chung tựa lậu,
Câu thơ vô-địch bút như bay.
Một cơn hào-hứng dầy non nước,
Đắc-ý nhơn-nhơn đồ trận cười.
Vừa đồ trận cười sinh cảm-khái,
Đầm-đầm bỗng thấy lệ châu rơi.

Trước ta chơi núi trăm nghìn khách,
Sau ta chơi núi trăm nghìn người.
Người sau chẳng biết người trước mấy,
Người trước chẳng biết người sau ai.
Trước ta sau ta đều vắng-vẻ,
Chỉ còn một núi đứng thôi-ngôi !
Người nay không thấy núi xưa được,
Núi nay đã thấy người xưa rồi.
Xưa nay lịch-duyệt một hòn núi,
Dâu bể bao nhiêu cuộc đổi dời !
Khéo vẽ làm chi bia « truy-lệ »,
Đời sau văn-tự chắc ai hay ?

9—Luận về «khóc, cười»
(Văn xuôi)

Người ta sinh ra đủ ngũ-quan 五官, *trong có tình-tình* 性情, *ngoài có cảnh-ngộ* 境遇. *Tình-tình và cảnh-ngộ cảm-xúc nhau mà sinh ra cười khóc. Cảnh-ngộ thuận* 順 *thì tình-tình vui, tình-tình vui thì cười ; cảnh-ngộ nghịch* 逆 *thì tình-tình buồn, tình-tình buồn thì khóc. Khóc cười là nhân cảnh-ngộ nghịch thuận truyền ra tình-tình buồn vui.*

Nhưng trong sự khóc cười lại có cái cười mà khóc, khóc mà cười, buồn mà cười, vui mà khóc. « Khấp như thiếu-nữ vu qui nhật, tiếu tự văn-nhân lạc đệ thời» 泣如少女于歸日, 笑似文人落第辰。 *Gái về nhà chồng thì vui nên cười, sao lại khóc ? — khóc tình biệt-ly* 別離 ; *trai khi hạ-đệ thì buồn đáng khóc, sao lại cười ? — cười mình duyên-phận* 緣分. *Vui quá sinh tủi mà khóc, buồn quá sinh giận mà cười. Tào Tháo khóc Hứa Du* 曹操泣許攸, *ấy khóc gian-hùng* 奸雄, *mà Lâm Phù tiếu đao* 林甫笑刀 *là cười gian-hiểm* 奸險 ; *Khổng Minh khóc Chu Du* 孔明泣周瑜 *là khóc hào-kiệt* 豪傑, *mà Tổng Hành tiếu cừu* 宋衍笑仇 *ấy cười sai-nghi* 猜疑. *Khóc khóc cười*

(1) Kiến-An. (2) Nghệ-An.

cười thiên-hình vạn-trạng nói không sao xiết, cũng đều nhân cảnh-ngộ và tình-tình vậy.

Lấy một việc mà bàn thì khóc cười là đối-đãi với nhau, khóc chán ra cười, cười hết đến khóc. Tóm cuộc đời mà nói thì khóc về phần nhiều, cười về phần ít, khóc là cố-nhiên 固 然, cười là thích-nhiên 適 然, khóc là thật-tình 實 情, cười là giả-mạo 假 貌. Trẻ con mới lọt lòng mẹ ra vừa trông thấy ánh sáng đã «oa-oa» khóc rồi, ấy mới biết cuộc đời là bể thảm.

Đời không trăm năm, người không trăm tuổi, xưa nay cái kiếp người đời chẳng qua độ sáu bảy mươi là cùng.

Từ khi sinh ra cho đến lúc mười tuổi thì còn là buổi thơ ngây, dù cho có khóc có cười chẳng qua sự trò chơi thằng con trẻ.

Từ mười tuổi đến hai ba mươi tuổi thành là thời buổi lo xa: nợ phụ mẫu, nợ thê-noa, nợ vua nợ nước, nợ hoa nợ tình; chỉ chăm chăm lo trả nợ còn rảnh đâu mà mở miệng cười? Phương-chi đã tai mắt làm người nam-tử, phải lo sao cho tỏ mặt với giang-san, đã tài-tình sánh với anh-hùng thì phải có danh gì cùng vũ-trụ.

Lần lần đến sáu bảy mươi ngoảnh mặt lại đã tới ngày già cả. Lữ-lực 膂 力 không còn khang-kiện 康 健, tai mắt không được thông-minh 聰 明, tuyết nguyệt phong hoa không còn lòng hảo-hứng, cầm kỳ thi tửu đã chán cuộc phong-lưu, tang-du 桑 榆 bóng ngả về tây, cái cảnh phú-sinh 浮 生 nào được mấy? Chỉ lo đán mộ vô thường 旦 暮 無 常 mà nước mắt đôi hàng lã-chã!

Tình đoạn giữa từ ba mươi đến ngoài bốn mươi vinh hoa phú quí 榮 花 富 貴 độ chừng mười mấy năm, nỗi hợp ly tiêu tan 離 合 離 散 ấy cuộc đời đã lâm lúc giới-nguy 險 危, có thái bĩ bình bi 泰 否 平 悲 bể hoạn lại nhiều cơn giông tố!

Tóm lại từ trẻ cho đến lớn đến già giữa bụi hồng vất-vả bấy nhiêu! Cảnh-ngộ thuận mà tình-tình vui thì ít, cảnh-ngộ nghịch mà tình-tình buồn thì nhiều, cuộc đời há chẳng mênh-mênh mông-mông một cái bể thảm-sầu đó ru? Nên cũng có khi quỳnh-uyển 瓊 苑 hát đàn, lấy câu thơ mà giải-hận 解 恨, cũng có lúc hoa-diên 花 筵 mở tiệc, mượn chén rượu để tiêu-sầu 消 愁, tính toán lại cười cười khóc khóc-chỉ « hu-hu » nào mấy lúc « ha-ha »? Than ôi! cái kiếp người ta đã bảy phần khóc chỉ ba phần cười.

Người xưa rằng: « trần thế hãn phùng khai khẩu tiếu, cúc hoa tu sáp mãn đầu qui » 塵 世 罕 逢 開 口 笑 菊 花 須 插 滿 頭 歸, cũng là than thở về sự khóc nhiều cười ít. Nên ta rằng khóc là cố-nhiên, cười là thích-nhiên.

Đó là lấy việc đời mà nói nên khóc về phần nhiều, cười về phần ít. Nhưng tóm lại thì chẳng qua chỉ nhân chút lòng dục 欲, nên cảnh-ngộ mới sai khiến được mình. Nếu nén được lòng dục thì cảnh-ngộ nghịch cũng hóa ra thuận, tình-tình buồn cũng hóa ra vui, chỉ cười mà không khóc.

Song-nhân tình 人 情 thường muốn phú qui 富 貴, muốn vinh hoa 榮 花 thấy người võng tía rủ xanh mà say lòng quan tước 官 爵, thấy người tiền chồng bạc bó mà mệt đạ phú nhiêu 富 饒, khi chưa được thì mong sao cho được, lúc được rồi lại mong sao được nữa, chăm chăm chút chút mồ hôi ướt đầm, từ đầu đến cuối nơm không ngày nào không lo, không buổi nào không tính, đến nỗi nhan-sắc tiêu-ma 顏 色 消 磨, tinh-thần tàn-tệ 精 神 殘 弊, mà không nên được dục tình. Sao chẳng biết đắc thất vinh khô 得 失 榮 枯 đúc nấu tùy trong lò tạo vật 造 物, chưa chắc đã vinh 榮 mà không khô 枯, đắc 得 mà không thất 失, cuộc ở đời mấy lúc làm vui?

Nếu nén được tình-dục 情 欲, phú-quí không lụy tấm lòng, vinh-hoa không

lay tấc dạ, cao-lương 膏粱 không muốn, văn-tú 文綉 không thèm, gió mát trăng trong của tạo-vật chán-chường thủ dụng. Sóng gió không làm trên thế-giới 世界 thì bùn than không chút chốn linh-khâm, băng-hồ một mảnh sạch không, không cấp-cấp 汲汲 mà cũng không thích-thích 適適. Thế thì thường được cái vui của Vinh-khải-kỳ 榮啓期 mà không bị cái buồn của Giang-hồ-tản 江湖散, còn lấy nước mắt đâu nữa mà khóc?

Ta đây mấy năm trước cũng vì tình-dục 情欲 làm ngộ 誤 mà sầu-thảm muôn vàn. Nhưng nay rượu chén say vừa tỉnh, hồn giấc mộng đã tàn, ấy mới biết cuộc trần-hoàn là thế thế, nên cầm bút viết bài này chưa chắc đã là định-luận 定論, xin cáo-bạch với đồng-nhân.

MINH-PHƯỢNG

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Trong khoảng tháng giêng năm 1926 thời ở nước Pháp việc tài-chính cũng vẫn như tháng trước. Cuối tháng chạp năm 1925, tưởng đã tiềm-tiệm giải-quyết xong; cuối tháng giêng, Nghị-viện vẫn còn bàn-bạc, mà sổ dự-toán năm mới chưa định xong; cuối tháng giêng vẫn còn phải tạm quyết-nghị số thường-chi cho tháng hai. Cách tạm-thời chuẩn-chi từng tháng một như thế, xưa nay vẫn coi là một cách đặc-biệt, chỉ khi nào sổ dự-toán định không kịp, mới bất-đắc-dĩ phải dùng đến mà thôi. Nay thì cái cách đặt *douzième provisoire*, lại hầu thành như một cái lệ thông-thường vậy. Xem thế thì việc tài-chính vẫn còn lôi-thôi lắm. Tuy vậy, dư-luận đại-đề cũng bình-tĩnh, dường như coi cái tình-trạng ấy đã quen đi mà lấy làm thường, không có lạ gì. — Ngoài nước Pháp thời có một vấn-đề quốc-tế, các chính-phủ vẫn chú-ý, là vấn-đề nợ Đồng-minh. Vấn-đề này trước kia xem ra cũng phiền-phức khó giải, nhưng gần đây thì trừ có nước Pháp, còn nước nào đại-khái cũng tiềm-tiệm giải xong cả. Trước kia thì bên vay nợ và bên chủ nợ chưa biết có thể đòi nhau và trả nhau được chừng nào, nên cứ phân-vân mãi; nay đã điều-đình xong, thì dẫu có nặng-nề cũng đã có định-kỳ phân-minh, biết trước rõ-ràng, không có bấp-bông nữa. Đó cũng là cái kết-quả hay cho sự giao-tế các nước. — Còn một vấn-đề nữa, là vấn-đề hiệp-ước *Locarno*, thiên-hạ cũng nghị-luận nhiều lắm. Đại-khái thì ai cũng công-nhận rằng hiệp-ước ấy điều-đình chấm chước được lắm việc khó-khăn ở Âu-châu, bảo-thủ được cuộc hòa-bình cho các nước. Bởi thế nên có người xướng lên rằng tuy các điều-ước ký ở *Locarno* chưa được hoàn-toàn mặc lòng, nhưng có một cái « tinh-thần *Locarno* » (*l'esprit de Locarno*), là cái tinh-thần [illegible]o-hiệp trong quốc-tế, thời phải nên c[illegible]n-trọng, phải nên quí-báu. Song nhất l[illegible] nước Pháp, cũng có kẻ bác cái « [illegible]h-thần » ấy là có thiệt-hại cho quyền lợ[illegible] nước nhà. Nhưng đó là cái phương-đi[illegible] riêng của một vài nước mà th[illegible]. Còn đại-đề thời nước nào cũng

biết cái giá-trị của hiệp-ước *Locarno* và nước nào xem ra cũng hoan-nghênh lắm. Các Nghị-viện nước Anh nước Tì nước Ý đều đã lần-lượt nhau duyệt-y các hiệp-ước cả rồi.

Nói về nước Đức. — Những kẻ bác hiệp-ước *Locarno*, thường lấy cớ ở cái thái-độ nước Đức, cho rằng Đức chịu ký ước ấy, chẳng qua là tạm-thời phục-tòng đó mà thôi, chứ vẫn có cái dã-tâm khác, không thể tin hẳn được. Song cái lòng hoài-nghi đối với nước Đức đó cũng khí quá. Đức phải ký ước, là cái tình-thế Đức bách như thế, chứ chửa chắc đã có cái mưu ngầm gì. Còn như Đức đòi cho quân Đồng-minh đóng ở mấy hạt sông Lai-nhân rút dần về, thời điều đó dư-luận Đức và Chính-phủ kêu-nài đã lâu, có lấy gì làm lạ. Vả lại điều ấy sớm trưa các Đồng-minh cũng phải chuẩn-hứa cho Đức, duy phải đặt cách phòng-bị là bổn-phận mỗi nước phải làm, bất-tất phải nói. Còn đến việc nước Đức vào hội Vạn-quốc, thời một phần dư-luận vẫn làm ra mặt không thiết đến, hoặc lại muốn yêu-cầu những điều mà liệt-cường Âu-châu không thể nhận được. Tuy vậy, về phần chính-phủ Đức thời vẫn cố đeo-đuổi xin vào Hội cho được, việc này cũng là việc tất-nhiên và là việc quan-hệ, nên các nước nghị-luận cũng nhiều. Hoặc-giả sợ rằng nước Đức vào hội Vạn-quốc thời cách tổ-chức trong Hội tất phải thay đổi đi, và liệt-cường cần phải hàng ngày chú-trọng về các hành-động của Đức thế nào. Điều đó đã cố-nhiên rồi, và chính cũng bởi thế mà cần phải cho Đức vào hội Vạn-quốc ngay, vì đã vào rồi, thời ở giữa chỗ tai mắt vạn-quốc, nếu có cái mưu gì tất sớm trưa phải lộ ra, không thể giấu-giếm được mãi.

Nói cho thực thời cái tình-hình nội-chính của nước Đức từ tháng chạp năm ngoái đến giờ, cũng có ý bối rối. Nội-các trước bị đổ, mãi đến trung-tuần tháng giêng năm nay mới lập được Nội-các khác, vẫn thủ-tướng LUTHER đứng đầu. Nhưng Nội-các này cũng không lấy gì làm vững-vàng cho lắm, ra Nghị-viện chỉ được hơn đảng phản-đối có 10 vé mà thôi, mà trong đảng phản-đối thời phần nhiều là thuộc về phái quốc-gia. Còn đảng xã-hội thì dẫu không phản-đối chính-phủ, nhưng cũng không về bè với chính-phủ. Nhưng cái tình-hình nội-chính phân-vân này chắc cũng là tạm-thời mà thôi. Trong Nội-các, LUTHER vẫn làm thủ-tướng, STRESEMANN làm ngoại-tướng và GESSLER làm Lục-quân Tổng-trưởng. Tổng-trưởng này là một người vẫn giữ cái chủ-nghĩa khôi-phục thế-lực nước Đức bằng võ-lực, nên các nước có ý ngờ-vực. Vả lại tuy liệt-cường cố bách nước Đức về việc giảm-binh mà Đức xem chừng vẫn có ý giấu-giếm: các nhà máy ở Đức nhiều lắm, ngoài mặt vẫn là làm việc công-nghệ, còn trong chế khí-giới cũng không biết đâu. Song thủ-tướng và ngoại-tướng thì đã nhiều lần tỏ ra là người ôn-hòa và biết điều lắm, hiện nay không có lẽ có cái chí gì khác. Tình-hình kinh-tế của Đức đương vào lúc khó-khăn. Mấy năm sau đây công-nghệ bành-trướng ra dữ lắm; trong nước chế-tạo ra nhiều quá, không bán ra ngoài hết. Hết các xưởng thợ và nhà máy phải đình; cuối tháng giêng tây, có 1.700.000 người thợ phải hưu-công, không có việc làm, cũng bằng số thợ hưu-công của Anh là chính nước đã bị thiệt-hại về sự cạnh-tranh của công-nghệ Đức. Đó cũng là một cái hiểm-tượng cho Đức. — Nói tóm lại thời chẳng biết cái dã-tâm của Đức thế nào, nhưng xem Đức cũng tỏ ý muốn thành-thực tuân theo các điều-ước *Locarno*, và về phần Đồng-minh đối với Đức thời đại-khái cũng không có gì xung-đột cả. — Còn Nội-các LUTHER thì cũng không chắc có được bền không.

Nếu các chính-đảng ở Đức mà không sắp-đặt lại thế nào cho gây thành ở Nghị-viện một cái phần đa-số có thế-lực để tán-trợ cho một cái chính-phủ được vững-vàng, thời đảng quốc-gia tuy phần ít mà vẫn có thể hống-hách, cả miệng lớn tiếng. — Trong tháng giêng có xảy ra một việc tuy nhỏ, nhưng cũng có quan-hệ cho nước Đức là thuộc về hạt sông *Sarre*. Hạt này nguyên là đất của Đức, sau chiến-tranh bị cắt làm đất độc-lập thuộc quyền thống-trị của Hội Vạn-quốc. Hội Vạn-quốc có chọn để làm tổng-thống hạt ấy một ông quan to Pháp, là quan tham-chính RAULT. Nay nhiệm-kỳ đã hết, sắp phải cử người khác thay, và lần này sẽ không cử người Pháp nữa. Đức thì vẫn yêu-cầu để cho hạt ấy lại qui-sáp về Đức. Vả theo hòa-ước *Versailles* thì trong một hạn mười năm nữa, hội Vạn-quốc sẽ đặt cuộc phổ-thông đầu-phiếu để xem dân-ý muốn về Đức hay muốn độc-lập. Nếu chức Tổng-thống nay về tay một người Đức hay người nước nào có cảm-tình với Đức, thì việc sáp-nhập về Đức có lẽ sẽ dung-dị lắm. Người Pháp thì cố-nhiên là không muốn như thế, nên xem ra cũng hơi lấy làm quan-tâm.

Nói về Thổ-nhĩ-kỳ. — Trước đã nói việc hạt *Mossoul*, Hội-nghị Vạn-quốc xử tạm-thời sáp-nhập vào xứ *Irak* thuộc quyền bảo-hộ nước Anh; Thổ-nhĩ-kỳ lấy thế làm bất-bình. Anh với Thổ nhân đó gây ra một cái mối xung-đột, tưởng có phương-hại đến cuộc hòa-bình ở miền Cận-Đông Âu-châu. Nhưng hai nước cũng biết rằng nếu bây giờ mà gây ra việc đánh nhau thì thành chuyện to lắm, không biết kết-quả đến thế nào, nên cũng có ý nhượng-bộ nhau một đôi chút. Chính-phủ Thổ có gửi quốc-thư cho Anh quyết rằng nước Thổ có quyền-lợi riêng đối với hạt *Mossoul*, cố đòi cho được, không chịu nhận bồi-khoản chi cả; tuy vậy cũng không muốn gây sự chiến-tranh làm chi, sẵn lòng điều-đình với nước Anh, nhưng phải được mấy điều sau này: là trong khi sáp-nhập tạm-thời đó thời trong hạt *Mossoul* phải giải-bãi cả các binh-lính; người Thổ được tự-do buôn-bán và vận-tải hàng-hóa qua *Bassora*; người Anh không được dùng cái chính-sách bài-Thổ ở miền Cận-Đông và Trung-Đông. — Chưa biết Anh trả lời thế nào. Theo lời quyết-định ở Hội-nghị *Genève*, Anh đã tục-kết điều-ước với xứ *Irak* rồi.

Nói về Nga. — Về mặt Nga thì trong Chính-phủ Sô-viết có thay đổi mấy nhân-vật trọng-yếu. KAMENEV trước có thế-lực lắm, nay xem ra có ý kém RYKOV. RYKOV đã được bầu làm trưởng « Lao-động và Quốc-phòng Hội-nghị » (*Conseil du Travail et de défense de l'Etat*), còn KAMENEV thời chuyển ra làm trưởng « Thông-thương Hội-nghị » (*Conseil du Commerce extérieur*). Như thế thời RYKOV chính là kế-thừa một phần chức-quyền của LÉNINE ngày trước. Việc giao-thiệp Nga với Pháp thời hiện nay có lập một hội-đồng ông Công-bộ Tổng-trưởng DE MONZIE đứng đầu để nghiên-cứu về việc hai nước. Nga ngày nay đương cần muốn vay tiền dài hạn, nên thuộc về vấn-đề các khoản nợ của Chính-phủ Nga-hoàng cũ cũng muốn nhận liều đi cho liễu-sự. Pháp thì có ý ngờ không thành-thực như thế, nên tỏ ra cẩn-thận lắm. Còn việc thông-thương hai nước thời hiện nay cái chế-độ buôn-bán ở Nga không được tự-do như các nước, Pháp cũng không lấy làm đậm lắm. Lại về phương lý-thuyết thời Nga cứ khăng-khăng tuyên-truyền cái chủ-nghĩa cách-mạng, không chịu nhụt bớt đi chút nào; đó cũng là một điều trở-ngại cho việc giao-hiếu với các nước khác. Tu vậy không nói về đường chính-trị, nói riêng về đường kinh-tế, nước Nga cũng không thể khuyết-tịch mãi ở trong trường kinh-tế Âu-châu được. Nga cần

đến các nước, các nước cũng không phải là không cần đến Nga; vì lẽ liên-đái đó mà rồi sự giao-tế của Nga với các nước cũng phải chỉnh-đốn lại thế nào cho được bình-thường, chứ không thể cứ hờ-hững bấp-bông như thế mãi được. — Về mặt Á-Đông thời xuýt nữa xảy ra việc xung-đột to: nhân vì sự chuyển-vận quân lính hay là một lẽ quyền-lợi gì khác nữa, tướng Trương Tác-Lâm là chúa-tể đất Mãn-châu có cho bắt và tống-giam viên chánh sở xe-lửa Nga ở Mãn-châu tên là Ivanov. Chính-phủ Sô-viết liền gửi thư kháng-nghị, đòi phải tha ngay. Giam mấy ngày rồi Trương cũng cho tha. Nhưng việc này xuýt thành việc to, và lại càng tỏ ra tình-thế nước Tàu ngày nay hỗn-độn là dường nào. Những việc xảy ra như thế, thật rất nên lấy làm chú-ý lắm.

Vấn-đề nợ Đồng-minh. — Tự tháng trước nước Ý và nước Anh đã định hội-nghị để điều-đình với nhau và giải-quyết cái vấn-đề khoản nợ của nước Ý. Việc thương-thuyết cũng có điều khó-khăn, diên-man mãi đến một phần tháng giêng, đã có lúc tưởng không thành được, sau may cũng giải-quyết xong, là nhờ hai ông tài-chính tổng-trưởng nước Anh và nước Ý xử khéo không đến nỗi quyết-liệt. Hai nước đã ký hiệp-ước với nhau. Theo hiệp-ước ấy thì nước Ý phải trả cho Anh năm thứ nhất hai triệu *livres*; bốn năm sau thì mỗi năm là bốn triệu hai mươi vạn; rồi về sau nữa cho đến năm thứ 62, thì cứ mỗi năm là bốn triệu năm-mươi vạn. Ý trước có nợ cho Anh hai mươi hai triệu hai mươi vạn tiền vàng, tiền ấy nay Anh hoàn lại cho Ý và tính khấu vào tổng-số nợ của Ý. Tổng-số ấy trong 62 năm tính là hai trăm bảy-mươi-sáu triệu *livres* tức là 1.246 triệu *dollars*. Tổng-số các khoản nước Ý cam-đoan trả cho Anh và cho Mĩ, tính ra cũng ngang bằng tổng số bồi-khoản của Đức phải trả Ý theo như trong chương-trình Dawes đã định. Hai bên điều-đình được như thế cũng là ổn-thỏa lắm. Cả dư-luận ở nước Ý cũng lấy làm hoan-nghênh — Về phần nước Tì, nước Triết-khắc, nước Lỗ-mã-ni, và mấy nước nhỏ khác ở Đông Âu thời vấn-đề nợ Mĩ cũng đã giải-quyết xong cả, thượng nghị-viện nước Mĩ đã duyệt-y rồi. Như thế thì vấn-đề nợ Đồng-minh dần dần cũng giải quyết được hết. Duy có về phần nước Pháp thì vẫn chưa xong. Chính-phủ Pháp mới phái một đại-sứ mới sang Hoa-thịnh-đốn, là ông Thượng-nghị-viện Henry Béranger. Đại-sứ đã bắt đầu giao-thiệp với ông tài-chính tổng-trưởng Mĩ Mellon, nhưng mà hai bên chưa thương-thuyết và điều-đình gì cả. Vả lại cứ cái tình-thế của nước Pháp bây giờ thời Pháp cũng không thể cam-đoan với Mĩ rằng mỗi năm trả đều-đặn được là bao nhiêu. Hiện nay các nhà tài-chính Pháp vẫn còn đương bối-rối chưa biết nghĩ cách chỉnh-đốn các thuế-ngạch thế nào cho bên thu bên chi được cân nhau, như thế thì còn định trước cái số nợ cho chắc-chắn trong một kỳ-hạn lâu dài làm sao được?

Nói về Hung-gia-lợi. — Nhân nói về vấn-đề trái-khoản và vấn-đề tài-chính ở nước Pháp, có một việc cũng gián-tiếp quan-hệ đến hai vấn đề ấy, là việc người Hung-gia-lợi làm giấy bạc Pháp giả, chủ-ý là hại đến tài-chính Pháp và hại đến cả danh-giá Pháp trong thế-giới nữa. Đầu đuôi việc ấy như thế này. Ở *La Haye* là kinh-đô Hòa-lan tháng trước có bắt được một viên đại-tá người Hung-gia-lợi tên là Jancowitz đương đổi một cái giấy bạc Pháp giả một nghìn quan. Khám trong người còn có thấy một cái giấy giả nữa, lại thấy một quyển sổ tay biên ngày giờ làm những công việc gì, xem trong sổ tay ấy thì biết rằng có một

cuộc tổ-chức to chuyên mạo-chế giấy bạc Pháp mà trung-tâm-điểm thì ở Hung-gia-lợi. Cảnh-sát Pháp ở *Budapest* là kinh-đô Hung-gia-lợi liền tra xét, thời thấy rằng cuộc tổ-chức ấy to-tát vô-cùng, có chi-sở ở cả các đô-thành lớn Âu-châu, thứ nhất là ở kinh-đô Đức Bá-lâm, chủ-ý là chế giấy-bạc giả của các nước; công việc mạo-chế này là làm tự sở họa-đồ *Budapest* là một sở nhà nước của Hung-gia-lợi. Đứng đầu cuộc này là công-tước WINDISCHGRAETZ, viên cảnh-sát tổng-trưởng NADOSSY và chức tư-giáo ngạch bình ZADRAVECZ, Việc này có lẽ Giám-quốc Hung-gia-lợi là HORTHY cũng có biết mà dung-túng cho làm. Chủ-ý những kẻ đứng đầu cuộc này thì muốn nhất-diện là làm tổn-hại tài-chính nước Pháp, nhất-diện là tìm cách kiếm tiền để khôi-phục nhà vua HABSBOURG ở Hung-gia-lợi. Cảnh-sát tìm ra thì những người can thiệp vào việc này nhất là trong bọn quí-phái Hung-gia-lợi, thật là nhiều lắm. Thủ-tướng Hung-gia-lợi là bá-tước BETHLEN lúc đầu cũng thành-thực hết sức giúp cho cảnh-sát Pháp tra tìm; nhưng sau thấy phát-giác ra nhiều tay trọng-yếu nhân-vật can-thiệp vào đấy, thời cũng có ý ngại muốn để cho nghị-hội Hung-gia-lợi can-thiệp vào việc dự-thẩm, và không thuận cho các phái-viên của Pháp được tham-dự vào những khi tra hỏi. Bộ Ngoại-vụ Pháp liền có thư kháng-nghị thì thủ-tướng Hung-gia-lợi cũng đã chịu nghe rồi, hiện cuối tháng giêng tây các tòa án hãy còn đương tra xét. — Còn như việc khôi-phục quân-chủ ở Hung-gia-lợi thì cũng không lấy làm lạ gì. Về lịch-sử về xã-hội, về tôn-giáo, nước Hung-gia-lợi xưa nay bản-dĩ vẫn là thuộc về chế-độ quân-chủ. Thủy-tướng HORTHY làm Giám-quốc ngày nay chẳng qua cũng là một lối quân-chủ tạm-thời mà thôi. Vả lại ở Hung-gia-lợi mấy năm trước đã bị đảng cộng-sản BELA KUN làm khổ làm hại nhiều lắm, nên nay trong đảng quí-tộc và cả trong dân-gian nữa đều khao-khát muốn khôi-phục quân-chủ. Việc ấy cũng không lấy gì làm lạ, duy người Pháp lấy làm lạ là người Hung-gia-lợi lại dùng cách chế giấy bạc Pháp giả để kiếm tiền mà thi-hành cái mưu phục-tích của họ.

Nói về nước Pháp.— Trong khi ấy thì tình-hình tài-chính nước Pháp thế nào? Các kỳ quốc-trái mới rồi công-khố cũng đủ trả được hết, và bộ tài-chính lại có thể hoàn lại cho nhà Đại-Pháp-ngân-hàng một khoản to. Sở-dĩ được như thế là chỉ nhờ số vé quốc-trái đến hạn thiên-hạ không đem đến đòi nhiều; nếu bao nhiêu vé đến hạn đem lại đòi hết cả, hay là đòi một số nhiều quá thời công-khố thật không lấy gì mà trả cho hết được; xem như thế thì quốc-dân Pháp cũng có lòng tin ở chính-phủ. Nhưng mà ngoài việc đó thì cái tình-hình tài-chính vẫn quẫn-bách. Các khoản chi-tiêu không thể giảm được mà các khoản thâu-nhập vẫn thiếu-thốn, công-khố không được dư-dụ, thế mà các nhà chính-trị vẫn không tìm được cách gì làm cho nhà nước có tiền, chỉ mất thì-giờ thảo-luận nhau về lý-thuyết tài-chính. Không thấy bàn nhau về cách đặt thuế thu thuế thế nào, mà chỉ thấy đảng này phản-đối đảng kia, tuyên-bố rằng nếu nghị-viện và chính-phủ không theo đảng mình mà theo đảng khác để định ra thứ thuế nọ hay thứ thuế kia, thì quyết đồng lòng không đóng thuế; lại quan-lại họp nhau thành đoàn-thể đầu thư quan Giám-quốc để khuyên nhà nước nên thế này thế kia, lại quân-hạch nghị-viện, dường như không có Nội-các trách-nhiệm nữa. Lại nữa là các đảng muốn lấn-loát cả quyền của Nội-các, thay Nội-các mà chủ-trương việc chính-trị, mà vẫn không có đủ quyền-đảm dám khuynh-đảo Nội-các.

Còn trong dân-gian thời dường như đã chán-chê rồi, thế nào cũng nhẫn-nhục chịu được. Hoặc-giả nói tính người Pháp xưa nay vẫn thế, hễ cứ để cho được quyền tự-do ăn nói, tự-do nghị-luận, tự-do công-kích cho chán đi rồi sau tệ-lạm đến thế nào cũng cam chịu được. Xét cho kỹ thì hầu khắp các nhân-đẳng trong xã-hội xem ra chán sự chính-trị quá, chán cái chính-thể đại-nghị như cách thi-hành bây giờ. Đó là một cái hiểm-tượng mà nghị-viện Pháp ngày nay hình như không ngờ tới. Nghị-viện chỉ chăm chăm làm cho yếu sức Nội-các BRIAND để cho tự-nhiên phải đổ, nghị-viện không cần phải ra mặt đánh đổ. Nói tóm lại các đảng chỉ tranh nhau cho được cầm quyền mà thôi, không ai hỏi đến sự lợi-hại cho nước thế nào. Những kẻ đã mất cái quyền chi-phối việc nước, nay cố dùng hết cách để khôi-phục lấy cho được. Ở nghị-viện không phải là không có người có bụng tốt, có tài giỏi muốn gia công sắp đặt lấy một cái nền tài-chính cho chỉnh-đốn; nhưng mà không ai nghĩ đến rằng cứ như cái tình thế nước Pháp bây giờ thì cần-cấp nhất là phải làm thế nào cho kho nhà-nước được đầy đủ, mà phải làm cho mau, chậm một ngày nào là nguy một ngày ấy, còn những chuyện lý-thuyết về lối tài-chính nào là hay là dở, thời là những chuyện hão-huyền cả. Nước Pháp bây giờ cần phải có một nền tài-chính cho phân-minh, một thứ tiền-tệ cho vững-vàng; cần phải có quyền trên cho mạnh, trật-tự cho nghiêm. Nhân-dân xem ra ai ai cũng sẵn lòng chịu hi-sinh để cho được như thế, dù gánh vác phải nặng-nề đến đâu cũng không quản. Thế mà sổ dự-toán năm nay vẫn chưa quyết-nghị xong, sổ thuế vẫn chưa tuyên-bố, các thuế-ngạch không thu được, dân có bụng tốt, chính-phủ chịu khó, mà kho-tàng vẫn hư-háo, thật cũng lạ thay.

Kẻ thức-giả sợ rằng cứ như thế này thì tình-hình tài-chính năm 1926 lại đến giống như năm 1925 mà thôi. — Ở nghị-viện thời không thấy phe nào là phe đa-số xuất-sắc, nên cũng không rõ cái khuynh-hướng chung của dư luận thế nào. Đảng xã-hội thì trong tháng giêng có họp đại-hội-nghị, vẫn quyết-nghị không tham-dự chính-phủ. Còn các đảng khác thì tuy không đảng nào được phần hơn, nhưng đảng nào cũng muốn tranh quyền và chỉ có trì-trục cho kỳ được, không tính đến việc sau thế nào. Trong các chính-giới ngày nay đâu đâu cũng thấy bàn đến sự cải-cách phép đầu-phiếu, bỏ lối « đầu-phiếu quân-bình » mà trở lại lối « đầu-phiếu huyện-hạt » để dễ gây lấy một đảng đa-số ở nghị-viện. Đối với sự cải-cách này thời các đảng cũng còn phân-vân do-dự, suy tính xem lợi-hại cho mình thế nào. Đảng nào cũng cổ-động nên đồng-tâm hiệp-lực, nhưng đảng nào cũng chỉ muốn đồng-tâm lấy một mình, nghĩa là chỉ mưu lợi lấy cho mình mà hại cho các đảng phản-đối khác. Ấy cái họa đảng-tranh ở nước Pháp bây giờ nguy-hiểm như thế: muôn sự khó-khăn về chính-trị, về tài-chính đều ở đấy mà ra cả. Những kẻ hữu-tâm ở nước Pháp đều lấy làm lo nghĩ lắm.

Lịch-sử Ngô Bội-Phu. — *Bội-Phu tên tự là Tử-ngọc, người huyện Đông-lai tỉnh Sơn-đông: thủa bé mồ-côi cha mẹ, nương-tựa với chị dâu. Mới vào trường mông-thục, ở trong làng, đã biết chăm học, tuổi chửa đến hai-mươi, đã thông-thạo nghề văn-chương. Nhưng ông ta chỉ cũng không ở về lối cử-nghiệp. Sau có thay người anh đi liệu-lý một sự thương-nghiệp, đã biểu ra có tài kinh-luân. Ông ta hồi tráng-niên, chính là hồi Thanh-đình bát-cổ thủ-sĩ, vì có muốn cầu văn đạt với đời, thì phải chuyên-công về lối học chương-cú, vậy cũng phải khổ-*

tâm về đường tục-học, giấn thân vào cõi sĩ-lâm, tuy chưa hiển-đạt lên cao, nhưng đường cái thanh-vân, cũng đã bước lên được một bước. Từ đấy liền bỏ lối tục-học đi, bác-lãm cổ-kim, nghiên-cứu về đường quốc-gia trị-loạn; đối với các sách binh-thư, lại càng hết lòng nghiên-cứu lắm. Ông ta là kẻ nho-giả xuất-thân, chí-khí hành-vi, toàn là khuôn-sáo Khổng-học. Cho nên bình-sinh cũng có nhiều cái đức-tính hay, làm người thì trung-thành chân-thực mà dũng-cảm quả-quyết, làm việc thì cúc-cung tận-tụy không hề có trễ biếng lúc nào; đối với người không khoe cái tài mình, đối với mình không làm điều vô-lễ; thấy người có lỗi, thường nhận làm lỗi của mình, thấy người có sự nguy, thường nhận làm sự nguy của mình; đối với kẻ cừu-thù bất-cộng đái-thiên, vẫn có lòng nhân-thứ, không hề làm những sự báo-thù quá-đáng. Cho nên những bọn đốc-quân ở miền Trường-giang như bọn Triệu Hằng-Dịch, Tiêu Diêu-Nam, trước sau vẫn yêu mến ông ta lắm. Ông ta bình-sinh thích đọc kinh Dịch, hồi đại-chiến mới rồi thua chạy lên núi Kê-công, nguy-hiểm bội phần, mà ngày ngày vẫn đem kinh Dịch ra đọc, tựa như thầy học trò, sẽ biết ông ta là người cũng có chân-thú-vị với sách. Ông ta thật là một người nho-tướng trong cuộc dân-quốc nước Tàu hiện nay, nghề văn đã thạo, nghề võ lại tinh. Chỉ hiềm ông ta là người tự-tôn tự-tín khí quá, không khỏi cái khí-vị nhà nho, không ưa thích cái văn-minh Âu Mĩ, đường ngoại-giao đã vụng, đường chính-trị cũng không sành, cho nên sự nghiệp ông ta trong mấy năm nay, về phần thanh-danh thì cũng đã kể là hiển-hách, về phần kiến-thiết thì cũng chưa thấy cái gì là hiệu-quả. Xem cái lịch-sử học-vấn của ông ta, thì cũng không khỏi là một kẻ nhà nho chấp-nệ. Nhưng mà xem cái lịch-sử chính-chiến của ông ta, thì cũng không phải là một kẻ quân-nhân lầm-thường.

Ông ta thủa thiếu-niên đã thường tự-mệnh là kẻ anh-hùng. Khi cầu bước tiến-thân, cũng phải nhẫn-nại chịu khó lắm; khi thì làm một kẻ học-sinh tốt-nghiệp ở học-đường vũ-bị, khi thì làm một người phái-viên ở đề-đốc nha-môn. Lại gặp chính-phủ Mãn Thanh khi ấy là cái chính-phủ ác-liệt chuyên-chế, phàm kẻ có tài cầu bước tiến-thân vẫn thường khó lắm. Kịp vào hồi dân-quốc Viên Thế-Khải cầm quyền, lại muốn thực-hành đế-chế. Khi ấy ông ta đã làm một chức doanh-trưởng ở đề-tam sư-đoàn, lệ-thuộc về bộ-hạ Tào Côn; doanh-trưởng cũng là một chức nhỏ mọn ở trong quân, nhưng Tào Côn cũng biết ông ta là người có tướng-tài, tin trọng ông ta lắm. Tào nguyên là một người chân tay của Viên, Viên cũng lợi-dụng người nào hèn kém nhút nhát, bảo sao nghe vậy, không có thể làm hại được mình; nên đặc-phong cho Tào chức hỏa-oai tướng-quân, đem trọng-binh vào Thục dẹp loạn. Hay đâu họ lủ đã chán hạ khôn, khi ấy Tào có triệu ông ta vào chỗ bí-mật, hỏi ông ta rằng họ Viên muốn sáng-tạo đế-nghiệp, sự ấy sau này kết-quả dở hay hay thế nào? Ông ta nói: Bẩm Phu vị tỉ chức tiểu, tướng-quân đã có lòng hỏi, thì cũng phải thưa. Thế-lực họ Viên tuy rằng có mạnh, nhưng cũng không thể ngăn được cái lòng xu-hướng của thời-thế. Vả lại họ Viên bỏ đế-chế nhà Thanh, được quốc-dân công-cử làm tổng-thống, nay lại xưng-đế khác nào đem cái giáo mình lại đâm vào cái mộc mình, phạm cái tiếng gian-tặc với thiên-hạ, ai ai cũng có thể đánh được, sự ấy tất là chung-qui thất-bại. — Tào nghe nói kinh hãi thất-sắc. Ông ta mới vạch kế cho Tào, cứ giả-cách thuận tòng họ Viên, khi vào Thục, đem quân để thoát-ly cái vòng kiềm-chế của họ Viên. Khi vào Thục, ông ta liền vì Tào ngụy-tạo quân-thư, hoang báo sự-thực, để thi-phi điên-đảo, nhằm họ Viên ngã lòng; lại thay Tào đưa người thông-báo cho các đốc-quân ở miền

Tràng-giang nam bắc; âm ngầm phản-đối họ Viên ; cái căn-bản đế-chế mới đổ lật đi. Sự khuynh-đảo đế-chế, ông ta cũng có một phần công to.

Từ hồi họ Viên thất-bại về sau, cái danh-dự và cái thế-lực của Tào Côn cũng được trong-trẻo và mạnh-mẽ, Tào thì làm Trực-lệ Dự-tuần-duyệt-sứ, kể đã là bậc thượng-đẳng-đốc-quân, ông ta thì làm tuần-duyệt-phó-sứ ; Trực-lệ, Sơn-đông, Hà-nam ba tỉnh, đều thuộc về phạm-vi quân Tào Ngô ; Tào thường ở Bảo-định, (thuộc Trực-lệ). Ông ta thường ở Lạc-dương (thuộc Hà-nam) Về hồi Từ Thế-Xương làm tổng-thống, ông ta lại kiêm cả Lưỡng-Hồ tuần-duyệt-sứ, lại làm một vị thượng-đẳng đốc-quân nữa. Ông ta với Tào cùng là lĩnh-tụ phái Trực-đảng, thế-lực Trực-đảng một ngày một bành-trướng ở trung-ương, cơ-hồ áp-đảo cả chư-đảng, cũng là một tay ông ta gây-dựng lên.

Lịch-sử Ngô Bội-Phu, đại-đề là cái lịch-sử chiến-tướng, mà trừ cái lịch-sử chiến-tướng ra, cũng ít có cái lịch-sử gì là thú-vị. Ông ta xuất-hiện trong chiến-sử, thì bắt đầu theo quân Tào vào Thục dẹp loạn, đánh một trận chiếm được Cơ-giang, mạo-hiểm tiến thẳng đến Trùng-khánh, uy-danh đã lừng-lẫy ở đất Tây-Thục. Hồi ấy chỉ ở tránh cái vạ Hồng-hiến, không chỉ ở đòm đất Tây-Thục, nên chỉ cùng với Tào giảng-hòa với Thục mà về. Về sau Hồ-bắc lại có cái loạn-đảng tự-trị, loạn-đảng ấy là do Hồ-nam đốc-quân Triệu Hằng-Dịch làm thủ-lĩnh. Bấy giờ ông ta mới kiêm chức Lưỡng-Hồ tuần-duyệt-sứ, xuống dẹp cái loạn-đảng ấy; lấy lại được Hồ-bắc, thừa-thắng xuống đánh Hồ-nam, chiếm được Nhạc-châu, quân tự-trị vọng phong trốn chạy. Hồ-nam cầu-cứu với Tây-Thục, quân Tây-Thục lại tự đảng sau sa đánh Hồ-bắc, quân Hồ-bắc thua, địa-đồ Hồ-bắc đã có phần tổn-hại. Ông ta bấy giờ đương ở Nhạc-châu, định rời Nhạc-nam lên Hồ-bắc đánh quân Thục; bộ-hạ chư-tướng đều tiếp cái quyền thắng-lợi ở địa-điểm Hồ-nam. Ông ta nói quân Hồ-nam là quân tự-trị, không làm gì được người, ta chiếm lấy Nhạc-châu là đủ, việc gì phải đánh cho đến kỳ-cùng. Mới kéo quân về Hồ-bắc thân-chinh quân Nhạc, người Hồ-nam lấy làm cảm ơn lắm. Sau này Triệu Hằng-Dịch với ông ta lại có cảm-tình thân-thiện mật-thiết với nhau cũng là vì sự đó. Khi ấy quân Thục đại-bại, quân Ngô đại-thắng; Ngô sai một viên kiện-tướng là Tôn Truyền-Phương làm thủy-sư tổng-tư-lệnh đóng ở Nghi-xương, để ách-yếu miền Tràng-giang thượng-lưu. Lại nhân thụ-mệnh chính-phủ, đem trọng-binh xuống Hồ-nam, đóng ở Hành-dương, để làm phương-diện phòng-ngữ đối với nam-phương. Bấy giờ ông ta đã có tiếng là tràng-thắng tướng-quân, mà thế-lực Trực-đảng cũng đã bành-trướng ra ở miền Tràng-giang nam-bắc, chỉ còn ở Bắc-kinh có thế-lực Đoàn Kỳ-Thụy, ở Đông-tam-tỉnh có thế-lực Trương Tác-Lâm, là phương-diện đối-địch mà thôi. Nói cho đáng, Ngô Bội-Phu cũng là một đứa con kiêu của trời ở trong cuộc dân-quốc nước Tàu mới đây, muốn sao trời cũng chiều. Trận ở Mã-sưởng đánh nhau với Đoàn Kỳ-Thụy, Ngô quân toàn-thắng, Đoàn-quân nhất-bại đồ-địa. Trận Lưu-ly-hà, đánh nhau với Trương Tác-Lâm, Ngô-quân lại đại-thắng, Trương-quân lại đại-bại. Khi ấy quốc-dân Tàu đã có nhiều người chán sự phân-tranh, mong sự thống-nhất, chúc mục về ông ta, mà liệt cường cũng đã hơi để ý về ông ta. Ông ta thường đóng quân ở Lạc-dương, vì Lạc-dương là chỗ trung-ương nước Tàu, một mặt khống-chế Bắc-kinh, một mặt khống-chế Tràng-giang. Sự Tào Côn làm tổng thống, cũng là do ông ta thôi-đái lên, chính-phủ tuy ở Bắc-kinh, nhưng kỳ-thực là ở Lạc-dương. Tào Côn là một kẻ nhân-vật tầm-thường, đối với ông ta vừa là nghĩa thầy trò cũ

vừa là nhờ cậy uy-lực, thời-đại uy danh thì là thời-đại Tào Côn, nhưng kỳ thực thì là thời-đại Ngô Bội-Phu.

Bấy giờ trong nước Tàu chỉ có hai người là đủ cái thế-lực chi-phối được nước Tàu, một là ông ta, hai là Trương Tác-Lâm. Hồi dân-quốc đại-chiến mới rồi ông ta với Trương đánh nhau ở Sơn-hải-quan, Tần-hoàng-đảo, đôi bên sức cùng mạnh cả, kẻ bàng-quan cũng chửa ai tính được sự kết-quả ra thế nào. Đột-nhiên có Phùng Ngọc-Tường xuất-hiện thừa-cơ chiếm-cứ Bắc-kinh, cuộc Trương Ngô biến đổi ra cuộc Trương Phùng. Mà ông ta cũng thất-bại đồ-địa, phải chạy lên núi Kê-công, rồi do một chiếc thuyền thừa cơn phong-ba tự Hoàng-châu qua Hán-khẩu đào-thoát về Nhạc-châu. Khi ấy chính-phủ Bắc-kinh đã có lệnh sai đội thủy-quân đi đón bắt ; may có Hồ-bắc đốc-quân là Triệu Diêu-Nam ngăn trở không cho ; mà Hồ-nam đốc-quân là Triệu Hằng-Dịch cũng kịp khuyên ông ta lánh về Hành-sơn để đồ sự thiện-hậu. Ông ta tự khi thất-bại, vẫn có chí khôi phục lấy thế-lực ; đã có hồi liên-hợp mấy tỉnh ở miền Trường-giang, ông ta làm chủ-tịch, lập một cái đệ-nhị chính-phủ ở Hồ-bắc, sự ấy cũng chưa thành. Nhưng ông ta đối với thời-cục nước Tàu ngày nay, cũng là một người khi nhắc chân nhắc tay vẫn có quan-hệ.

Ông ta sở-dĩ thất-bại, là vì có ba cớ: Một là ông ta về hùa cái chính-phủ Tào Côn, chính-phủ Tào Côn là chính-phủ hối-lộ, đối với quốc-dân không giá-trị gì. Hai là ông ta không có địa-bàn căn-cứ, chẳng qua là người chiến-tướng, lúc chiến thắng thì làm vị chư-hầu thượng-tướng-quân, lúc chiến-bại thì là một kẻ lái đò bắt nạt cũng được. Ông ta là chỉ biết hết sức về đường quân-sự, đi đạt cái mục-đích vũ-lực thống-nhất. đó là điều ông ta sở-trường, không biết lưu-ý về đường dân-chính, những chỗ địa-phương ông ta coi nom, thường có giặc-dã luôn luôn, việc học việc nông việc công việc thương trong địa-phương, ít thấy tiến bộ được phần nào, đó là điều ông ta sở-đoản. Nay đem lịch-sử Trung-quốc ra so-sánh mà nói tóm lại, thì ông ta cũng là một kẻ nhà nho có thực-tài, không đến nỗi như bọn Phòng Quán-Vương An-Thạch ; còn về đường làm tướng, làm Tôn Sách Chu Du thì hữu-dư, làm Chư Cát Lượng thì bất-túc.

Việc trong nước

Ý-kiến quan Toàn-quyền Varenne về tiền-đồ nước Nam — Trong một bài báo tây xuất-bản ngày 25 *Novembre* 1925, bản-chí chủ-bút bàn về vấn đề « Chính-trị nước Pháp đối với dân An-Nam » (1) có kết-luận mấy câu rằng :

« . . . Quan Toàn-quyền VARENNE mới ở Pháp sang đây, bản-tâm ngài rất tốt, ngài có thể thay đổi được cái tình-trạng chính-trị từ trước đó không? Sau khi nghiên-cứu xong các vấn-đề quan-trọng, ngài có thể tuyên bố được cho chúng ta biết cho rõ-ràng, đích-xác, chứ không phải hư-phiếm hàm-hồ, một cái chính-trị đối với dân An-Nam ta thế nào cho xứng-đáng với nước này và thế nào cho xứng-đáng với Đại-Pháp, vừa thích-hợp với tình-thế ngày nay và lại vừa định rõ cái phương-[illegible] hàm sau này, cho không thể tùy nhân [illegible]t, tùy cơ-hội mỗi lúc một khác mà [illegible]y thay mai đổi được nữa không? [illegible]úng ta rất nhiệt-thành mà ước ao [illegible]ư thế. Cả dân An-Nam đương mong-[illegible]i muốn được nghe ngài nói cho biết [illegible]

(1) Bài này đã dịch đăng trong bản-chí số 101, tr[illegible] 418-420.

nước Pháp định xử-trí người An-Nam thế nào, người An-Nam có thể trông cậy ở nước Pháp được những gì, và nước Pháp tính làm sao để dần dần khai-phóng cho người An-Nam, cho có ngày tự mình quản-trị được công việc nước mình. — Vì cái tôn-chỉ cốt-yếu của sự chính-trị đó là một nước lấy cường-quyền mà cai-trị một dân-tộc 15, 20 triệu người không phải toàn là dã-man cả, thời sự đó không thể vĩnh-viễn mãi được. Sớm hay trưa rồi cũng có một ngày liễu-kết. Bổn-phận nước cầm quyền là phải dự-bị cho người bản-dân để đến ngày kết-cục tất-nhiên đó không đến nỗi phải xung-đột, phải bạo-động, có thể điều-hòa được cả quyền-lợi của hai bên... »

Mấy lời của bản-chí chủ-bút nói như trên đó, viết bằng pháp-văn ở trong báo Tây, quan Toàn-quyền khi mới ra Bắc-kỳ đã lấy làm chú-ý. Ý-kiến ấy là ý-kiến của phần nhiều các nhà hữu-tâm về việc nước ngày nay, là đối với Bảo-hộ hiện bây giờ xin thành-tâm đề-huề, không có bụng-dạ gì khác cả, nhưng nước Nam cổ-lai vẫn là một quốc-gia hoàn-toàn, chủng-tộc, phong-tục, ngữ-ngôn, lễ-giáo, đều có vẻ thuần-nhất, nghiễm-nhiên có một cái quốc-hồn hẳn hoi, xưa kia hơn nghìn năm nội-thuộc Tàu mà Tàu không dung-hóa được, nay dẫu thuộc Pháp mà sau này cũng không thể mất được cái tính-cách quốc-gia tự-lập đi, như thế thời mong rằng có ngày nhờ Đại-Pháp khai-hóa đã thành-công, bấy giờ lại sẽ trở nên một quốc-gia hoàn-toàn độc-lập : đó là cái lòng nguyện vọng thiết-tha của cả các anh em đồng-chí trong nước vậy. Quan Toàn-quyền cũng hiểu cái bụng đó, nhưng ý-kiến ngài khác. Ngài [illegible] rằng người Pháp người Nam ăn-ở với nhau ở đất nước này càng ngày càng thân mật thêm, rồi có ngày các mối quyền-lợi nó ràng-dịt nhau bền-chặt quá, dù muốn dời nhau cũng không dời đi được nữa : bấy giờ sẽ thành một cái quốc-gia mới, không phải là nước Nam mà cũng không phải là nước Pháp, tức là « nước Đông-Pháp » (*nation indochinoise*), của chung cả của người Nam và người Pháp sinh-cơ lập-nghiệp ở đây, đối với Đại-Pháp gọi là thuộc quyền thống-trị đại-đề mà thôi, còn việc nội-chính thời tự-trị lấy, khác nào như các thuộc-địa tự-trị của nước Anh (*dominions anglais*) : Úc-châu, Gia-nã-đại, v. v. — Ý-kiến ấy, có ít nhiều người Tây ở đây cũng chủ-trương như thế, như ông J.-B. SAUMONT, là một tay làm báo có tiếng. —Nói tóm lại thời lòng nguyện-vọng của người Việt-Nam là nước Nam sau này, — chửa biết kỳ-hạn dài ngắn thế nào, — tất phải trở lại tay người Nam ; mà ý quan Toàn-quyền VARENNE thời là nước Nam sau này vĩnh-viễn sẽ là của chung cả người Pháp người Nam.

Quan Toàn-quyền nhiều khi tiếp chuyện riêng đã từng thảo-luận với bản-chí chủ-bút về vấn-đề tiền-đồ chính-trị của nước Nam đó.

Nhân cuộc thảo-luận ấy, nên trong bài diễn-thuyết của ngài ở Hội-đồng Chính phủ có một đoạn nói như sau này :

« Cuộc tương-lai ở nước này sẽ thế nào ? Nếu chúng ta được hưởng thái-bình mãi mãi, nếu các dân-tộc Đông-Pháp đây được tự-do phát-đạt, trên con đường tiến-hóa không gặp cái yêu-quái chiến-tranh, không bị sự tai-hại chinh-phục tiềm-lấn, thời có thể mong-mỏi có ngày được sinh-hoạt một cách đầy-đặn thảnh-thơi, có ngày sẽ trở nên một quốc-gia hẳn hoi vậy.

« Cái đó, nước Pháp có thể giúp cho được. Nước Pháp tất sẽ giúp cho. Nước Pháp sẽ làm được trọn vẹn cái nhiệm-vụ của mình là nhiệm-vụ khai-hóa đào-tạo cho các cá nhân và các dân-tộc ở quanh mình, nhiệm-vụ ấy chỉ do

cái lịch-sử vẻ-vang của nước nhà giao-phó cho mà thôi.

« *Hoặc-giả cho rằng khi nước Pháp đã làm xong cái nhiệm-vụ ấy rồi, thời chỉ còn để lại ở Đông-Pháp này cái tiếng thơm của công-nghiệp mình mà thôi, không còn giữ một cái địa-vị gì trong cuộc sinh-hoạt cõi bán-đảo này nữa, không còn giữ cái trách-nhiệm cai-quản hay cái trách-nhiệm cố-vấn gì nữa, và các dân-tộc đã được nhờ ơn bảo-hộ bấy giờ đối với nước Pháp chỉ còn một tấm lòng cảm ơn và yêu-mến, không có giây liên-lạc gì khác nữa.*

« Nhưng mà cũng có thể ức-đoán rằng trong cõi nhiệt-đái này, hiện nay có bao nhiêu giống người cùng ở chung lộn với nhau mà tính-tình phong-tục khác nhau, sau này có lẽ gây thành ra một cái quốc-gia lối mới, chưa có nước nào giống như thế, và sẽ có mấy đời người Pháp sinh-sản ở đây cùng với người bản-dân đã giáo-hóa theo Pháp có những mối liên-lạc về tinh-thần và những mối lợi-quyền về vật-chất ràng-buộc nhau rất bền chặt, không thể không cùng nhau ăn ở một nhà vậy.

« Xứ Đông-Pháp ở giữa cái tuần-oa cõi Á-châu đương sôi-nổi lên này, có thể làm cho chuyển-động cả mặt địa cầu, thuộc về thời-kỳ sau này sẽ trở nên thế nào, ấy ai mà đoán trước cho biết được ? »

Lời quan Toàn-quyền nói như thế, chẳng qua cũng là một bài thuyết-lý, ức-đoán về tương-lai đó mà thôi. Trong câu ngài nói rằng hoặc-giả có người cho là nước Pháp sau này chỉ còn để lại ở bên này có cái tiếng thơm mà thôi, không tham-dự gì vào quyền chính-trị ở đây nữa, là ngài ám-chỉ bài báo của ông Phạm-Quỳnh mà giả-thiết ra như thế ; đoạn sau ngài lại giả-thiết một cái ý-kiến trái lại, là ý-kiến « quốc gia Đông-Pháp » của ngài đã từng trì luận riêng với bản-chí chủ-bút nhiều lần. Ngài là một người có chính-kiến rộng-rãi, nên trong khi tự-thuật hai cái lý-thuyết đó, bày tỏ ra một cách quân-bình, không thiên-ý bên nào. Bởi thế nên các đảng phản-đối ngài bên Pháp trích riêng một câu trên ra mà bẻ rằng quan Toàn-quyền sao lại được hứa cho người An-Nam có ngày sẽ được độc-lập ; thậm-chí có mấy ông nghị-viên ở Nguyên-lão-viện đòi chất-vấn Bộ Thuộc-địa về một câu diễn-thuyết đó, nói rằng câu đó có phương-hại đến cái chủ-quyền của nước Pháp ở đất này. Ấy người Pháp ở bên Tây mà cũng có người tư tưởng hẹp-hòi như thế đó. Nước Pháp nói rằng sang đây để khai-hóa cho chúng ta, đến ngày nào công khai-hóa sẽ hoàn-thành, — ngày ấy chắc cũng còn lâu, — thời bấy giờ tất phải cho nước Nam dần dần được tự-lập ; dẫu quan Toàn-quyền có hứa thế nữa, thời đã quá lạm gì mà có người Tây phải phản-đối ; huống lời ngài nói chẳng qua là một câu thuyết-lý mà thôi. — Tuy vậy một phần dư-luận bên Pháp, thuộc về các đảng phản-đối với chủ-nghĩa xã-hội, cũng chỉ vì một câu ấy mà nhao-nhao lên một độ, khiến cho quan Toàn-quyền phải thuyết-minh biện-bác với bên Bộ, dần dần mới thấy êm.

Ngày 24 tháng 4 vừa rồi, Hội Trí-tri Bắc-kỳ có làm lễ nghênh tiếp ngài. Trong bài diễn-thuyết của bản-chí chủ-bút là Hội-trưởng, nói về cái chính-sách Pháp-Việt-đề-huề, có một câu nhắc qua về tấm lòng ước-ao của người Việt-Nam ta đang mong cho nước Nam có ngày trở nên một nước tự-do độc-lập. Quan Toàn-quyền trong bài trả lời diễn nhân câu đó mà thuyết-minh cái ý kiến riêng của ngài một lần nữa, tức là bác lại cái ý-kiến của Phạm-quân vậy. Cuộc thảo-luận này tuy thuộc về lý-thuyết vì là chuyện tương-lai cả, nhưng không phải là không quan-hệ. Nước Nam sau này có còn nước Việt-Nam nữa không ? hay

sẽ thành một nước Pháp-Việt ? Vấn-đề này tưởng các nhà trí-thức trong nước cũng phải nên để tâm nghiên-cứu.

Ông Bùi Quang-Chiêu ở Nam-kỳ. — *Ông Bùi Quang-Chiêu từ khi ở Pháp về Sài-gòn xem ra đương vận-động để tổ-chức cho thành cái đảng « Lập-hiến » của ông xướng ra đã mấy năm nay. Ngày 24 tháng 3, tàu đến Sài-gòn, hàng vạn con người ra đón ông tận bến, hoan-nghênh cồ-võ vô-cùng, đủ biết lòng dân đương khao-khát một người lĩnh-tụ để chủ-trương việc vận-động chính-trị trong nước. Ngày 25, các dân-sĩ Sài-gòn và Lục-tỉnh họp nhau đến năm nghìn người để làm tiệc trà mừng ông. Ông diễn-thuyết chủ-trương sự « Pháp-Việt đề-huề » và hứa từ nay sẽ đem hết tài hết sức cống-hiến về việc nước. Lời tuyên-bố của ông vừa ôn-hòa mà vừa đứng-đắn, ai cũng chịu là lời một người đã có kinh-lịch về việc chính-trị, có ảnh-hưởng tốt ra ngoài, người Tây cũng không thể dị-nghị được. — Ngày mồng 10 tháng 4 Hội các nhà Công-thương Nam-kỳ làm tiệc rượu mừng ông, lần này ông diễn-thuyết dài, tuyên-bố cái chính-kiến của ông, tức là cái chủ-nghĩa của đảng Lập-hiến, chủ-nghĩa ấy ông tóm lại mấy điều như sau này : « 1° Việc chính-trị ở nước ta ngày nay phải lấy sự Pháp-Việt đề-huề làm gốc ; 2° Trong sự Pháp-Việt đề-huề thời hai giống Pháp-Việt phải tuyệt-đối bình-đẳng với nhau, không có sai-biệt gì, chỉ lấy cái giá-trị riêng của mỗi người làm phân-biệt mà thôi. Cả nước đã công-nhận cái chính-sách đó, và phàm chính-phủ nào muốn thi-hành để lợi cho cả hai nước thì kẻ thượng-lưu học-thức nước Nam nên lòng thành-thực giúp. Kẻ nào mà ngăn-trở cho chính-sách ấy không thành được thời kẻ ấy sẽ coi như kẻ cừu-thù của dân An-Nam và dân Annam sẽ dùng hết cách để trừ-khử bọn đó, duy không làm trái pháp-luật mà thôi. » — Đối với cái học-trào xảy ra gần đây và sinh ra những chuyện bãi-khóa ở các trường công từ Nam chí Bắc, ông Bùi Quang-Chiêu có nói mấy lời rất đứng-đắn như sau này, đăng trong báo* Echo annamite *để khuyên các bọn thanh-niên không nên bạo-động. Ông nói rằng : « Gần đây các nam-nữ học-sinh đồng-lòng nhau bãi-học, việc đó đã làm náo-động cả dư-luận. Học-sinh ta làm như thế thật là làm một việc khinh-suất khiến cho có kẻ thù chúng ta phao lên rằng có người bí-mật chủ-trương việc ấy, rồi tiện-thị đổ lỗi cho các nhà thức-giả An-Nam. Có mấy người Tây thực-tình cũng tưởng thế là thật, đã phao cái tin đồn ấy lên ở một hội chính-trị lớn nọ. — Chúng tôi liền thuyết-minh rõ-ràng, dẫu chưa phá được hẳn sự nghi-ngờ, nhưng cũng bày-tỏ được nhiều điều cho thiên-hạ biết rõ. Nay lại nhắc lại đây cho công-chúng đều biết, tưởng cũng không phải là vô-ích. Chúng tôi có thể quyết rằng chính-đảng của chúng tôi không có hề bao giờ lại tự-hạ đến cổ-động chính-trị trong bọn học trò, vì chúng tôi biết tuổi thanh-niên là tuổi đáng quí-trọng, và cái nghĩa-vụ của chúng tôi là cao-thượng, không có lẽ nào lại vì đó mà xui học trò làm sai cái bổn-phận đệ-nhất của bọn đó, là bổn-phận chăm học cho thành người. — Chúng tôi thiết-tưởng rằng phàm thiếu-niên phải chăm-chỉ học-hành, để sau trở nên một người dân xứng-đáng, đủ tư-cách làm người, ấy thế mới thật là yêu nước. Người thiếu-niên nào làm trái điều đó là làm hại cho mình, hại cho tiền-đồ của mình và cả tiền-đồ nước nhà nữa. Chúng tôi vẫn thường khuyên các cha mẹ học trò và các bạn thanh-niên như thế. Giữa lúc dân An-Nam đối với Chính-phủ Pháp tỏ ra có đoàn-thể cố-kết với nhau như thế, không thể để cho bọn học trò quấy-rối làm cho*

sai-lạc những sự vận-động bình-tĩnh của chúng ta — Xin các con em ta phải hiểu cho rằng có khi sự nóng-nẩy hăng-hái quá thành một sự tội-lỗi, vì phá-hoại mất những cái kết-quả mà các bậc đàn anh đã khó-nhọc mới làm nên để cho người Pháp người Việt được hòa-hợp và cộng-tác với nhau. Lại ở xứ ta thiếu gì những kẻ « đục nước béo cò », muốn phân-gián người Pháp người Nam để thi-hành cái chính-sách áp-chế cho dễ, chúng ta đừng nên khinh-suất làm bậy, khiến cho lũ đó lấy cớ mà áp-chế ta mãi. — Đảng lập-hiến của chúng tôi lấy sự Pháp-Việt đề-huề làm gốc, không thể dung cho có kẻ làm trái đảng-qui được. Vì học trò có bị ngược-đãi hay bị bắt-nạt, chúng tôi sẽ hết sức công-kích những sự hành-vi đó và tố-cáo cho Chính-phủ biết những điều tệ-lạm xảy ra ở các trường công; còn thời chúng tôi thiết nghĩ rằng các con em ngày nay đi học phải biết theo kỷ-luật nhà trường, không nên can-thiệp gì đến những sự vận-động ở ngoài, cho đến khi tốt-nghiệp và đến tuổi thành-niên rồi sẽ hay. — Ngày 24 tháng 3 trước có kẻ muốn gây sự với chúng ta, chúng ta đã biết lấy sự bình tĩnh mà đối lại, thế là chúng ta đắc thắng vậy. Chúng ta sẽ không sai cái thái-độ đó, và thứ nhất là học-sinh An-Nam lại cần phải cho có kỷ luật lắm : ấy cái sức mạnh chân chính là ở đó. — Mỗi lớp người có một cái nhiệm-vụ riêng : người lớn thời làm việc hiện-tại ; người thanh-niên thời làm việc tương-lai, vậy thời ngày nay phải học hành làm sao cho sau này trở nên con người xứng-đáng với cái trách-nhiệm về sau còn quan-trọng hơn công việc chúng tôi bây giờ nhiều. — Nay xin khuyên các anh em thiếu-niên một điều rằng : cứ ở nhà trường mà hộ-cập, cho trí-khôn mở-mang, cho thân-thể manh-mẽ. Rồi sẽ có ngày đến lượt tất phải ra giúp việc nước. Bây giờ mà làm bậy điều gì chỉ thêm khí-giới cho những kẻ thù ta họ đình phá cái công-cuộc khai-phóng cho dân ta là công-cuộc chung của cả người Pháp và người Nam hữu-tâm với nước này. Anh em chớ nên làm cho những người hữu-tâm ấy đến phải chán-nản. »

Giới-thiệu sách mới

1. — Bốn mươi bài Quốc-sử soạn cho lớp Sơ-đẳng các trường Pháp-Việt dùng, *của ông Giáo* NGUYỄN TRIỆU-LUẬT *soạn. Sách dày 120 trang. Hà-nội Tân-dân thư-quán xuất-bản, giá 4 hào.*

2 — Một trăm bài ám-tả, có bài hỏi, dễ dùng trong các trường Sơ-học Pháp-Việt. (*Soạn theo chương-trình Việt-văn mới*). *Của ông* LÊ DIỄM *biên-tập. Tập thứ I, 110 trang. In tại Văn-minh ấn-quán Hà-nội, giá 3 hào.*

3. — Cinquante rédactions corrigées Préparation à l'Examen du certificat d'Etudes primaires et au concours d'admission aux écoles primaires supérieures. *Par M.* NGUYỄN VĂN - THƯỜNG, *ancien directeur de l'Ecole de plein exercice de Bắc-ninh. — 122 pages. Imprimerie Nghiêm Hàm, Hanoi. Prix* 0$40.

4. — Manuel pratique de Sériciculture en 10 leçons à l'usage des éleves des écoles primaires. *Par* LOUIS MAZEL. *Traduction annamite par* LÊ THƯỚC. — *4 pages. Imprimerie Mạc Đình-Tư, Hanoi.*

5. — Cahier des vœux annamites présenté à M. Alexandre Varenne, gouverneur général de l'Indochine, au cours de l'audience accordée à la délégation de la population annamite le 27 Novembre 1925 à Saigon. — *Edition de « L'Echo annamite », Saigon.*